NĂM THỨ TÁM • #81 • JANUARY 1996

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

NGUYÊN VĂN **HÀ SĨ PHU**
TRẢ LỜI PHỎNG VẤN ĐÀI VNCR

THƠM NHƯ MÚI MÍT
NGUYỄN VĂN BA

TRUYỆN CÔ BÔNG
KIM BỒNG

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Hãy nhớ đến

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!
Một máy bằng 3 máy
cộng lại mà chỉ tốn
nửa số tiền.

GOLDEN Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

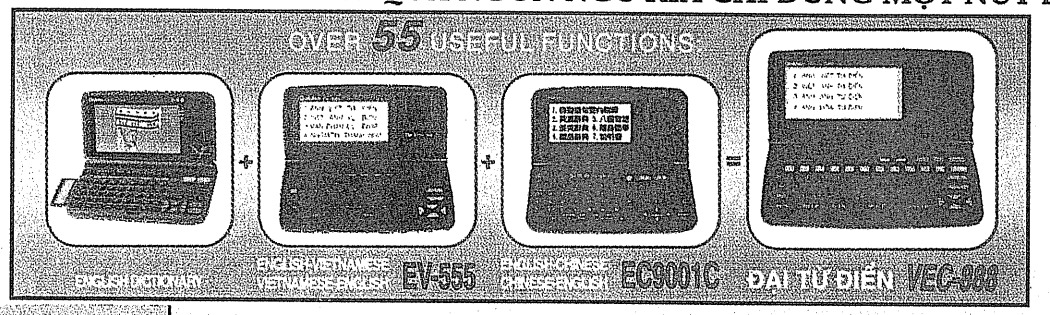

- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Số Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- **Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)**
- **Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555**
- **Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C**

Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

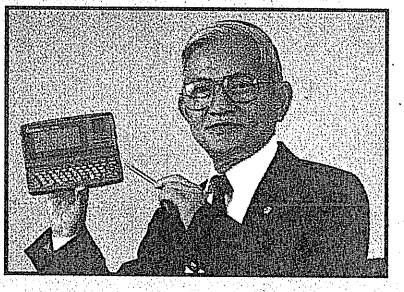

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555
với trên 40 công dụng

Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898
Fax: (818) 279-9899
Nhận Order: **1-800-248-3948**

THẾ KỶ NEW YORK
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9116 * Fax: (718) 358-0294

LITTLE SAIGON
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

MONTERY PARK
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

FELICITY CO.
861 N. Spring St., # 110, LA
Tel: (213) 617-2283

NHÀ SÁCH THĂNG LONG
767 N. Hills St. # 102, LA., CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 628-1644

CHINATOWN (LA)
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

QUÀ GIÁNG SINH! QUÀ TẾT!

Món quà nghệ thuật đáng giá nghìn vàng gây chấn động, xôn xao làng ca nhạc V.N. trong và ngoài nước V.N.

PARIS BY NIGHT 34

The Best Video of The Year 1995

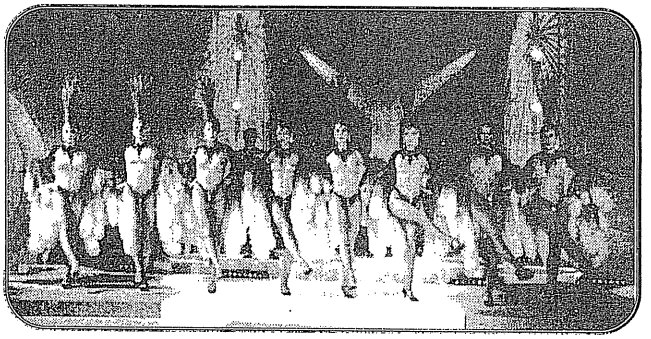

LIDO de PARIS

BONEY M., LONDON

Một tuyệt phẩm VIDEO mà trình độ kỹ thuật và nghệ thuật đã hấp dẫn được sự hợp tác xứng đáng của các danh ca, vũ công quốc tế cùng về hợp tác với Paris By Night.

- Lần đầu tiên xuất hiện **Ban Hợp Ca BONEY M.** *lừng danh quốc tế đã bán hàng triệu đĩa nhạc.*

- Lần đầu tiên vũ đoàn của 3 Night Club danh tiếng Ba Lê: **Lido, Moulin Rouge, Crazy Horse** *đã góp mặt trong Paris By Night.*

- Sự tái xuất hiện của nữ danh ca **HỌA MI** *cùng với* **ÁI VÂN - Ý LAN - NGỌC LAN - THANH LAN - HƯƠNG LAN - THANH HÀ - LYNDA TRANG ĐÀI - BẢO HÂN - PHI PHI - MỸ HUYỀN - NGỌC HUỆ - DON HỒ - THẾ SƠN - NGUYỄN HƯNG - CHÍ TÀI BROTHERS, PHƯƠNG LOAN** *và hằng trăm vũ công nhà nghề.*

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada: 9295 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683 - USA • P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu: 44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Video dài 3 tiếng Giá 28$ 1 bộ 2 cuốn luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi Trân Trọng Giới Thiệu Compact Disc đã phát hành khắp nơi:

NGÀN KHƠI

Giá bán: $20 double CD ĐÊM NGÀN KHƠI.
Liên lạc: Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi (714) 531-2773
14265 Brookhurst St., Garden Grove CA 92643
Tại Little Saigon xin hỏi mua nơi Bích Thu Vân, Tú Quỳnh, Tự Lực, Văn Khoa, Người Đẹp Bình Dương, Star Music và trụ sở Hội VAALA.

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY SUITE A ■ GARDEN GROVE CA 92640 ■ TEL. 714-638-9510 FAX 714-638-1944

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN ■ SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full Name:* _____ Đ.T./ *Phone:* _____

Địa chỉ / *Address:* _____

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like* ***The Ky 21*** *delivered to me:*

☐ 06 số / *Issues* ☐ 12 số / *Issues* ☐ 24 số / *Issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* _____

Kèm theo đây là chi phiếu / lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of:* $ _____

Gửi Bulk Rate:	☐ 6 tháng / *6 months:* $22.00	☐ 1 năm / *1 year.* $40.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 75.00
Gửi First Class:		☐ 1 năm / *1 year:* $52.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (chỉ nhận Air Mail)	*CANADA*	☐ 1 năm / *1 year.* $59.00	☐ 2 năm / *2 years* $113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	☐ 1 năm / *1 year.* $76.00	☐ 2 năm / *2 years* $140.00
	Á & ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	☐ 1 năm / *1 year.* $86.00	☐ 2 năm / *2 years* $160.00

TỔ HỢP LUẬT SƯ VIỆT-MỸ
TIM GRAY & ANDRE LAM

Liên lạc:

DIAMOND BICH NGOC

10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)
1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)
(714) 663-4314 (Beeper)

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

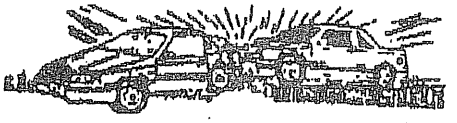

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.

ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Tổ Hợp Luật Sư Việt-Mỹ Tim Gray và Andre Lâm phụ trách, và Diamond Bich Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM

và

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.

Trân trọng thông báo.

TRUNG TÂM XUẤT BẢN, NHÀ SÁCH, VÀ PHÁT HÀNH

MINH VĂN

2808 GRAHAM ROAD, FALLS CHURCH, VA 22042

Điện thoại: (703) 698-8490 / 698-8491 Fax: (703) 204-9239

Đọc sách, uống trà, nghe nhạc, xem tranh, và ngắm tượng. Đến với Minh Văn quí vị sẽ có đủ năm thú tiêu khiển thanh nhã này.

Sách mới: Bóng Đèn Tà Nguyệt, truyện dài của ***Hồ Trường An*** ($16.00)

Chân Trời Lam Ngọc 2, ký sự của ***Hồ Trường An*** ($13.00)

Kẻ Đào Mồ, tập tuyện ngắn của ***Trần Long Hồ***, tái bản ($13.00)

Sách của Trần Long Hồ: *Ngày Quanh Quẩn* ($10.00), *Niềm Vui Ung Thư* ($10.00), *Kẻ Đào Mồ* ($13.00), *Cõi Sa Mù* (quyển một, $18.00), *Cửa Địa Ngục* (quyển 2, $22.00), *Bóng Thiên Đường 1* (tập 1, quyển 3, $15.00). ***Sách của Hồ Trường An:*** *Chân Trời Lam Ngọc* ($11.00), *Chân Trời Lam Ngọc 2* ($13.00), *Bóng Đèn Tà Nguyệt* ($16.00)

Sách của Ngô Nguyên Dũng: *Âm Bản* ($11.00)

Minh Văn có hàng ngàn mặt sách, báo, trà, bình trà, tranh, và tượng. Xin quí vị liên lạc Minh Văn để có tập sách quảng cáo đầy đủ. Chi / lệnh phiếu xin đề MINH VĂN

LAN MUSIC XIN TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CD MỚI NHẤT

LAN MUSIC

Midnight Serenade

Sasha Alexeev
Piano Solos

Một buổi chiều vàng, sau những giờ làm việc mệt mỏi, xin quý vị hãy tìm lại giây phút thanh thản của một ngày còn lại...Hãy để lòng lắng xuống và lắng nghe tiếng đàn dương cầm rất cổ điển, rất quý phái của Sasha Alexeev. Nếu quý vị đã từng yêu mến tiếng đàn dương cầm điêu luyện của Sasha Alexeev qua những CD VELVET RAIN, SILOUETTES quý vị không thể bỏ qua đĩa CD mới nhất của Sasha Alexeev

Midnight Serenade

gồm 12 nhạc khúc rất cổ điển và cũng rất trữ tình của nền nghệ thuật Việt Nam:

• **Tiếng Thời Gian** Lâm Tuyền • **Còn Tuổi Nào Cho Em** Trịnh Công Sơn • **Khi Người Yêu Tôi Khóc** Trần Thiện Thanh • **Ngọc Lan** Dương Thiệu Tước • **Nhìn Những Mùa Thu Đi** Trịnh Công Sơn • **By Candle Light** Sasha Alexeev • **Mùa Thu Không Trở Lại** Phạm Trọng • **Đêm Đông** Nguyễn Văn Thương • **Lòng Mẹ** Y Vân • **Nắng Thủy Tinh** Trịnh Công Sơn • **Nocturne** Sasha Alexeev • **Bên Cầu Biên Giới** Phạm Duy

Đây là một món quà rất đẹp và quý để tặng cho bạn bè, cho người yêu dấu... Một đĩa nhạc rất lý tưởng cho các văn phòng dịch vụ, bác sĩ, nha sĩ, nhà hàng sang trọng.

Đại diện phát hành:
Trung Tâm Bích Thu Vân
9200 Bolsa Ave. #137-138
Westminster, CA 92683
Tel: 714-897-4519

Gửi thẳng về nhà kể cả cước phí Bưu điện:
Hoa kỳ: 10 US $, Ngoài Hoa Kỳ: 12 US $
Thư từ liên lạc hay chi phiếu xin đề:
LAN ĐÀO
P.O. Box 9343 BREA, CA 92621-9343 USA

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

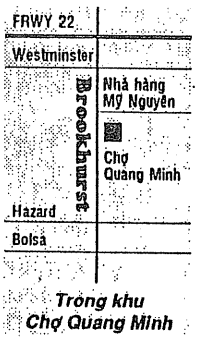

■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

KC TRAVEL & TOURS
ARC
(KIM CONTINENTAL TRAVEL)
CHUYÊN
- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)
TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TAX CALI
HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration
HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent
- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Tranh bìa: *Phố cổ Hội An* của *Đinh Cường*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng* và *Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Đinh Cường, Vũ Thái Hòa*
Hí họa: *Fus, Hiếu*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc, Trần Đại Lộc, Lê Tam Ca, Bùi Duy Thuyết, báo Thiện Chí*

MỤC LỤC

Số 81 • Tháng Giêng 1996

CHÍNH TRỊ, LỊCH SỬ

13. Hiện tượng Nguyễn Hộ *(Tôn Thất Thiện)*
16. Dân tộc VN sẽ đứng lên đòi tự do dân chủ *(Hà Sĩ Phu, phỏng vấn của đài VNCR)*
26. Những hồi tưởng của một nhân chứng *(Nguyễn Minh Cần)*
33. Tư tưởng canh tân của Phạm Phú Thứ *(Quang Uyển)*

VĂN HỌC

42. Phỏng vấn Trương Vũ về cuốn "Phía Bên Kia Thiên Đường" *(N.T.Hoàng Bắc)*
46. Chữ và nghĩa: Mấy suy nghĩ và một tấm lòng *(Bùi Vĩnh Phúc)*
62. Nhân đọc quyển thơ Hồ Xuân Hương của Đào Thái Tôn *(Nguyễn Hữu Thành)*
67. A short story: Songkhla Blues *(Cao Xuân Tu)*
71. Ký: Thơm như múi mít *(Nguyễn Văn Ba)*
81. Tùy bút: Nhìn người, nhìn hoa, núi nhìn *(Phan Đỗ Quyên)*
85. Truyện: Chuyện cô Bông hay Bonnie *(Kim Bồng)*
91. Truyện: Người mẹ bị từ chối *(Võ Tài)*

VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT

37. Đơn văn hóa, đa văn hóa *(Nguyễn Sỹ Tế)*
56. Cha mẹ như ảo như thực *(Chân Văn)*
63. Hứa văn Bân, người ảnh sinh động và nhịp nhàng *(Lê Văn Khoa)*

THƠ

69. Mongol Love Song *(Cao Xuan Tu)*- 75. Vô nghĩa *(Nguyên Phương)*- 79. Thơ cuối năm *(Huỳnh Liễu Ngạn)*- 80. Bóng *(Hoàng Xuân Sơn)*- 87. Vào Đêm *(Nguyễn Đăng Ngọc*- 88. Lập Xuân ở Mỹ, Tiên tri, Khi xem ti vi Mỹ *(Phan Nhật Nam)*- 92. Đốt lửa nghe sư đàn *(Nguyễn Xuân Thiệp)- 93. Hương (Hoàng Chính)- 94. Im lặng (Nguyệt Viên)*

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Thư tòa soạn
9. Bạn đọc viết
11. Tòa soạn và Bạn đọc
12. Thư trị sự
57. Sổ tay
96. Vòng chân trời VHNT
100. Sách báo trong tháng
103. Bolsa Net

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage:
http://www.vietmedia.com/theky21

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Lê Định Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng thư ký Tòa soạn:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21.

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1.*Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2.*Phạm Thị Thu Hương*
39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Úc: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

Thư Tòa Soạn

Với số báo này **Thế Kỷ 21** *đã sang năm thứ tám. Kể từ khi nhóm Người Việt thành lập, năm 1989, đã nhiều thay đổi xảy ra. Trong dịp đầu năm âm lịch chúng tôi sẽ thông báo cùng quý vị độc giả vài thay đổi nhỏ trong thành phần nhóm chủ trương tờ báo, với một hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổng quát.*

Một mục đích của **Thế Kỷ 21** *trong bẩy năm qua là tạo nên một diễn đàn dân chủ của mọi người Việt Nam muốn xây dựng một đất nước sống trong tự do, thanh bình và thịnh vượng. Theo dõi tờ báo, quý vị độc giả đã thấy hầu hết những bài vở là sự đóng góp của quý vị từ khắp nơi trên thế giới, đặc biệt là các tác giả từ trong nước Việt Nam. Chúng tôi không ngần ngại đăng các bài có ý kiến và quan điểm khác nhau.*

Một số vị ở Việt Nam đã gửi bài trực tiếp cho chúng tôi, nhiều bài khác chúng tôi nhận được qua sự ủy nhiệm. Một số bài được gửi từ Việt Nam ra, cho nhiều tờ báo ở hải ngoại trong đó có **Thế Kỷ 21.**

Trong số này chúng tôi đăng bài phỏng vấn nhà sinh học Hà Sĩ Phu do đài phát thanh VNCR 106.3 FM ở California, Hoa Kỳ, thực hiện. Đài phát thanh VNCR có liên hệ với tạp chí **Thế Kỷ 21** *và nhật báo* **Người Việt** *trong công tác truyền thông.*

Việc thực hiện cuộc phỏng vấn này, cũng như cuộc phỏng vấn các ông Nguyễn Hộ và Nguyễn Ngọc Lan ở Việt Nam, sau khi ông Hà Sĩ Phu bị bắt tại Hà Nội, là những nỗ lực của người Việt ở nước ngoài để tiếp xúc trực tiếp với các người trí thức và vận động cho dân chủ tự do ở trong nước. Đó cũng là mang tiếng nói của người Việt ở trong nước ra nước ngoài để tăng niềm thông cảm.

Trong tháng vừa qua, thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đã nói chuyện ở nhiều nơi tại Hoa Kỳ. Ông cũng đem đến cho người Việt ở đây nhiều tin tức và tâm tình của một người ở trong nước đã suốt đời tranh đấu cho tự do. Qua ông, chúng ta cũng biết thêm về sự thay đổi sâu xa trong tư duy của người trong nước, nhất là các đảng viên cộng sản.

Dân tộc chúng ta cần sống trong một thể chế tự do thì mới sử dụng được hết năng lực của toàn dân, ở trong và ngoài nước, vào việc xây dựng và phát triển. Nỗ lực của chúng ta là để tiến tới chế độ dân chủ tự do, càng sớm càng tốt. Chúng tôi hy vọng quý vị độc giả thông cảm và ủng hộ **Thế Kỷ 21** *duy trì nỗ lực chung đó trong khuôn khổ tờ tạp chí nhỏ này trong những năm sắp tới.*

THẾ KỶ 21

Con Chó Mực Của Ông Tôi

Truyện ngắn "Con Chó Mực Của Ông Tôi" của tác giả Nguyên Ngữ đăng ở *Thế Kỷ 21* số 80, tôi đã đọc trên tạp chí *Việt Magazine* trước đó (khoảng số từ 415 - 420). Tôi nghĩ thỉnh thoảng Tòa soạn cũng nên thêm câu "Đã gởi truyện cho báo khác thì đừng gởi cho *Thế Kỷ 21* và ngược lại" để tránh cho độc giả khỏi phải có cảm tưởng đọc báo chợ.

Ngoài ra, tôi có thể mua lại tất cả các số báo *Thế Kỷ 21* cũ (từ số 1 đến số 80) không? Nếu Tòa soạn có bán thì cho biết giá như thế nào để tôi có thể đặt mua.

Nguyễn Văn Hương *(Philadelphia, PA)*

Chuyện các tác giả gửi bài một lúc cho nhiều báo khác nhau cũng là nỗi khổ tâm của chúng tôi (và chắc đối với một số báo khác cũng thế). Thường thì khi biết một bài được gửi nhiều nơi như thế thì chúng tôi không đăng, nhưng thực tế thì không thể nào biết hết được. Đành mượn câu của ông mà nhắn chung một lời: **đã gởi truyện cho báo khác thì đừng gởi cho Thế Kỷ 21 và ngược lại.** *Phải "giữ gìn" như thế chẳng qua vì chúng tôi muốn sự hiện diện của tờ báo đối với người viết và người đọc luôn luôn trong lành, mới mẻ, tôn trọng giá trị của nhau.*

Chúng tôi vẫn có bán các số báo cũ cho độc giả. Hiện nay báo cũ vẫn còn nhưng không được đủ bộ. Sau khi kiểm kê lại, chúng tôi sẽ có thư riêng cho ông để cho biết thiếu những số nào. Về giá báo cũ: $3.00 một số kể cả cước phí cho các nơi trong lãnh thổ Hoa Kỳ. Đối với các nước khác, cộng thêm cước phí phụ trội tùy theo từng nơi và cách gửi.

Xin cám ơn ông về các hảo ý với tờ báo.

Lại "Con Chó Mực..."

Truyện ngắn "Con Chó Mực Của Ông Tôi," ít nhất là hai lần tôi đã xem ở hai tờ báo biếu khác nhau tại San Jose trong thời gian gần đây, dĩ nhiên là đăng trước tờ *Thế Kỷ 21*. Bây giờ nói ra thì đã trễ rồi, chỉ mong lần sau đừng để xảy ra mà thôi.

SonSaigon@aol.com *(E-Mail)*

Chúng tôi rất cảm động khi thấy độc giả gần xa quan tâm nhắc nhở Tòa soạn về việc giữ gìn phẩm chất cho tờ báo. Chúng tôi không dám trách các tác giả, những người có toàn quyền và lý do để chọn nơi gửi tác phẩm của mình. Chúng tôi chỉ thành thật xin lỗi bạn đọc vì những lỗi lầm khó tránh được của Tòa soạn, như trong trường hợp vừa kể, và mong mỏi có sự thông cảm nhiều hơn nữa giữa người viết, người đọc và Tòa soạn, hầu có thể giảm bớt sự bất như ý của tất cả chúng ta.

Một bài thơ cũ

Nhà thơ Phạm Băng Hồ gửi cho Tòa soạn bài thơ cũ sau đây, mà nhà thơ có trong tay từ năm 1963, cho đến nay vẫn không biết được ai là tác giả, cùng không hiểu một số điển cố trong ấy. Chúng tôi đăng bài thơ ấy để "đố" độc giả, ai biết tên tác giả và hiểu hết các điển tích xin gửi về Tòa soạn, chúng tôi sẽ xin chuyển hộ đến nhà thơ Phạm Băng Hồ, hầu gỡ cho nhà thơ một nghi vấn văn học ấp ủ đã hơn 30 năm.

HỎI MAI

Ngày xuân đầm ấm,
Dạo vườn hoa, ra ngắm cảnh vườn xuân.
Thấy hoa mai đua nở mười phần,
Dừng bước lại gọi hoa thần ra ướm hỏi.
Rằng: trong lúc trăm cây cằn cỗi,
Cớ sao ngươi đứng chọi được với băng sương?
Có chăng đồng là vóc, sắt là xương,
Chất kiên trinh giời kia riêng để tặng.
Vả chăng lúc trăm hoa còn vắng,
Mà ngươi đem mấy điểm bắt đầu tiên.
Phải chăng phẩm cách thần tiên,
Không cùng với cỏ tục hoa hèn làm bạn lứa?
Then tạo hóa dương xuân còn hé cửa,
Đứng đầu ra Bàn Cổ phải chăng ngươi?
Tới xuân này trăm vẻ đua tươi
Gợi xuân sắc để cùng giời trang điểm.
Lan khẩu, huệ tâm, liễu my, đào kiểm,
Phải chăng là một hội hoa nô?
Phú Tống Cảnh, thơ Lâm Bồ,
Đủ chăng vẻ tướng thần và xử sỹ?
Hồng hạnh thượng thư, Bích Đào ngự sử,
Đem phong tư mà đọ được hay không?
Phẩm điều canh đã sắp đồ dùng,
Tay đỉnh nãi có ai trong đó nhỉ?
Riêng phẩm giá đứng vào trần thế,
Vật sắc kia biết dễ mấy người?
Hỏi hoa hoa chỉ mỉm cười!

Vô Danh

Lên Lưới

Dạo này bà con ta, báo chí hải ngoại *lên lưới* rất khá, không thua ai. Thật đáng khen ngợi. Tôi về Mỹ lóa mắt. Mỗi lần lên lưới ngồi lì hai, ba

tiếng đồng hồ. Xem hình không, đủ nổ hai tròng mắt. Thế là tiếng Việt được phong phú thêm với từ *lên lưới*, phát âm nghe cũng *líu lo* đấy chứ. Ông chủ hãng Sony bên Nhật nghĩ ra từ *walkman* cho loại máy cát xét đeo hông được nước Anh chính thức khen thưởng là người có công thêm một từ thông dụng cho tiếng Anh đương đại. Còn từ *lên lưới* của ta có phải do báo *Thế Kỷ 21* sáng tạo không? Từ này bắt buộc phải cho vào từ điển tiếng Việt. (Dùng tiếng Anh kiểu Việt: *Let's "climb the Net"*!)

Loạt bài *Cà Kê*... của tôi vừa đăng xong, thì phát hiện một số bài báo Việt ngữ có chêm ít tiếng Tàu (phiên âm Hán Việt), nhất là bài của các bậc thức giả. Sở dĩ tôi gọi tiếng Tàu, vì chúng Tàu thật. Nào là *trọng thị* (coi trọng, xem trọng, quý trọng), *thủ đắc* (có được, đạt được, đoạt được)... Các tác giả đều có học với kiến thức Hán Việt cao, sao mà pha trộn lẫn lộn đến thế. Tôi biết có vị rất chuộng đọc sách báo Hoa ngữ. Đọc tới phát lậm, tẩu hỏa nhập ma, không còn phân biệt Việt Tàu. Trong nước tạm tha vì còn có người hiểu, ở hải ngoại nhiều bạn trẻ đọc cứ thấy lờ mờ, nào biết mô tê ra sao. Giới trí thức ta đầu não ưa pha trộn, hổ lốn. Quả là *thực bất tri kỳ vị. Pha nước mắm chấm chả giò lại điểm chút xì dầu.*

Khi ta viết hoặc nói mà đệm thêm tiếng Anh, Pháp thì độc giả, người nghe biết ngay đó là tiếng Anh, tiếng Pháp. Ít nhất biết đó là ngoại ngữ. Còn đệm thêm tiếng Tàu phiên âm Hán Việt thì khá nguy hiểm. Nhiều người tưởng đó chính là tiếng nước ta được dùng *một cách văn hoa*. Xin các vị cầm bút lưu ý điểm này. Đừng vô tình dẫn tiếng nước nhà lẽo đẽo theo sau tiếng Trung Hoa. Bài của các vị đã đủ nặng ký, không nên làm chúng nặng nề thêm với những từ Tàu vốn chẳng nhẹ gì với lỗ tai, con mắt Việt ta. Mấy từ đó cũng chẳng làm chất lượng của bài viết tăng được ít nhiều gì đâu.

Thang Ma *(Arlington, Texas)*

Xin cám ơn các ý kiến của ông mà chúng tôi nghĩ hầu như mọi người ai cũng đồng ý. Riêng từ lên lưới, đúng như ông nói, là do báo Thế Kỷ 21 *đặt ra. Đây đúng là trường hợp chữ nghĩa được khai sinh do một nhu cầu cụ thể. Nếu mai sau nó được chấp nhận và dùng rộng rãi thì âu cũng là một niềm vui lớn cho "bổn báo" vậy.*

Quá khó khăn

Trên mục *Bạn Đọc Viết*, TK 21 số 80, có đề nghị về một Đại Hội của Sự Thật của ông Nguyễn Trân. Theo thiển ý, trong tình hình hiện nay ở quốc ngoại, triệu tập được một Đại hội gồm những Trí thức, những chính trị gia, chiến sĩ, những Cựu Thủ tướng và Phó Thủ tướng, Cựu Tổng Bộ trưởng v.v... của cả Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa là một việc khó khăn quá, nếu không muốn nói là không thể được. Chuyện đó có lẽ chỉ có thể thực hiện được trong trí tưởng tượng của một nhà văn chuyên viết tiểu thuyết giả tưởng có thực tài mà thôi.

Vả lại, cứ cho là triệu tập được, thì liệu rồi *Sự Thật* có thể xuất hiện trong một Đại Hội như thế không? Hay là mọi chuyện càng trở nên rối rắm hơn khi mỗi vị sẽ trình bày "sự thật" theo như là mình thấy, theo kiểu như chuyện đi tìm thủ phạm giết người trong phim Lã Sanh Mộn của Nhật trước đây?

Tuy nhiên, tôi thấy những ý kiến như của ông Nguyễn Trân là rất quý, vì nó cảnh giác chúng ta rằng nhiều Sự Thật của giai đoạn lịch sử mấy mươi năm qua của chúng ta chưa hề được nói lên. Theo tôi, mỗi người nên nói, qua nhiều cách khác nhau, về những sự thật ấy, song song với những gì đã và đang được thể hiện qua truyền khẩu, qua văn chương và tài liệu bấy lâu rải rác xuất hiện khắp năm châu và trong nước. Và rồi một ngày Lịch Sử sẽ làm công việc tổng hợp để nhìn ra bộ mặt thật của chính nó.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*

Họ tên lẫn lộn

Trong mục *Bạn Đọc Viết*, số tháng 10-95, bài Phản Ứng Nhanh, người viết thư cho quý vị, theo tôi biết là Trương Tấn Thục (với chữ U không râu), chứ không phải Thực.

Ra nước ngoài, tên tuổi cứ bị thay đổi lung tung. Người Việt ở hải ngoại, hay bị người bản xứ đặt cho một cái tên nào đó để họ dễ phát âm. (Thời kỳ 1965-75, cả nửa triệu quân Mỹ, đa số thuộc dòng họ Smith mà mình đâu có phiên âm hay đặt cho họ cái *nick name* "Xơ Mít" đâu nào!) Còn với người đồng hương lắm khi ta phải "đoán mò," có trường hợp viết theo lối Mỹ: Mai Văn Nguyễn, không rõ chữ nào là tên và chữ nào là họ!

"Cho nó đáng cái tội bỏ nước ra đi!"

T.P. *(Fresno, CA)*

Quả thật vì cái tội bỏ nước ra đi *chúng ta phải bị nhiều nỗi xáo trộn lắm, trong đó có chuyện tên họ. Chúng tôi nghĩ trong những giao tiếp thông thường giữa người Việt với nhau, chúng ta nên dùng họ tên theo lối cố hữu Việt Nam, vì như thế sẽ thuận lợi về tình cảm, tâm lý và cách xưng hô.*

Về cuộc chiến Quốc Cộng

Tôi theo dõi đều tạp chí *Thế Kỷ 21*, và thành thật hoan nghênh tờ báo đã có nhiều đóng góp có ý nghĩa cho việc tìm hiểu về văn hóa và lịch sử Việt Nam trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Một điểm đáng mừng là tờ báo càng ngày càng khởi sắc và có sự đóng góp nhiều hơn của nhiều tài năng chưa xuất hiện trước kia.

Mới đây tôi có dịp theo dõi loạt bài của ông Lê Mạnh Hùng về cuộc chiến Quốc Cộng tại miền Bắc 1945-46. Tôi thấy đây là một đóng góp quan trọng làm sáng tỏ thêm một vấn đề rất trọng yếu mà trước nay chưa mấy học giả lưu ý tới. Tôi xin thành thật tỏ lời tán dương đến tòa báo cũng như đến cá nhân ông Lê Mạnh Hùng trong đóng góp nổi bật này.

Tiện đây xin có đôi thắc mắc gửi đến Tòa soạn cùng ông Hùng để xin cho thêm một số nghiên cứu đào sâu hơn nữa về số phận ông Trương Tử Anh, lãnh tụ Đại Việt Quốc Dân Đảng, mà theo ông Hùng, dựa trên phúc trình của Léon Pignon, nói là đã bị CSVN bắt cùng các đồng chí của ông vào đêm 26 tạng 27 tháng Mười 1946 tại Phố Khách, Hà Nội. Nếu có thể xin ông Hùng cho thêm một bài nữa về vấn đề này.

Vũ Mạnh Phát *(Sunnyvale, CA)*

Xin cám ơn ông về các nhận xét tốt đẹp về tờ báo. Chúng tôi đã chuyển thư và các ý kiến của ông cho ông Lê Mạnh Hùng. Hy vọng ông Hùng và nhiều người khác biết rõ về các sự kiện lịch sử này sẽ giúp làm sáng tỏ các thắc mắc của ông, mà chúng tôi nghĩ cũng là của rất nhiều người Việt Nam khác.

Nhắn tin tìm người

Cách đây ít lâu, một người tự nhận là học trò cũ cách nay hơn 30 năm, gọi điện thoại cho tôi (tôi không biết do đâu người ấy có số điện thoại của tôi). Sau khi hàn huyên, tôi mới nhớ là quên xin số điện thoại của người ấy. Vì biết người ấy cũng là độc giả của TK 21 nên tôi xin Tòa soạn dành cho tôi một mẩu nhắn tin: Nếu không có gì trở ngại, xin "người ấy" gọi lại cho tôi, hoặc cho tôi biết số điện thoại để tôi liên lạc. Xin thành thực cám ơn.

Võ Doãn Nhẫn *(Santee, CA)*

Tòa soạn nghĩ rằng người học trò cũ ấy nhận ra thầy vì đọc bài của ông đăng trên Thế Kỷ 21, *vậy thì nay hy vọng cũng nhờ đọc TK 21 mà sớm liên lạc lại với ông.*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn đã nhận được bài vở của những tác giả sau:

Lê Doãn Kim, Nguyễn Hữu Chung, Xuân Sương, Hồ Minh Dũng, Đinh Phù Cát, Tôn Thất Thiện, Hạo Nhiên, Minh Hân, Lê Vị Lan, Huỳnh Liễu Ngạn, Tạ Tỵ, Vĩnh Hòa Hiệp, Long G. Pham, Nguyễn Văn Cường, Phạm Băng Hồ, Fus, Nguyễn Hưng Quảng, Phan Nhật Nam, Đỗ Thị Kênh G, Phan Lạc Tiếp, Bùi Bảo Thạch, Bùi Duy Thuyết, Trần Mộng Tú, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Hữu Lợi, Hiếu Đệ, Võ Doãn Nhẫn.

Mặt khác, tòa soạn *Thế Kỷ 21* (và Văn phòng Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, đài Phát thanh VNCR — ở cùng trụ sở và có một số anh chị em cùng làm việc ở cả ba cơ quan) nhận được thiệp chúc Giáng sinh và năm mới của đông đảo độc giả và thân hữu. Xin chân thành cám ơn quý bạn và xin được gửi lời chúc mừng ở đây tới tất cả quý bạn.

Trần Anh Tuấn *(Arlington, TX)*: Ý kiến vẽ "bức tranh hiện thực" của bạn thật hay, thế nào chúng tôi cũng tìm cách thực hiện. Đây là một lãnh vực rất mới, đúng là phải có một bức tranh tiêu biểu để đánh dấu tính cách "lịch sử" của nó. Rất cám ơn sự gợi ý của bạn.

Nhung Uyên *(Singapore)*: Đã nhận được vở kịch ĐGĐXR. Kể đã khá lâu mới thấy có liên lạc lại, anh em ai cũng mừng. Sẽ đăng ở một số tới. Chúc vui và viết nhiều.

Trần Trung Tín *(Sunnyvale, CA)*: Cám ơn ông đã minh họa ra bằng hình vẽ về lời góp ý của ông N.B. Đây là lần đầu tiên chúng tôi nhận được một sự góp ý bằng hình vẽ, rất lấy làm thú vị. Có dịp chúng tôi sẽ nhờ họa sĩ vẽ lại ý ấy để được hoàn chỉnh hơn. Xin đa tạ.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*: Tòa soạn rất hiểu ý ông muốn chấm dứt cuộc tranh luận kéo dài đã quá lâu ấy. Có lẽ các bên cũng tự thấy là đủ rồi, nói chuyện khác hay hơn. Xin cảm tạ ông về những đáp ứng "cứu bồ" rất phong phú. Chúc ông khỏe luôn.

Nguyễn Hoài Vân *(Vitré, Pháp Quốc)*: Bài về Walesa chúng tôi đã đánh máy xong sắp sửa lên khuôn thì biết rằng nó đã được đăng trên một tờ báo khác rồi, đành phải bỏ ra. Và đành phải nhắc lại câu vào loại "biết rồi khổ lắm nói mãi": *Bài gửi cho Thế Kỷ 21* xin đừng gửi cho báo khác, và ngược lại. Xin cám ơn.

Vĩnh Hòa Hiệp *(Tottenham)*: Việc ông gửi gần như toàn bộ thi phẩm của ông đến cho chúng tôi với lòng tin cậy như thế khiến chúng tôi rất cảm động. Tòa soạn sẽ đọc và chọn lựa dần dần. Nhưng dù việc chọn lựa sau này có như thế nào, cử chỉ của ông đối với tòa báo cũng rất là tri kỷ, chúng tôi rất lấy làm quý mến. Xin chúc ông sáng tác đều và mọi điều như ý. Thân.

Nhắn tin chung về Báo Nói:

Tòa soạn thời gian qua có nhận được thư và chi phiếu của một số bạn đọc đặt mua "Báo

Nói". Vì gặp một số khó khăn về kỹ thuật nên đã có sự chậm trễ gửi các cassette cho quý bạn, mong quý bạn thông cảm và tha lỗi. Tòa soạn đang cố gắng để có thể chuyển "Báo Nói" đến các bạn trong thời gian ngắn nhất.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG phụ trách.

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Trần Ánh Tuyết (Broomfield CO), Huỳnh Xuân (Salem OR), Đoàn Xuân Kiên (LONDON), Nguyễn Hữu Nhiệm (Arlington VA), Trần Thuận (Hayward CA), Mai Bùi (Milpitas CA), Henry Phạm (San Jose CA), Trần Thị Phụng (Sacramento CA), Trần Minh Công (Santa Ana CA), Lê Duy Thông (Pinole CA), Hào Dương (Newport Beach CA), Như Phong (Phoenix AZ), Hương Quốc Liscum (Diamond Bar CA), Lê Duy Chánh (San Jose CA), Nguyễn Hữu Phúc (Westminster CA), Thúy Phạm (Oakland CA), Phạm Thị Hoàn (FRANCE), Phạm Hạnh (La Mesa CA), Võ Minh Thế (Houston TX), Thiên Thanh (Westminster CA), Vương Hữu Thiệu (Dallas TX), Nguyễn Hữu Lợi (Edmonton CANADA), Đặng Đông Mỹ (Que CANADA), Phạm Ngọc Khôi (Que CANADA), Diechemanske Bibliotek (NORWAY), Melhus Bibliotek (NORWAY), Nguyễn Đăng Ngọc (San Diego CA), Nguyễn Chánh Nông (Clifton VA), Trang Kiệt (San Diego CA), Vũ Trọng Mục (Norwalk CA), Asian Community Lib (Oakland CA), Hạnh Phạm (La Mesa CA), Trịnh Văn Toàn (Portland OR), Nguyễn Văn Hương (Philadelphia PA), Trương Ngọc Tích (Dallas TX), Lê Khắc Tuấn (Que CANADA), Nguyễn Thị Thuận (GERMANY), Đức Hạ (Vineland NJ), Lưu Kim Loan (Richardson TX), Trần Quốc Bảo (Anaheim CA), Tu Dinh (Aurora CO), Tạ Ân (Warr Acres OK), Milpitas Community Library (Milpitas CA), Đinh Sinh Long (Huntington Beach CA), Đặng Văn Tân (BELGIUM), Cao Xuân An (FRANCE), Nguyễn Xuân Ngật (Mt Prospect IL), Frank Nhật Trịnh (AUSTRALIA), Huỳnh Chí Thanh (Westminster CA), Phạm Gia Linh (FRANCE), Dương Thiệu Hùng (Severn MD), Đào Mạnh Nghiêm (Quebec CANADA), Trần Trung Đạo (Dorchester MA), Nguyễn Minh Hương (Portland OR), Chu Bá Tước (Miami FL), Trần Thị Trinh (Brookline MA), Nguyễn Trung Giệm (Santa Ana CA), Bùi Đông Triều (Silver Sping MD), Sandy Trần (South Gate CA).

Hoàng Chiều Nhân *(Quebec CANADA):* Đã gởi *Thơ Bùi Giáng* và *Duy Văn Sử Quan* đến ông N.H.L. Tuy chưa đi thăm Làng Hồng được, nhưng ở TK 21 vẫn thấy hoa đang nở. Thân kính.

Trần Quán Niệm *(Marlton NJ):* Đã gởi báo đến ông T.T.Đ. và cũng đã nhận được chi phiếu bán báo (#79). TK 21 xin cám ơn sự ủng hộ về mọi mặt của ông Trần Văn Tâm. Kính.

Thiện Hỷ *(Carrollton TX):* Toà soạn đã gởi ba số báo 77, 78 và 79 đến ông. Kính.

Trần Văn Năng *(Houston TX):* Đã gởi đến ông số báo bị thất lạc (#79). Cám ơn ông đã gởi thiệp với những lời chúc tốt đẹp dành cho TK 21. Kính.

Lê Văn Xe *(JAPAN):* Đã điều chỉnh số báo gia hạn của ông đến số 92. Chúc ông vui luôn. Kính.

Cô Trâm *(Sugar Land TX):* Ban phát hành đã gởi báo đến ông Đ.M.N. Cám ơn cô đã giới thiệu thêm độc giả mới cho TK 21. Thân.■

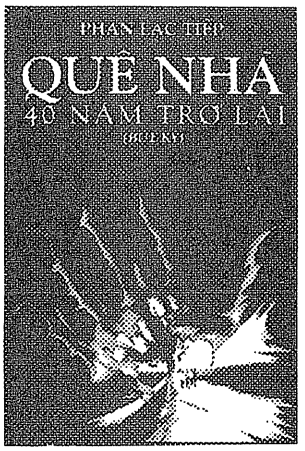

Tìm đọc:

QUÊ NHÀ 40 NĂM TRỞ LẠI

bút ký của PHAN LẠC TIẾP
Hà Thượng Nhân đề tựa, bìa của Phan Ngân Hà,
280 trang, giá $15.00.

Liên lạc:
774 Geary ST.
San Francisco CA 94109
(415) 673-6836

"HIỆN TƯỢNG NGUYỄN HỘ" VÀ TRIỂN VỌNG TỰ DO DÂN CHỦ TRONG THỜI GIAN TỚI

TÔN THẤT THIỆN

Trong những năm gần đây, nhứt là trong năm qua, một số diễn biến đã gây nhiều xôn xao trong cũng như ngoài nước vì nó gợi lên viễn ảnh của một sự chuyển hướng thuận lợi cho công cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ. Những diễn biến đó đã được người trong nước gọi là "hiện tượng Nguyễn Hộ".

Danh xưng "hiện tượng Nguyễn Hộ" rất đúng và rất có ý nghĩa. "Hiện tượng" nói lên sự kiện cái người ta nói đến có thực, mới mẻ, và có một tầm quan trọng buộc người nghe phải chú ý. "Nguyễn Hộ" vì những sự kiện xảy ra đã đạt tầm mức một biến cố làm náo động ĐCSVN và gây náo nức trong dân chúng nhờ một nhân vật mang tên là Nguyễn Hộ, và chính người này đã làm cho những sự kiện đó gắn liền với nhau thành *một chuỗi sự kiện* mang chung tính cách một hiện tượng.

Trong một thời gian khá dài trước đây các ký giả và học giả ngoại quốc thường hay đề cập đến một sự kiện mà họ cho là độc đáo về ĐCSVN. Đó là, so không những với các đảng phái chính trị phía "quốc gia" Việt Nam, mà ngay cả với các đảng cộng sản hay chính trị khác trên thế giới, đảng này luôn luôn đưa ra công chúng một bộ mặt đoàn kết, nhứt trí, không hề có dấu hiệu gì là có chia rẽ hay bất đồng ý kiến trong nội bộ. Danh từ thường được dùng là "monolithique" (như một khối đá nguyên vẹn, không nứt mẻ).

Nhận xét trên đây không đúng. Người ta lầm vì ĐCSVN có một tài năng mà không đảng phái Việt Nam hay quốc tế nào có: đó là tài che đậy, bưng bít, vẽ rồng vẽ rắn, lường gạt dư luận, nhứt là dư luận quốc tế. Thực ra, những sự kiện được tiết lộ càng ngày càng nhiều và càng chi tiết trong thời gian gần đây cho ta biết rằng ĐCSVN có những sự chia rẽ, có thể nói là trầm trọng, trong nội bộ.

Ba đợt của "hiện tượng Nguyễn Hộ"

"Hiện tượng Nguyễn Hộ" là một trường hợp điển hình. Cụm từ này mới được đặt ra năm nay để diễn tả những gì xả ra trong hai ba năm qua và dính liền đến sự ly khai Đảng và sự chống đối Đảng một cách ngoạn mục của ông Hộ. Nhưng nhờ những tiết lộ của những người dính líu đến "vụ Hoàng Minh Chính", và đặc biệt là của chính ông này, chúng ta biết được ngay từ những năm 1960 đã có những sự chia rẽ trầm trọng chống đối nhau quyết liệt trong nội bộ Đảng, kể cả những sự thanh trừng sát phạt nhau đẫm máu. Ta tạm gọi những sự kiện này là "đợt đầu".

Gần đây hơn, có một "đợt thứ hai". Nó khởi đầu với phát pháo đầu tiên — một tiếng pháo khá lớn — của Dương Thu Hương vào mùa thu năm 1989. Tiếp theo đó là Phan Đình Diệu, Nguyễn Khắc Viện, Lữ Phương, Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Thanh Giang v.v... Thực ra, như Bùi Minh Quốc nói, "người đầu tiên bằng giấy trắng mực đen dám đụng vào vùng cấm chết người... dám cầm bút phê phán chủ nghĩa mác-lênin", nghĩa là chống lại lãnh đạo Đảng, là Hà Sỹ Phu, và như chính anh Phu tiết lộ, sự kiện này xảy ra hồi tháng Tám năm 1989, trước cả khi bức tường Béc Linh bị đập phá (tháng Mười Một, 1989).

Một đặc điểm của hai đợt đầu là những người lên tiếng đều không có ý định chống Đảng hay dẹp bỏ chủ nghĩa xã hội. Họ chỉ lên tiếng với mục đích là cứu Đảng và chủ nghĩa xã hội, và họ vẫn tôn trọng lề lối sinh hoạt rất kỷ luật của Đảng. Nếu quan hệ giữa họ và Đảng bị cắt đứt, đó là do sự ngoan cố và kiêu ngạo vô biên của ban lãnh đạo Đảng. Thay vì lắng nghe tiếng nói trung thực và cứu xét những đề nghị khách quan hữu lý của họ thì mấy ông này lại trừng trị và khai trừ họ chỉ vì họ dám tỏ ra bất đồng ý kiến với mấy ông.

Những biến chuyển tiếp theo đó, mà ta có thể gọi là "đợt thứ ba", rất khác với những biến chuyển trong hai đợt đầu. Nó khởi đầu với năm 1993 và gắn liền với tên ông Nguyễn Hộ. Ông này là đảng viên ĐCSVN kỳ cựu và nặng cân đầu tiên lên tiếng công khai dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lê, ly khai với ĐCSVN, mạnh dạn chống đường lối chính sách và thành phần lãnh đạo hiện tại của đảng đó, và chủ trương dân chủ đa nguyên — điều đại cấm kỵ hiện tại ở Việt Nam. Sự ly khai của ông Nguyễn Hộ có tính cách lịch sử, và những lời tuyên bố cùng thái độ

của ông ta là những đóng góp vô cùng quý báu vào công cuộc hòa giải dân tộc sau những năm chém giết, hận thù, chống đối, nghi kỵ, gạt bỏ nhau.

Chọn lý tưởng cộng sản là sai lầm

Trong bài "Quan điểm và cuộc sống", công bố vào giữa năm 1993, ông Hộ nói ông quyết định ly khai với ĐCS vì sau 54 năm làm cách mạng, tư cách đảng viên của ông ta "nay đã trở thành vô nghĩa". Ông nói: "Sau khi ly khai, hơn lúc nào hết, về tinh thần và tư tưởng, tôi thấy mình lại hoàn toàn tự do, hoàn toàn được giải phóng. Khác với trước kia, khi còn là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam tôi chỉ là một thứ tù binh của Đảng, chỉ biết nói và làm theo những gì mà cấp trên nói và suy nghĩ, còn hiện nay, tôi suy nghĩ rất thoải mái, không bị sự hạn chế nào khi tư tưởng tôi đã giải phóng..."

Ở tuổi 77, với quá trình 56 năm cách mạng, nhìn lại cuộc đời, ông ta thú nhận rằng ông và gia đình ông "đã chọn sai lý tưởng" khi chọn chủ nghĩa cộng sản bởi vì "suốt hơn 60 năm trên con đường cộng sản ấy, nhân dân Việt Nam đã chịu hy sinh quá lớn lao, nhưng cuối cùng chẳng được gì, đất nước vẫn nghèo nàn lạc hậu, nhân dân không có ấm no hạnh phúc, không có dân chủ tự do".

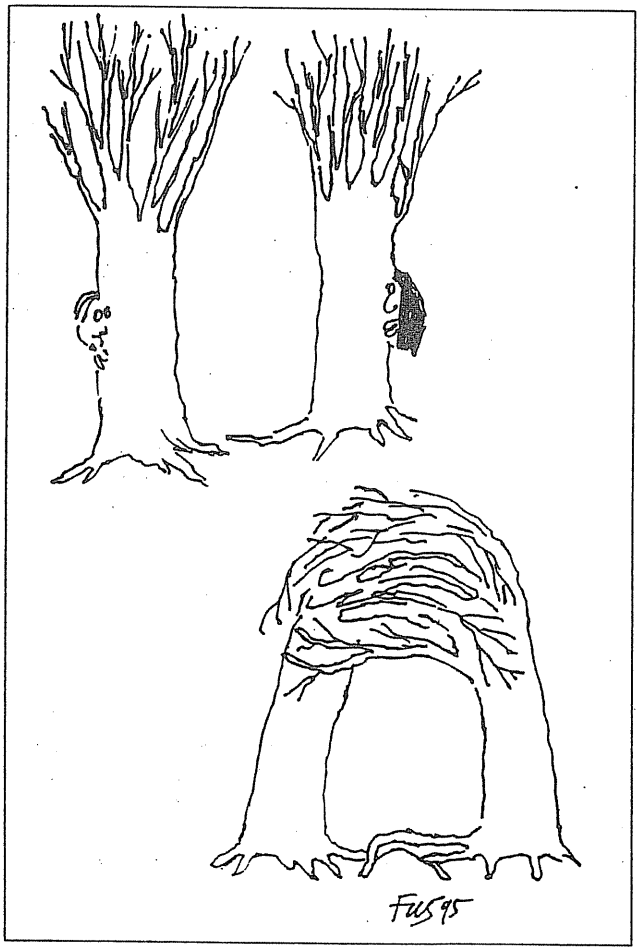

Những tiết lộ và tuyên bố của ông Nguyễn Hộ và của những đảng viên cộng sản đã bị Đảng khai trừ, đã tự ý ly khai Đảng, hay, tuy còn ở trong Đảng, nhưng không ngại công khai chống đối đường lối chủ trương hiện tại của Đảng và những bê bối được Đảng dung túng trong 20 năm qua có một tầm quan trọng rất lớn. Quan điểm và lập trường của họ được trình bày chi tiết trong một số bài then chốt. [*Xin xem bản liệt kê ở cuối bài này*]. Nó chứa đựng những điều liên hệ trực tiếp đến cuộc tranh đấu giành tự do dân chủ của toàn thể cộng đồng Việt Nam, trong và ngoài nước, và triển vọng thành tựu của cuộc tranh đấu đó trong thời gian tới.

Nếu ta phân tách kỹ những bài này thì ta thấy rõ động lực đã đẩy những người như ông Nguyễn Hộ theo ĐCSVN không phải là chủ nghĩa cộng sản mô hình lê-ni-nít bô-sê-vích với tất cả những khía cạnh ghê tởm mà ngày nay một số càng ngày càng đông đảng viên cộng sản ý thức được và thấy phải chống lại, mà là cái gì khác. Trước hết là độc lập. Đối với đại đa số, mục tiêu này đã lấn át tất cả. Hoàng Minh Chính nói: "Lúc đó (1945-1946) chỉ vì lòng yêu nước, chẳng ai nói đến chủ nghĩa Mác cả." Ngoài độc lập xứ sở, có hai động lực khác khá mạnh, nhứt là trong giới trí thức và giới trung lưu. Như Đỗ Trung Hiếu đã thâu tóm rất gọn, đó là: nhân ái và công bằng xã hội.

Nhưng chính vì thiếu cảnh giác và kinh nghiệm về chính trị nên nhiều người, hay đúng hơn, đa số, đã để cho lòng yêu nước sâu đậm và lý tưởng nhân ái công bằng xã hội mạnh mẽ đó bị lãnh đạo cộng sản lợi dụng để xây dựng quyền lực của họ. Như ông Nguyễn Hộ đã thú: "Tôi đã bị đầu độc, bị nhồi sọ, và vì mù quáng mà theo [ĐCSVN], để cuối cùng tôi mới ngã ngửa người ra là sai lầm. Đó là tội lỗi, nên tôi thức tỉnh".

Một sự kiện mới: cộng sản thức tỉnh và sám hối

Những lời ông Nguyễn Hộ nói trên đây, ta có thể đặt vào miệng của hầu hết những người mà chúng ta đã từng quen biết, kính phục và quý mến trước 1945, trước khi, vì quá bồng bột, không suy nghĩ, họ nhào theo Việt Minh, rồi ĐCSVN, "cách mạng", "Bác Hồ" v.v... và nay đã ý thức được rằng họ đã đưa lưng cho cộng sản cỡi, và khi cộng sản đã đến đích — thiết lập và củng cố được chế độ và chính quyền chuyên chế vô sản — thì chúng trở mặt, đạp họ nhào xuống, và trấn áp họ cũng như mọi người không thực sự là cộng sản.

Do đó mới có vấn đề "thức tỉnh", mặc cảm "tội lỗi" với Tổ quốc, với dân tộc,

"sám hối" bằng cách "quyết tâm chuộc lỗi với Tổ quốc bằng cách hy sinh những ngày còn lại, xả thân tranh đấu cho tự do dân chủ", như ông Nguyễn Hộ cam kết.

Người cộng sản công nhận sai lầm tội lỗi, và chịu sám hối, là một sự kiện mới. Trước kia, những người theo cộng sản có mặc cảm rất mạnh là họ yêu nước hơn, trong trắng hơn, tài năng hơn, hữu hiệu hơn những người "phe quốc gia", mà họ khinh miệt và cho rằng không thể đặt ngang hàng với họ được. Ngày nay, như Tướng Trần Độ ghi nhận, họ chấp nhận rằng" sự nghiệp giải phóng dân tộc không phải là sự nghiệp và thành công riêng của Đảng", mà có phần góp "có ý nghĩa quyết định" của đại đa số nhân dân "mà hầu hết không phải là đảng viên." Phần khác, ông Độ nói, "chúng ta đã gạt sang một bên những người yêu nước nhưng không yêu chủ nghĩa xã hội."

Mặc cảm mình hơn người không cộng sản đó ngày nay đang dần dần tan biến, và những người đã theo, nhưng nay đã, hay đang, công khai hoặc ngấm ngầm bỏ cộng sản, sẵn sàng coi những người "phía bên kia" cũng là những người yêu nước tranh đấu cho quyền lợi dân tộc và xứ sở. Họ sẵn sàng xóa bỏ quá khứ, chấp nhận hòa giải và hợp tác để cùng chung nhau tranh đấu cho dân chủ tự do và phát triển xứ sở. Như ông Nguyễn Hộ, họ "ước mong gặp lại đồng bào hải ngoại (những người đã từng chống họ vì chống cộng), tay bắt mặt mừng".

Mục tiêu chung, mặt trận chung

Ông Nguyễn Hộ đã nói lên những gì mà những người như ông, đảng viên cộng sản đã thức tỉnh, sám hối, sẵn sàng chấp nhận, đặc biệt là ý nguyện cùng những người "bên này" tranh đấu cho tự do dân chủ — cho những mục tiêu chung — nghĩa là đương nhiên đứng trong một mặt trận chung.

Thái độ trên đây sẽ tạo điều kiện cho sự thành hình của một Mặt trận Tự do Dân chủ Toàn dân. Mặt trận này sẽ gồm tất cả những thành phần dân chúng Việt Nam, ngoài và trong nước, những người trước kia thuộc phía "bên này" hay phía "bên kia", nhưng nay, trong một tình thế mới, chấp nhận một sự sắp xếp hàng ngũ mới. Thành lập được một mặt trận như vậy là bảo đảm chắc chắn nhứt cho sự thành công trong cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ của toàn dân.

Ngày này, có một sự kiện hiển nhiên là số đảng viên cộng sản thức tỉnh và gia nhập hàng ngũ của những người tranh đấu cho tự do dân chủ đang càng ngày càng đông. Do đó, ta có thể nói rằng triển vọng tự do dân chủ hóa Việt Nam trong thời gian tới đây rất tốt.

Muốn triển vọng tốt này có khả năng biến thành thực tại nhanh chóng, những người phía "bên này" phải cởi mở và sáng suốt, biết nắm lấy cơ hội tốt, nghĩa là cũng phải sẵn sàng "tay bắt mặt mừng" đối với những người như ông Nguyễn Hộ.■

Ottawa, cuối tháng Mười Hai, 1995

Những bài then chốt về "Hiện tượng Nguyễn Hộ"

Của Nguyễn Hộ:
1/ "Quan điểm và cuộc sống" (giữa 1993).
2/ "Chỉ có con đường duy nhất: lột xác" (17-2-1995).
3/ "Thư ngỏ về một giải pháp Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc" (11-6-1995).
Của Đỗ Trung Hiếu:
1/ "Lý tưởng và thực tế (19-8-1994).
2/ "Những người kháng chiến cũ" (15-3-1995).
Của Hồ Hiếu:
"Một số suy nghĩ về việc nước non trước tình hình mới" (1-8-1993).
Của Hà Sĩ Phu:
"Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ" (2/9/1988 Đà Lạt, tháng 5, 1993 Paris).
Của Lữ Phương:
1/ "Đàm thoại về chủ nghĩa Mác xít" (tháng 11, 1993).
2/ Phỏng vấn của Diễn Đàn, Paris (tháng 7, 1995).
Của Tân Nam:
"Đã đến lúc những người cộng sản phải nói lên những sự thật với nhân dân" (tháng 2, 1994).
Của Hoàng Minh Chính:
Phỏng vấn của ký giả Ba Lan Jacek Hugo Bader (21-4-1995).
Của (Thượng tướng) Trần Độ:
"Góp ý về đại hội VIII" (10-6-1995).

(Bài của các vị này đã được nhiều báo Việt Nam ở hải ngoại đăng tải, đặc biệt là Thông Luận, Tin Nhà, Diễn Đàn, Ngày Nay, Thế Kỷ 21).

Trang sức

"Anh thấy cái viên kim cương ông Kim mua cho bà ấy không? Bốn chục ngàn đó!"

"Bốn chục ngàn! Thà rằng anh mua một cái xe Van mới!"

"Nhưng em đâu có đeo cái xe Van trên cổ mà đi dự tiệc tất niên được!"

Cây

Ông Lý Quang Diệu trấn an các nước trong vùng Đông Nam Á về vụ Trung Cộng mang thêm quân tới đóng ở một hòn đảo Trường Sa. "Đây chỉ là một cử chỉ tượng trưng. Cũng như con chó nó chạy tới đái ở một gốc cây để đánh dấu thôi mà!"

Một nhà ngoại giao Phi Luật Tân hỏi: "Nhưng nếu ông là cái gốc cây thì sao?"

DÂN VIỆT NAM SẼ ĐỨNG LÊN ĐÒI TỰ DO DÂN CHỦ

HÀ SĨ PHU

LTS — Hà Sĩ Phu, tên thật là Nguyễn Xuân Tụ, năm nay 55 tuổi. Ông tốt nghiệp Phó Tiến Sĩ Sinh Học tại Viện Hàn Lâm Khoa Học Tiệp Khắc. Về nước, ông công tác tại Viện Khoa Học Việt Nam. Từ năm 1988, Hà Sĩ Phu đã công khai chống lại chủ nghĩa và sự cai trị độc tài của Cộng sản Việt Nam. Những bài Hà Sĩ Phu viết như bài "Thằng Bờm," "Biện Chứng và Ngụy Biện trong công cuộc đổi mới," và đặc biệt là bài "Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ," đã gây ra nhiều tiếng vang lớn trong cũng như ngoài nước. Bài gần đây nhất ông viết là bài "Chia Tay Ý Thức Hệ" được đăng tải trên nguyệt san Thế Kỷ 21, *số 79 tháng Mười năm 1995, trong đó ông viết "Không phải như Cộng sản thường nói rằng chủ nghĩa luôn luôn đúng, chỉ có con người thi hành sai," mà theo ông Hà Sĩ Phu, "ý thức hệ Cộng sản sai từ căn bản. Phải từ bỏ ý thức hệ đó thì mới xây dựng được đất nước."*

Hà Sĩ Phu

Ông Hà Sĩ Phu hiện nay đang sống tại Đà Lạt. Cuộc phỏng vấn ông Hà Sĩ Phu, do Đinh Quang Anh Thái thực hiện ngày 27 tháng Mười Một 1995, phát thanh làm hai lần, mỗi lần dài 20 phút, vào hai ngày mùng 4 và mùng 5 tháng Mười Hai 1995, trên đài VNCR 106.3 FM tại California, Hoa Kỳ.

Ngày mùng 6 tháng Mười Hai năm 1995, ông Hà Sĩ Phu bị bắt tại phi trường Nội Bài, Hà Nội, không rõ vì lý do gì, trong lúc ông sắp lên máy bay về Đà Lạt sau thời gian thăm viếng thân nhân ở miền Bắc.

VNCR: Khi trả lời một cuộc phỏng vấn gần đây của đài VOA (đã đăng trên *Thế Kỷ 21* số 80, tháng Mười Hai 1995), ông có nói lớp trẻ trong nước bây giờ chỉ lo chuyện làm ăn, kiếm tiền, chứ không nghĩ gì đến lý tưởng, đến vận mệnh của nước nhà cả. Ông có thể cho biết là vì nguyên do nào mà tuổi trẻ Việt Nam trở nên như vậy không?

HSP: Thưa ông, nếu quy kết cả thế hệ trẻ hôm nay vào một nhận xét như vậy, thì thực là không thỏa đáng. Tuổi trẻ bao giờ cũng là tuổi sôi động, đầy hoài bão và hướng thiện. Tôi biết một số bạn trẻ hiện nay rất có ý thức, có nhiều điều ấp ủ, trăn trở. Nhưng phải nhận rằng, cái tình trạng có tính cách khá phổ biến hiện nay trong giới thanh niên là một lối sống có tính cách thực dụng. Ngoài lợi ích và sự nghiệp cá nhân ra, thì thường là ít quan tâm, ít hiểu biết, về một số vấn đề chính trị, xã hội. Mà những vấn đề này đang và sẽ chi phối lợi ích chung, lợi ích lâu dài của dân tộc. Vấn đề không phải là ở chỗ nhắm vào bản thân các bạn trẻ. Trái lại, phải tìm ở đây những nguyên nhân có tính xã hội và lịch sử, trong cách giáo dục, và sự gợi mở của các thế hệ cha anh, của các thế hệ có sứ mệnh, có trách nhiệm đối với thanh niên. Tràn lên lịch sử, ta tưởng tượng như cái phóng hình sin, nó có những nhịp lên xuống.

Trước đây, những thế hệ cha ông đã sống ở một thái cực dấn thân và lý tưởng hóa quá mức, đến mức độ ảo tưởng. **Không thành công, thì cũng thành nhân.** Thế nhưng bây giờ, trước cái khoảng trống do sự đổ vỡ ý thức hệ, thì lại có xu hướng chuyển sang một thái cực khác, ngược lại. Cái bệnh xới gốc, nổi loạn của xã hội "kỷ trị" phương Tây và bệnh sống "cầu an" — đèn nhà ai nhà nấy rạng — của xã hội phong kiến phương Đông, hai nhịp điệu ấy tuy có vẻ ngược nhau nhưng đã gặp nhau tại một điểm chung, là chỉ biết thỏa mãn cái riêng mà coi nhẹ cái chung của xã hội. Hai thứ này không phải là đồng bệnh mà tương lân, và tạm thời nó đang liên kết làm thành số đông người. Cái số đông này cho rằng thói vụ lợi, vị kỷ là thường tình, có thể thông cảm được. Trong khi đó họ lại coi thái độ ưu

thời, mẫn thế, có trách nhiệm là bất thường, là sai trái, và nếu có bị "trừng trị" thì cũng là hợp lý thôi! Thế mới khổ!

Những bài viết của tôi dù đặt trên lý luận gì, tôi cũng phải trở về với vấn đề DÂN TRÍ. Ở trong tình trạng rất đáng quan ngại này, thực ra là chung cả xã hội chứ không phải riêng gì các bạn trẻ. Và lỗi chính không phải ở nơi các bạn trẻ. Nhưng vấn đề phải được đặc biệt quan tâm đối với thế hệ trẻ là chính trị. Bởi vì thế hệ trẻ, nhất là những người trong thế hệ đó có học và đáng lý ra bao giờ cũng là thế hệ của những người trong trắng nhất, nhạy cảm nhất, với lý tưởng, và giàu nhiệt huyết nhất đối với việc công ích, và là thế hệ quyết định tương lai của dân tộc.

VNCR: Vừa rồi ông có đưa ra một vài nhận xét về những nguyên nhân dẫn đến lớp tuổi trẻ chỉ lo kiếm tiền làm ăn, chứ không nghĩ đến lý tưởng. Vậy thưa ông, có một cách nào để cho người dân mình nói chung, thanh niên Việt Nam nói riêng, nhận thức được rằng bên cạnh giấc mơ *kim tiền* đó còn có những mục tiêu cao cả hơn nhiều mà dân ta cần phải được hưởng, đó là tự do dân chủ?

HSP: Thưa ông, tôi nghĩ rằng chẳng chóng thì chầy, cuối cùng mọi người trong xã hội sẽ được thực tế cuộc sống dạy cho biết rằng, nếu không biết hợp lực để lo cho vận mệnh chung thì cái riêng cũng không thể yên lành được; rằng, sự tiến bộ và hòa nhập kinh tế không thể nào tách rời khỏi sự tiến bộ và hòa nhập văn minh về chính trị; rằng, muốn sống có hạnh phúc, thì không phải chỉ cần giữ cho nước được yên, cho nhà được ổn là đủ, mà mỗi người phải biết đứng lên với tư cách công dân, dùng quyền làm chủ đất nước của mình để lựa chọn và vun đắp cho một thể chế văn minh. Muốn thế thì trước hết là phải có một nền tự do dân chủ đến mức độ tối thiểu, đủ để cho phép cái quyền công dân ấy có thể bắt đầu.

Tất cả những hiểu biết đó, nếu cứ để những cái tai họa thực tiễn dạy cho rồi mới nhận ra thì đã quá muộn. Khi ấy, thì nhân dân phải đứng ra trả cái học phí rất đắt. Bởi vậy mới cần đến dân trí, chủ động nâng cao dân trí tôi nghĩ là đi trước thực tiễn một bước. Chạy đua với quy luật để tránh cho dân tộc khỏi sự trả giá cay đắng ấy, bằng cách là tận dụng mọi phương tiện thông tin được phép, hoặc tạm thời chưa được phép, để đem đến cho nhân dân những tri thức, những thông tin, cùng với những dự đoán. Rồi thì, những nhận thức ấy phải được đem vào thực hành trong hoạt động thực tiễn đời sống, về mọi mặt. Và ở đó thì khả năng làm chủ đất nước của người dân sẽ được thử thách, được xác nhận. Và cũng chính ở đó mà các chân lý của dân tộc sẽ được thử thách và xác nhận. Thiếu sự đấu tranh và sàng lọc tự nhiên từng giờ, từng phút này, thì chẳng có giá trị tiền định nào có thể tin cậy được. Tất nhiên, làm như vậy sẽ gặp phải sự phản đối rất quyết liệt bởi những người họ chỉ lợi dụng tình trạng dân trí thấp để chiếm lấy uy quyền và lợi nhuận riêng. Họ lại còn giành cái quyền làm chủ đất nước nhiều hơn mọi người, làm chủ một cách toàn diện, trực tiếp, và tuyệt đối.

Nhưng tôi nghĩ, nếu ta làm cho dân hiểu, thì dân sẽ ủng hộ sự nghiệp dân trí này. Như vậy, thì công cuộc nâng cao dân trí chính là sự tranh chấp với các thế lực bảo thủ, tranh chấp về thời gian, tranh chấp về trí tuệ, tranh chấp về khả năng thông tin và tranh chấp quần chúng trên nền của một xã hội dân sự. Một xã hội hòa bình nhưng sinh động luôn có đấu tranh để phát triển.

Trong những bài lý luận của tôi, tôi luôn trình bày một nhận thức cơ bản thế này: **Xã hội loài người bản chất là một hệ thống cân bằng động và phân cực.** Nghĩa là nó có hai cực. Cho nên giải quyết đúng, hay không đúng mối quan hệ thống nhất và đấu tranh giữa hai cực — lãnh đạo và bị lãnh đạo — chính là quyết định cái trình độ văn minh hay lạc hậu của một thể chế, cũng như quyết định cho đời sống xã hội của người dân. Trong mối quan hệ biện chứng ấy thì những quyền dân chủ do người lãnh đạo đem ban phát cho người dân thì không bao giờ là dân chủ thật, đó chỉ là miếng xương không nhai được thì vứt ra thôi.

Quy luật của muôn đời là vậy, và kết luận này đã có một lần được luật sư Nguyễn Hữu Thọ phát biểu ngay trên báo **Sài Gòn Giải Phóng.** Đầu tiên chúng tôi thấy đó là một biến chuyển rất mừng. Nhưng rồi, lập tức quan điểm, lời phát biểu đó bị phê phán, và rồi không có ai nhắc đến nữa. Tôi nghĩ là phải coi sự đấu tranh giữa những người cầm quyền và dân chúng là sự sinh hoạt bình thường của một xã hội dân chủ. Mà ta thì chưa có cái đó. Phải làm cho mọi người dân hiểu ra điều đó và không nhầm lẫn nó với những sự sách động, sự lộn xộn, hoặc với sự ổn định im re của một thế giới sống theo luật rừng. Đảng Cộng Sản làm chính trị trong xã hội ta còn sướng hơn vua, người ta bảo thế. Bởi chẳng có báo chí nào dám hé nửa lời đấu tranh với kẻ đã và đang cai trị mình. Còn ở một thể chế văn minh, thì người cai trị buộc phải cầm quyền trong những điều kiện đầy thử thách như thế. Học thuyết Marx-Lénine đã không gắn "bài toán phân chia sản phẩm" với "bài toán phân chia quyền lực" và "bài toán phát triển sản xuất," nên đã không tạo được những xã hội cân bằng và phát triển. Thì chính bây giờ chúng ta đang và sẽ sửa lại cái căn bản thiếu sót ấy.

Nâng cao dân trí ở ta, cũng có nghĩa là làm một cuộc vận động để chủ động chia tay với ý

Hãng thông tấn quốc tế AFP tường trình vụ Hà Sĩ Phu

Đài VNCR được các cơ quan nhân quyền và báo chí quốc tế hỏi thăm.

Một bản tin khá dài, đánh đi từ Hà Nội, sáng ngày 12 tháng Mười Hai, của hãng thông tấn quốc tế AFP, tức *Agence France Presse*, tường thuật vụ nhà trí thức Hà Sĩ Phu bị cộng sản Hà Nội bắt, và phân tích tình hình căng thẳng trong nước về phương diện chính trị, trong bối cảnh chuẩn bị cho đại hội 8 của đảng cộng sản Việt Nam vào tháng Sáu tới đây.

Mở đầu, bản tin AFP viết như sau: "Hà Sĩ Phu bị công an ở Hà Nội bắt giữ, trên đường trở về thành phố Hồ Chí Minh vào ngày mùng 5 tháng Mười Hai, một ngày sau khi một đài phát thanh ở hải ngoại phát đi cuộc phỏng vấn trong đó ông kêu gọi chính phủ Mỹ khoan hãy cho Hà Nội quy chế tối huệ quốc."

Phóng viên Robert Tampler của AFP có dùng điện thoại từ Hà Nội gọi tới đài phát thanh VNCR tức *Vietnam California Radio* ở Garden Grove để kiểm chứng về bài phỏng vấn và hỏi về lý do của vụ bắt bớ này. Đài VNCR đã trả lời, và AFP tường thuật trong bản tin là VNCR không nghĩ rằng việc phát thanh bài phỏng vấn đã đưa tới việc Hà Nội bắt ông Hà Sĩ Phu. Tuy nhiên, bản tin AFP đã không tường thuật đầy đủ luận cứ của VNCR nằm trong hai điểm:

Một là VNCR đã phỏng vấn nhiều người ở trong nước, chứ không chỉ có ông Hà Sĩ Phu. Trước ông, VNCR đã phỏng vấn ông Nguyễn Hộ, một đảng viên cộng sản đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong đảng và chính phủ Việt Nam Cộng sản. Sau ông, VNCR đã phỏng vấn nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, tác giả cuốn truyện "Nửa Đời Nhìn Lại" trong đó ông tỏ ra hối hận đã tin theo cộng sản.

thức hệ chuyên chính ấy.

VNCR: Thưa ông Hà Sĩ Phu, từ những năm cuối thập niên 80 đến nay ông đã cho phổ biến một số bài viết mang nội dung chỉ trích chủ thuyết và chế độ Cộng Sản. Xin ông cho biết ảnh hưởng của những bài viết này đối với dân chúng trong nước cũng như phản ứng của những kẻ cai trị đối với những bài viết này như thế nào.

HSP: Những ý tưởng phê phán của tôi đối với ý thức hệ, với thể chế, thì nó bắt đầu từ việc tôi được học triết học về chính trị Mác Lê ở trường Đại Học từ những năm 60, chứ không phải là nó bắt nguồn từ hiện tượng khủng hoảng của thực tế xã hội, như là trường hợp của nhiều người khác. Tuy vậy, đến năm 88 tôi mới bắt đầu hệ thống lại, và viết ra. Lúc đầu, với lý luận chính thống, tôi phản đối rất mạnh bằng hàng loạt các bài viết công khai trên sách báo. Nhưng về sau, cho đến nay thì những sự phê phán của tôi cũng như phê phán của các nhà lý luận như Lữ Phương, Nguyễn Kiến Giang, phần nhiều đều được thu về thông báo nội bộ, thông báo mật của Đảng, chứ không [được phép] đăng công khai nữa; mà chủ yếu là những phê phán mang tính chất chính trị chứ không có tính chất tư tưởng hay triết học nữa. Và [khi viết] cũng thường tránh nêu tên bài cụ thể, nêu tên tác giả cụ thể. Rất có thể những bài viết của chúng tôi đã được những cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu rất kỹ, có những cái đã ứng dụng và mỗi người khai thác những điểm khác nhau trong bài viết đó của chúng tôi.

VNCR: Thưa ông, trong một đất nước được cai trị bởi một guồng máy an ninh toàn trị như vậy, gắt gao như vậy, thì với những bài viết của ông mà chỉ trích thẳng cái cung cách cai trị của những người lãnh đạo Cộng Sản cũng như chỉ trích chủ nghĩa Mác Lê là xương sống tinh thần của chế độ, ông có bị những người cầm quyền liệt vào thành phần chống đảng, và ông có bị kỷ luật nào không?

HSP: Thưa ông, vì tôi đúng xuất thân là trí thức gọi là trí thức xã hội chủ nghĩa, được nhân dân, được nhà nước đào tạo, thì danh nghĩa là cán bộ cách mạng; nên trong cách đối xử với tôi...; mà thứ nữa, công việc của tôi cũng chỉ mới bắt đầu là công việc lý luận, về tư tưởng, nên những khó khăn gây ra đối với tôi cũng là làm ngầm là chính. Thực ra, cũng có thể trong các cuộc họp về văn hóa tư tưởng, trong các thông báo, tên tôi luôn luôn được nêu ra vì tôi là người có tư tưởng cần phải chống lại. Còn về hành chính thì cũng chỉ mới có vài cái gây khó gọi là ở mức độ chưa lấy gì căng thẳng lắm. Ví dụ: Tôi đã bị bắt cùng một lần với chị Dương Thu Hương, nhưng tôi không bị giam mà chỉ bị hỏi cung 10 ngày thôi. Tất nhiên, tôi đến nhà chị Dương Thu Hương, nếu không có chuyện viết lách, chỉ là bình thường thôi thì người ta chả giữ hỏi làm gì. Nhưng chính vì tôi là tác giả, đã viết những bài viết đó, nên tôi bị hỏi cung 10 ngày liền. Khi về địa phương, tôi cũng có vài lần bị công an gọi lên, và cũng có một vài lần bị hành hung, mà hiện nay tôi không xác định được [ai là thủ phạm]. Lần đó, tôi và nhà tôi đang ăn cơm ở mâm cơm thì có một tảng đá nặng gần 1 kg ném

Hai là, như những nguồn tin từ trong nước cho biết, cộng sản Việt Nam tỏ ra không quan tâm tới việc những người chống đối họ ở trong nước mà viết sách, báo hay trả lời phỏng vấn ở ngoài nước, vì cộng sản bưng bít rất kỹ khiến cho những vận động ở bên ngoài không ảnh hưởng gì đến tình hình chính trị và xã hội ở bên trong.

Về phần phân tích, bản tin AFP đưa ra sự kiện gần đây Hà Nội tiến hành nhiều cuộc xử án và bắt bớ những thành phần chống đối trong nước, cho thấy cộng sản Hà Nội thực sự e ngại sự chống đối này có thể trở thành phong trào, từ đó gây nguy hại cho chế độ cộng sản.

Tưởng cũng cần nhắc lại, Hà Nội hiện vẫn giam giữ nhiều người trong hàng ngũ trí thức miền Nam như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Thích Quảng Độ, Trần Đình Thủ, Trí Siêu, Tuệ Sĩ, vân vân. Hà Nội bắt và giam giữ những người từ hải ngoại về như nhóm Nguyễn Đình Huy. Và Hà Nội cũng bắt giam những cán bộ đảng viên của họ, trong đó có nhiều người đã từng giữ những chức vụ quan trọng, như Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà.

Mặt khác, tin từ đài VNCR cho biết, trong những ngày vừa qua, đài đã phải trả lời rất nhiều thăm hỏi từ các cơ quan truyền thông và các tổ chức tranh đấu cho nhân quyền quốc tế.

Trong nước Mỹ, đài phát thanh Tiếng Nói Hoa Kỳ đã phỏng vấn ban điều hành đài VNCR và xin bản ký chú toàn bộ cuộc phỏng vấn ông Hà Sĩ Phu, do biên tập viên Đinh Quang Anh Thái thực hiện vào ngày 27 tháng Mười Một, và phát thanh trong hai ngày liên tiếp, mùng 4 và mùng 5 tháng Mười Hai. Nhật báo *San Jose Mercury News* từ San Jose cũng liên lạc với VNCR để tìm hiểu thêm chi tiết về Hà Sĩ Phu nói riêng, và phong trào chống đảng Cộng sản ở trong nước Việt Nam nói chung.

Sau khi bản tin của AFP đánh đi khắp nơi trên thế giới, hai cơ quan tranh đấu cho nhân quyền là *Amnesty International*, trụ sở tại London, Anh quốc, và *Human Rights Watch/Asia*, trụ sở tại Washington DC, đã liên lạc với VNCR để hỏi thêm chi tiết nội vụ và xin bản ký chú cuộc phỏng vấn Hà Sĩ Phu.

Tổ chức "Việt Nam Năm 2000" cho biết sẽ cùng nhiều nhóm khác đứng ra tổ chức các cuộc vận động tranh đấu cho việc trả tự do cho Hà Sĩ Phu và các tù nhân lương tâm khác. ■

thẳng về phía chúng tôi, trước mặt tôi và vợ tôi. Nghi vấn đó chẳng nói làm gì, nhưng thực tế trong đời sống sinh hoạt xã hội, tôi luôn luôn là một thành phần bị theo dõi.

VNCR: Thưa ông, trong một bài của ông, ông có viết rằng, dẫu còn điều kiện này hay điều kiện khác, vai trò lịch sử của trào lưu Cộng Sản vẫn được mãi mãi ghi nhận. Và một đoạn khác ông nói, cùng với người hiệp sĩ ấy (ý ông ám chỉ người Cộng Sản) nhân dân ta đã có những ngày sống đẹp thanh khiết như là thần tiên. Câu chúng tôi xin hỏi ông là ông ghi nhận những chuyện đó ở thời điểm nào? Ông cho ví dụ được không? Bà Dương Thu Hương thì đã có một giai đoạn gọi đó là một thứ thiên đường, về sau bà nhìn nhận đó là một thiên đường mù. Còn về phần ông, khi viết như vậy, ông muốn dùng uyển ngữ để gửi tín hiệu tới cho người đọc hay thực tâm ông nghĩ như vậy.

HSP: Những quá trình chuyển hóa hết sức là phức tạp. Đầu tiên là có sự xâm nhập và ký sinh của một thứ lý thuyết giai cấp cực đoan ảo tưởng phi khoa học, tức là cái dở. Nhưng nó ký sinh vào trong phong trào dân tộc. Và nó biến thành cái của dân tộc, mang thông điệp giải phóng của dân tộc. Đấy là sự chuyển hóa đầu tiên. Lúc mà kháng chiến chống Pháp xong, lúc ấy cuộc sống còn nghèo, và cả đói nữa, và cuộc thanh trừng giai cấp đã ló ra ở chỗ này, chỗ khác. Nhưng mà nhìn chung thì phải nhìn nhận rằng trong giai đoạn ngắn ngủi ấy, xã hội còn thanh bình, tình người còn trung hậu và xét trong số đông, tâm lý hồ hởi tin tưởng là có thật.

Về sau, do tính chất ảo tưởng cực đoan và phi khoa học của các học thuyết đó, cho nên nó thoái hóa, làm mất yếu tố tốt ban đầu, và biến những cái của dân tộc thành cái phi dân tộc và cản trở dân tộc. Thế rồi lại đến giai đoạn khác như giai đoạn hiện nay. Nhưng phải nhận rằng ngay trong tâm trạng bị vùi mình trong cái xấu như thế, thì một số các hạt nhân tinh hoa của dân tộc vẫn tồn tại chứ không mất đi. Và trong điền kiện như ở nước ta là một Đảng đã nắm độc quyền lãnh đạo thì những hạt nhân bị vùi trong cái khối không tốt, chính họ chứ không phải ai khác, có khả năng bất ngờ tách ra, châm ngòi cho những cuộc đổi đời dân tộc một lần nữa để thanh toán cái xấu một cách hòa bình.

Tôi nghĩ nhận thức thực tiễn cũng như về phương pháp, tức là có cái phần gọi là sách lược, đều cần làm rõ điều này và thực tế ở thế giới, cũng như thực tế ở trong nước ta cũng dần dần xác định cái điều này. Thực tế, hiện nay những người bảo thủ ở nước ta sợ nhất cái khả năng chuyển hóa ở trong nội bộ của những nhân tố tốt đó. Cho nên họ cũng đề phòng kỹ lưỡng nhất cái khả năng này. Chỉ riêng điều ấy thôi, cũng cho thấy rằng cái nhận thức này, tức là cái nhận thức về yếu tố tích cực của phong trào Cộng Sản trong quá khứ không hề là một tư tưởng cải lương. Trái lại chính nó là một nhận thức mang cái xung lực mạnh mẽ nhất. Còn lối suy nghĩ có tính cách phân tuyến, đơn giản, một chiều, thì thoạt nghe có thể thấy là mạnh mẽ, có thể làm thỏa mãn một nhận thức chủ quan nào đấy, nhưng nó không phản ánh đúng cái bi kịch phức

tạp của dân tộc, và do đó nó có ít cái khả năng tác động vào hiện thực.

Một nhà văn Cộng Sản đã nói là "thế hệ chúng tôi ở tuổi 20 mà không theo Cộng Sản thì là không có tim, nhưng mà ở tuổi 50 mà còn theo Cộng Sản thì lại không có óc." Đấy, nhận thức nó lòng vòng như vậy, đâu có thể lấy hiện tại để làm chuẩn, để quy kết quá khứ hoặc là lấy quá khứ làm chuẩn để bênh vực hiện tại một cách suy diễn máy móc được.

VNCR: Thưa ông, có một lần chúng tôi được nghe một người trí thức ở Việt Nam phát biểu, sau năm 1975, rằng khi chọn thái độ ở lại để cộng tác với chế độ Cộng Sản thì việc chọn chế độ Cộng Sản là một hành trình bắt buộc của trí thức. Họ tuyên bố câu đó khi họ đã tỉnh ngộ rồi. Vậy câu tôi muốn được hỏi ông, là liệu người trí thức có phải chọn đó là hành trình bắt buộc hay không? Bởi vì có nhiều người ở lứa tuổi 20 đã sáng suốt để thấy rằng phong trào Cộng Sản thực chất của nó không có gì tốt đẹp cả và nó chỉ đưa đất nước hoặc tập thể con người bị sự chọn lựa tới con đường đen tối thôi, thì không nhất thiết là áp dụng sự chọn lựa của lứa tuổi 20 theo con đường Cộng Sản là phổ quát cho tất cả mọi người. Ông nghĩ sao?

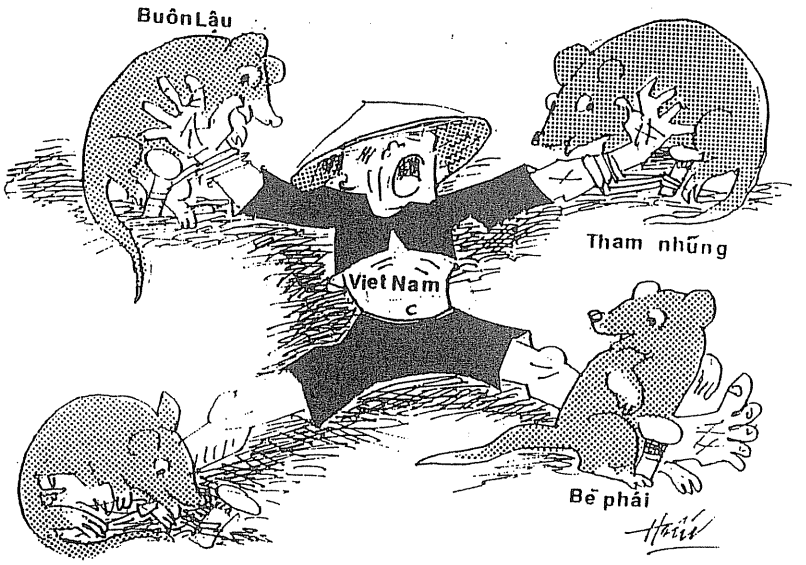

HSP: Thưa ông, ý kiến của ông có lý. Vì theo tôi nghĩ, sự chọn lựa đó là một sự chọn lựa của con tim, trong điều kiện là khối óc phát triển chưa tới. Cái đó, có thể nói là tình trạng DÂN TRÍ còn thấp. Và rất nhiều người trí thức mà ở trong một xã hội thông tin không đầy đủ, thì cái trí tuệ phát triển chưa tới. Tôi nghĩ là cùng trong giai đoạn đó rất nhiều nước văn minh va chạm với lý thuyết Cộng Sản, nhưng họ không đi theo; họ có tin nhưng vì trí tuệ của họ đã phát triển cao hơn để họ không phải bước qua giai đoạn đó nữa.

Cho nên, thực ra, nếu nói đây là một sự chọn lựa tất yếu, thì đó là sự chọn lựa tất yếu của những người trí thức nhưng mà trí tuệ cũng phát triển chưa tới. Nếu đủ trí tuệ thì đã có thể tránh được [sự chọn lựa đó] rồi.

VNCR: Thưa ông, trong phần phát biểu của ông hồi nãy, ông có đề cập tới những nhân tố tốt, còn trong sáng, trong nội bộ đảng Cộng Sản, và ông nói chỉ có những nhân tố đó mới tạo ra được một số đổi thay mới cho dân tộc, tốt đẹp cho dân tộc. Ông nghĩ gì về trường hợp của giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế?

HSP: Thưa ông, về cá nhân hai ông Hoạt và Quế, thực ra là do môi trường sinh hoạt trước đây cách xa nhau, chúng tôi không được biết tường tận. Nhưng khi phong trào nổ ra rồi, và theo một số thông tin hiện tôi có thì chúng tôi thấy đây là những tấm gương rất là đáng quý, và tất nhiên có giá trị của nó. Nói rằng hiện nay cái sự chuyển hóa phải do những người Cộng Sản ly khai, giác ngộ mới có xung lực mạnh nhất. Tuy nhiên, nhấn mạnh về người Cộng Sản ly khai không có nghĩa là hạ thấp vai trò tham gia của những người không có trong thành phần đó. Tôi lấy ví dụ, có phải tất cả những người sống trong xã hội chủ nghĩa là Cộng Sản đâu? và những người trí thức ở miền Nam cũ, những phong trào của người Việt ngoài nước, tất cả những sức mạnh đó đều có giá trị của nó. Một khi chúng ta đã nhấn mạnh đến nhân tố chủ-yếu thì đây chỉ có tính cách là ngọn cờ, là trung tâm, là hạt nhân để làm nổ ra cái biến đổi ban đầu.

VNCR: Trở lại một câu mà lúc nãy chúng tôi vừa mới trích dẫn trong bài viết của ông, là "cùng với người hiệp sĩ ấy nhân dân ta có những ngày sống đẹp như thần tiên," thì khi viết như vậy, ông có nghĩ rằng ông đã xúc phạm đến vong linh của hàng triệu nạn nhân đã lót đường cho chủ nghĩa mà bây giờ chính ông, ông cũng đang chống lại không?

HSP: Lúc nãy tôi có nói qua là dân tộc mình trải qua một quá trình vận động hết sức là phức tạp của lịch sử. Cho nên cái lối tư duy phân tuyến đơn giản chia thành hai gói: một gói trắng, một gói đen, một gói phải, một gói trái, một gói chính, một gói tà; rồi trắng là trắng hết ngay từ đầu, đen là đen hết ngay từ đầu; thì thực sự ra nó không phản ánh đúng cái thực tiễn. Không phải vì tôi và anh đối địch, mà về sau là cứ khen bất cứ cái gì của tôi là xúc phạm tới anh; bởi vì trong tôi có cái đúng, cái sai. Và trong tôi, đâu phải là cá nhân tôi, còn cả tập đoàn của tôi có người thế này, thế kia. Bởi vậy khi mà khẳng định có những ngày sống đẹp, xin hiểu như thế này, cái đẹp đó là cái đẹp không trần tục, không phải là cái đẹp thực tế. Cái đẹp thần tiên làm sao tồn tại trên trần gian được? Cái đẹp đó được nẩy sinh trong điều kiện đơn giản, còn nghèo khó, còn ảo tưởng, chứ khi tiếp xúc với cuộc sống thực tiễn thì nó bị đẩy lui. Vì đó là một cái đẹp mong manh của giai đoạn chưa phát triển. Thứ đến là có cái tốt lẫn cái ngộ nhận của dân tộc. Thế nhưng khi khẳng định cái mặt ta còn có thể coi là tích cực đó không hề có ý nghĩa là phủ định những mầm mống sai lầm đã có ngay từ đầu.

Như tôi đã nói lúc đầu, trong lúc đa số có một sự hồ hởi như thế, thì một cuộc thanh trừng giai cấp có thể đã nổ ra ở một chỗ nào đó nhưng mà nó chưa chi phối tình hình tâm lý chung của cả nước. Vậy giữa cái sai và cái đúng, giữa mặt tích cực và tội lỗi, nó xen kẽ đứng cùng một lúc, cho nên khẳng định vấn đề ở chỗ này, không có nghĩa là phủ định một vấn đề ở chỗ khác. Tôi nghĩ rằng, trong tình hình phức tạp đó, khi khẳng định mặt tốt trong đó có yếu tố dân tộc tham gia, [tôi] không hề có ý định phủ định các tội lỗi mà một bộ phận hay chính các thế lực ấy gây ra ở chỗ khác. Tôi nghĩ là hai cái đó không có gì mâu thuẫn nhau.

VNCR: Trở lại vấn đề của đất nước chúng ta ngày hôm nay, ông có nghĩ là sau khi Hoa Thịnh Đốn bang giao với Hà Nội, thì cái tính toàn trị của Cộng Sản Việt Nam dần dần bớt đi không?

HSP: Về ý kiến này tôi đã có phát biểu trong bài viết "Chia tay với ý thức hệ," và trả lời cuộc phỏng vấn của đài VOA trước đây ít ngày. Thế nhưng, cái việc bình thường hóa thì xin nói thêm với ông thế này:

a) Nếu đối với một đối tượng giáo điều cứng ngắc, phi lý, phi quy luật như trước đây thì cách hóa giải rất là dễ. Bởi vì nó phi thực tế, phi quy luật. Cho nên bây giờ cứ bình thường hóa mọi điều đưa nó trở về với xã hội thông thường, với quy luật là nó tự bộc lộ cái tính phi lý và tự tan rã.

b) Nhưng hiện nay đối tượng ấy đã thức tỉnh, biết triệt để lợi dụng các quy luật, lợi dụng thế

Đang in

CHIA TAY Ý THỨC HỆ

tác phẩm mới nhất của

HÀ SĨ PHU

Thế Kỷ xuất bản
Phong Trào Nhân quyền Việt Nam
năm 2000 phát hành.

Liên lạc:
11022 Acacia Pky #A
Garden Grove CA 92640 USA
(714) 638-9510

RED FILE

50 Years of violations
of Human Rights
in Communist Vietnam
1945-1995

NGUYỄN TRI VĂN - PHẠM VĨNH XUÂN - NGUYỄN THIỆU CHÍNH - NGUYỄN QUỐC VIỆT và NGUYỄN ĐẠI TƯỜNG biên soạn.
Vietnam Human Rights Watch xuất bản

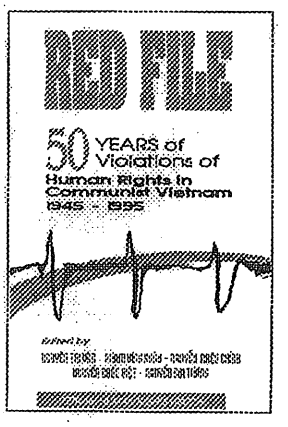

697 trang. Giá ủng hộ tùy nghi.
Liên lạc:
PO BOX 2185
Montclair CA 91763 USA

thượng phong của người đã nắm quyền lực và tận dụng thực trạng tâm trí để thực hiện ý định của mình, thì việc hóa giải nó không dễ dàng chút nào. Vì thế cho nên việc bình thường hóa với thế giới, đặc biệt là bình thường hóa toàn diện với Hoa Kỳ không hẳn là đơn giản.

Tôi nghĩ việc bình thường hóa là một cái sàn đấu mà mọi đấu thủ cuối cùng đều phải trở về đấy, đều phải chọn cái đó, không thể nào khác được. Các đấu thủ đều phải trở về đó để đấu, nhưng cái sàn đấu ấy không phải thuận lợi riêng cho ai. Tại sàn đấu ấy, mọi cuộc đấu ấy sẽ bắt đầu, chứ còn việc thắng thua vẫn còn ở phía trước. Bởi tự cái sàn đấu ấy nó không quật ngã ai cả, mà cũng không phải là nó dành sẵn huy chương vàng cho ai. Cho nên, việc bình thường hóa tự nó chưa mang một ý nghĩa [thuận lợi] cho bên này, hay bên kia. Vấn đề là tạo nên thực lực, vận động cho phong trào dân chủ mà thôi.

Thứ nữa, riêng về phía người Mỹ, chúng tôi không có ảo tưởng về chuyện này nhiều lắm. Nếu ở trong nước có một cái phong trào đấu tranh giữa dân chủ và phi dân chủ mạnh mẽ, thì tôi nghĩ rằng cái thái độ của Mỹ rất rõ, tức là ủng hộ cái dân chủ. Nhưng nếu tình hình của ta quá bê bết chẳng hạn, thì tôi nghĩ các nhà tư bản nói chung và Mỹ nói riêng cũng không dại gì chuốc lấy cái việc đương đầu với chính phủ Cộng Sản làm gì.

Có người lại còn bình như thế này: Một anh tư bản nước ngoài muốn vào khai thác tận dụng các điều kiện sinh lợi ở các nước khác thì nó cần một chính phủ để ủng hộ. Thế là có khi làm việc với một chính phủ Cộng Sản độc tài lại hay hơn, bởi vì, chính phủ Cộng Sản đã chi phối toàn bộ quần chúng rồi, nắm được chính phủ đó tức là dân chúng chẳng còn gì có thể gây trở ngại cho họ nữa. Bởi vậy họ muốn đàn áp bóc lột, nếu

Tuyên bố của Human Rights Watch / Asia về việc Hà Nội bắt giữ những người bất đồng chính kiến

Tổ chức tranh đấu cho nhân quyền có tầm vóc quốc tế, trụ sở ở nhiều thành phố lớn trên thế giới như London, New York, Washington DC, Los Angeles, hôm thứ Hai 18 tháng Mười Hai 1995, đưa ra một bản thông báo phổ biến cho các cơ quan truyền thông, có nội dung như sau:

Tổ chức Theo dõi Nhân quyền / Khu vực Á châu (Human Rights Watch / Asia) hôm nay cho biết rất quan ngại về việc Việt Nam [cộng sản] bắt giữ thêm hai nhà trí thức xã hội chủ nghĩa trong một chiến dịch có lẽ nhắm vào các khuôn mặt ly khai của đảng Cộng sản. Hai người mới bị bắt gần đây nhất là ông Nguyễn Xuân Tụ, có bút hiệu là Hà Sĩ Phu, một nhà khoa học và người cầm bút có uy tín bị bắt hôm mùng 5 tháng Mười Hai, và ông Lê Hồng Hà, cựu viên chức cao cấp của Bộ Nội vụ, bị bắt ít lâu sau đó. Những nguồn tin của Tổ chức Theo dõi Nhân quyền / Khu vực Á châu (TCNQ/AC) cho hay cáo trạng chính thức được đưa ra để bắt giữ hai người này là "lưu giữ và tiết lộ bí mật quốc gia," dường như là những tài liệu và tuyên bố liên quan đến hướng đi của đảng Cộng sản trước khi diễn ra Đại hội 8 của đảng này.

Bà Dinah PoKempner, cố vấn của TCNQ/AC có trụ sở ở Mỹ, nói rằng: "Theo chúng tôi thấy thì những vụ bắt bớ này rất đáng quan ngại vì dường như nhằm chống lại quyền của những người này phát biểu những ý kiến chính trị của họ."

Thay mặt cho TCNQ/AC, bà Dinah PoKempner tuyên bố: "Vì lý do đó, chúng tôi yêu cầu nhà cầm quyền Việt Nam [cộng sản] công bố cơ sở thực tế và rõ ràng cho việc bắt giữ, cũng như xem lại những cáo buộc về mặt pháp lý đích thực đối với các đương sự. Nếu quả thực họ bị bắt giữ chỉ vì đã phát biểu hoặc phổ biến những quan điểm chính trị, thì điều đó có nghĩa là có sự vi phạm vào những quyền của họ chiếu theo luật pháp quốc tế và họ phải được trả tự do ngay lập tức."

Việt Nam đã ký vào Thỏa hiệp Quốc tế về Quyền Dân sự và Quyền Chính trị (International Covenant on Civil and Political Rights) năm 1982. Thỏa hiệp này bảo vệ tự do phát biểu, và quyền có ý kiến, và cấm bắt giam một cách độc đoán.

Ông Nguyễn Xuân Tụ, được biết đến nhiều hơn qua bút hiệu Hà Sĩ Phu, năm nay 55 tuổi, là giáo sư sinh học, nổi tiếng với những bài viết đa dạng về các vấn đề xã hội, khoa học và chính trị. Mặc dầu chưa bao giờ gia nhập đảng Cộng sản, những bài viết của ông đã từng xuất hiện trên các báo chính thức của đảng như *Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Tuổi Trẻ, Tạp Chí Cộng Sản,* và những ấn phẩm của Viện Triết học Mác-Lênin và trường đảng Nguyễn Ái Quốc. Năm 1993, sau khi phổ biến một số bài viết gây tranh cãi với đề nghị đảng cộng sản Việt Nam nên thích nghi về mặt ý thức hệ với những đổi mới kinh tế đang ảnh hưởng tới Việt Nam và thế giới, ông ta bị phê bình gay gắt trong các báo đảng và bị cách chức khỏi chức vụ ở lò nguyên tử Dalat.

dân có biểu tình [phản đối], thì lập tức chính phủ ấy đã đứng ra đàn áp rồi. Còn nếu mà phong trào trong nước chưa có gì, thì chưa hẳn Mỹ và Cộng Sản đối địch với nhau đâu. Có khi họ lại hợp tác với nhau rất là ngon lành cũng nên. Vì thế, việc bình thường hóa tự nó chưa đem lại sức mạnh gì quyết định nhưng mà phải công nhận nó là cái sàn đấu rất là thuận lợi cho dân chủ.

VNCR: Thưa ông, phong trào chống đối đảng Cộng Sản hiện nay, chính trong nội bộ của đảng này, ngày càng mạnh, bằng chứng trong mấy năm vừa qua ở hải ngoại tôi có ghi nhận một số hiện tượng, những lời phát biểu của Nguyễn Hộ, những tác phẩm của Tiêu Dao Bảo Cự, gần đây là Lê Hồng Hà, và đặc biệt là trường hợp của ông, Hà Sĩ Phu, thì ông có lời tiên đoán nào cho cái tương lai của phong trào này không?

HSP: Thưa ông, đây còn là một ẩn số rất căn bản, như chúng ta đã nhận định rồi. Mà có lẽ rất nhiều người trên thế giới, và kể cả những người ở bên ngoài, các Việt kiều ta ở nước ngoài muốn chuyển hóa trong hòa bình cho nó tốt đẹp, thì đúng là [khi] chính những người Cộng Sản tiến bộ làm, nó mới đáp ứng yêu cầu đó. Nhưng người này nhận ra điều đó, thì người khác cũng đã nhận ra. Bởi vậy, phía [nào] cần chống, thì Cộng Sản đã bịt rất là chặt, và đề phòng cái phần này rất mạnh. Cũng phải công nhận rằng, [như] tôi đã thăm dò các người Cộng Sản, mặc dù nhận thức của người ta cũng đã tới nơi, nhưng về thái độ thì cũng có sự "dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng." Tình cảm họ không vượt qua một trở ngại nào đó, hoặc họ không dám vượt qua một kỷ luật của Đảng, cho nên mặc dù muốn làm điều đó cũng không dễ dàng. Nhưng

Năm 1995, Hà Sĩ Phu trả lời hai cuộc phỏng vấn truyền thanh, một cho đài VOA vào tháng Sáu, và một cho đài VNCR (Việt Nam California Radio) vào tháng Mười Hai, bàn về những vấn đề gai góc như nhu cầu mở rộng hơn nữa nền dân chủ trong hệ thống chính trị Việt Nam, và cổ võ cho việc cộng đồng quốc tế áp lực cho việc đổi mới đó. Tác phẩm mới nhất của ông, dù chưa xuất bản, có tựa là "Chia Tay Ý Thức Hệ," nhắc lại và nhấn mạnh hơn nữa việc phải từ bỏ tư tưởng Mác xít - Lê nin nít.

Hà Sĩ Phu bị bắt vào hồi 2 giờ chiều ngày mùng 5 tháng Mười Hai nhân khi ông thăm viếng thân nhân ở Hà Nội. Ngày mùng 6 và mùng 7 tháng Mười Hai, công an đã lục soát nhà ông ở Dalat, tịch thu hơn ba ngàn trang bản thảo và tài liệu, trong đó có hai số báo *Thiện Chí*, một tờ báo tiếng Việt phát hành tại Đức có in các bài của Hà sĩ Phu. Gia đình ông được thông báo là ông bị bắt chiếu theo điều 92 của bộ luật Hình sự, một điều khoản cho phép trừng phạt những người giữ hoặc phổ biến những tài liệu được coi là "bí mật quốc gia."

Lê Hồng Hà, bị bắt ít lâu sau Hà Sĩ Phu, cũng bị kết cùng một tội. Hình phạt cho tội này có thể từ hai tới 15 năm tù. Trong cả hai trường hợp, tin chưa được xác nhận cho biết, những "bí mật" được nói đến có thể là một bài viết của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ chính trị đảng Cộng sản Việt Nam bàn về chiến lược chuẩn bị cho Đại hội 8 của đảng này. Tài liệu này đã được phổ biến tại Việt Nam và hải ngoại hàng hai hoặc ba tuần trước khi ông Hà Sĩ Phu bị bắt. Đảng Cộng sản đã thông báo muốn tham khảo rộng rãi trong quần chúng về cương lĩnh của Đảng tại Đại hội dự trù được tổ chức vào giữa năm 1996.

Lê Hồng Hà, năm nay khoảng 70 tuổi, là một cán bộ cao cấp của Đảng, đã từng giữ chức Đổng lý Văn phòng Bộ Nội vụ, và là giám đốc một trường nổi tiếng là Học viện Công an của Bộ này. Lê Hồng Hà và một cán bộ cao cấp khác, ông Nguyễn Trung Thành, bị trục xuất khỏi đảng vào tháng Sáu năm nay. Vụ trục xuất này do chi bộ Đảng Hà Nội thi hành theo yêu cầu của Lê Đức Anh, Chủ tịch nước. Lê Hồng Hà công khai phản đối, như vậy là dám thách thức uy quyền của Chủ tịch nước. Cơ sở của việc trục xuất dường như là việc Lê Hồng Hà tham gia đòi hỏi Bộ Chính trị công nhận sai lầm trong việc bỏ tù ông Hoàng Minh Chính, một khuôn mặt sáng chói khác của đảng bị bắt và bỏ tù hai lần, lần đầu từ năm 1967 đến 1973, và lần sau từ 1981 đến 1987.

Ông Hoàng Minh Chính năm nay 75 tuổi, lại mới bị bắt ở Hà Nội hôm 14 tháng Sáu, cùng ngày với một cựu đảng viên khác là Đỗ Trung Hiếu, 57 tuổi, ở Saigon. Hôm mùng 8 tháng Mười Một, ông Chính bị kết án 12 tháng tù, và ông Hiếu 15 tháng, với tội danh "lạm dụng những quyền tự do dân chủ."

Đài Tiếng Nói Việt Nam của cộng sản nói rằng căn bản dùng cho bản án là những bài viết của hai ông này chứa đựng "những nội dung xấu" cùng những tài liệu "với nội dung thêu dệt nhằm bóp méo đường lối của đảng và nhà nước, và bôi xấu các cơ quan và tổ chức nhà nước và xã hội."

Một cựu đảng viên thứ ba, ông Nguyễn Hộ, sáng lập viên Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ, hiện bị quản thúc tại gia vì đã phổ biến những bài viết chỉ trích đảng Cộng sản. Nhà cầm quyền cộng sản đến nay vẫn từ chối việc ông xin đi nước ngoài chữa bệnh.

TCNQ/AC coi việc bắt giữ những người nói trên là một vi phạm những trách vụ đối với Thỏa hiệp Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị.

Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (Human Rights Watch) là một tổ chức ngoài chính phủ, thành lập từ năm 1978, để theo dõi và thúc đẩy việc tôn trọng các quyền con người đã được quốc tế công nhận, ở các vùng châu Phi, châu Mỹ, châu Á và Trung đông, và giữa các thành viên đã ký nhận Hiệp ước Helsinki.

căn bản, tôi nghĩ cái khả năng cuối cùng bộc lộ ra, cuối cùng phải giải thoát bằng con đường đó thì mới đỡ tổn thất. Nhưng hiện nay cái triển vọng gần của nó được như thế nào thì tôi nghĩ còn là một ẩn số, một ẩn số rất biến động, tùy theo sự cố gắng, phấn đấu, rồi còn do phương pháp của mỗi bên, của mỗi người.

VNCR: Thưa ông, nếu có được một cuộc bầu cử thực sự dân chủ, tự do ở Việt Nam (thí dụ như vậy), theo nhận định của ông, liệu đảng Cộng Sản Việt Nam có đắc cử hay không?

HSP: Về vấn đề này tôi thấy không nên nhận định tình hình theo cảm tính, theo nguyện vọng [của mình], mà phải theo đúng cái thực tế đang có. Nếu ở tình trạng như hiện nay, dẫu có một cuộc bầu cử hoàn toàn tự do, ngay đến cả có quốc tế giám sát chăng nữa, thì Đảng Cộng Sản vẫn có nhiều khả năng thắng phiếu, vì bốn lý do như thế này:

1) Người dân chỉ đòi hỏi những thay đổi nếu thấy không thể nào sống như cũ được nữa. Ví dụ: một đứa trẻ khi nó thấy cái giường của nó chật hẹp quá, nó mới nhảy xuống đất nằm. Còn lúc đứa trẻ chỉ mới biết bò thôi, thì được nhảy từ cái nôi sang cái giường, không gian của cái giường đối với nó như thế đã là đủ rồi. Bởi vậy, trước đây có sự o ép rất là triệt để, bây giờ nới ra một tí tẹo, đối với dân trí thông thường người ta thấy như thế là tạm đủ rồi. Như vậy, nhu cầu gọi là phá cái giới hạn đó, để đến một không gian dân chủ tốt hơn, thì hiện nay mới có ở thành thị và một số trí thức tiên tiến thôi.

2) Đối với số đông dân cư ở các vùng nông thôn, ở miền núi, thì người dân ở đó chưa biết cái gì tồn tại ở trên đời, ngoài đảng Cộng Sản Việt Nam. Cho nên, ở các thành phố lớn, tình hình mới có thể đảo ngược. Còn khi tự do bầu cử thì ở nông thôn họ chưa chắc biết cái mới là cái gì đâu.

3) Sống quá lâu trong điều kiện dân chủ giả, dân ta đã có thói quen coi thường lá phiếu, không biết phải thực hiện quyền dân chủ bằng lá phiếu của mình. Cho nên họ coi đây là một thủ tục rất là hình thức, đi làm cho qua chuyện. Bao nhiêu năm nay bầu ai mà chả thế? Cho nên bây giờ nếu không được chuẩn bị, cứ thế mà tổ chức bầu cử, thì chả có cái trách nhiệm cân nhắc kỹ trong chuyện lựa chọn lá phiếu.

4) Tôi thấy cái thực tế do đảng Cộng Sản [tạo nên] trong những năm vừa rồi đã khiến cho không có một tổ chức nào, không một nhân tài xã hội nào được phép nẩy nở, bên ngoài vòng tay của đảng. Hiện nay cũng không có đối trọng nào được phơi bày ra trong nước để người ta kén chọn. Như vậy, nếu cứ giữ nguyên trạng như thế này để mà bầu cử thì dù có dân chủ cũng chưa có triển vọng gì là tốt đẹp.

Nhưng trái lại, điều này mới là quan trọng, nếu để cho xã hội có một quá trình chuẩn bị sinh hoạt dân chủ thì tình hình sẽ khác hẳn. Thí dụ: nếu để một năm [cho mọi người dân] có sinh hoạt dân chủ thật thì lúc ấy tình hình bầu cử có thể đảo ngược.

VNCR: Thưa ông, vào tháng Sáu 1996 tức là sang năm, Đại Hội 8 của Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ triệu tập tại Hà Nội, ông có một tiên đoán nào cho tương lai của Đại Hội 8 không?

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

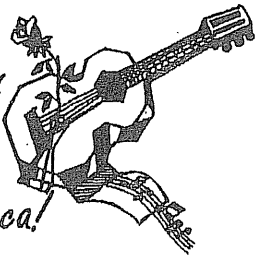

Chỉ cần mang cây đàn đến AV TRAVEL là có thể vừa đi du lịch vừa hát du ca!

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
(Góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Tiếp đãi ân cần, lịch sự

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

HSP: Thưa ông, tôi không phải là người thạo tin lắm. Bởi vì, phải có thông tin nội bộ rất xác thực mới có thể phán đoán kỹ được. Nhưng mà trong cái cuộc diện chung, tôi thấy là đảng Cộng Sản Việt Nam, về căn bản, sẽ vẫn theo đối sách cũ. Tức là cố gắng hết sức thích nghi với thời đại, không gây căng thẳng gì bên ngoài, bên trong, nhưng sẽ dùng mọi thủ pháp để có thể vẫn thực hiện đúng ý định của họ, tức là một thứ kinh tế thị trường nhưng vẫn theo xã hội chủ nghĩa để giữ độc quyền lãnh đạo. Nếu có thay đổi một chút về nhân sự, điều chỉnh một chút về cách ứng xử, cũng không có gì là lớn. Tóm lại, không có biến cố gì. Chưa có thể trông mong sự thay đổi gì lớn lao được.

VNCR: Theo ông, ông nghĩ rằng người Việt ở hải ngoại có thể làm được việc gì để góp phần vào công việc dân chủ hóa Việt Nam?

HSP: Thưa ông, cái thực trạng có một bộ phận của dân tộc nằm ở ngoài cương thổ Việt Nam là một thuận lợi rất đặc biệt cho công cuộc đổi mới đất nước. Câu hỏi của ông làm tôi suy nghĩ, vì cái việc có một đội ngũ người Việt Nam ở nước ngoài, với cái tiềm năng như thế là một việc phải hết sức vận dụng, phát triển. Tôi trộm nghĩ, có ba cái việc mà người Việt ở nước ngoài, những người có ưu tư, lo lắng cho dân tộc có thể làm được là:

1) Hỗ trợ cho tiếng nói dân chủ chân chính ở trong nước.

2) Tăng cường quan hệ mọi mặt với trong nước, từ kinh doanh đến sản xuất, đầu tư, giúp đỡ vốn, kỹ thuật, tăng cường các trao đổi văn hóa, khoa học, thể thao, du lịch, tức là bình thường hóa tất cả mọi việc, qua đó, tạo điều kiện xúc tiến các việc có ích cho đất nước.

3) Tác động vào các tổ chức nước ngoài có quan hệ làm ăn với Việt Nam để cho họ không nên vì cái lợi ích của họ mà làm ngơ trước cái ảnh hưởng của mối quan hệ đó với sự nghiệp dân chủ hóa của Việt Nam. Thấy việc có lợi [cho sự nghiệp dân chủ hóa] là Việt kiều ở ngoài đó xúc tiến thúc đẩy thêm để họ [tổ chức nước ngoài] xúc tiến thêm, nếu có việc bất lợi [cho sự nghiệp dân chủ hóa], thì phản đối để họ giảm đi. Thí dụ: một việc "bình thường hóa" [bang giao Việt Nam và Hoa Kỳ], một cái [quy chế] tối huệ quốc [mà Mỹ cho Việt Nam hưởng], nếu trong nước dân chủ phát triển tốt, có khả năng tận dụng tình hình đó để có ích dân chủ. Trong khi tình hình trong nước chưa tốt, thì một cái quan hệ bình thường như thế lại củng cố cho cái [chế độ] cũ. Cho nên việc liên hệ với các tổ chức nước ngoài, các chính phủ nước ngoài để mà điều chỉnh sự hợp tác, có việc cần phát triển lên, có việc cần ngăn chặn lại cho đồng bộ với tình hình trong nước. Hai việc này, trong những năm qua, tôi thấy là ở ngoài làm rất ít. Mong muốn sắp tới ở ngoài tăng cường mạnh hơn.

VNCR: Riêng phần thứ hai ông trình bày là góp ý với người ở hải ngoại rằng nên có sự đóng góp kinh tế, xã hội, văn hóa đối với Việt Nam thì chính những người cầm quyền Cộng Sản cũng có đưa ra những lời kêu gọi đó. Và hơn nữa, kinh nghiệm cho thấy rằng ranh giới giữa việc "đóng góp cho đất nước" và "làm mạnh cho chế độ," cái ranh giới đó rất mỏng manh. Thành thử làm thế nào cho những người Việt Nam bỏ đất nước ra đi chỉ vì không chấp nhận ý thức hệ đó có được cái tâm trở về đóng góp cho đất nước Việt Nam, mà sự đóng góp đó không dẫn tới kết quả làm củng cố chế độ? Xin ông có thể vạch ra ranh giới rõ ràng được không?

HSP: Tôi nghĩ thật là tế nhị. Bởi vì nó là sự chuyển hóa giữa cái tốt và cái xấu, nhưng phải diễn ra trong môi trường hết sức bình thường. Tôi lấy thí dụ: tất cả mọi thứ quan hệ phải ở trong trạng thái bình thường. Chớ gây ra một quan hệ gì để người ta phải cấm, phải đề phòng. Thế nhưng mà cái đó anh không thể làm một cách hoàn toàn vô tư, và trong đó anh phải gắn vào cả cái tốt lẫn cái xấu, nghĩa là anh đang làm cái đó trong cuộc đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu. Tôi nghĩ rằng cái đó có tính cách linh hoạt, nếu anh nắm vững vấn đề nguyên lý thì tùy tình hình cụ thể mà vận dụng thôi. Nguyên lý của nó là: mọi thứ phải bình thường hóa, không gây căng thẳng bất thường, nhưng hoàn toàn với ý thức là làm trong môi trường cuộc đấu tranh giữa cái cũ và mới, cái tốt và không tốt, tùy mình ứng xử trong mỗi trường hợp.

VNCR: Khi dùng bút hiệu Hà Sĩ Phu, ông có hàm ý gì?

HSP: Thưa ông, cái tên của tôi có bị đưa ra thảo luận. Trước đây, ông Đào Duy Tùng khi đi nói chuyện mọi nơi có nói, "có người xưng là sĩ phu Bắc Hà đòi dạy chúng ta về Mác-Lê nin!" Rồi khi tôi bị Bộ Nội Vụ gọi để thẩm vấn, thì Thiếu Tướng Quan Phòng có hỏi tôi "cái tên như thế anh định có ý gì?" Ý ông muốn nói cái tên đó để làm khởi động, kích động cái tinh thần sĩ phu kiên cường trong nước chăng? Tôi trả lời là lối hiểu đó là do đòi hỏi của thực tế. Người ta hiểu thế là vì trong thực tế nó đặt ra vấn đề rõ như vậy. Và nếu tên tôi có đáp ứng nhu cầu đó thì tôi không có phản đối gì cả. Thực sự ra khi tôi đặt tên đó thì họ Hà, chữ Hà đó là bộ nhân đứng chứ không phải là bộ thủy. Nhân đứng và chữ khả nghĩa là "thế nào? là ai? làm sao?" — thì tên Hà Sĩ Phu tôi định đặt nghĩa là "thế nào là sĩ phu? ai đáng là sĩ phu? hay làm gì có sĩ phu?" — tức là sau đó phải đánh một dấu hỏi. Tôi không có ý khẳng định mình xứng đáng là một người sĩ phu của Bắc Hà đâu.■

NHỮNG HỒI TƯỞNG CỦA MỘT NHÂN CHỨNG

NGUYỄN MINH CẦN

Lời dẫn: Kể từ tháng Tám, 1945, tức là từ khi Đảng Cộng Sản Việt Nam nắm chính quyền, rất nhiều vụ án oan khuất đã xảy ra trên đất nước dưới chế độ cực quyền và toàn trị đó. Có thể nói "Nhân văn - Giải phẩm (1955-1960)" là một vụ án điển hình. Điển hình vì nó đánh thẳng vào tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ đã từng tận tụy đi theo Đảng Cộng Sản và đã có công lao to lớn trong cuộc kháng Pháp giành độc lập dân tộc. Điển hình vì hậu quả của nó ngay lập tức lan tỏa ra toàn xã hội, tạo tiền đề cho "Vụ án xét lại chống Đảng" và suốt hơn 30 năm qua nó gây lên nỗi ám ảnh khủng khiếp trong đời sống văn hóa - nghệ thuật - giáo dục nước nhà. Trong nhiều năm gần đây, từ khi có "lệnh cởi trói" văn nghệ sĩ hồi tháng Mười, 1987, người ta đã được biết nhiều hơn, chính xác hơn về những sự việc, những con người trong vụ án này.

Bạn đọc, ở các số báo 74-76, đã có dịp làm quen với ông Nguyễn Minh Cần như là một nạn nhân của "Vụ án xét lại chống Đảng." Hôm nay, chúng tôi lại trân trọng đưa đến bạn đọc những tâm sự, những hồi tưởng... của ông với tư cách như một nhân chứng trong vụ án "Nhân văn - Giải phẩm." Cũng muốn được giới thiệu lại rằng trong thời gian xảy ra vụ án này ông Nguyễn Minh Cần là Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Tuyên huấn Thành ủy Hà Nội kiêm Chủ nhiệm báo Thủ đô Hà Nội.

Bài viết dưới đây do Trần Tuấn Thanh, Phạm Thị Hợp và Đỗ Quyên nhuận sắc từ băng ghi âm cuộc hỏi chuyện thân mật ông Nguyễn Minh Cần tại tòa soạn báo Thiện Chí dạo đầu tháng Tư vừa rồi.

Cuối cùng, xin được dùng bài viết này để kính viếng 100 ngày mất của cố nhạc sĩ Văn Cao, một nạn nhân đau thương trong vụ án "Nhân văn Giai phẩm."

I

... "Dạo đó tôi là Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Hà Nội, đặc trách về các công tác Tuyên huấn, Văn hóa, Giáo dục và Ngoại thành... Dưới đây tôi sẽ kể thêm một vài điều mà bài tổng quan của tôi về vụ "Nhân văn - Giai phẩm" (*) chưa có điều kiện nói kỹ.

Sau khi Đảng Cộng Sản Việt Nam chịu ảnh hưởng rất mạnh của đường lối Stalinít, Maoít, nhất là từ khi Trung Quốc giành được chính quyền trên toàn lục địa, thì cách thức cai trị đất nước của Đảng CSVN rất độc tài, phong kiến và trung cổ. Chữ "trung cổ" ở đây tôi nói không có gì oan uổng cả! Việc kiểm soát về tư tưởng rất ngặt nghèo, không khí chính trị - xã hội ở miền Bắc rất ngột ngạt. Không ai được có một ý kiến hơi sai, hơi khác.

Từ các vùng chiến khu trở về Hà Nội, anh em trí thức, văn nghệ sĩ có nhu cầu rất lớn về tự do, về sáng tác. Hồi trước, do yêu cầu kháng chiến họ phải chịu im, phải nhất nhất nghe theo lãnh đạo. Nay đất nước được giải phóng rồi thì trí thức, văn nghệ sĩ cũng đòi hỏi được giải phóng theo kiểu "Đường lối lãnh đạo là của các anh, nhưng phương pháp sáng tác là của chúng tôi." Tôi cho rằng đấy là nhu cầu tự nhiên.

Dạo đó, các sáng tác văn nghệ đều bị kiểm duyệt tới từng câu chữ, chi tiết. Đề tài lịch sử là cái người ta rất cẩn thận khi xem xét vì cho rằng dễ bị ám chỉ: nói thời phong kiến xa xưa đấy mà lại là chuyện đương thời. Thế là đến cuối 1954 đầu năm 1955, một số văn nghệ sĩ trong quân đội, đứng đầu là nhà văn Trần Dần, đã nhóm họp để chuẩn bị các đề nghị xin Đảng cho tự do sáng tác cũng như cải tiến các công tác quản lý văn nghệ trong quân đội. Sau này người ta hay nhắc lại các đề nghị đó trong một câu được Trần Dần phát biểu với Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị: *"Trả văn nghệ lại cho văn nghệ sĩ."*

Mở đầu phong trào "Nhân văn - Giai phẩm" là như thế! Nhưng thực ra đó chỉ là một cái cớ! Văn nghệ sĩ sau kháng chiến có đòi hỏi nội tâm rất lớn. Anh em chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng, còn Đảng thì cần coi văn nghệ là công việc của văn nghệ sĩ, đừng can thiệp thô bạo vào sáng tác của họ. Thế nhưng, giới lãnh đạo Đảng đã buộc tội Trần Dần và nhóm văn nghệ sĩ nói trên là có "quan điểm tự do, tư sản và phản động," "phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng" v.v... Các anh bây giờ khó mà hình dung nổi cái quan niệm của thời đó: người ta cho rằng đã trí thức tức là có tư tưởng tư sản, dù theo kháng chiến, dù là đảng viên cộng sản. Người ta không chịu tin

người trí thức, kể cả những trí thức đã hầu như suốt đời đi theo cách mạng.

Ví dụ như ông Trương Tửu. Ông đi kháng chiến, đến khi ông có ý kiến hơi khác thì bị đặt vấn đề ông có thật tâm theo kháng chiến hay không. Trường hợp ông Phan Khôi cũng vậy. Ông mà chạy vào Nam thì hẳn sẽ có cương vị khác, nhưng ông đã theo kháng chiến. Hoặc với Trần Dần... Anh đã viết những cuốn sách ca ngợi kháng chiến, như tiểu thuyết "Người người lớp lớp" nói về chiến dịch Điện Biên Phủ. Đến khi anh có ý kiến khác thì đời tư bị moi móc. Tất nhiên vì đã học ở trường Tây ra nên anh thích trường phái này, học thuyết họ. Cả chuyện anh yêu một cô gái trong vùng địch tạm chiến cũng bị coi là "mất lập trường"! Chắc các anh ở đây có đọc một bài mới đăng của Nguyễn Khải có tên là "Người vợ." Cách viết bài đó thì tôi không thích nhưng phải nói đúng là kể về gia đình Trần Dần đấy. Rồi Trần Dần bị theo dõi, bị bắt lần một, lần hai... Anh tự tử mà không chết. Thế là mai một cả một đời văn, một đời thơ... Tất nhiên văn thơ của anh có người thích có người không, ở đây tôi muốn nói qua về hoàn cảnh, về không khí của sự mở màn ước mơ sáng tác dạo đó" (thở dài)...

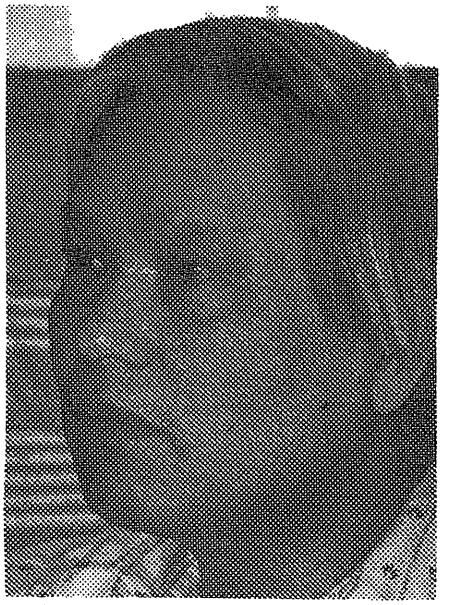

Nguyễn Minh Cần

II

... "Tư trào này có tên "Nhân văn - Giai phẩm" vì các quan điểm về văn nghệ, cũng như về kinh tế, chính trị của nó được thể hiện trên tờ báo *Nhân văn* và trên các tập *Giai phẩm*.

Tập *Giai phẩm 1956* (sau gọi là *Giai phẩm mùa xuân*) do nhiều người nổi tiếng chủ trương như nhà thơ Hoàng Cầm, nhà thơ Lê Đạt, nhạc sĩ Văn Cao, họa sĩ Sỹ Ngọc, nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, và được ra mắt vào đầu năm 1956 với các bài đáng chú ý là bài thơ "Ông bình vôi" của Lê Đạt, bài thơ dài "Nhất định thắng" của Trần Dần.

Còn tờ "Nhân văn" số 1, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, thì ra ngày 20 tháng Chín, 1956. Lúc đó tôi biết các việc như vậy vì phải chịu trách nhiệm về các công tác tuyên huấn - văn hóa - giáo dục của Hà Nội...

Một hôm, trên Trung ương chỉ thị xuống bảo phải triệu tập hội nghị thường vụ Thành ủy. Chúng tôi đến họp đông đủ. Người thay mặt Trung ương đến hội nghị là ông Tố Hữu. Vừa đến một cái ông liền nói: "*Nhân văn, Giai phẩm* nó ra như thế mà các anh không có thái độ gì rõ rệt cả!" Tất nhiên là tôi phải phát biểu tự bênh vực mình và các anh em khác: "Nhưng mà những gì được trình bày trên *Nhân văn* số 1, số 2 là của giới trí thức, chứ chưa có gì thể hiện sự chống đối mình rõ rệt. Theo tôi, cứ để xem tư tưởng của họ ra sao đã..."

Ông Trần Danh Tuyên, lúc đó là Bí thư Thành ủy, ngồi cạnh tôi cứ bấm bấm vào người tôi ra hiệu để tôi đừng nói nữa. Từ lúc ấy hội nghị Thành ủy trở thành cuộc độc thoại của ông Tố Hữu... "Các anh mất cảnh giác chính trị trước một trào lưu tư tưởng tư sản đang chống đối chế độ," "Hà Nội các anh chưa nhận thức đầy đủ tình hình hiện nay!," "Các anh không thấy ở Hungari tình hình bắt đầu như thế nào à? Nó bắt đầu từ "Câu lạc bộ Petofi" rồi phát triển thành một cuộc khởi nghĩa chống lại chính quyền dạo tháng Mười, 1956" v.v... và v.v...

Sau đó Tố Hữu đề ra những việc phải làm "để chống lại những luồng tư tưởng có hại cho sự nghiệp thống nhất đất nước." Ông giải thích rõ là "phải đánh vào tâm lý yêu nước, mong thống nhất Tổ quốc của nhân dân để tìm sự đồng cảm của họ khi chúng ta bài bác các tờ báo đó."

Tất nhiên là đến lúc ấy mọi người dự hội nghị chả ai có ý kiến gì nữa. Tôi thì tôi cũng im... *(tất cả cùng cười...)*

Vâng, đó là hội nghị lần thứ nhất của Thành ủy Hà Nội bàn về vụ này. Rồi đến hội nghị lần thứ hai, cũng trong năm 1956, lần này là vào giữa tháng 12. Lúc đó, ông Tố Hữu nói rằng: "Tờ *Nhân văn* số 6 đã kích động quần chúng biểu tình nhân dịp Quốc hội sắp họp." Thú thực với các anh là chúng tôi ở Thành ủy Hà Nội không hề biết mô tê gì về nội dung của *Nhân văn* số 6. Tôi không biết ông Tố Hữu đã đọc số báo này chưa và cũng không biết thực ở đó có bài mang nội dung kích động biểu tình hay không. Theo tôi điều đó không có! Lúc đó Tố Hữu la ó như vậy thì số 6 mới sắp lên khuôn, đã được in ra đâu cơ chứ! Thế rồi Vũ Định, là người phụ trách công đoàn Hà Nội, phải chịu trách nhiệm giải thích cho công nhân nhà in Xuân Thu để hãm việc in báo số 6. Dù đó là chuyện kiếm

ăn của anh em công nhân nhưng việc thuyết phục để không in báo số 6 cũng không khó khăn lắm.

Nói thêm là nhiều anh em công nhân trực tiếp in *Nhân văn* rất thích đọc báo này, còn trên báo chí chính thức của Đảng về sau lại kể rằng "Chính anh em công nhân đã có ý thức phát hiện ra vấn đề trong *Nhân văn* và yêu cầu Đảng đóng cửa tờ báo"! Báo chí của Đảng lúc đó còn kết tội là "từ số 4 và số 5 *Nhân văn* đã chuyển sang vấn đề chính trị"! Thật là chung chung và rất nguy hiểm, các anh ạ! Tôi theo dõi năm số báo đó, tôi biết... À, còn việc thứ hai mà trong hội nghị Tố Hữu giao cho Hà Nội, đó là cùng chuẩn bị một chiến dịch diệt "Nhân văn - Giai phẩm."

III

... "Việc đánh phá và đấu tố, hay nói gọn là đàn áp, tư trào "Nhân văn - Giai phẩm"" thì tôi đã nêu khá chi tiết trong bài viết trước đây (*). Cần nhắc lại là chỉ trong cùng một ngày 15 tháng Mười Hai, 1956, đã xảy ra các sự kiện sau: Chủ tịch ủy ban hành chính thành phố Hà Nội, bác sĩ Trần Duy Hưng, ra quyết định đóng cửa báo *Nhân văn*; Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh ra sắc lệnh về báo chí chấm dứt tình trạng báo chí xuất bản tự do; các báo chính thức trong nước đăng tuyên bố của 180 nhà báo (mà không có danh sách) lên án báo *Nhân văn*; báo *Nhân dân* đăng tuyên bố của các nhà văn Nam bộ tố cáo *Nhân văn* là phương tiện của địch gây chia rẽ Bắc-Nam.

Tôi muốn nói thêm là sau khi tiếp quản Hà Nội vẫn còn lại vài tờ báo tư nhân, như tờ *Thời mới* của ông Hiền Nhân. Đảng CSVN luôn chủ trương không có tờ báo nào ngoài các tờ của Đảng nhưng với tờ báo như *Thời mới* đã chịu ở lại không vào Nam mà đóng cửa họ thì sẽ ảnh hưởng đến miền Nam. Chính vì vậy mà sau 1954 có vài tờ báo tư nhân được phát hành. Ngoài *Nhân văn* và *Giai phẩm,* còn có *Trăm hoa, Đất mới*... Song số lượng các báo tư nhân đều nằm trong tay các cơ quan nhà nước, vì nhà nước quản lý số lượng giấy in.

Trong sắc lệnh ra trước khi có vụ án "Nhân văn - Giai phẩm" dường như là có vẻ tư nhân được ra báo, nên nhiều người bây giờ cứ tưởng là dường như dưới thời ông Hồ Chí Minh luật báo chí rộng hơn luật báo chí gần đây! Tôi cho là không cái nào hơn cái nào cả! Thời ông Hồ Chí Minh chỉ vì miền Nam chưa nằm trong tầm tay của Đảng, còn nay đã chịu sự thống trị chung rồi thì họ thẳng thừng nói là tư nhân không được ra báo. Tất cả chỉ là chiến thuật mà thôi.

Nói thật để các anh hiểu là lúc đó tôi chán lắm... Tôi bắt đầu thấy chán từ dạo đó. Tôi tham gia cách mạng từ nhỏ, dạo còn đi học vẫn ước ao thực hiện lý tưởng cách mạng dân chủ như cuộc cách mạng dân chủ Pháp. Thế mà bây giờ thì chế độ không có gì là dân chủ, tự do cả. Cũng như nhiều người khác tôi phải qua đấu tranh để chuyển hóa mình, để tự lột xác mình. Và dạo đó tôi thấy mình bất lực, dù rằng kể từ khi được Trung ương điều ra Hà Nội vào năm 1951 tôi đã được giao cho trọng trách Bí thư Ngoại thành Hà Nội, rồi thời kỳ xảy ra vụ "Nhân văn - Giai phẩm" tôi làm Trưởng ban Tuyên huấn Thành ủy. Do đó, khi có các cuộc họp bàn về "Nhân văn - Giai phẩm," trừ những lần phải đi còn thì phần nhiều tôi cử hai người đi thay mình: bên Tuyên huấn tôi cử anh Hiệp, bên báo *Thủ đô Hà Nội* thì là anh Bùi Hạnh Cẩn hoặc anh Đinh Nho Khôi. Nói chung đi họp về, các anh ấy cứ theo lệnh của cấp trên mà thi hành. Tôi ít để ý tham gia vào các việc đó.

Một lần nữa tôi nói rõ rằng: tôi có chân trong Đảng, Đảng chịu trách nhiệm vụ án này và do vậy bản thân tôi cũng phải chịu trách nhiệm! Vâng, có anh vừa hỏi rằng ở cương vị Trưởng ban Tuyên huấn và lại là chủ nhiệm báo Đảng của Hà Nội, thì tôi có viết gì để chống các tờ "Nhân văn - Giai phẩm" không. Đúng là dạo đó anh em có đặt viết bài nhưng tôi không viết. Tôi có thể nói với các anh ở đây là không có bài báo nào của tôi trong vụ này. Dạo đó tôi có lý do chính đáng là rất bận và hay phải đi ngoại thành. Giờ mới thấy đó là cái may cho tôi *(cười vui vẻ).* Vâng, đó là sự thật đấy! Cần nói rõ với nhau thế này: các bài "đánh" anh em "Nhân văn - Giai phẩm" đều do Ban Tuyên huấn Trung ương đặt người viết, kể cả các bài đăng ở báo địa phương như Hà Nội, Hải Phòng... Đảng làm việc này chặt chẽ lắm! Có kế hoạch chuẩn bị từ trước của Trung ương là bài nào đăng ở báo nào, ngày nào, ai viết, viết gì... Các Thành ủy địa phương không phải bàn cãi, cứ thế mà làm.

Công việc quan trọng nhất mà Trung ương Đảng đặt ra cho vụ án này là phải làm trong sạch hóa đội ngũ đảng viên trong tầng lớp nhà văn, nghệ sĩ. Kiểu đấu tố như chỉnh huấn, chỉnh phong trước đó lại được sử dụng. Các vị nhà văn, nghệ sĩ... cần phải đấu tranh đều bị lập hồ sơ trước và trong các cuộc họp tất cả các văn nghệ sĩ, trí thức có liên quan đều phải đến để "đấu," để "tố" các vị ấy.

Đầu năm 1958 đã có hai lớp học tập cho gần 500 văn nghệ sĩ, trí thức theo tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị. Nói chung nhắc đến các lần đấu tố văn chương này thì thấy thật đã man và đáng xấu hổ, người ta "tặng" cho nhau các từ ngữ, các danh xưng không "văn chương" một chút nào như tôi đã kể chi tiết trong các bài báo tôi đã viết trước đây (*). Đại để những việc đó do Ban Tuyên huấn Trung ương và bên Công an lo cả, phía Hà Nội chỉ có nhiệm vụ giản đơn là giải thích để trí thức và sinh viên được thông hiểu. Cần nhớ là sinh viên ta dạo đó rất tự do và

cởi mở. Có nơi anh em liều mạng lắm nhé! Mặc dù bị làm công tác tư tưởng rồi mà họ vẫn ủng hộ các báo *Nhân văn, Giai phẩm.* Có những sinh viên còn viết bài đăng trên báo *Nhân văn* bênh vực báo này. Những người đó bị vào "sổ đen" cả!

Ở nông thôn người ta ít biết đến hai tờ *Nhân văn* và *Giai phẩm.* Còn ở các thành phố thì chủ yếu chỉ là ở Hà Nội, Hải Phòng, và Nam Định. Tôi nhớ là tờ *Nhân văn* số 1 rất hiền lành với tuyên bố rằng "Đứng dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Marx-Lenin với tinh thần thực tiễn" và ra sức tuân theo các nhiệm vụ Đảng giao phó. Các bài có tính mới lạ gây sự thu hút của sinh viên và trí thức là bài của luật sư Nguyễn Mạnh Tường và giáo sư Đào Duy Anh trong đó có nói đến việc mở rộng tự do, dân chủ, phê bình sự lãnh đạo gò bó và độc đoán trong văn nghệ. Trong các cơ quan nhà nước người ta tranh luận nhiều về *Nhân văn* số 1. Ngay cả đảng viên chúng tôi đang ở cương vị lãnh đạo cũng không phản đối. Tất nhiên quan điểm của tôi lúc đó chưa thể được rộng rãi như bây giờ. Nhưng ngay lúc đó tôi cũng thấy không có gì đáng phải bóp mồm, bóp miệng họ lại như Đảng đã làm.

Nhân văn ra số đầu tiên mà đã được dư luận bạn đọc chú ý đến ngay lập tức, theo tôi, trước hết là do sự phản ứng của Đảng. Làm như thế chính Đảng đã tuyên truyền cho tờ báo ấy! Vì các ông lãnh đạo đã vội vàng võ đoán "chụp mũ" đấy là lực lượng chống đối, là phản động, phản cách mạng... Họ đã dùng dao mổ bò để hạ sát chú chim sẻ! Ngay sau khi số 1 *Nhân văn* ra mắt được năm ngày thì báo *Nhân dân* của Đảng đã tung ra một bài của Nguyễn Chương, Phó ban Tuyên huấn Trung ương, vu khống và ghép tội chính trị cho tờ *Nhân văn.* Bài này dù ký tên Nguyễn Cương nhưng thực ra là bài của cả Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng. Rồi sau đó là các bài của Quang Đạm, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi... "đánh" tờ *Nhân văn.*

Thế là *Nhân văn* đến các số 2, số 3 càng đông đảo bạn đọc hơn nhờ những bài công kích vô cớ của Đảng. Các ông lãnh đạo lúc đó đã ngây thơ... À, không! Các ông ấy không bao giờ ngây thơ cả, mà sâu sắc lắm. Nói đúng ra là lúc đó họ vụng về trong vụ này nên mới làm như vậy. Không kể các cuộc đấu tố giữa các nhà văn, các nghệ sĩ với nhau, riêng ở Hà Nội còn có các "buổi học" để ổn định tư tưởng cho dân chúng cũng như để đàn áp tư tưởng sinh viên, trí thức ủng hộ các báo đó.

Thời kỳ cuối của vụ án, Tố Hữu ít xuất hiện ở thành ủy Hà Nội. Hà Nội được giao chuẩn bị để xử án nhằm trừng trị những người lãnh đạo "Nhân văn - Giai phẩm." Vì thế ở các hội nghị thường vụ Thành ủy Hà Nội Tố Hữu không đến nữa mà lại là ông Hoàng Quốc Việt, lúc đó làm Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao. Sau ba, bốn năm với các cuộc đàn áp tàn bạo và có hệ thống dân chúng thì sợ, trí thức thì co lại. Báo Đảng liên tiếp đăng các bài "thú tội" của Trần Dần, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Đức Thảo, Hoàng Cầm và của những người bị coi là "ảnh hưởng tư tưởng, Nhân văn - Giai phẩm" như Tế Hanh, Nguyên Hồng... Sang năm 1960 Đảng đã dựng vấn đề lên thành vụ án để đè bẹp đến cùng giới trí thức, văn nghệ sĩ miền Bắc. Nhưng Đảng đã tránh tiếng "vụ án văn chương" khi chỉ thị cho tòa án xử thành "vụ án gián điệp." Các giấy mời người đến dự phiên tòa này đều do Sở Công an Hà Nội phát ra. Đương nhiên không có khách mời là người nước ngoài!

Thành ủy Hà Nội chúng tôi phải lo chuẩn bị một hệ thống truyền thanh trên khắp nội thành Hà Nội để buổi xử án có vẻ "dân chủ," toàn dân được nghe mà! Chúng tôi biết "thân phận" của mình, tức là không được cho bàn chuyện xét xử mà chỉ được lo các việc phụ. Cùng lắm là tìm luật sư bảo vệ, lập bồi thẩm đoàn... cho có hình thức. Thế là vào ngày 21 tháng Một, 1960 Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên án các "tên gián điệp" Lưu Thị Yên (tức Thụy An) và Nguyễn Hữu Đang mỗi người 15 năm tù, Trần Thiếu Bảo (chủ nhà in Minh Đức) 10 năm tù và hai tòng phạm khác năm năm tù. Hôm đó chúng

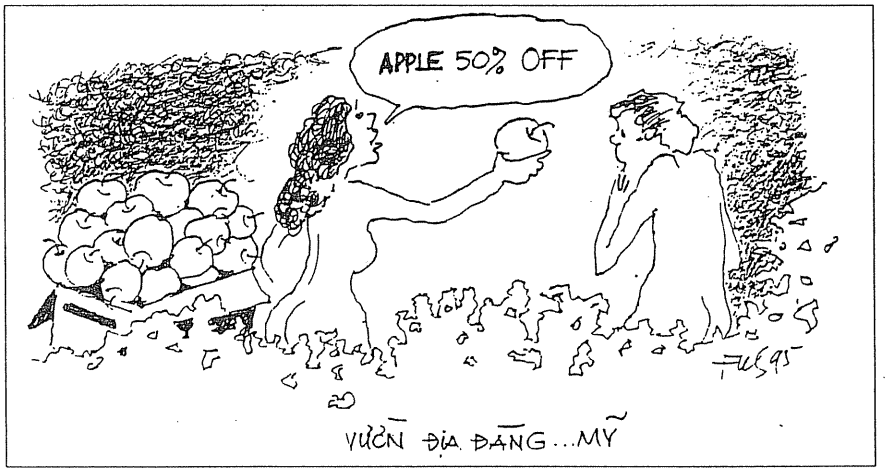

tôi đến dự cả, nhưng ngồi sau hậu trường. Ông Hoàng Quốc Việt cũng dự cùng chúng tôi.

Đại để phiên tòa xử theo kiểu gần như đấu địa chủ. Thụy An cũng có nói vài điều để thanh minh cho các lời buộc tội. Luật sư bào chữa cho Thụy An là một anh do Thành đoàn Thanh niên cử ra. Dù làm theo chỉ thị của Đảng nhưng tất nhiên khi "bảo vệ" thì anh cũng phải nói thế này, thế kia. Tôi nhớ là Hoàng Quốc Việt đã kích tay Trần Danh Tuyên và hỏi: "Thằng này có phải đảng viên không đấy? Nó mà nói thế thì làm sao tiện cho án quyết!."...

Cả Hà Nội bàng hoàng và im lặng sau khi vụ án được xét xử quá nhanh gọn. Nhưng thực chất, "vụ án gián điệp" được xử công khai chỉ là "phần nổi," "phần chìm" của sự kiện "Nhân văn - Giai phẩm" còn dữ dội hơn. Hàng chục văn nghệ sĩ, trí thức, giáo sư đại học, nhà báo... bị bỏ tù vài năm mà không hề được xét xử công khai, như Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Trần Đức Thảo... Nhiều người bị trấn áp, truy bức đến lâm bệnh và chết trong uất hận như Phan Khôi, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Bính... Hàng ngàn người có cảm tình với "Nhân văn - Giai phẩm" bị mất việc, bị xét hỏi, ghi lý lịch, gia đình bị trù dập...

Thảm kịch đó kéo dài hơn suốt 30 năm qua ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Cả một lớp trí thức, văn nghệ sĩ tài ba, uyên bác bị vùi dập oan uổng. Cả một thời gần một phần ba thế kỷ nền văn học, nghệ thuật và giáo dục của đất nước bị thui chột!

Cũng còn một chi tiết éo le là sự ảnh hưởng của vụ án đến miền Nam. Chế độ miền Nam tất nhiên là làm rầm rộ vụ án này để tuyên truyền các mặt trái của chế độ miền Bắc. Nhưng sau này, khi hỏi chuyện anh em miền Nam thì được biết là họ không tin. Họ lại tưởng sự việc bị bịa đặt ra chứ làm gì đến mức thế. Trong khi đó, giới lãnh đạo miền Bắc lại bảo: "Đài báo trong Nam đã nói vậy thì chắc hẳn bọn "Nhân văn - Giai phẩm" chính là đã cấu hết với bè lũ phản động ở miền Nam"! Họ coi đó là cái cớ để khép tội nặng hơn.

Cá nhân tôi trước vụ án cũng không biết nhiều về Thụy An và Nguyễn Hữu Đang... Về Thụy An thì trước đó cô có tham gia trong một đội kịch nói. Cô hay viết kịch bản. Người ta "bới" trong lý lịch cũ của cô một chi tiết là Thụy An có quen biết một người Pháp, và chi tiết này được dùng làm "bằng chứng" để buộc tội "gián điệp." Nguyễn Hữu Đang cùng Thụy An làm *Nhân văn* nên chắc chắn cũng là "gián điệp"! (LTS: Xin xem TK 21 số 79, bài Thụy Khuê phỏng vấn Nguyễn Hữu Đang, cho thấy Thụy An thực ra không liên quan đến vụ "Nhân văn - Giai phẩm"). Chúng ta đều biết Nguyễn Hữu Đang trước đó đã từng làm Thứ trưởng trong chính phủ Hồ Chí Minh, rồi ra khỏi chính phủ và hình như có bất mãn với người này, với việc nọ... chứ làm sao lại coi bất mãn như một tội chính trị được! Nguyễn Hữu Đang còn từng là người lãnh đạo đầu tiên của "Hội truyền bá chữ quốc ngữ" và việc này là tự ông tham gia chứ chưa phải do Đảng Cộng sản phân công. Ông rất có uy tín trong giới trí thức, văn nghệ sĩ thời xảy ra cách mạng tháng Tám 1945. Còn khi ông làm "Hội văn hóa cứu quốc" thì đó là sự phân công của Đảng."...

IV

... "Vài điểm nữa cần nhấn mạnh khi nói đến vụ án "Nhân văn - Giai phẩm." Trước hết, "Nhân văn - Giai phẩm" không phải là phong trào mà chỉ là "tư trào," tức là trào lưu tư tưởng, như tôi đã viết trong các bài trước đây (*). Nó càng không phải là vụ án chính trị! Càng không phải là vụ án gián điệp! Anh chị em dạo đó chỉ muốn bày tỏ khát vọng tự do sáng tác, tự do tư tưởng trong văn nghệ. Đó không phải là sự chống đối chế độ cộng sản, mà mới chỉ là bước đầu sự chống đối về mặt tư tưởng đối với một số chính sách lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong văn học - nghệ thuật. Mà bước đầu chống đối đó còn ở mức rất thấp, rất ôn hòa, dè dặt và nhẹ nhàng. Nói chung thì những gì "Nhân văn - Giai phẩm" đã làm không đến mức phải bị đàn áp

Hãy tìm đọc

TRIẾT

tạp chí triết học và tư tưởng

Chủ Nhiệm: Nguyễn Hữu Liêm

Chủ Bút Triết Đông: Như Hạnh

Chủ Bút Triết Tây: Phan Công Chánh

Tổng Thư Ký: Phạm Việt Cường

Số ra mắt tháng 10, 1995 gồm các tiểu luận của Phan Công Chánh, Nguyễn Vĩnh Để, Như Hạnh, Trần Đức Thảo, Nguyễn Văn Trung....

Khổ lớn, dày 245 trang, trình bày trang nhã, mỹ thuật. Giá mỗi cuốn 10 Mỹ kim. Xin hỏi ở các hiệu sách, nhà Xuất Bản Văn Nghệ, hay tòa soạn ở 1943 Tully Road, San Jose, CA 95122 USA. Đt: (408) 223-8490.

đến tàn bạo như vậy!

Thứ nữa, với bối cảnh thế giới hồi đó, ngoài các sự kiện bạo động ở Ba Lan, ở Hungari và phong trào "trăm hoa đua nở" ở Trung Quốc, Đại hội ĐCS Liên Sô lần thứ XX hồi tháng Hai, 1956 đã có tác động đến tư trào "Nhân văn - Giai phẩm."

Ở đây tôi không nói đến "Báo cáo bí mật" của Khrutsov về Stalin, vì "Báo cáo..." này ở Việt Nam dạo đó bị giấu rất kín. Ngay ở Liên Sô cũng chỉ có một số các bộ đảng và trí thức được biết. (Nói thêm là bản văn chính thức của "Báo cáo bí mật" đó bị "lọt" ra ngoài là do một người trong Đảng CS Ba Lan đã cung cấp cho các nhà báo Mỹ). Tôi chỉ muốn nói là sau đại hội XX đó, không khí chung của việc chống sùng bái cá nhân, của việc mở rộng dân chủ trong đảng đã phần nào đến được với một số trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam qua một số nguồn tin tức đã bị cắt xén. Chính tạp chí lý luận của Đảng, tờ *Học tập* ở thời kỳ Trường Chinh, còn tán thành một phần nào đó tinh thần của Đại hội này, đã đăng bài của Đại hội. Đây chính là cú đẩy tư tưởng dân chủ đi đến xu hướng muốn được nới rộng. Trước đó nó bị thít quá chặt, lại thêm bất bình của dân chúng trong vụ "Cải cách ruộng đất" dẫn đến tháng Chín, 1956 Đảng phải cam chịu thừa nhận sai lầm trong vụ này.

Còn về câu hỏi mà một anh ở đầy vừa có dịp về Việt Nam hỏi chuyện Lê Đạt đặt ra "Ai là người có vai trò xuất phát cho "Nhân văn - Giai phẩm": Lê Đạt hay Trần Dần?," tôi có ý kiến như thế này... Anh có nói rằng chính nhà sử học Pháp Boudarel cũng mới cho hay là ông sẽ sửa lại điều đã viết trong cuốn sách nổi tiếng của mình về "Nhân văn - Giai phẩm" khi đã cho rằng tư trào này xuất phát từ Trần Dần với ảnh hưởng của vụ án Hồ Phong viết thư cho ĐCS Trung Quốc và Mao Trạch Đông phê phán đường lối văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Tôi thì tôi không có ý xác định vai trò của từng người trong tư trào "Nhân văn - Giai phẩm." Thú thực là một mình tôi không có điều kiện làm việc đó. Có lẽ các nhà văn học sử sau này sẽ làm. Ở vấn đề này tôi nhìn theo thứ tự thời gian và trình bày với tính khách quan lịch sử của mỗi sự kiện. Anh Lê Đạt có thể có cách nhìn của mình khi cho rằng "Nhân văn - Giai phẩm" đã xuất phát từ việc anh cùng Trần Dần và Hoàng Cầm phê bình thơ Tố Hữu.

Trong bài viết trước đây, tôi cũng đã nói kỹ về sự kiện vào giữa tháng Tám, 1955 có cuộc phê bình tập thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu, và tôi không nói đến việc tư tưởng dân chủ của Hồ Phong bên Trung Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến Trần Dần hay không. Nhưng xét về mặt thứ tự thời gian, chính lời đề nghị nổi tiếng *"Trả văn nghệ lại cho văn nghệ sĩ"* là cú đẩy đầu tiên, là "dâng sớ thiên tào" của tư trào "Nhân văn - Giai phẩm." Theo tôi là vậy! Dù muốn hay không, về mặt lịch sử mà nói thì xuất phát điểm phải là cuộc họp với các đề nghị của một số văn nghệ sĩ quân đội ấy mà đại diện là Trần Dần (trong đó còn có cả nhạc sĩ Đỗ Nhuận, về sau Đỗ Nhuận quay ra tố cáo anh em!) Rồi đến vụ phê bình thơ Tố Hữu, tiếp nữa là việc ra "Giai phẩm" rồi đến "Nhân văn" v.v...

Tờ *Trăm hoa* của nhà thơ Nguyễn Bính có lẽ là độc lập, tôi không rõ lắm. Điểm nữa phải nói thêm: nếu như Tố Hữu không phải là một nhà lãnh đạo thì việc phê bình tập "Việt Bắc" đã chẳng gây ra chuyện gì. Đằng này Tố Hữu là như thế thì tự nhiên việc chê thơ Tố Hữu bị trở thành vấn đề chính trị. Tôi không biết chính xác là ông Hồ có nói câu "Tố Hữu là nhà thơ lớn của dân tộc nên không ai được động đến (!)" hay không, nhưng thời đó trong các lời giải thích trên báo chí người ta hay dùng cái câu "Kẻ địch lúc này không mong gì hơn là chúng ta chê thơ Tố Hữu." Thật là một câu nói rất "độc"! Nói như thế khác gì bịt mồm tất cả lại, vì thực ra trên quan điểm văn học - nghệ thuật thơ Tố Hữu hay thơ Trường Chinh, rồi cả thơ Hồ Chí Minh, thì ta cũng đều có quyền phê bình.

Tôi đang còn giữ bài của Hoàng Cầm viết về con người Trần Dần đăng trên *Nhân văn* số 1, trong đó có trích những lời phê bình của Trần Dần đối với thơ Tố Hữu. Chẳng hạn, "thơ Tố Hữu nhỏ bé, nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại," "Tố Hữu mắc sai lầm thần thánh hóa lãnh tụ," "không phản ánh đúng, phản ánh hết tầm cao lớn của cuộc sống" v.v... Cái đó chạm nọc quá! Và vấn đề là ở chỗ đó... Thời ấy có lẽ Trần Dần là người bị đấu nhiều nhất! Bài thơ "Nhất định thắng" của anh bị đấu riêng một buổi tối. Còn Lê Đạt thì "phạm tội rất lớn" với bài thơ "Ông bình vôi" có những câu ai ai cũng thuộc: *"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi/ Y như một cái bình vôi/ Càng sống càng tồi/ Càng sống càng bé lại."* Dù bị nghi là ám chỉ lãnh tụ, nhưng bài này lại không bị lôi ra đấu. Người ta rất "khôn," để tránh đụng chạm vào các điều phạm húy nên đã "đánh" Lê Đạt ở các bài khác, như bài thơ "Nhân câu chuyện những người tự tử."

Sau chót nói về trách nhiệm trong vụ án "Nhân văn - Giai phẩm," nhân một anh vừa hỏi xem tôi nghĩ ra sao về cá nhân ông Tố Hữu trong vụ này. Tố Hữu, lúc đó là Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, đã trực tiếp lập kế hoạch và đích thân chỉ huy "trận giao phong tư tưởng" (theo chữ mà ông hay gọi) này. Ông hò hét chống lại một trào lưu tư tưởng không có nguy hại lắm (mà rất có thể có tác dụng xây dựng, tích cực nếu biết sử dụng) đến sự lãnh đạo của Đảng, nên tôi cho là trong việc này không thể loại trừ các tính toán cá

nhân của ông.

Yếu tố thứ nhất: lúc đó báo chí ca ngợi Tố Hữu như người có công khai phá cho một cuộc cách mạng thơ ca Việt Nam hiện đại. Đùng một cái thì tập thơ "Việt Bắc" của ông bị phê, bị chê. Yếu tố thứ hai, như mọi con người bình thường khi bị phê bình bởi các ý kiến thẳng thắn ai chẳng khó chịu. Tố Hữu cũng vậy. Và cũng như mọi người bình thường ai chẳng ước mơ địa vị cao hơn. Một Ủy viên trung ương mà vào được Bộ Chính trị, hay ít nhất cũng vào được Ban Bí thư, thì cả là một chuyện ghê gớm, là một sự đổi đời. Khó mà đo được lòng người, các anh ạ!

Tôi không có bằng chứng cụ thể, song về hình thức thì thấy sau vụ "Nhân văn - Giai phẩm" Tố Hữu được vào Ban Bí thư Trung ương Đảng, rồi về sau nữa vào Bộ Chính trị. Hiện tôi vẫn giữ một tuyển tập bài nói của Tố Hữu dạo đó, mà nhiều khi tôi muốn vất nó đi. Đọc nó mới thấy Tố Hữu lúc đó rất chủ quan và thay đổi rất nhanh từ lời ăn tiếng nói, coi mình như là cái gì đấy hoàn thiện. Này, dạo đó Tố Hữu ăn khớp với Nguyễn Chí Thanh lắm! Đại để là như thế... Cho nên sau này mới có chuyện "nhà thơ đi làm kinh tế," rồi sinh ra vấn đề "Giá lương - Tiền" gây tai hại biết bao cho đất nước, cuối cùng dẫn đến sự hạ bệ của Tố Hữu.

À, còn chuyện Tố Hữu mới được nhà nước trao tặng huân chương Sao Vàng, các anh hỏi tôi có cảm giác gì à? Tôi cho đó là một chuyện bình thường, vì họ thì phải cho họ thôi! Nếu gắn huân chương cho Trần Dần hay cho Nguyễn Hữu Đang thì chuyện mới đáng nói. Đừng quên là sau khi bị hạ bệ, Tố Hữu vẫn còn được ngấm ngầm ở trong "Ban Nghiên cứu Chiến lược" của Đảng. Tức là như bao trường hợp khác: ai gây tai họa cho dân thì chỉ bị Đảng cách chức, hạ bệ ở bên ngoài, nhưng bên trong vẫn còn vai trò cố vấn!

Trở lại câu chuyện chính của chúng ta... Toàn Đảng CS cầm quyền phải có trách nhiệm trước lịch sử và đất nước về vụ án "Nhân văn - Giai phẩm." Trách nhiệm chính là Trung ương Đảng, nhất là Bộ Chính trị mà đứng đầu là Hồ Chí Minh (Chủ tịch đảng kiêm Tổng Bí thư từ tháng Chín, 1956 đến tháng Chín, 1960), Trường Chinh (Tổng Bí thư đến tháng Chín, 1956), Lê Duẩn (Bí thư thứ nhất từ tháng Chín, 1960 và về sau là Tổng Bí thư cho đến khi mất).

Trên thực tế Bộ Chính trị độc quyền quyết định mọi việc. Còn trách nhiệm trực tiếp, đó là của hai ông Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác Tư tưởng - Văn hóa - Văn nghệ và Giáo dục, và Tố Hữu. Không thể nào không tính đến trách nhiệm của chính những "ông quan văn nghệ," những "cai tù văn nghệ" của Đảng như Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Chương, Hồng Chương, Hà Xuân Trường, Như Phong, Hoàng Xuân Nhị, Chính Hữu v.v...

Ngoài số này, còn có rất nhiều bồi bút và công an văn hóa đã đàn áp, đấu tố văn nghệ sĩ. Cũng cần phải nói rõ rằng chính đại đa số văn nghệ sĩ, trí thức... đã khiếp sợ mà đành phải đứng vào trận tuyến chống lại "Nhân văn - Giai phẩm" bằng các hành vi a dua, theo đóm ăn tàn, "đánh hội đồng" các đồng nghiệp của mình. Chúng ta nhắc các điều này, không phải để khêu gợi hận thù và báo thù, mà chỉ là để cho lịch sử cần phải được rõ ràng. Muốn thế cần có sự sám hối của từng con người, và của cả giới lãnh đạo. Bởi chỉ có thế mới không còn tái diễn các thảm kịch đau khổ của dân tộc mà "Nhân văn - Giai phẩm" chỉ là một. Chỉ có thế mới xóa bỏ được chế độ cộng sản cực quyền, mới hy vọng xây dựng nên xã hội tự do - dân chủ đích thực cho dân tộc Việt Nam, cho nền văn hóa - văn nghệ Việt Nam.

Tôi nghĩ sao về các sai lầm của Đảng CS: sai lầm do tư tưởng muốn thành công theo quan niệm chủ quan, hay sai lầm do muốn giữ địa vị, quyền lợi? Chà, câu hỏi của các anh to quá, có lẽ ta phải cùng ngồi nói chuyện hàng tháng với nhau mới xong! Nói gọn, khi Đảng độc tôn cầm quyền thì các biểu hiện tính toán cá nhân mới bộc lộ rõ; quyền lực làm hỏng con người ghê gớm."

Viết xong ngày 13 tháng Tám Nhuận. Ất Hợi

Ghi chú:

(*) "Nhân văn - Giai phẩm" - Một tư trào, một vụ án, một tội ác"; "Thế giới ngày nay" (Mỹ) số 126, "Thiện Chí" (Đức) số 25; "Việt Nam Forum" (Đức) Helf 5-6)

Tìm đọc:

NỤ NON TRÊN NHÀNH KHÔ

tuyển tập truyện ngắn của
TRẦN QUÁN NIỆM

"... Đọc Trần Quán Niệm, gấp sách lại, người đọc cảm thấy cái hậu ngon ngọt, thơm mát của ly chanh đường uống vào một trưa hè nóng nực, như tìm lại cái an lạc của kiếp phù sinh, đượm mùi thiền vị..." (Lê Văn Lân)

Liên lạc: 3 Coventry Circle East, Marlton, NJ 08053, USA

Hoặc: THẾ KỶ
11022 Acacia Pky #A
Garden Grove CA 92640, USA
ĐT (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944

TƯ TƯỞNG CANH TÂN CỦA PHẠM PHÚ THỨ (1821-1882)

QUANG UYÊN

(tiếp theo)

Tự do tín ngưỡng, không phân biệt lương giáo

1. Trên chuyến đi về (1863), sứ bộ Phan Thanh Giản có ghé thành phố cảng Ostia của Italia và có nói chuyện với trấn thủ và giám mục thành phố đó. Trả lời về câu hỏi triều đình ta đã bỏ lệnh cấm đạo Da Tô, sứ bộ ta có nói: "Đạo tuy khác phái, nhưng cốt là ở chỗ khuyến thiện; hễ con người biết giữ luật nước thì mới gọi là tuân theo đạo"... "Nay, dân theo đạo, được Đức Hoàng Thượng ta nghĩ rằng, lòng nhân đều cùng một thể, nuôi chung để cùng sống, cùng sinh sôi, không có điều phân biệt." (28)

Lời tuyên bố chung đó của sứ bộ cũng là quan điểm riêng của tác giả Tây Hành Nhật Ký.

Và trên thế giới — Phạm Phú Thứ dẫn chứng — các nơi cũng đều như vậy. Ở Y Điệp (Ai Cập), tuy đạo Hồi là chính, song "nay dân có người theo đạo Da Tô và làm nhà thờ riêng; trong số đó, ai có tài nghệ xuất chúng, đều được nhà nước dùng." (29) Ở Pha rí, "có nhà thờ đạo Da Tô là chính; ngoài ra, hai đạo Bo-tê-tăng (30) và Xu-đào" (31) đều có nhà thờ; gần đây, họ lấy nước Angiê (32) nên lập lại nhà thờ đạo Hồi cho quan và lính Angiê, chứ không "cấm đoán." (33) Ở Xây-lăng (Xrilanca), "dân Ấn Độ xưa theo đạo Phật, nay lẻ tẻ một vài phần có người theo đạo Hồi hoặc đạo Da Tô cùng đạo Bo-tê-tăng." (34)

Liên hệ với tình hình Việt Nam bấy giờ, ông khuyên các quan đứng đầu các tỉnh thi hành những biện pháp cụ thể, nhằm bảo đảm đoàn kết lương giáo:

— Đối với các vị giám mục, linh mục, thỉnh thoảng quan nên triệu tập đến nói rõ việc phải làm, lấy tình bảo ban;

— Đối với giáo dân, lấy pháp lý dạy họ để tránh những việc làm sai; khi cần, gọi trùm trưởng, bảo phải răn đe giáo đồ;

— Thận trọng xét xử những việc có liên quan đến giáo dân.

Phương châm là thu phục lòng người: "Cái chổi cùn còn có thể châm chước dùng được" (35).

2. Bản thân ông, chẳng những không phân biệt lương giáo, mà còn có thái độ ân cần giúp đỡ, nên nói chung, được các linh mục, giám mục và các tín đồ công giáo có cảm tình, thậm chí mến mộ, tin tưởng.

Đây là lời chân tình của Nguyễn Trường Tộ sau một cuộc hẹn gặp mặt bất thành với Phạm Phú Thứ khoảng tháng ba, tháng tư năm 1863 tại Gia Định:

"Trước đây, có một lần Hiệp lãnh (36) Phạm đại nhân đến chỗ ở của giám mục Hậu (37). Tôi thấy đại nhân có lòng lo cho việc nước, bảo vệ công lý, hỏi han ân cần, chu đáo. Thấy vậy, tôi mừng thầm và xin hẹn với ngài hôm nào cải trang ăn mặc thường, đến chỗ tôi ở, để tiện mặt trình. Nhưng lúc bấy giờ vì quân Pháp nghi ngại Phạm đại nhân quá lắm, đề phòng rất kỹ càng, tôi sợ việc lộ ra, sẽ lụy hại đến đại nhân, nên phải có thái độ giấu đầu che đuôi. Rồi không biết Phạm đại nhân nghi ngờ làm sao, đã không đến chỗ tôi ở. Tôi thất vọng vô cùng!" (38)

Vì vậy, ta không có gì đáng ngạc nhiên về việc Nguyễn Trường Tộ đã gửi ba bản điều trần quan trọng nhất (ngoài tờ "Trần tình") - và cũng là đầu tiên - lên Viện Cơ mật qua tay Phạm Phú Thứ năm 1863, tại Gia Định.

Hơn nữa, vua Tự Đức cũng rõ Phạm Phú Thứ hiểu biết Nguyễn Trường Tộ nhiều, nên hầu hết các văn bản của Viện Cơ Mật tâu lên vua, có liên quan đến Nguyễn Trường Tộ, đều có Phạm Phú Thứ đứng tên. Thậm chí có lần, nhân hỏi Trần Tiễn Thành một vấn đề về Nguyễn Trường Tộ, Tự Đức nhắc, nên bàn với Phạm Phú Thứ (39).

Một nhân vật nữa: Nguyễn Đức Hậu, một giáo dân có nhiệt tình với nước, thường có quan hệ với Phạm Phú Thứ ở Huế. Hậu có nói với người khác rằng: "Quan thượng Hộ rất biết tôi và yêu mến tôi. Tôi muốn báo đáp người tri kỷ." Ngờ đâu câu nói ấy lại đến tai vua. Vua hỏi, Phạm Phú Thứ thẳng thắn tâu (bằng giấy trắng, mực đen): Nguyễn Đức Hậu là một người trung thực, biết nhớ đến gốc rễ, có thể dùng được (40).

Cũng trong tờ tấu ấy, ông còn đề nghị triều đình nên dùng "một số đạo trưởng có khả năng và có tấm lòng."

Nguyễn Hoằng, một tín đồ khác, khá tiếng Pháp, được Phạm Phú Thứ quen biết từ chuyến đi phục vụ cho sứ bộ ta sang Châu Âu, sau, giúp việc cho triều đình nhiều năm ở Ninh Hải trong công tác ngoại thương, lúc Phạm Phú Thứ làm chức Thương chính đại thần (41).

Thái độ đối xử có tình và hào hiệp của sứ bộ ta với giáo dân Hóa (quê ở Đà Nẵng) khi gặp nhau tại Madrid, chắc hẳn đã để lại trong lòng người ấy một ấn tượng không phai mờ (42).

Nhanh chóng phát triển kinh tế thị trường và mở cửa

1. Tư tưởng kinh tế:

Năm 1851, Phạm Phú Thứ mới bắt đầu thấy sự phồn vinh của nền thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và khen ngợi nếp văn minh trong thương nghiệp ở Quảng Châu. Từ năm 1857 và nhất là từ năm 1863, tư tưởng của ông mới hình thành rõ nét.

— Đối nội: nhà nước chẳng những cho phép mà còn khuyến khích dân tự do buôn bán, tự do sản xuất.

— Đối ngoại: cần mở cửa: "Mở cảng thông thương là điều không thể ngăn giữ được" (43).

Gương Trung Quốc và Xiêm La (Thái Lan): Mời đón khách buôn đến nhiều thì thu thuế vào nhiều, đôi bên đều có lợi (tờ tấu trên).

2. Biện pháp:

Về thương:

— Năm 1857, khi làm án sát tỉnh Thanh Hóa Phạm Phú Thứ đề nghị nhà nước cho thuyền buôn của dân thay thế tàu vận tải của nhà nước, chở gạo các tỉnh về bán ở Kinh thành, để tàu của nhà nước vận chuyển hàng nặng và tuần tra bờ biển.

Ông nêu lên những điều bất lợi trong việc dùng thuyền nhà nước vận chuyển gạo thóc về Kinh và những điều lợi trong việc dùng thuyền tư nhân và ông đề nghị nhà nước qui định biểu cước phí hợp lý để trả công cho thuyền dân và biểu lãi suất tính theo trọng lượng gạo và qui định lề lối kiểm tra chặt chẽ giá mua và giá bán (44).

Sáng kiến này đã bị vua và các bộ bác bỏ. Nếu không, nước ta đã sớm có một lực lượng thuyền buôn tư nhân có khả năng gây những biến chuyển về kinh tế và xã hội sau này.

— Từ lúc ra Hải Dương (1874), ông đã đề nghị lên trên, đồng thời vận động mấy tỉnh lớn ở ven sông Hồng, bãi bỏ các trạm tuần ti các cửa biển và cửa sông, cản trở nhiều việc thông thương hàng hóa (45).

— Ông lại vừa đề nghị lên trên vừa làm thí điểm ở Ninh Hải (Hải Phòng) áp dụng thuế lệ mới đối với thuyền buôn bán: đánh thuế theo số lượng hàng hóa, chứ không theo cỡ thuyền như trước kia (46).

— Ông chủ trương cho tự do buôn bán gạo (kể cả đối với thương nhân người Hoa) theo đúng thuế biểu (47). Riêng ở Hải Dương, ông đã xin mở thêm hai chợ gạo ở An Biên (An Dương, Đồ Sơn) và Đồn Sơn (Đông Triều) (48).

— Đề nghị đánh thuế nấu rượu, thuế thuốc phiện và thuế đánh bạc (49).

— Từ năm 1867, ông đề nghị mở cảng ngoại thương ở Hải Yên (50) (mà đến năm 1874, do áp lực của hòa ước với Pháp, triều đình ta mới bắt đầu đặt vấn đề mở cảng ở Ninh Hải).

— Từ khi ra Hải Dương, ông đề nghi quy định: thuyền chở tơ, gạo chỉ được vào cửa Cấm (Ninh Hải), không được cập cửa Trà Lý (Nam Định) (51).

— Ở Hải Dương ông cho khai rộng sông để thuận lợi cho việc vận tải (nhưng lại bị triều đình thi hành kỷ luật vì cho rằng ông đã phí phạm sức dân) (52).

— Chủ trương đối xử bình đẳng với thuyền buôn các nước (53).

— Nhờ lãnh sự Pháp dạy ta về nghiệp vụ thương mại (54).

— Kết quả cụ thể ở cảng Ninh Hải (Hải Phòng) trong những năm Phạm Phú Thứ chịu trách nhiêm thi hành chính sách mở cửa với chức tổng lý Thương chính đại thần (55).

Năm	Xuất	Nhập	Siêu
1876	258.000q	460.000	202.000q nhập
1880	7.510.000	5.470.000	2.040.000q xuất
1880	7.510.000	5.470.000	2.040.000q xuất

Về công:

— Ở Hải Yên ông khuyến khích nhà giàu bỏ vốn mở mang công nghệ (56).

— Ông đề nghị miễn tạp dịch và đánh thuế nhẹ các hộ tiểu thủ công (57).

— Cho dân nghèo khai thác than đá ở Quảng Yên để giải quyết công ăn việc làm cho dân, đồng thời tăng nguồn cung ứng cho xuất khẩu theo yêu cầu của lái buôn Pháp (58).

— Đề nghị bãi bỏ lệnh cấm đốn gỗ lim để phát triển công nghệ, đồng thời đặt thể lệ lấy gỗ lim (59).

— Đề nghị khai thác hơn 10 cơ sở mỏ sắt và than đá (60).

Phải chuẩn bị vũ khí

1. Tư tưởng quốc phòng của Phạm Phú Thứ nằm trong bài thơ "Kỷ Mộng" (61).

Muốn bảo vệ quốc gia phải tự cường, nghĩa là phải có sức mạnh quân sự: *"Trau dồi thân thể quí ở chỗ tự làm cho mình mạnh;*

Trau dồi quốc gia, phải chuẩn bị vũ khí.''
(Lý thân, quí tự cường;
Lý quốc, trừ nhung khí).

2. Biện pháp cụ thể:

— Đưa thêm chức quan văn vào các chức thống lĩnh trong quân đội.

— Cục vũ khố (quân giới) nên có chức năng chế tạo đại bác.

— Tăng lương bổng cho quan võ và lính: ''Hiện nay, các sĩ quan và hạ sĩ quan ở ngoài kinh đô, phần lớn không có bổng...'' và nói chung ''tiền lương tháng của lính không đủ ăn hồ''... Vì vậy, cần phải cho một liều thuốc (tăng lương) mạnh để (binh đội) trừ bỏ yếu hèn, trở nên liêm khiết, hùng cường.''

— Mua đại bác kiểu mới của Tây (vì đại bác của ta là vũ khí thời Gia Long tẩu quốc, lạc hậu ngót một trăm năm).

— Quân đội tăng cường luyện tập bắn súng.

— Tổ chức tuyển quân phải được tiến hành chu đáo ở các địa phương để tránh tình trạng hụt quân số (62)

— Đối xử mềm dẻo với Pháp để nhờ họ huấn luyện binh lính ta (63).

— Lập trường thủy học (hàng hải). Đề nghị này đưa ra năm 1865 (64).

* Về mặt tổ chức, trường ấy được đặt dưới quyền quản lý của một cơ quan hàng hải cấp trung ương.

* Về nhiệm vụ:

— Dạy và nghiên cứu kỹ thuật hàng hải;

— Nghiên cứu bờ biển, cửa sông của ta và các nước lân cận.

— Nghiên cứu phương pháp phòng bị bờ biển, cửa sông;

— Sửa chữa tàu thuyền;

— Vẽ bản đồ bờ biển và sông ngòi.

* Điều kiện tuyển sinh:

— Tuổi tối đa của học sinh: ba mươi.

— Trình độ văn hóa: từ thí sinh đến tú tài, cử nhân.

* Quyền lợi:

— Lương bổng hậu;

— Phẩm hàm cao hơn quan võ hai trật.

Đối ngoại

1. Tư tưởng: Ôn hòa ''Tôn trọng lễ độ, không dùng sức mạnh để chinh phục người khác'' (Tại lễ, bất lực chinh) (65).

Hơn nữa, có mở rộng quan hệ với các nước thì mới không ''bị cô lập'', ''không bị khinh thường'' (66), và mới ''duy trì để yên ổn được'' (67).

2. Biện pháp: Đối với Pháp: Khi Pháp mới bắt đầu đánh ta, dùng hình thức nghĩa quân để hỗ trợ quân triều đình (68). Khi đã mất Nam Kỳ, ''Không khiêu khích nhưng không để muốn làm gì thì làm'' (Bất khích bất tùy) (69), kế hoạch ba bước:

* Bước một: Nghiêm chỉnh thi hành hòa ước để tự cường (cho nên bác chủ trương cầu viện Phổ của Nguyễn Tư Giản và không tán thành hành động thiếu ôn hòa của Tôn Thất Thuyết ở Bắc Kỳ đối với quân Pháp và giáo dân).

* Bước hai: Khi ta đủ sức, thương lượng với Pháp rút quân với điều kiện ta bồi thường phí tổn.

* Bước ba: Khi ta đã giàu mạnh mà họ vẫn ngoan cố, ''ta sẽ tuyên thệ với trời đất quyết không đội trời chung với họ.'' (70)

— Đặt quan hệ ngoại giao với Anh, Tây Ban Nha (71) và Phổ (72) để hạn chế sự thao túng của Pháp. Riêng với Anh, ông đã dày công theo đuổi từ 1867 đến 1881, lúc sắp tắt thở (73).

— Đặt quan hệ ngoại giao với các nước Tiểu Tây Dương (Nam Á) Phạm Phú Thứ nêu gương Xiêm La (Thái Lan) về mặt này (74).

Một vài điều suy nghĩ

1. Nội dung canh tân thực hành của Phạm Phú Thứ, nói chung, trên cơ bản thống nhất với nội dung canh tân lý thuyết của Nguyễn Trường Tộ. Có thể — vì điều này khó phân tích rành rọt — Phạm Phú Thứ có chịu ảnh hưởng của Nguyễn Trường Tộ từ năm 1861 (năm Nguyễn Trường Tộ dâng bảng Hòa từ) và nhất là từ năm 1863 (năm Phạm Phú Thứ nhận bốn văn bản quan trọng nhất của Nguyễn Trường Tộ để chuyển lên Viện Cơ mật). Nhưng ảnh hưởng đó không phải là quyết định và tuyệt đối vì, như ta đã biết, tư tưởng canh tân của Phạm Phú Thứ đã manh nha từ năm 1851 (chuyến đi Quảng Châu),

Ngu và rẻ

Khoảng năm 1960 nhà văn Nguyên Hồng sống ở thành phố Hải Phòng. Một lần ra phố thấy Bùi Ngọc Tuấn (bạn văn) đang mua vé xổ số, ông bèn vỗ vai Bùi phán rằng:

"Đời toàn là thất vọng lại còn bỏ ra những hai hào để mua thất vọng nữa.

Ngu quá!''

Mấy hôm sau, Bùi bắt quả tang Nguyên Hồng đang mua xổ số...

Những tưởng Nguyên Hồng chỉ còn nước độn thổ...

Nhưng không, Nguyên Hồng mặt vẫn tỉnh bơ:

"Cậu biết không, đời toàn là thất vọng, chỉ bỏ ra có hai hào cũng mua được hy vọng.

Rẻ quá!''

(Theo lời kể của nhà văn Vũ Thư Hiên)

(Trích báo Tia Sáng, 9.1995)

rồi đã có biểu hiện tích cực đầu tiên từ năm 1856-1857 và đến năm 1863 thì được hoàn thiện chủ yếu nhờ quá trình trực tiếp khảo sát văn minh Tây phương (trước Nguyễn Trường Tộ).

2. Tư tưởng canh tân của Phạm Phú Thứ và Nguyễn Trường Tộ đã được công bố trước khi Nhật Bản chính thức mở màn duy tân (1868) và, như vậy, đã đi trước tư trào cải cách của sĩ phu Trung Quốc (mà đại diện là Khang Hữu Vi) mới xuất hiện từ năm 1890.

3. Thế mà cả Phạm Phú Thứ lẫn Nguyễn Trường Tộ, cuối cùng, đều phải ôm khối hận xuống tuyền đài. Nguyễn Trường Tộ bực tức trước khi nhắm mắt: "Bài Tế cấp của tôi, nếu đem ra thực hành một trăm năm cũng chưa hết, thế mà bảy, tám năm nay, chưa thấy thực hành tí nào; chả lẽ đợi đến một trăm năm nữa mới thực hành được sao?" (75) Còn Phạm Phú Thứ đã uất hận hơn, tâu thẳng với vua từ năm 1867: "Ở các nước khác, gặp phải sự việc và tình trạng như thế đó (76) đều có thể duy trì yên ổn, còn mình ở đây lại không thế. Thần đột nhiên nửa đêm một mình đứng dậy, nổi giận đùng đùng, có khi ngồi một mình, lặng lẽ rơi nước mắt, vừa giận vừa khóc, không biết nói gì." (77) Yêu nước cuồng nhiệt đến mức ấy thật là hiếm có!

4. Nhưng tại sao không những Nguyễn Trường Tộ mà cả Phạm Phú Thứ cũng đều thất bại? Câu hỏi đó, không phải dễ trả lời, sẽ dành cho những cuộc hội thảo sử học qui mô, được chuẩn bị chu đáo với tinh thần vì nước, vì dân của hai vị.

Chú thích:

(28) P.P.Thứ - Nhật ký III (Ngày 26 tháng Mười năm Tự Đức XVI).
(29) P.P.Thứ - Nhật ký I (Ngày 7 tháng Bảy năm Tự Đức XVI).
(30) Protestantisme: đạo Tin Lành.
(31) Judaisme: đạo Do Thái.
(32) Algérie: Angiêri.
(33) P.P.Thứ - Nhật ký II (Ngày 1 tháng Tám năm Tự Đức XVI).
(34) P.P.Thứ - Nhật ký III (Ngày 21 tháng Một năm Tự Đức XVII).
(35) Thư trả lời quan tổng đốc Định Yên Nguyễn Quế Bình - Thư Khải - GV XXIV.
(36) Lãnh hàm hiệp biện đại học sĩ.
(37) Tức Gauthier. (Ngô Hậu).
(38) Trương Bá Cẩn - Nguyễn Trường Tộ... Trần tình.
(39) Trương Bá Cẩn - Nguyễn Trường Tộ..., Tờ tấu I năm 1866 của Trần Tiễn Thành.
(40) P.P.Thứ - Phúc tấu về Nguyễn Đức Hậu (1867), Chương tấu, GV XIV.
(41) P.P.Thứ - Bài tựa sách "Khai môi yếu pháp khắc lại" Phú, tự... GV VIII.
(42) P.P.Thứ - Nhật ký III (Ngày 10 tháng Mười năm Tự Đức XVI).
(43) P.P.Thứ - Trần tấu các khoản thiết yếu... (1867) - Chương tấu GV XVI.
(44) P.P.Thứ - Tấu trình chính sách hiện thời (1857) - Chương tấu GV XIV.
(45) P.P.Thứ - Thư gửi tổng đốc Định Yên - Nguyễn Quế Bình - Thư khải... GV XXVI.
(46) P.P.Thứ - Thư gửi Nguyễn Văn Tường, Thượng thư bộ Hộ Thư khải GV XXV.
(47) P.P.Thứ - Điều trần các khoản (1865) Chương tấu GV XIV.
(48) LTCB đệ nhị tập, q.34 - Phạm Phú Thứ.
(49) P.P.Thứ - Điều trần các khoản... (1865)... đã dẫn.
(50) P.P.Thứ - Trần tấu các khoản thiết yếu (1867)... đã dẫn.
(51) P.P.Thứ - Trả lời Nguyễn Quế Bình, tổng đốc Định Yên (I) thư khải, ... GVXXVI.
(52) Trần Văn Giàu. Chống xâm lăng II Hà Nội 1957.
(53) P.P.Thứ - Trả lời Nguyễn Quế Bình (I) Thư khải GV XXVI.
(54) P.P.Thứ - Phúc tấu về tờ phiến của Nguyễn Tư Giản (1873) - Chương tấu GV XXV.
(55) Số liệu trên cơ bản lấy trong Chống xâm lăng II của Trần Văn Giàu.
(56) P.P.Thứ - Trả lời Nguyễn Quế Bình, Tổng đốc Định Yên... Thư khải GV XXV.
(57) P.P.Thứ - Điều trần các khoản... (1865) đã dẫn.
(58) P.P.Thứ - Gửi Trần Tướng Công (IV) - Thư khải GV XXV.
(59) P.P.Thứ - Điều trần các khoản... (1865), đã dẫn.
(60) Nguyễn Tư Giản - Văn bia mộ P.P.Thứ, đã dẫn.
(61) P.P.Thứ - Kinh hương (1868) GV IX.
(62) P.P.Thứ - Phúc trình các khoản... (1874) - Chương tấu - GV XXI).
(63) P.P.Thứ - Phúc trình về tờ phiến của Nguyễn Tư Giản (1873), đã dẫn.
(64) P.P.Thứ - Điều trần các khoản... (1865) đã dẫn.
(65) P.P.Thứ - Lên năm mươi, tự động viên mình - Kinh hương, GV XV.
(66) P.P.Thứ - Trần tấu các khoản thiết yếu (1867), đã dẫn.
(67) P.P.Thứ - Phúc tấu về việc Nguyễn Đức Hậu, đã dẫn.
(68) Nguyễn Tư Giản - Bia mộ P.P.Thứ, đã dẫn.
(69) Nguyễn Tư Giản - Bia mộ P.P.Thứ, đã dẫn.
(70) P.P.Thứ - Trần tấu về việc Nguyễn Đức Hậu, đã dẫn.
(71) P.P.Thứ - Trần tấu các khoản thiết yếu... đã dẫn.
(72) P.P.Thứ - Trần tấu về tờ phiến của Nguyễn Tư Giản (1873) Chương tấu, GV XV.
(73) P.P.Thứ - Phúc tấu về quyển sách của Vương Thao (1881), Chương tấu, GV XVII.
(74) P.P.Thứ - Phúc tấu về việc Nguyễn Đức Hậu, đã dẫn.
(75) Trương Bá Cẩn - Nguyễn Trường Tộ... Di thảo 52: Canh tân và mở rộng...
(76) Sự việc và tình trạng người phương Tây đến đòi mở cửa thông thương.
(77) P.P.Thứ - Phúc tấu về việc Nguyễn Đức Hậu, đã dẫn.

ĐƠN VĂN HÓA VÀ ĐA VĂN HÓA

NGUYỄN SỸ TẾ

Trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh này, văn hóa, với tầm quan trọng về lâu dài của nó, đã trở nên một mối quan tâm hàng đầu của nhiều nơi không kém gì những vấn đề thời sự nóng bỏng trên thế giới.

Nguyễn Sỹ Tế

Chỉ cần nhận định một cách đơn giản văn hóa như là biểu thức của nếp sống chung của một cộng đồng, ta đã thấy vấn đề văn hóa là một vấn đề rộng lớn và phức tạp như trăm ngàn phương diện của cuộc sống. Trong buổi hạnh ngộ hôm nay, tôi chỉ xin giới hạn việc làm của tôi vào một vấn đề tổng quát là *bàn về đơn văn hóa và đa văn hóa.*

Trước hết, xin hiểu đơn văn hóa và đa văn hóa như là hai chế độ, hai tổng định chế văn hóa *mono-culture* và *poly-culture*. Tôi không có ý nói một vấn đề bên cạnh là văn hóa đơn trị số và văn hóa đa trị số, *culture monovalente* và *culture polyvalente*. Do đó, ta phải thanh toán khái niệm văn hóa trước.

*

Môn học về văn hóa cũng như môn xã hội học mới chỉ khởi sự thành hình chưa quá hai trăm năm nay, nhân những phát triển về liên lạc quốc tế. Quá nhiều định nghĩa đã đưa ra về khái niệm văn hóa. Mỗi định nghĩa chỉ nắm lấy lâu đài văn hóa qua một khung cửa sổ. Lý hội (*compréhension*) của khái niệm vì thế hãy còn rời rạc. Người nói văn hóa là cái đẹp trên nền tảng của cái chân và cái thiện. Kẻ nói văn hóa là những công trình của văn học và của mọi ngành nghệ thuật khác: kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc... Người chú trọng vào phong tục tập quán của các dân tộc. Kẻ muốn đào sâu văn hóa tới chiều sâu tâm lý xã hội mà đưa ra ý niệm về cá tính của mỗi dân tộc mà, kể từ Carl Jung (1948), khoa Phân tâm học xâm nhập với vô thức tập thể (*inconscient collectif*). Người chỉ nắm lấy một số nét đặc thù của văn hóa mà lồng nó vào cuộc sống của bất luận một cộng đồng nào từ nhỏ tới lớn như gia đình (gia phong, gia cương, gia đạo), xóm làng, học đường, xưởng thợ, công ty, tổ hợp, các hội đoàn, dân tộc và quốc tế. Kẻ lại riêng nắm lấy cộng đồng dân tộc để giải thích đặc thù tính của văn hóa bằng những nguyên nhân địa lý, lịch sử, xã hội, tâm lý, và cuối cùng để xác nhận một triết lý nhân sinh nào đó của từng cộng đồng xã hội lý tưởng này.

Tôi nghĩ ta nên chấp nhận khuynh hướng sau cùng này và bồi đắp nó bằng những mũi khoan của các khuynh hướng trước. Thật thế, chỉ có dân tộc là kích thước xã hội ưu thuận (*optimum*) nhất cho việc thành lập một quốc gia có tư thế đối với láng giềng và có tư cách pháp nhân trên đường quốc tế. Hegel trong tác phẩm "Triết lý Luật pháp" (*Philosophie du Droit*) của ông đã có một nhận định rất xát với Lịch sử và Tâm lý là: "Trước khi có quốc gia đã có dân tộc, có dân tộc rồi chưa hẳn đã có một quốc gia." Hơn thế nữa, dân tộc còn là khuôn viên xã hội để người ta xây dựng một nền văn hóa đặc thù. Bởi vậy, nói tới văn hóa là nói tới dân tộc.

Tầm quan trọng của dân tộc như thế nào, lịch sử thế giới cho ta biết rõ điều đó. Rút cuộc, mọi đế quốc cũng đều sụp đổ, mộng đại đồng không tưởng bất thành, mọi dân tộc ngày nay đều đứng lên đòi quyền sống xứng đáng trong cộng đồng quốc tế. Và chủ nghĩa quốc gia, sau bao phen thăng trầm từ cực đoan trọng đến cực đoan khinh, vẫn không bị đào thải, vẫn là động cơ thúc đẩy mọi sinh hoạt quốc tế. Một bằng chứng điển hình là sự nổi dậy của các dân tộc nhỏ trong Liên bang Sô viết cũ, đòi tách rời ra khỏi Liên bang Nga hiện thời.

Tất nhiên, dân tộc, yếu tố nền móng của văn hóa, cũng cần có những giới hạn của nó. Một dân tộc quá nhỏ bé lại có cái thiệt thòi của nó. Theo như định luật của tri giác (*lois da la perception*) thì một đối tượng muốn được nhận biết rõ phải có một trương độ, một kích thước, một cường độ tối thiểu nào đó. Cũng thế, một dân tộc nhỏ thì khó nhìn thấy và công trình văn hóa chẳng có là bao. Trái lại một dân tộc càng đông với đất đai càng rộng thì nền văn hóa càng phong phú, sâu sắc và thịnh vượng. Đó là cái

vinh của con số lớn, của các đại cường quốc. Nhưng độ lớn của một dân tộc vượt mức độ nào đó thì cũng là một điều bất tiện cho việc thống nhất và đặc thù hóa nền văn hóa của họ. Thí dụ điển hình là dân số Trung Hoa và Ấn Độ mà được kể như là theo chế độ đơn văn hóa thì cũng đầy rẫy những va chạm và xung đột văn hóa triền miên. Âu cũng là định luật của luận lý học về trương độ (*extension*) và lý hội (*compréhension*) của một khái niệm: Trương độ càng lớn, lý hội càng nhỏ, chúng biến thiên ngược chiều nhau. Nói rõ hơn, dân số càng cao thì những điểm đặc thù tương đồng giữa họ càng ít; do đó, những nét đặc thù trong nền văn hóa quốc gia của họ cũng bớt sung mãn và đậm đà.

Những yếu tố tác động bổ sung cho sự viên mãn của một nền văn hóa dân tộc kể ra còn nhiều. Xin chỉ kiểm điểm sơ qua vài yếu tố chính.

" Về yếu tố địa lý và lịch sử: đất đai, khí hậu, tài nguyên ảnh hưởng như thế nào đối với dân sinh thì cũng ảnh hưởng như thế đối với văn hóa. Thực tế cho thấy có những nước lớn, nước nhỏ; có nơi được thiên nhiên ưu đãi, chẳng hạn Mỹ quốc; nơi đất cát già nua, chẳng hạn Việt Nam; nơi còn khô cằn thiếu cả phương tiện sinh sống cho người dân, chẳng hạn Phi Châu. Có khí hậu ôn đới lại có nơi khí hậu cực lạnh hay cực nóng. Cây cối, hoa mầu, cảnh trí, nếp sống thậm chí kiến thức phổ thông của người dân cũng vì đó mà khác nhau đưa tới những nền văn hóa dị biệt đôi khi còn đối chọi nhau nữa.

Cũng thế, lịch sử một quốc gia có cái dài cái ngắn, có những phen thăng trầm, thành bại, trị loạn, nơi thành công ở địa hạt này, nơi ở địa hạt khác... tất cả đã in hằn dấu vết của chúng vào trong tâm khảm của người dân. Vào thời bình, các mặt của văn hóa được phát triển tốt đẹp và đồng bộ hơn. Gặp thời loạn, mọi giá trị đều phải nhường bước cho giá trị quân sự, chính trị và kinh tế.

" Trên đây, khi nói về dân tộc, ta đã đề cập tới yếu tố quốc gia. Có thể kể đây là một yếu tố chính trị nằm trong khuôn khổ lịch sử của một cộng đồng. Với huyết thống và đất đai rồi, dân tộc lại phải tiến tới việc thành lập một quốc gia có tiếng nói với láng giềng và thế giới. Đây không phải chỉ là một tư cách pháp lý (*entité juridique*) thông thường mà là một yếu tố tinh thần tác động tâm lý quốc dân, khơi dậy lòng yêu thương và kiêu hãnh dân tộc. Văn minh nhân loại đi theo con đường mỗi ngày thành lập thêm nhiều quốc gia có tổ chức (*nations organisées*), có văn hiến để quy tụ tất cả mọi tầng lớp quốc dân vào một mối, mọi đảng phái vào một nhà, mọi sắc tộc (nếu có) vào một lối, để quốc dân chỉ có một mà thôi theo nguyên tắc chính trị thời nay: *Quốc dân là một và bất phân* (*La nation est une et indivisible.*)

" Khi một nền văn hóa đã có nhiều giá trị thì vấn đề chọn lựa và xếp đặt các giá trị đó cho thành một toàn bộ cũng là một yếu tố củng cố và phát triển văn hóa. Văn hóa bây giờ là toàn bộ những giá trị mà người ta tuân thủ và vun trồng trong cộng đồng dân tộc. Như vậy, vấn đề văn hóa là một vấn đề về giá trị (*problème de valeurs*). Giá trị là gì? Giá trị là những nguyên tắc lý tưởng mà người ta dựa vào đó để biện minh cho những lời phán đoán và cung cách xử sự của mình. Có thể nói đa số các danh từ chính yếu của các ngành khoa học xã hội đều có thể tiêu biểu cho một giá trị: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín... của đạo đức; tự do, dân chủ, nhân quyền... của chính trị học; sản xuất lưu thông, phân phối, tiêu thụ... của kinh tế học. Giá trị có muôn ngàn, đến lúc sắp xếp lại được chia thành nhiều phân loại.

Vấn đề đặt ra cho sắp xếp là: toàn bộ phải là một hệ thống hay, tốt đẹp hơn nữa, là một tổng hợp. Cả một khoa học và nghệ thuật! Công việc của toàn dân dưới sự hướng dẫn của các nhà lãnh đạo quốc gia, các học giả, các thức giả! Như ai cũng biết: một chọn lựa sai lầm trong văn hóa tác hại đến nhiều đời. Và chính cũng ở phương cách xếp đặt các giá trị khác nhau mà người ta thấy những khuynh hướng, những sắc thái khác nhau trong các nền văn hóa trên thế giới. Chỉ cần đề cao giá trị nào hay loại giá trị nào là văn hóa mang một ý nghĩa khác biệt: duy vật hay duy tâm, duy cá nhân hay duy xã hội, quốc gia hay quốc tế, đạo đức hay khoa học... và nếu cứ để cho cá nhân hồn nhiên phát triển văn hóa thì có khi có cả văn hóa duy sức mạnh, và lợi nhuận.

*

Cuộc phân tích sơ lược khái niệm văn hóa trên đây giúp ta một điểm tựa để đi vào vấn đề đơn văn hóa và đa văn hóa bớt lúng túng hơn. Ngay từ đầu tôi đã thưa rằng đơn văn hóa và đa văn hóa xin được hiểu theo nghĩa hai chế độ, hai định chế văn hóa. Tuy thế vấn đề vẫn còn quá rộng và phức tạp, cần được đơn giản hóa hơn nữa.

Mấy ngành khoa học xã hội liên quan đến văn hóa hãy còn tương đối mới mẻ lại phải trực diện với quá nhiều những sự kiện mới nên chưa thể có những kết luận dứt khoát. Trong khi thời cuộc thế giới lại đổi thay nhanh chóng khôn lường về tương lai. Vậy xin căn cứ vào hiện tình trật tự thế giới biện luận.

1. Trước hết, về nền đơn văn hóa, có lẽ hầu hết các quốc gia trên thế giới đều nhận mình là có nền đơn văn hóa. Nếu theo phái mà tôi tạm gọi là chính thống về văn hóa thì ta phải trở về với thứ văn hóa đơn thuần dân tộc kiểu mẫu trên kia, lọc đãi thêm mà bỏ đi yếu tố chính trị và pháp lý quốc gia thì mỗi dân tộc có một nền văn

hóa cho riêng mình và nỗ lực để kiếm tìm một thế đứng cho nó. Khát vọng cũng rất thế tình và không phải là không chính đáng. Mỗi *dân tộc là một cơ sở cho một nền đơn văn hóa,* ta phải nói thế. Nhưng thực tại lịch sử và chính trị toàn cầu lại không đơn giản như thế. Mỗi dân tộc một quốc gia, một nền văn hóa có nên không? Dân tộc đã phân tán, pha trộn với nhau. Lãnh địa các quốc gia đã nhiều lần thay đổi lần ranh biên giới. Có những dân tộc, cũng như tiếng nói, đã không còn hiện diện nữa. Kiểu mẫu chính thống, lý tưởng về văn hóa như đã phân tích trên không còn có đất dụng võ nữa. Trừ khi có những ngoại lệ hiếm hoi do vị trí địa lý và tình cờ lịch sử còn để lại như những tổng làng Thụy Sĩ, quận huyện trên chân núi Hy Mã Lạp Sơn, hay một vài tiểu vương quốc khác. Vả lại, vào sâu trong lịch sử, người ta thấy yếu tố huyết thống cũng phai lạt đi những ảnh hưởng ban đầu của nó. Có những dân tộc trải dài ra ở nhiều nơi, tạo nên những đất đai, những quốc gia mới. Trên cơ sở thực tế chính trị và lịch sử đó, ta lại phải sử dụng yếu tố quốc gia để làm khuôn viên cho văn hóa.

Trong hệ thống đơn văn hóa, ta phải nhìn vào rất nhiều các quốc gia tập hợp nhiều dân tộc trên lãnh thổ của họ. Điển hình là các nước Pháp, Đức, Anh, Ý, Áo... ở Âu Châu; Thái, Mã, Việt, Nhật... Và ta thử minh xác ít điều về yếu tố dân tộc trong nền văn hóa của các quốc gia đó. Nếu đúng ra thì quốc gia nhận mình ở trong kiểu mẫu đơn văn hóa phải có sự trạng sau đây: Trong lãnh thổ quốc gia có một dân tộc lớn lấn át, một dân tộc trụ, một dân tộc cơ động, cáng đáng tuyệt đại đa số công việc quốc gia; quốc gia đã có một nền văn minh trội nào đó, một nền văn hóa cơ bản nào đó. Xoay chung quanh dân tộc chính đó chỉ còn có những dân tộc nhỏ gọi là thiểu số, mặc dầu họ có một nền văn hóa riêng. Ảnh hưởng qua lại của nhiều nền văn hóa đó đã đem lại một phối hợp văn hóa nào đó, giữ phần chính của dân tộc trụ và không làm mất một số nét đặc thù của các dân tộc phụ.

Dầu sao, những nền đơn văn hóa kiểu này cũng nên luôn luôn cố gắng để cho hệ thống giá trị của họ giảm thiểu những trường hợp xung đột giá trị, trong tinh thần khoan dung và dung nạp. Cho nên, kiểu mẫu lý tưởng, chính thống kể ra làm một thứ *prototype* trên kia vẫn là viễn tượng cần nhắm tới.

Trong nền đơn văn hóa tập hợp nhiều dân tộc, có một vấn đề kể ra cũng khó khăn và tế nhị đó là vấn đề tiếng nói. Mỗi dân tộc có một tiếng nói riêng, đó là lẽ đương nhiên. Nhưng quốc gia cũng cần có một ngôn ngữ chính thức mà mỗi sắc dân đều phải trân trọng và chăm lo. Chuyện tỉnh Québec nói tiếng Pháp đòi ly khai tách rời khỏi Canada vừa qua là một điều đáng cho ta suy ngẫm.

2. Qua nền đa văn hóa. Đứng trên bình diện lý thuyết mà xét thì định chế đa văn hóa là sự phối hợp quân bình và điều hòa nhiều nền văn hóa dân tộc nơi một quốc gia. Những nền văn hóa dân tộc này có phẩm chất, mức lượng và giá trị sàn sàn bằng nhau với lực lượng dân tộc không chênh lệch nhau nhiều quá.

Cũng như trường hợp đơn văn hóa hay văn hóa dân tộc, tại nền đa văn hóa, tổng số dân cũng như số lượng các dân tộc lập thành cũng chịu định luật của số lớn và số nhỏ. Riêng về số lượng các dân tộc, con số lớn quá về các dân tộc, sự thống nhất văn hóa rất khó khăn. Thật thế, kiếm tìm một mẫu số chung trong các nét đặc thù văn hóa của các dân tộc sẽ là một công việc nặng nề với kết quả không nhiều nhặn là bao. Giả thử các dân tộc lập thành vốn đã có một tương liên văn hóa nào đó (*affinité culturelle*) thì công việc cũng dễ dãi. Trường hợp không có

hoặc ít có mối tương liên đó chẳng hạn một dân tộc Đông phương kết hợp với một dân tộc Tây phương, người da vàng kết hợp với da đen da trắng thì việc hòa đồng văn hóa thật là khó thực hiện. Họa chăng có yếu tố thời gian chung sống phụ giúp thêm vào.

Trong trường hợp đặc biệt di dân hàng loại từ nơi khác tới, sự hội nhập của lớp dân mới này còn khó khăn và đòi hỏi nhiều thời gian chung sống hơn nữa. Trường hợp này, dân tộc chủ cần phải chú ý tới hai hiện tượng tâm lý của người di cư mà một nữ xã hội học gia Pháp gọi là sự bén rễ và sự nhổ rễ (*enracinement et déracinement*).

Các điều kiện khác, địa lý, lịch sử, xã hội cũng tác động các nền đa văn hóa như nền đơn văn hóa. Mức sáp nhập trước sau có ảnh hưởng khác nhau. Thường thường, những nước đa văn hóa có một lịch sử tương đối mới hơn, đó cũng là một điều kiện lịch sử bất thuận lợi cần phải được khắc phục bằng đường lối khác, nhất là bằng giáo dục và chính sách hội nhập.

Nếu có ai bảo tôi đưa ra những thí dụ cụ thể về các nước có định chế đa văn hóa, tôi thú thật chưa dám làm. Phải có công phu nghiên cứu những nền văn hóa của các nước lớn, lại phải điều tra tại chỗ để sống thực những nền văn hóa đó mới mong tránh khỏi sai lầm. Có điều chắc chắn là số các nước đó không nhiều. Thêm nữa là tùy ở việc quan niệm đa văn hóa như là một điều may mắn hay như là một bất hạnh phải làm mà những quốc gia đó tuyên nhận hay không tuyên nhận công khai chế độ đa văn hóa của họ. Tôi nghĩ có một điều khá rõ rệt là dân chúng cũng như người làm luật ở Hoa Kỳ không ngại ngần làm và nói theo chiều hướng chấp nhận một nền đa văn hóa của nước họ. Không danh xưng nào nói lên cái tính chất đa văn hóa của nước họ. Không danh xưng nào nói lên cái tính chất đa văn hóa của *Etats Unis d'Amérique* bằng danh từ dịch tương đương là *Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ*.

Hiện tượng xã hội, dân tộc hợp tan, tức hiện tượng xã hội học cũng giống như hiện tượng ngôn ngữ. Dân chúng cứ hồn nhiên sử dụng và tạo tiếng nói để khi ngôn ngữ đã phồn thịnh rồi thì các nhà viết ngữ pháp (*grammaire*) mới đến sau để xác nhận ở ngôn ngữ đã nói ấy có những quy luật gì.

*

Tôi hy vọng đã nói lên được những điều chính yếu cần biết về đơn văn hóa và đa văn hóa. Tại cuộc họp mặt đặc biệt này của Hội Văn học và Nghệ thuật Việt Mỹ, chắc hẳn có ít nhiều những bạn người Mỹ của chúng ta. Tôi xin vắn tắt làm một cuộc đối chiếu hai nền văn hóa của mỗi quê hương của chúng ta mà tôi thấy rằng quả là điển hình cho hai tổng định chế đơn và đa văn hóa.

Trước hết xin đối chiếu những điều kiện tác thành của hai nền văn hóa. Việt Nam là một quốc gia tương đối nhỏ bé, đất đai già nua, kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, dân cư tuy đông đúc nhưng tổng số bảy mươi triệu chỉ bằng một phần tư dân nước Mỹ. Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ là một siêu cường, đất đai rộng và mới, được thiên nhiên ưu đãi, kinh tế công nghiệp thịnh vượng, khí hậu hiền hòa, vị trí địa lý bảo đảm.

Lịch sử Việt Nam nói cho đúng ra cũng đã hơn hai ngàn năm văn hiến, nhưng tiếc thay đã trải qua nhiều biến động đáng buồn vì tham vọng xâm lăng và đô hộ của hơn một đế quốc. Lịch sử Hoa Kỳ là một dòng mới mẻ khoảng hơn hai trăm năm, đã khởi đầu bằng một cuộc đấu tranh giành độc lập từ tay Vương quốc Anh đồng thời là một cuộc cách mạng dân quyền và nhân quyền và một thời kỳ Nam Bắc phân tranh về chính trị cũng không kéo dài bao nhiêu.

Dị biệt về khu vực văn minh là: Việt Nam thuộc vào nền văn minh Đông phương thiên về các giá trị tinh thần và đạo lý; Hoa Kỳ thuộc văn minh Tây phương từ Âu Châu đưa tới, nặng về các giá trị vật chất và cơ khí. Triết học Đông phương là triết học suy ngẫm để có thể gọi là đạo, triết học Tây phương là triết học thuần luận (*philosophie contemplative* và *philisophie spéculative*).

Các nguyên nhân vừa kể tác động văn hóa của hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ theo hướng chiều nào thì như trên kia đã có nói chung rồi. Bây giờ xin sang phần kiểm điểm kết quả.

1. Về nền văn hóa Việt Nam, tôi xin tóm lược những nhận định chủ quan của tôi đã trình bày trong nhiều bài tiểu luận đăng trên mấy tạp chí Việt ngữ tại đây và trên làn sóng của đài Văn nghệ truyền thanh (chương trình Tiếng núi sông).

Văn hóa Việt Nam là văn hóa của một xã hội nông nghiệp, hiếu học, trọng hiền nhân và nói chung là trọng đạo nghĩa. Đặc biệt, nền văn hóa đó đã tác thành cá tính của dân tộc Việt Nam mà những nét chính xin nhắc nhở tóm lược sau đây:

— Người Việt Nam có một đời sống nội tâm rất phong phú với tầm nhìn hướng nội nhiều hơn là hướng ngoại, nói khác đi, thái độ trốn ngoại giới khắc nghiệt để ẩn náu vào nội tâm êm đềm thoa dịu. Đời sống nội tâm này đã tạo cho người dân Việt Nam một dáng điệu hiền hòa, nét mặt trầm ngâm, nói năng nhỏ nhẻ, đi đứng dịu dàng.

— Người Việt Nam có một bản chất giàu tình cảm, xử sự bằng tình trước khi bằng lý. Mọi quan hệ xã hội đối với đồng bào cũng như đối với người nước ngoài thường khởi sự bằng tình, phát huy bằng nghĩa để trường tồn vững chãi: *Tình sâu mong trả nghĩa dầy* (Kiều). Tình của người Việt Nam ít nói ra bằng lời mà chứng tỏ bằng xử sự, bằng nghĩa. Trọng nghĩa đến độ khinh cả tiền tài. Tình là một cái ơn. Đã trả ơn bằng nghĩa thì

oán phải báo, cũng là một công lý thế tình vậy.

— Người Việt Nam có một đầu óc dung nạp và tổng hợp cực kỳ uyển chuyển phá tan thế cách biệt giữa những cực đoan trong vũ và nhân sinh. Họ đã từ muôn xưa tổng hợp các nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ và Tam giáo Đông phương Khổng-Phật-Lão để vừa chủ trương nhập thế hành đạo lại vừa theo triết lý xuất thế hưởng nhàn. Độc lập của giang sơn đã bảo vệ bằng hai công việc khác nhau để kèm nhau: dung nạp ngoại nhân và chống sự đồng hóa của ngoại nhân. Tương tự, nhiều thái độ, hành sử của người Việt Nam mang hai tính chất đối chọi chẳng hạn: thực tế đến chi li, trắng trợn, đồng thời mơ mộng tới đắm say, lãng mạn; vừa duy vật lại vừa lý tưởng; gắn bó với hiện tại đồng thời tha thiết với quá khứ và hướng vọng tương lai; nối kết cái thiêng liêng với điều trần tục; lấy nhất thời để xây dựng trường cửu, ẩn nhẫn chịu đựng để nuôi chí quật cường...

— Trong các tình cảm của người Việt Nam, có một tình cảm vượt trội hẳn lên, đã trải qua nhiều thử thách khiến mỗi ngày thêm vững mạnh, đó là tình yêu nước. Điển hình là câu nói của Trần Bình Trọng: *"Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc."* Lòng yêu nước sắt son đó lại được bồi đắp bằng một thứ tình gia đình sâu xa chẳng kém. Hai tình yêu trọng đại đó kéo theo sau tình xóm làng khiến cho gia đình, xóm làng và tổ quốc trở thành một.

Tất nhiên văn hóa nào thì cũng có kẻ khen người chê. Văn hóa Việt Nam không phải là không có sở đoản. Tính khí Việt Nam cũng mang những thói hư tật xấu. Các nhà cách mạng tiền bối đã kêu gọi đồng bào sửa chữa sai lầm. Các nhà văn hóa, chẳng hạn Nguyễn Văn Vĩnh đã kêu gọi chúng ta "xét tật mình." Nên tôi cũng không nói thêm điều gì nữa ngoại trừ cái đầu óc nghi kỵ và mất đoàn kết của mọi người chúng ta vào lúc này.

2. Về nền văn hóa Hoa Kỳ, tôi chưa biết được nhiều, nên càng xin sơ lược hơn. Nói tới cái hay, cái sở trường của nền đa văn hóa Hoa Kỳ, một cường quốc về đủ mọi mặt, kể cả văn hóa, tưởng không cần tới những lời ngợi khen của bất kỳ ai. Những sở trường của người Hoa Kỳ lớn lao đến độ có thể khỏa lấp được nhiều phần những sở đoản của họ.

Nước Mỹ đã và đang làm một cuộc thí nghiệm văn hóa và chính trị to lớn và dài lâu vô song trên thế giới: thu nạp và kết hợp rất nhiều sắc dân vào quốc dân của mình để tiến tới một nền đa văn hóa sáng chói. Kết quả chưa được nhiều nhưng hy vọng không thiếu. Và nếu nói tới những sở đoản của nền văn hóa Mỹ, tôi có nhận định chủ quan sau đây: cần phải quả quyết hơn nữa trong việc diệt trừ bạo lực, mạnh mẽ kìm hãm tính đắm say lợi nhuận, giới hạn và đồng thời ràng buộc tự do vào trong một khuôn khổ có tính toán, tăng uy quyền của gia đình nơi cha mẹ, tăng uy quyền học đường nơi thầy giáo, giảm hạ triết lý thực dụng (*pragmatisme*) để mở đường cho một triết lý nhân bản hơn, hướng vào những niềm vui cao cả hơn những gì đã có trong hiện tại. Đó cũng là một cuộc cách mạng văn hóa mà hơn một dân tộc trên thế giới hằng mong mỏi cho nước Mỹ.

*

Xin kết luận: Trong ý nghĩa cao viễn của nó, văn hóa là công trình sáng tạo cái đẹp trên nền tảng của chân và thiện phối hợp của một dân tộc sử dụng cái thiên tài của mình để làm đẹp con người, làm đẹp cuộc đời từ ngoại cảnh là thiên nhiên vành nôi đến cái đẹp bên trong là tâm hồn hướng thượng.

Một nền văn hóa tốt đẹp chẳng kể đơn hay đa là nền văn hóa quân bình, điều hòa và mở ngỏ đối với tất cả mọi giá trị và phân loại giá trị. Một nền văn hóa tốt đẹp là một nền văn hóa không có vấn đề phải đặt ra khi giảm thiểu tới cùng những xung đột giá trị. Một nền văn hóa thành công là một nền văn hóa tạo cho con người niềm vui sống, và lòng tin yêu nơi đồng bào và nhân loại.■

Garden Grove, 16-11-1995

Tìm đọc:

TÔ
THÙY
YÊN

thơ tuyển

Hơn 200 trang sách, chỉ 37 bài thơ. Mỗi bài là một câu chuyện, không chứa đựng những tình tiết éo le mà dàn trải nhiều ngóc ngách của tâm hồn. Thơ ông dài nhưng không lập lại, đọc mỗi câu thấy một ý mới. Điều đó cho thấy hứng thơ và tứ thơ của người nghệ sĩ là những dải trường giang trôi qua vô vàn bến lạ. (Lê Tam Ca)

Giá $15.00
Có bán tại các tiệm sách khắp nơi.

TRƯƠNG VŨ NÓI VỀ *PHÍA BÊN KIA THIÊN ĐƯỜNG*

Thực hiện: NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Như bạn đọc đã theo dõi lâu nay tin tức trên các cơ quan truyền thông, tuyển tập **Phía Bên Kia Thiên Đường** (*The Other Side of Heaven*) do nhà Curbstone Press xuất bản tháng Chín 1995 đã tạo nhiều tiếng vang trái ngược. Người hậu thuẫn cũng lắm mà kẻ chống đối cũng nhiều. Mới đây nhất là cuộc biểu tình hầu như có lăng mạ nhằm chống đối các tác giả tham gia tuyển tập trong một buổi ra mắt tập sách kể trên ở Seattle càng làm dư luận chú ý thêm về các thái độ trái ngược trong việc đón nhận tuyển tập. Cây bút tiểu luận Trương Vũ, một trong ba đồng chủ biên của tuyển tập, đã dành cho chúng tôi cuộc phỏng vấn sau đây.

1. Xin anh cho biết cảm tưởng về những phản ứng khác nhau trong cách đón nhận tuyển tập Phía Bên Kia Thiên Đường? Và khi hợp tác thực hiện tuyển tập, anh có tiên liệu phần nào những phản ứng trái ngược như thế này không?

Đ: Đây là lần đầu tiên có một tuyển tập liên hệ đến cuộc chiến Việt Nam với sự tham dự của những tác giả xuất phát từ ba phía khác nhau của cuộc chiến. Từ trước đến nay những việc làm như vậy thường chỉ có tính cách đơn phương hoặc chỉ có hai phía là Hoa Kỳ và Bắc Việt Nam. Do đó, cách đây hai năm, khi bắt đầu công việc biên tập, tôi cũng đã tiên liệu sẽ có những phản ứng trái ngược. Điều tôi không tiên đoán được là ở một vài cách phản ứng, như trường hợp đã xảy ra ở Seattle. Tuy nhiên, nói chung, sự đón nhận dành cho tuyển tập thuận lợi hơn chúng tôi tưởng rất nhiều. Nhà xuất bản đã tăng gấp đôi số phát hành và vẫn không kịp phân phối đến các nhà sách. Điều vui mừng nhất đối với tôi là hầu hết những người đã đọc cuốn sách, đặc biệt là người Mỹ và thanh niên Việt Nam, đều tỏ ra ngạc nhiên về giá trị văn chương của những tác phẩm của người Việt Nam viết ở hải ngoại. Theo họ, qua những tác phẩm này, họ có được một cái nhìn rộng hơn, sâu sắc hơn, và công bằng hơn về thảm kịch Việt Nam.

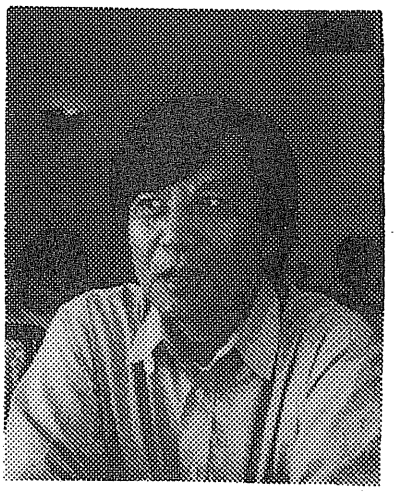

Trương Vũ

2. Anh nhắc đến bài viết *Chiến Tranh Việt Nam, Văn Học Việt Nam Hải Ngoại Và Phía Bên Kia Thiên Đường* của anh đăng ở *Văn Học* số tháng Mười năm 1995, nhưng tôi e rằng có nhiều người chưa kịp đọc, xin anh vắn tắt cho biết những động cơ nào đã thúc đẩy anh mạnh mẽ nhất, khi quyết định tham gia thực hiện tuyển tập?

Đ: Tôi mong có nhiều người đọc bài viết đó, nó đầy đủ hơn. Tôi chỉ xin trình bày ở đây vài động cơ chính. Trước hết có những hiểu biết của tôi về chiến tranh Việt Nam, về những mất mát, những chịu đựng của con người qua cuộc chiến đó, hoặc là khác, hoặc không thấy được trình bày trong những sách báo viết về cuộc chiến do các tác giả trong nước và cả những tác giả Mỹ. Bên cạnh đó, tôi yêu văn học Việt Nam, và đặc biệt tôi yêu và hãnh diện với những công trình văn học Việt Nam ở hải ngoại. Dòng văn học này thật phong phú mặc dù số lượng người còn muốn đọc tiếng Việt ở hải ngoại không nhiều. Muốn thấy được chất lượng của nó, nó cần phải được để bên cạnh các dòng văn học khác. Bắt nó phải đứng riêng một mình, không đến được với cả những thế hệ trẻ của Việt Nam ở hải ngoại, là một điều bất công. Thêm vào đó, tôi tin rằng văn chương, khi viết về cuộc chiến, cho dù là hư cấu, vẫn có khả năng làm cho người đọc trực diện cuộc chiến với tất cả những tàn bạo không thể che đậy của nó, đồng thời với khả năng hàn gắn những đổ vỡ gây ra từ những cái tàn bạo này. Sự hàn gắn nói đến ở đây không có nghĩa là hòa giải chính trị bởi vì đó không phải là công việc của nhà văn và tính thực của văn chương hoàn toàn vượt lên trên những thứ đó. Tôi tin là sự hiện diện của những tác phẩm ở hải

ngoại, viết bằng tài năng và lòng chân thành của nhà văn, sẽ giúp cho người đọc thấy được cuộc chiến với đầy đủ tính phức tạp của nó hơn. Và, quan trọng hơn hết là thực hiện được giấc mơ thường tình của nhà văn là làm cho đời sống đẹp hơn, cho dù phải xây dựng tác phẩm trên những thảm kịch của đời sống.

3. Bây giờ chúng ta đi vào chi tiết thực hiện tuyển tập một chút. Như anh cho biết, anh hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tuyển chọn và giới thiệu tác phẩm của các tác giả viết bằng tiếng Anh lẫn tiếng Việt ở hải ngoại. Thưa anh, trong khi chọn lựa để giới thiệu, anh dựa vào những tiêu chuẩn nào? Ý tôi muốn nói là giữa các tiêu chuẩn: giá trị văn chương, giá trị tư tưởng, đề tài thích nghi với chủ đề, yếu tố chính trị... điều nào là yếu tố ưu tiên quyết định?

Đ: Hai tiêu chuẩn quan trọng nhất là "giá trị văn chương" và "nội dung thích nghi với chủ đề *hậu chiến tranh Việt Nam*". Một tiêu chuẩn khác, tuy nhẹ hơn nhưng lại khiến một số tác phẩm bị loại vào giờ cuối, là toàn tuyển tập phải được sắp xếp sao cho hòa nhịp với bài thơ của George Evans, được dùng như một dàn bài nhằm tạo một cách nhìn xuyên thấu cho toàn tác phẩm, bao gồm tất cả những vấn đề chính của hậu chiến.

4. ... và khi anh đã quyết định rồi thì "ứng viên" có "dính" luôn không hay phải chịu sự lọc lại của phía Wayne Karlin và phía Lê Minh Khuê? Điểm này đặc biệt tế nhị, vậy thì xin hỏi luôn, về phía anh, anh có quyền quyết định hay ảnh hưởng gì đến việc chọn bài của "hai phe" kia không, nghĩa là nguyên tắc dân chủ ở đây đã được áp dụng như thế nào? Ai là chủ và ai là khách trong vụ chọn lựa này, hay cả ba phía đều "anh em như thể tay chân"?

Đ: Người có sáng kiến thực hiện tuyển tập này là Wayne Karlin. Trước tiên, anh hội ý và được sự đồng tình của một số nhà văn cựu chiến binh Hoa Kỳ. Sau đó, anh ngỏ ý với Hội Nhà Văn Việt Nam (Hà Nội) và Hội ủy nhiệm Lê Minh Khuê làm đồng chủ biên của tuyển tập. Chỉ tới khi bắt tay vào việc, Wayne Karlin mới nhận ra là sẽ rất bất công nếu tuyển tập về chiến tranh Việt Nam thiếu tiếng nói của phía Miền Nam. Anh đến thăm và mời tôi cộng tác. Lúc đầu anh chỉ muốn có một ít truyện ngắn ở hải ngoại để đăng bên cạnh truyện các nhà văn Mỹ như một sự góp mặt của những người Mỹ gốc Việt trước đây thuộc phe miền Nam. Sau nhiều bàn thảo, mọi sự thay đổi, tuyển tập được thực hiện với ba chủ biên thuộc ba phía khác nhau của cuộc chiến và sự phân nhiệm giữa chúng tôi khá rõ ràng. Wayne là chủ biên chính và trách nhiệm về những chọn lựa và quyết định sau cùng. Lê Minh Khuê chọn lựa những bài trong nước và tôi trách nhiệm phần hải ngoại. Tôi và Lê Minh Khuê không hề có bất cứ một trao đổi nào trong việc chọn lựa tác phẩm nhưng tôi làm việc với Wayne Karlin khá chặt chẽ. Sự chọn lựa các truyện ngắn từ lúc khởi đầu cho đến khi thực sự có mặt trong tuyển tập công phu lắm, và nhiều lúc chúng tôi tranh cãi nhau rất mạnh về cách đánh giá một số tác phẩm ở hải ngoại. Chọn lựa đầu tiên của tôi gồm khoảng hai mươi truyện ngắn hải ngoại, cuối cùng có tám truyện ngắn hiện diện trong tuyển tập. Tôi phải nói thêm một điều ở đây là Wayne Karlin làm việc rất cực nhọc và rất biết lắng nghe. Tất cả chúng tôi đều không nhận thù lao.

5. Tôi khá ngạc nhiên khi được anh cho biết là từ phía bạn bè anh cũng có vài sự chống đối về việc chọn bài, mặc dù họ tán thành về sự ra đời của tuyển tập. Xin phép tò mò một chút, anh có thể nói rõ hơn là bạn bè anh không đồng ý với anh về những điểm nào?

Đ: Nói chung, họ tỏ ý không hài lòng về sự tuyển chọn một số tác giả. Có người đề nghị những tác giả mà thật ra tôi đã chọn trong loạt đầu. Có người đặt yếu tố chính trị lên trên văn chương. Có người đưa ra một số tác giả mà tôi không thể nào đồng ý. Hầu hết là những đề nghị xây dựng. Thế nhưng tôi cũng chỉ có thể trả lời một cách tổng quát là khi làm một công việc nào đó, cuối cùng rồi mỗi người trong chúng ta đều phải lấy quyết định của chính mình, dựa trên khả năng và quyền hạn của mình, và chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Riêng tôi, tôi vẫn rất hài lòng về sự tuyển chọn của tôi. Điều vui mừng nhất là có những nhà văn không có tác phẩm trong tuyển tập nhưng lại dành cho tôi những hỗ trợ tinh thần thật lớn lao. Những hỗ trợ này đối với tôi quan trọng vô cùng.

6. Liên lạc với các tác giả ra sao trước khi chọn dịch? Hay chỉ căn cứ theo các tác phẩm đã được đăng trên các tạp chí ở hải ngoại mà "tuyển lựa tài tử"?

Đ: Hầu hết là căn cứ trên những tác phẩm đã xuất bản hay đã được đăng trên các tạp chí. Phần đông tôi chỉ liên lạc với tác giả sau khi tác phẩm đã được chọn đăng. Có một trường hợp đặc biệt về một nhà văn nữ mà tôi rất kính trọng. Truyện của chị ấy đã được sự đồng ý giữa tôi với Wayne Karlin và tôi đã báo cho chị biết. Sau đó, Wayne cho hay là khi xem lại toàn tập, không làm sao đưa truyện vào tuyển tập mà vẫn giữ được sự quân bình chung. Tôi cố gắng thuyết phục Wayne và đồng ý cùng ngồi xuống làm việc trở lại kể cả phải "edit" trở lại, nhưng vì thời hạn phải giao cho nhà xuất bản quá cận nên đành chịu. Đến nay tôi vẫn còn xấu hổ về chuyện đó, và vẫn chưa dám nói chuyện với chị ấy.

7. Bây giờ nói đến những người chống đối. Anh có nghĩ rằng những người chống đối là

những người đã thực sự nghiền ngẫm tuyển tập chưa?

Đ: Tôi không thể trả lời cho tất cả những người chống đối. Riêng với những người chống đối có nói chuyện với tôi qua điện thoại thì vào lúc biểu lộ sự không hài lòng của họ, chưa có người nào đã đọc sách. Có người chưa thấy cả hình thù cuốn sách.

8. Nếu có ai bảo anh là "thân Cộng" hay "nằm vùng," như một số bản tin ở vùng tôi đang ở (Washington, D.C.) đang chạy tít lớn thì anh có phẫn nộ, chấp nhận, hay muốn thanh minh thanh nga, hoặc là cứ mặc kệ "đường ta ta cứ đi"? Có người trách, sự ra đời của tuyển tập khá tế nhị dễ gây ngộ nhận, mà anh thì thiếu "khéo léo và chuẩn bị dư luận." Anh nghĩ sao về lý luận này?

Đ: Trong một sinh hoạt văn hóa tổ chức mới đây tại vùng thủ đô, có một vị bác sĩ lên đặt vấn đề là cần phải có thái độ với những "tên nằm vùng" đã thực hiện hoặc đóng góp bài vở cho tuyển tập *The Other Side of Heaven*. Ông ta hiểu về cuốn sách qua cách trình bày của một số báo chí Việt ngữ nhưng chính ông thì chưa thấy mặt cuốn sách. Trước đây, ông ta thường gặp và chuyện trò với tôi rất vui vẻ trong các buổi tiệc ở nhà một số bạn bè chung. Tôi nhớ ông là một người nói năng rất dễ thương và do đó, tôi không nghĩ là ông có ý gì xấu khi đưa ra những nhận định như vậy. Cũng giống như nhiều người khác, ông ta phải tố giác những "tên thân Cộng," những "tên nằm vùng," để chứng tỏ quyết tâm chống Cộng của ông ta thôi, như một thói quen.

Tôi không buồn về những chuyện đó vì tôi biết một thực tế của cộng đồng chúng ta. Ở đây chúng ta có quá nhiều "thầy" mà rất ít "thợ." "Thầy" không phải làm gì cả nên chẳng có gì để người khác phê bình, "thợ" thì phải làm ra công trình, nên luôn luôn là cái đích nhắm cho người khác khen chê, mà cách khen chê tiện nhất của mấy "thầy" là cứ chê trước cái đã, cứ đánh phủ đầu cái đã, trúng trật tính sau. Không tính cũng được. Thế nhưng, tới một lúc nào đó chúng ta phải công bình với "thợ" khi mấy ông "thầy" vượt quá cái mức phê bình vô thưởng vô phạt để tấn công một cách vô trách nhiệm và làm thương tổn cho người khác.

Về tuyển tập *The Other Side of Heaven* chẳng hạn, đó là công trình nặn từ óc não và tâm huyết của biết bao nhiêu người trong đó có những nhà văn cựu chiến binh Mỹ như Robert O. Butler, đã yêu Miền Nam như thế nào và đã viết những tác phẩm làm hãnh diện văn học Mỹ với tâm hồn của một người Việt Nam tuyệt vời như thế nào. Làm sao mà tôi có thể chấp nhận quyền "chụp mũ" của mọi người một cách dễ dàng như vậy cũng như chấp nhận cái quyền được sỉ nhục người khác của họ? Làm sao tôi có thể chấp nhận cái quyền của một người Việt Nam nào đó không chắc cả đời đã làm được điều gì tốt cho đất nước Việt Nam, đã anh dũng tới cỡ nào để bảo vệ Miền Nam, nhưng cứ chạy xồng xộc vào phòng họp, chỉ vào mặt một nhà văn Mỹ bảo rằng "Anh là một thằng hèn"? Và, trước đó, nhà văn Mỹ này đã chống lại áp lực của các nhà xuất bản Mỹ để đòi cho được phải có tiếng nói của miền Nam trong tuyển tập.

Thế nhưng, phản ứng của tôi cũng chỉ là để

Tìm đọc:

DU LỊCH CALIFORNIA

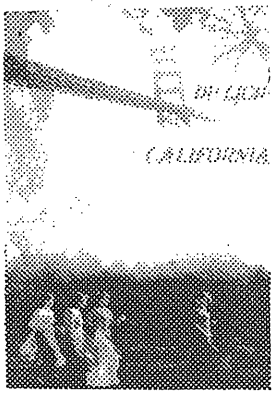

bài và ảnh của nhiếp ảnh gia NGÔ THANH TÙNG

Đây là một công trình biên soạn rất công phu, một tác phẩm độc đáo, phối hợp văn chương, biên khảo và nhiếp ảnh. Được nhà văn Võ Phiến tặng danh hiệu "người tình của Cali," Ngô Thanh Tùng quả thật xứng đáng với mỹ từ ưu ái này.

Liên lạc:
Văn Nghệ
PO BOX 2301 Westminster CA 92683 USA
(714) 527-5761

nói được mấy lời đó thôi, bởi vì, cuối cùng rồi điều quan trọng nhất của một nhà văn, một trí thức, vẫn là làm hết lòng, làm cho tới nơi, những điều mà mình tin là đúng. Tôi chỉ mong những người không đồng ý với việc làm của người khác, hãy dồn mọi nỗ lực để làm những công trình lớn hơn, tốt hơn, và làm theo chiều hướng mà họ tin. Và, cái dư luận mà mình cần chuẩn bị kỹ nhất, để có được những công trình có giá trị là chính mình chớ không phải ai khác. (*)

9. Nếu anh đã quyết định đi nốt con đường đã vạch, anh có thể "bật mí" cho độc giả về những dự án hay tuyển tập vân vân... đang trong vòng chuẩn bị của anh không?

Đ: Điều muốn làm thì nhiều lắm. Chỉ ngại thiếu thì giờ và khả năng và như chị đã biết, lãnh vực chuyên môn của tôi không liên hệ đến văn học, cho nên, để làm được cho tốt những công trình văn học, tôi phải bỏ thì giờ nhiều gấp đôi, gấp ba người khác, và chỉ có thể làm việc bán thời gian mà thôi. Việc làm gần nhất là giúp tập san *The Vietnam Forum* của Đại học Yale thực hiện một số đặc biệt về văn học Việt Nam hải ngoại. Tiếp đến là biên tập phần hải ngoại cho một tuyển tập về thi ca Việt Nam sau 1975 cũng dự trù do Yale xuất bản. Có một công trình khá lớn mà chị đã biết rồi, vì sẽ có sự tham dự của chị và một số người khác, nói về những vật lộn kinh hoàng với đời sống, thành công cũng có mà thất bại cũng có, của những người đàn bà Việt Nam Việt Nam đã kinh qua những thảm kịch trên biển Đông. Tính thì như vậy, tham lam như vậy, nhưng bao giờ thực hiện được cho xong thì còn tùy thuộc nhiều yếu tố lắm, đặc biệt là kiếm người vừa có đam mê, vừa có khả năng, vừa chịu làm "chùa" với mình không phải dễ.

10. Có lẽ do thói quen nghi kỵ nhau kiểu "Thằng Người Có Đuôi," ở trong nước, chúng ta ít dám nói thật với nhau về những ý nghĩ của mình. Ra khỏi nước, dường như thói quen đó vẫn còn "vương vấn," tôi đoán vậy vì thấy nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng mỗi khi muốn phỏng vấn ai thì lại sắp vào loạt bài với cái tựa là "Phút Nói Thật," cái tựa có vẻ bi quan quá! Tôi không mấy bi quan về anh, vậy xin anh cho độc giả của chúng ta vài phút nói thật, nói thẳng: thí dụ như... anh có nhận tiền bạc của một nhóm nào hay một tổ chức nào bất luận là từ phía Mỹ hay... Việt Cộng hay... bọn hòa hợp hòa giải?

Đ: Tôi có nhận tiền của một hãng Mỹ, hai tuần một lần, có điều là tôi phải làm việc cho họ về khoa học chớ không được làm về văn học. Việt Cộng thì thỉnh thoảng có người gởi cho tôi vài gói mứt gọi là chút quà quê hương nhưng tôi tiếp tế cho Việt Cộng thì rất đều đặn, trong số đó có hai bà chị với hơn một chục đứa cháu, mấy bà dì và em họ, một lô gia đình bên vợ, thỉnh thoảng vài bạn bè, học trò cũ. Lâu lâu, bọn đối thoại và giao lưu văn hóa có móc tiền quà sáng của tôi.

Xin lỗi, tôi phải trả lời chị theo cái cách mà chị hỏi tôi.

11. Xem ra, nãy giờ chúng ta nói chuyện "căng thẳng" và anh có vẻ hơi cay cú với tôi đấy nhé! Bây giờ có lẽ nên nói đùa một chút cho vui, nếu anh cho phép?... Vâng, một câu hỏi thắc mắc của riêng tôi là, trong khi "tuyển lựa tài tử" như thế, một là anh có "kỳ thị nam nữ," hai là anh không "nịnh đầm," ba là anh "dám" chê bai văn chương của nữ nhân chúng tôi, cả ba tội đều không thể tha thứ được. Vậy thì anh giải thích ra sao về thiếu vắng của các cây bút nữ hải ngoại trong tuyển tập Phía Bên Kia Thiên Đường?

Đ: Thật ra có một cây bút nữ là Lại Thanh Hà, thuộc thế hệ lớn lên ở hải ngoại. Nhưng dẫu sao đây cũng là chuyện đau đầu nhất của tôi. Trong phần tuyển chọn đầu tiên, số nhà văn nữ rất đông, mà thật tình thì tôi không để ý đến vấn đề nam nữ khi tuyển chọn. Đến khi tác phẩm hoàn thành mới khám phá ra điều đó và giật mình. Điều này có thể phát xuất từ một cách nhìn chủ quan là đã để ý quá nhiều đến tính tàn bạo hay cay đắng của những tác phẩm viết về chiến tranh mà quên những yếu tố khác. Các chủ biên kia cũng gặp phải vấn đề tương tự. Tôi cho đây là một khuyết điểm lớn nhất và bảo đảm với chị là trong những tuyển tập tới không mang đề tài chiến tranh, sự kiện này sẽ không còn nữa.

12. Tôi xin trích dẫn một đoạn trong bài tham luận của nhà văn Nguyễn Mộng Giác. *"... Sự hiện diện của tám nhà văn gốc Miền Nam trong tuyển tập là một tiền lệ tốt, cải chính một thiên kiến vốn đã có từ lâu, thiên kiến cho rằng cuộc chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến giữa hai phía: phía Mỹ và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa... Tiếng khóc, nỗi đau vốn không có biên giới. Hạt nước mắt nào cũng giống nhau, đã nhớ đến hai giọt nước mắt sao lại quên một giọt thứ ba!"* **và một đoạn khác của nhà văn Nguyễn Quí Đức đọc tại San Francisco State University trong cuộc hội luận Bể Dâu:** *"Tôi tranh đấu để tất cả những tiếng nói Việt Nam được nêu lên. Bắc, Nam, già trẻ, ai cũng có một quá khứ, ai cũng có kinh nghiệm riêng rẽ chứng nghiệm được. Ai cũng cần được nghe. Nhưng muốn vậy, phải có khả năng và ý muốn lật trang sách lịch sử. Điều đó không phải dễ. Nhưng chúng ta phải làm."* **để thưa với anh rằng anh đã không quá cô đơn trong những cố gắng đang làm. Xin cám ơn anh và xin chúc anh thành công hơn và gặp nhiều may mắn hơn trong những công trình sắp tới.■**

Virginia, 15.11.1995

MẤY SUY NGHĨ VÀ MỘT TẤM LÒNG

BÙI VĨNH PHÚC

LTS. *Cuộc thảo luận "Chữ và Nghĩa" mà Thang Ma phải đóng vai chính đã kéo dài nhiều số báo. Tháng này, TK 21 đăng bài sau cùng trong cuộc thảo luận này của Bùi Vĩnh Phúc, và Tòa soạn xin có vài lời về một điểm trong bài ấy, để tránh sự ngộ nhận có thể đưa cuộc thảo luận đến chỗ kéo dài hơn nữa.*

Trong bài này của ông Bùi Vĩnh Phúc có câu: "Phản ánh *không hề mất đi trong bộ Pháp Việt Từ Điển của Đào Duy Anh như ông Thang Ma viết." Thật ra ông Thang Ma không có viết như vậy. Ông chỉ đơn cử chữ Réfléchir, và cho thấy rằng Đào Duy Anh không dùng chữ* phản ánh *cho định nghĩa của chữ này, mà chỉ dùng chữ* phản ảnh. *Nghĩa là ông Thang Ma chỉ nói về một chữ, không nói về cả cuốn Từ Điển Pháp Việt của ông Đào Duy Anh.*

Bùi Vĩnh Phúc

Là một người theo dõi và trực tiếp đóng góp vào cuộc thảo luận về Chữ và Nghĩa trên *Thế Kỷ 21* trong những tháng qua, trong phạm vi của mình, tôi nghĩ tôi đã đóng góp tiếng nói chân thực với tinh thần chia sẻ cũng như thiện chí của tôi để, cùng những người khác, xây dựng một cái nhìn thẳng thắn trong tinh thần dân chủ, về một số vấn đề về chữ và nghĩa mà nhiều người trong chúng ta đang quan tâm.

Trong cái nhìn của tôi, mỗi một người trong chúng ta, dù giỏi giang hoặc có kiến thức đến đâu, cũng chỉ sở hữu một số hiểu biết nào đó rất đỗi nhỏ nhoi, tương đối và hạn hẹp. Bởi thế, tôi vẫn nghĩ là chúng ta nên đến với nhau trong ý thức ấy. Nếu tôi đã có đóng góp được điều gì trong cuộc thảo luận này, tôi cũng chỉ muốn nhìn nó và mong mọi người nhìn nó trong hướng mà tôi vừa phân giải. Điều duy nhất làm cho tôi vui trong cuộc thảo luận này là tôi đã thiết tha trong sự đóng góp của mình.

Bài viết này cũng được viết ra trong tinh thần vừa nói. Trong thiện chí cũng như trong trách nhiệm của mình, tôi nghĩ tôi nên lên tiếng về một số nhận xét của ông Thang Ma trong bài viết dài và công phu của ông trên mấy số báo vừa qua, đặc biệt về những nhận xét mà ông có về thái độ của tôi đối với một vài khía cạnh liên hệ đến chữ và nghĩa.

Phản ánh & phản ảnh, và Đào Duy Anh—1936

Vấn đề ý nghĩa và cách sử dụng hai từ này đã được chúng ta bàn thảo qua mấy số báo rồi. Dù sao, vì hai từ này đang được sử dụng một cách phổ cập trong nhiều bài văn, bài báo thuộc nhiều thể loại ở ngoài nước, và vì trong sự thảo luận về cách dùng hai từ này trên *Thế Kỷ 21* vẫn còn những điều vướng mắc mà nếu không nói ra, ta sẽ trở nên không trung thực với những suy nghĩ của ta, cũng như có thể làm cho những người quan tâm đến vấn đề không cảm thấy thoải mái khi theo dõi cuộc thảo luận; bởi vậy, tôi xin phép được trình bày thêm một số nhận xét và quan niệm của riêng tôi về cách dùng hai từ này. Đặc biệt, tôi muốn đóng góp chút ít về sự trình bày của ông Thang Ma về chúng qua quyển Pháp-Việt Từ Điển của học giả Đào Duy Anh.

Ông Thang Ma cho biết điểm đặc biệt của bộ từ điển này là có ghi chú rất nhiều chữ Hán, làm rõ nghĩa các từ Hán Việt. Ông viết, "*Khi dịch động từ* réfléchir (to reflect), *soạn giả ghi là* phản ảnh, phản chiếu *kèm theo chữ Hán tương đương, không hề thấy xuất hiện* phản ánh, *vì người Việt toàn quốc thời ấy tuyệt đại đa số dùng* phản ảnh. *Bộ Hán-Việt Từ Điển soạn trước đó chỉ thấy tác giả liệt kê* phản ánh *mà không* phản ảnh..."

Điều này, trong cái nhìn của tôi, có thể vì sơ ý, ông Thang Ma đã trình bày không được đúng so với những dữ kiện có trong từ điển.

Hai tự "ánh" và "ảnh" viết khác nhau, theo thứ tự là 映 và 影 .

Học giả Đào Duy Anh rất cẩn trọng và thống nhất trong cách làm việc của cụ. Trong Hán-Việt

Từ Điển, cụ chỉ ghi từ phản ánh và chú thêm ở cuối định nghĩa này từ reflet trong tiếng Pháp. Qua Pháp-Việt Từ Điển, cụ có dùng thêm từ phản ảnh, để giải thích từ réfléchir đúng như ông Thang Ma đã cho biết. Nhưng ***phản ánh* vẫn còn đó, không hề mất đi** như ông Thang Ma nói. Nó vẫn nằm đúng ở nơi mà Đào Duy Anh muốn nó có mặt. Đó là ở định nghĩa của từ *réfléter*. Hai từ *réfléchir* và *réfléter*, về ***nghĩa đen***, nói chung, có những nghĩa như nhau: *phản ánh, phản ảnh, phản chiếu, phản xạ, phản hưởng, chiếu lại, dội lại...*; nhưng trong ***nghĩa bóng, nghĩa trừu tượng***, chúng hơi khác nhau ở chỗ *réfléchir* có nghĩa là *nghĩ lại, nghĩ ngợi, ngẫm nghĩ, truy tưởng, phản tỉnh* (từ này miền Bắc hay dùng) [v. intr. FIG. to reflect, to ponder (à, sur, on); cela donne à réfléchir, that makes you think; réfléchir avant d'agir, to reflect before acting; réfléchissez-y, think it over / *Modern Dictionary. Francais-Anglais Larousse*, 1978], còn *réfléter* có nghĩa là *biểu tỏ (lòng tốt), phản ánh (một ý thích), phản ánh (một ảnh hưởng)*... [v. tr. FIG. To show forth (la bonté); to mirror (un intérêt), to reflect (une influence)] Chúng ta nên để ý *réfléchir* là một *verbe intransitif*, không đòi hỏi một túc từ trực tiếp, còn *réfléter* là một *verbe transitif*, đòi hỏi một túc từ trực tiếp. Cụ Đào Duy Anh, khi dịch *réfléchir* là *phản ảnh*, cùng với một số nghĩa khác nữa (nhưng không có *phản ánh* ở đây), và dịch *réfléter* là *phản ánh*, cùng với một số nghĩa khác nữa, (nhưng không có *phản ảnh* ở đây), đã chia sẻ quan điểm với các nhà làm từ điển Larousse.

Phản ánh không hề mất đi trong bộ Pháp-Việt Từ Điển của Đào Duy Anh như ông Thang Ma viết. Chỉ có *phản ảnh* là được thêm vào mà thôi.

Tôi xin ghi lại ở đây định nghĩa của hai từ *réfléchir* và *réfléter* trong Pháp-Việt Từ Điển của Đào Duy Anh cho rõ:

* ***Réfléchir***: (V.) 1/ chiếu lại, dội lại, phản chiếu, phản ảnh, phản hưởng.

2/ truyền cho, truyền lại, lưu lại, lưu truyền.

3/ (V.n.) 1/ trở lại, đập lại, phản xạ.

2/ nghĩ lại, nghĩ ngợi, ngẫm nghĩ, truy tưởng, phản tỉnh.

* *Réfléter*: (V.) 1/ chiếu lại, phản chiếu, phản ánh, phản xạ.

2/ (V.n.) lóng lánh.

Chuyện hai học giả Đào Duy Anh và Nguyễn Văn Khôn, trong hai quyển Hán-Việt Từ Điển của mình, không ghi từ *phản ảnh*, mà chỉ ghi *phản ánh*, có biểu lộ một phong cách làm việc kiểu "mì ăn liền" theo như sự đánh giá của ông Thang Ma không thì tôi sẽ xin có ý kiến ở một phần sau. Ở đây, tôi chỉ muốn ghi lại đôi điều tìm hiểu của mình để nhấn mạnh cái công khó, sự truy cứu tài liệu công phu, cũng như sự cẩn trọng và thống nhất trong việc làm của Đào Duy Anh (ngay từ những năm '30, trước khi có ảnh hưởng của Mao-ít, Hoa Lục) mà có thể có những người trong chúng ta không để ý đến.

Tôi vẫn xin phép được giữ nguyên suy nghĩ của tôi về hai từ *phản ánh* và *phản ảnh*. Tôi không chê và không "lên án" một từ nào. Tôi thấy sự có mặt của cả hai chỉ cho chúng ta thêm sự chọn lựa. Riêng tôi, tôi muốn dùng *phản ánh* như một "tha động từ" (transitive verb)(và dùng *phản ảnh* như một danh từ). Tôi không bao giờ dùng nó như một "tự động từ" (intransitive verb), theo kiểu "Xin phản ánh với anh là..." theo lối nói của một số cán bộ. (Thật sự, trên phương diện ngôn ngữ, một từ hay một cụm từ, một cách nói, một cách diễn tả... được một tập thể người dùng mãi thì rồi cũng sẽ trở thành một phong cách, một lối nói được chấp nhận. Dù sao, tôi không chọn lối dùng đó cho mình.) Ngoài ra, tôi cũng nghĩ rằng "ảnh" có nghĩa là "bóng" (*Ảnh hưởng*: Bóng và tiếng vang / *Ảnh tùy hình, hưởng ứng thanh*: bóng theo hình, vang theo tiếng. Cái vô hình chuyển biến cái khác). Như thế, "ảnh", tự nó đã có nghĩa là một cái gì được chiếu ra, được chụp lại rồi; chính "ảnh" đã có tính chất "phản" ở trong nó rồi. Bởi thế, tôi không muốn dùng chung nó với "phản" nữa như một động từ. (Còn nếu dùng như một danh từ thì nó chỉ có nghĩa từ nguyên là cái hình ảnh được phản chiếu thôi, *a reflected image*. *Phản*, lúc đó, chỉ giữ phận sự là một bổ từ, một *modifier*, làm rõ nghĩa cho ảnh) Còn "*ánh*", trong "*phản ánh*", như đã được trình bày trong hai quyển Hán-Việt Từ Điển của Đào Duy Anh và của Nguyễn Văn Khôn, có nghĩa là *ánh sáng*. *Phản ánh*, là ánh sáng chiếu trở lại (*reflet*)—theo Đào Duy Anh—và là ánh sáng chiếu lại; (ánh sáng) chiếu trở lại, soi hắt lại; có ảnh hưởng lại—theo Nguyễn Văn Khôn. Hai học giả này, như thế, nhìn "phản ánh" vừa như danh từ, vừa như động từ.

Tất cả sự chọn lựa của tôi, phần lớn, dựa trên những tài liệu tôi vừa trình bày. Có điều hơi khác là riêng ý tôi, tôi muốn nhìn *phản ảnh* như một danh từ và *phản ánh* như một (tha) động từ. Chúng ta bây giờ, ở ngoài nước, có người dùng *phản ảnh*, có người dùng *phản ánh*. Vậy thì "phản ảnh" để huề sóng vai với "phản ánh", đó là điều vui và tốt cho sự dụng ngữ của người mình, phản ánh một tinh thần phóng khoáng, cởi mở, và tự do của chúng ta. Chẳng có lý do "thời thượng" hay lý do "Hoa Lục", "Ta /Tàu" gì trong sự chọn lựa của tôi. Còn những người khác thì mỗi người có thể có những lý do riêng căn cứ trên sự suy nghĩ, nhận xét và phán đoán riêng của mình. Hãy để sự chọn lựa lại cho mỗi người. Theo tôi, ta không nên làm hộ cho người khác sự chọn lựa đó. Lại càng không nên chỉ định cho

người khác một cách suy nghĩ, cho dù là cách suy nghĩ của mình—trong chủ quan của mỗi người—có hay đến mấy đi chăng nữa. Còn chuyện vì người khác không chia sẻ một quan điểm văn học hoặc ngôn ngữ với mình mà mình quy chụp họ như thế này hay thế kia (một cách trực tiếp hay gián tiếp), thì tôi nghĩ điều ấy không nên. Tôi nhớ một câu nói đáng quý của Voltaire, đại khái là: "*Có thể tôi không đồng ý với quan điểm của anh, nhưng tôi sẽ tranh đấu với cả mạng sống của tôi để cho ý kiến của anh được bày tỏ và được biết đến.*"

Chính & chỉnh

Ông Thang Ma đưa ra một câu văn của tôi có từ "chính", dùng như một động từ, để bắt bẻ rằng tôi dùng từ không... "chỉnh", dùng theo lối "Hoa Lục"... Tôi nghĩ đó là một nhận xét độc đoán và chủ quan, và tôi cũng tiếc và hơi buồn vì, sau đó, không biểu tỏ một thiện chí nào trong việc tìm hiểu lý do, thái độ, quan điểm của người khác, ông nối kết nhận xét này với một nhận xét trùm lớp về "giới có học, trí thức Việt Nam, cả miền Nam lẫn miền Bắc" ở cuối bài. Nhận xét của ông, thật sự, đã làm nhiều người mà tôi quen biết hoảng sợ. Tôi sẽ nói về vấn đề này ở một đoạn sau.

Trước khi nói về hai từ *chính* và *chỉnh* này, tôi xin ghi lại đoạn văn của tôi trong văn mạch để chúng ta có một điểm tựa căn bản cho việc bàn luận. Tôi viết: "*Sự thảo luận để làm rõ một vấn đề, chính lại một từ ngữ hay một ý niệm, hay là để chia sẻ một cái nhìn bổ túc hoặc trái ngược với một quan điểm đã được đưa ra trước đó, tôi vẫn nghĩ, là một khía cạnh của văn minh con người. Nó giúp ta có một cái nhìn rộng hơn, và, hy vọng, một tấm lòng bao dung, mở đón và khiêm tốn hơn.*"

Ông Thang Ma bảo dùng từ "chính" ở đó là sai, là Hoa Lục. Ông bảo ông phải suy nghĩ mất vài giây rồi mới biết là tôi muốn nói là "chỉnh". Ông còn cẩn thận chú thêm tiếng Anh sau từ "chỉnh" mà ông ép tôi dùng là *to correct, to rectify*. Sau đó, ông đưa ra những thí dụ sau để bạn đọc có căn bản mà phán xét từ "chính" của tôi:

Chính chữ sai ấy. Chỉnh nó đi!
Chính chữ sai ấy. Chính nó đi!
(*That's the wrong word. Correct it!*)
Chính nó! Chính nó! (That's it! That's it!)
(*That's it! Correct it!*)
Chính nó! Chỉnh nó! (*That's it! Correct it!*)

Sau khi đã đưa ra đủ bằng chứng theo tinh thần "công tố" một cách hùng hồn như thế, ông Thang Ma nhẹ nhàng bảo với người đọc: "Trong mấy câu Việt trên, câu nào dễ hiểu, thuận tai hơn? Nhường bạn đọc phán xét."

Tôi xin được thưa với các bạn đọc như thế này: Tôi chẳng hề có ý muốn "chỉnh" ai trong bài viết của tôi. Chỉ là một thiện chí đóng góp với sự chân thành chia sẻ. Nếu quý bạn đọc đã có dịp đọc hết bài "*Một vài suy nghĩ về Chữ và Nghĩa*" của tôi, chắc các bạn cũng thấy được thiện chí đó. Và đặc biệt sự quý mến của tôi dành cho ông Thang Ma, cũng như dành cho tất cả những người mà tôi có hân hạnh tiếp chuyện, trao đổi. Đặc biệt là cái tinh thần đóng góp, sẻ chia tôi đã trình bày rất kỹ trong câu văn trích dẫn ở trên. Làm sao mà ông Thang Ma lại có thể hiểu từ "chính" mà tôi đã dùng với một ý nhã nhặn và khiêm cung—trong cố gắng riêng của tôi trong việc thảo luận—ra thành từ "chỉnh" đầy tính cách ngộ nhận đáng buồn như thế.

Nhiều từ Hán, khi đã nhập vào khối từ vựng của người Việt, đều ít nhiều mang một sắc thái tu từ khác với ý nghĩa nguyên thủy nơi chúng đã sinh ra. Chúng trở thành những từ Hán-Việt. Và vấn đề lục ra trong những bộ từ điển Hán-Việt mà chúng ta có đến nay để quyết đoán từ nào là Hán-Hoa Lục, từ nào là Hán-Việt là một truyện có thể gây nhiều bàn cãi. Hơn nữa, những từ Hán đầu tiên đi vào ngôn ngữ của người Việt để bây giờ trở thành từ Hán Việt (có nhiều từ gần như là được Việt hóa nữa, đến nỗi có nhiều người tưởng chúng là thuần Việt) ban đầu chúng đã sống như thế nào trong ngôn ngữ của người mình? Nhiều từ, nếu không nói là hầu hết hay tất cả, đều đã có một đời sống giống như những từ mà ông Thang Ma thường lọc ra và cho là từ của Hoa Lục. Dùng nhiều thành quen, và thành của mình. Còn vấn đề tại sao dùng, ý hướng chính trị của người dùng, thì đó lại là một vấn đề khác nữa.

Cá nhân tôi, tôi dùng "chính" và "chỉnh" theo cách định nghĩa của Nguyễn Văn Khôn. Như những từ Hán-Việt, "chỉnh" và "chính" đĩ nhiên là viết khác nhau. Ngoài ra, riêng từ "chính" lại có hai cách viết khác nhau, để cho ra những nghĩa khác nhau.

Chỉnh 整 là nguyên thể hoàn toàn; chỉnh tề, sửa sang cho có thứ tự, ngay ngắn.

Chính (chữ thứ nhất, 正) là *phải, thích đáng; ngay thẳng, đứng đắn; ngay ở giữa; sửa cho đúng; sắp đặt lại; chủ trị việc gì; tháng đầu năm.*

Chính (chữ thứ hai, 政) là *việc của nhà nước; khuôn phép, qui tắc làm việc; thích hợp; chất chính.*

"Chính" và "chỉnh" vừa có thể được dùng như một tính từ, vừa có thể được dùng như một động từ. Khi tôi dùng "chính" trong đoạn văn "*Sự thảo luận để làm rõ một vấn đề, chính lại một từ ngữ hay một ý niệm...*", tôi dùng nó theo nghĩa của từ "chính" thứ hai. Có nghĩa là "chất

chính". Từ này có nghĩa tổng quát là "hỏi lại cho đúng". Tôi không hề có ý muốn "chỉnh" ai hay "lên lớp", "sửa sai" ai, mà sự thảo luận của tôi—và tôi cũng mong mọi người chia sẻ với tôi thái độ này—chỉ là để chia sẻ và trình bày vấn đề. Nếu người khác có nói điều gì mà tôi không rõ hay không đồng ý thì tôi "hỏi lại cho đúng", đồng thời, tôi vẫn tôn trọng nhân cách và quan điểm, sự suy nghĩ, cũng như tự do của người khác. Tôi chỉ cần dùng từ "chính" mà thôi, không cần dùng "chất chính". "Chất chính" nghe nặng, và ý của từ "chất vấn" hiện ra một cách quá lộ liễu, thiếu tế nhị.

Còn khi tôi dùng nó như một tính từ, chẳng hạn, "*Cách dùng này không chính*," là tôi muốn nói nhẹ đi lời nhận xét của tôi. "Chính", ở đây, mang một hàm nghĩa là "chính xác". (Từ "xác" cũng được một số người dùng như thế, chẳng hạn, "*Nghĩa của từ này chưa xác.*") Tôi viết là "chính", mà không viết là "không đúng", vì nói như thế tôi thấy không mềm, không khéo, không tế nhị. Trong sự giao tiếp, tôi muốn mình giữ lễ được chừng nào thì hay và tốt chừng đó.

Từ "chính" tôi dùng mang ý như vậy. Mà ngay cả nếu tôi dùng nó như một động từ theo nghĩa của từ "chính" thứ nhất, cái nghĩa "sửa lại cho đúng" của từ này cũng làm cho câu văn có nét, có giọng lịch sự và hòa nhã mà tôi muốn nó có. Từ thuần Việt "sửa" đã là hơi nặng trong quan điểm của tôi rồi; huống hồ là từ "chỉnh".

Hai từ *chính* và *chỉnh* này, trong tiếng Việt, mang theo chúng một số *hàm nghĩa* (*connotations*) mà không một người nào quan tâm đến việc sử dụng chữ nghĩa lại không để ý đến. *Chỉnh*, mang theo với nó cái ý "lên lớp", "sửa sai" người khác. *Chính*, ngoài nghĩa "ngay thẳng", "chính đáng", nó còn được bao quanh bởi những từ mang ý nghĩa thật đẹp như chính tâm, chính danh, chính ngôn, chính trực, chính nghĩa... Bởi thế, trong cảm quan của tôi, tôi thấy nó đẹp và lịch sự, tốt cho việc trao đổi, giao tiếp.

Tôi biết một thành ngữ có từ "chính", là "*chính kỷ chính nhân*". Tôi chẳng cần biết thành ngữ này (mà cả Đào Duy Anh lẫn Nguyễn Văn Khôn đều chú là "*Trước phải chính mình, sau mới chính người*") là Hán-Việt hay Hán-Hoa Lục. Tôi chỉ biết nó là một câu nói hay của người xưa, đáng cho chúng ta suy ngẫm. Và nó được ghi trong Hán-Việt Từ Điển với lời chú rất khéo ra tiếng Việt của cả Đào Duy Anh lẫn Nguyễn Văn Khôn như thế. Tôi thích. Và nếu có một người nào dùng từ "chính"—không theo nghĩa "chất chính", mà theo nghĩa "sửa lại cho đúng"—như trong "chính kỷ chính nhân", thì tôi vẫn cho là đúng và hay, đặc biệt nếu người ấy dùng nó trong việc chia sẻ ý kiến cũng như thảo luận với những người khác. Trong quan điểm của tôi, cách dùng ấy cho thấy sự tôn trọng người khác và sự tự trọng của người dùng nó. Nó không hề phản ánh một... sự đối đãi nhị nguyên ta/tàu, quốc/cộng gì cả. Những câu như thế nhắc cho tôi học cái hay của người, và cố gắng tu sửa thân mình trước khi bàn đến những vấn đề của người khác.

(Thật sự, tôi dùng từ "chỉnh" rất thường. Nhưng từ ấy được đặt trong một văn cảnh khác, và khi tôi lên tiếng trong một vai trò, một vị thế khác. Xin xem những nhận xét của tôi về các bài văn của sinh viên trong hai quyển *Các Bài Luận Và Tuần Ký Mẫu* (giáo trình đại học, 1994) và *Ở Một Nơi Nào* (tuyển tập văn, 1995). Bài thảo luận của tôi trên *Thế Kỷ 21* được viết trong một tư thế khác với tư thế của tôi trong những nhận định cho sinh viên; bởi vậy, nó có một giọng nói khác—mang nhiều tính *uyển ngữ*, *ái ngữ*, và *kính ngữ* hơn.)

Những câu mà ông Thang Ma đưa ra, một phần chúng khá "nhân tạo", một phần vì từ dùng, trong nhận xét của tôi, không thích hợp với văn mạch, nên không tạo được tác dụng soi sáng. Hai câu "*Chính nó đi!*" và "*Chỉnh nó đi!*" là những câu có một cấu trúc rất "thuần Việt", kết thúc bằng một từ mang tính biểu cảm, "đi". Từ này có những tính chất giống như tính chất của những từ *nhé, cơ, hở, à, chứ*... trong tiếng Việt. Cấu trúc của câu, như thế, không phải là nơi chốn thích hợp để từ "chính" dùng theo nghĩa "chất chính" ("hỏi lại cho đúng", hay ngay cả từ "chính" dùng theo nghĩa "sửa cho đúng") xuất hiện. Câu thí dụ được đưa ra có tính cách nhân tạo quá, và người đặt ra nó, có thể có thiện chí soi sáng vấn đề, nhưng không để ý gì đến cái cấu trúc ngữ nghĩa rất thuần Việt của nó như tôi thử phân tích. Câu "*Chỉnh nó đi!*", trong cái nhìn của tôi, thì có thể được (nhất là nếu "nó" trong câu ấy không phải là "it", mà là "him"), vì "chỉnh", ở đây, được dùng một cách rất thuần Việt, có nghĩa đại khái là "sát xà-phòng nó!", "nạo nó!", "lên lớp nó!"... Câu thí dụ "Chính nó! Chính nó!" (*That's it! Correct it!*) cũng vậy. Tôi thấy nó rất "nhân tạo" trong cụm "Chính nó!" thứ nhì, xét theo văn mạch. Trong một khung cảnh nói năng như thế, người ta không dùng từ "chính" theo những nghĩa Hán-Việt mà chúng ta đang thảo luận làm gì. Nó chỉ xuất hiện trong những mạch văn khác có tính cách trang trọng hơn, trong đó có nhiều từ Hán Việt khác đã làm cho sự có mặt của nó không bị lạc lõng. (Về phương diện này, ông Thang Ma có một câu tương tự như thế, gồm 47 chữ, hay 30 từ, trong đó đã có 33 chữ, hay 16 từ, là từ Hán Việt rồi. Khung cảnh của lời nói, của câu văn, cho phép sự xuất hiện của từ Hán Việt với một tần số cao như thế.)

Ngoài ra, khi mời gọi độc giả so sánh những câu thí dụ *Chính nó đi!*, *Chỉnh nó đi!*... rất ép vừa

nói để hỏi rằng câu nào dễ hiểu, thuận tai hơn, tôi thấy người đặt ra câu hỏi cũng biết là mình ép độc giả. Ông đưa ra một câu hỏi đóng và không có tính chất công bình. Cứ tạm cho là hai câu ấy là những câu có thật, có thể dùng được trong cuộc sống hằng ngày, với hai từ Hán Việt *chính, chỉnh* mang nghĩa như nhau, thì từ "chỉnh" là một từ có một thang độ Việt hóa rất cao, gần như là thuần Việt, làm sao đem so với từ "chính" là một từ có thang độ Việt hóa thấp hơn được? Ngay cả khi chúng xuất hiện trong những văn mạch khác một cách thích đáng, ta cũng không thể làm một sự so sánh. Không thể đem thơ Thanh Quan ra mà so sánh với thơ của Xuân Hương! Mỗi cái có cái hay riêng.

Tóm lại, tôi dùng "chính" như một "uyển từ" (euphemism). Cũng gần như cách chúng ta dùng những từ hay những nhóm từ như *mất, qua đời, về nhà Cha, về với các cụ*... để thay cho các từ hay các cụm từ như *chết, tịch, tiêu, ngủm, ngủm-cù-đeo, ngủm-củ-tỏi, đi mò tôm, đi chầu tổ, hai năm mươi, ăn xôi, đi buôn muối*, v.v... Mục đích của tôi là chỉ muốn cho lời nói của mình được nhã nhặn. Từ "chính" giúp tôi biểu tỏ sự nhã nhặn đó. Những hàm ý chính trị trong bài của ông Thang Ma—liên hệ đến cách dùng những từ "phản ánh" và "chính" của tôi—tôi tin là đã được phát xuất từ mối nhiệt tâm đáng quý của ông, nhưng, thật sự, chúng rất xa lạ với ý nghĩa cũng như mục đích của bài thảo luận, chia sẻ mà tôi đã viết.

Tính & diện, phát hiện & tồn tại, ...

Ngôn ngữ sinh động và phát triển. Nó không ù lì đứng một chỗ. Nó cũng sinh sôi nẩy nở và có khi chết đi như con người. Chúng ta ai cũng thấy rõ tính chất thâm nhập của ngôn ngữ trong cuộc sống con người như thế nào. Nó còn có thể vượt qua những biên giới văn hóa, những rào cản chủng tộc, những phân chia kinh tế... để kéo con người lại gần với nhau. Là một người theo dõi và khảo sát ngôn ngữ, tôi nhìn nó như một *sinh thể* với những phát triển, những vận động và những đặc tính riêng trong những sự phát triển và vận động ấy với cái nhìn thích thú của một người theo dõi sự sống. Ngôn ngữ là sự sống. Nó là con người. Nó phản ánh đời sống cũng như suy nghĩ của ta. Tính chất cộng sinh của nó trong đời sống của con người nói chung và của cá nhân mỗi chúng ta nói riêng có nhiều bất ngờ và lý thú.

Xét riêng về mặt cá nhân, mỗi con người có một số vốn từ vựng riêng căn cứ trên những kinh nghiệm sống, đọc và suy nghĩ của người ấy. Chúng ta sống như thế nào, trong những khung cảnh văn hóa nào, và sự lớn lên của ta đã gắn bó với những kinh nghiệm gì..., tất cả đều có ảnh hưởng trên sự ăn nói cũng như trên cách dụng ngữ của ta. Nó làm ta thành một cái-ta-văn-hóa trên khía cạnh ngôn ngữ rất rõ nét. Điều đó ngôn ngữ học xã hội nghiên cứu rất kỹ. Nhưng chúng ta không chỉ hô hấp và lớn lên với cái ngôn ngữ mà nó bao bọc lấy ta trong một khung cảnh thuần vật lý. Rất nhiều khi, ta hô hấp và suy tư cùng với hơi thở của một thứ ngôn ngữ chỉ đến với ta trong một khung cảnh tinh thần nào đó. Có nhiều người không lớn lên trong một nền văn hóa nuôi sống một loại ngôn ngữ đặc thù mà vẫn sử dụng loại ngôn ngữ ấy một cách sành sõi và sắc bén chỉ vì họ đã đọc sách, làm việc, nghiên cứu, và lớn lên về mặt tinh thần trong cái ngôn ngữ đặc thù ấy.

Đó là nói một cách kỹ lưỡng về ảnh hưởng của ngôn ngữ trên mặt cá nhân ở một mức độ cao. Dù sao, ở một mức độ có tính cách chung và phổ biến hơn, ta thấy ngôn ngữ có thể đến và chia sẻ đời sống với ta bằng những con đường bất ngờ mà thường thì ta không bao giờ để ý. Hãy xét về mặt ngôn ngữ, với những đặc tính lý thú của nó ở đây, mà đừng lôi kéo những chuyện chính trị vào—những chuyện chính trị rất cần và hữu ích trong sự bàn thảo và khảo sát của ta trong những khung cảnh và đề tài khác—ta sẽ thấy rằng cái ngôn ngữ đang phát triển ở Việt Nam bây giờ, với tất cả những vẻ đặc thù vừa lý thú, sinh động, vừa "kỳ quặc", "quái dị" của nó là một đối tượng đáng để ta theo dõi và quan sát. Bao người trong chúng ta đã nghiên cứu và theo dõi cái đời sống và sự phát triển của những ngôn ngữ quốc tế, và tìm ra được ở đó những khám phá bất ngờ và lý thú, làm giàu có thêm sự nhận thức và học hỏi của con người, tại sao ngôn ngữ của chính mình thì ta lại bỏ qua. Tôi đồng ý rằng nó là một loại ngôn ngữ, trên một số mặt, khác với cái ngôn ngữ của người Việt chúng ta đang sống ở ngoài nước; nhưng, nó vẫn là tiếng Việt, và tôi nghĩ rằng, có thể vài chục năm nữa, nó sẽ là cái ngôn ngữ mà ta sẽ không còn cảm thấy quá xa lạ trên một số mặt của nó. Khi nói đến chuyện theo dõi và khảo sát, và khi nói đến chuyện có thể vài chục năm nữa ngôn ngữ của xã hội Việt Nam trong nước, ở một mức độ nào đó, sẽ là một thứ ngôn ngữ quen thuộc với chúng ta ở ngoài nước (và ngược lại), tôi không bỏ qua khả năng nhạy bén trong sự nhận định, đánh giá cũng như sự rung động hoặc những *thất tình lục dục* mà chúng ta cũng sẽ có thể có khi va chạm với cái ngôn ngữ ấy. Tôi chỉ nghĩ rằng, nếu chúng ta làm công việc khảo sát, và sau đó có thể là trình bày công việc khảo sát, theo dõi ấy, với một quần chúng lớn (hay nhỏ hơn, với một nhóm bạn đọc xa gần), ta càng giữ được cho mình sự khách quan, càng tách xa khỏi những tình cảm có tính cực đoan được chừng nào thì càng tốt chừng nấy. Như thế, tôi nghĩ, việc làm của mình, trong tự thân của nó sẽ có được một giá trị khách quan hơn, đồng thời, ta dễ đến gần

với người khác và tạo sự đồng cảm nơi họ hơn.

Tôi đã có dịp trình bày một vài nhận xét rất sơ khởi của tôi về tiếng Việt và chữ Việt đang được dùng ở trong nước. Nói chung, tôi thấy có những cái "kỳ quặc", "buồn cười"—đôi khi đi đến chỗ "dị hợm"—trong mắt nhìn của tôi như một người sống ngoài cái khung cảnh văn hóa mà chúng đã được sản sinh. Cũng có thể là tôi vẫn nhìn ra những tính chất ấy nếu tôi vẫn sống ở Việt Nam từ trước đến nay, nhưng có thể cái nhìn ấy sẽ không sắc nét (trong chủ quan của tôi) như cái nhìn mà tôi đang có bây giờ. Sở dĩ thế là vì tôi đã có cơ hội tách xa khỏi cái đối tượng mà tôi theo dõi, và cũng vì tôi đã có cơ hội tiếp xúc với những ngôn ngữ khác trong những môi trường, những khung cảnh văn hóa khác hơn là ở nhà. Trong một vài nhận xét sơ khởi ấy, tôi cũng thấy được tính chất trong sáng trong một vài mặt của những dụng ngữ đang được sử dụng tại Việt Nam. Tất cả chỉ là những nhận xét rất sơ khởi. Thái độ của tôi đối với ngôn ngữ miền Bắc Việt Nam nói riêng, và ngôn ngữ dùng ở trong nước bây giờ nói chung, là một thái độ khách quan trong mong mỏi của tôi. ***Tôi nhìn nó như một hiện tượng con người, một hiện tượng xã hội.***

Trở lại với vấn đề sự thâm nhập của ngôn ngữ trong đời sống chúng ta, tôi nghĩ rằng, không nhiều thì ít, trong lối ăn nói hằng ngày của chúng ta—những người sống ở ngoài Việt Nam—bây giờ, trong mọi giới, bình dân cũng như bác học, đều có sự thẩm thấu, sự chen lẫn của một một số từ, ngữ ở trong nước. Trong các bài viết—thường phản ánh một sự suy nghĩ có tính chất mạch lạc, hệ thống và có một mức độ diễn tả cao hơn so với những lời ăn tiếng nói thường ngày—sự thẩm thấu này càng thấy rõ. Sự thẩm thấu ấy thể hiện ở ngay cả việc sử dụng những từ, ngữ mà ông Thang Ma gọi là của Hoa Lục, của Hà Nội Mao-ít. Để làm công việc khảo chứng cho nhận định trên, ta có thể lấy nhiều bài báo, thuộc nhiều thể tài—đặc biệt là những thể tài liên quan đến văn học, lý luận, xã hội, chính trị...—trong những tờ báo ở ngoài này để làm căn bản cho việc xem xét. Ở đây, vì tiện có bài của ông Thang Ma—một người mà tôi nghĩ là có sự ý thức và cảnh giác rất cao trong việc dùng từ, ngữ để trình bày những quan điểm của mình—tôi xin phép được dùng ngay bài viết của ông trong bài "*Cà kê chữ nghĩa...*", đăng trên bốn số báo *Thế Kỷ 21* vừa qua, để làm cơ sở khảo chứng.

Ông Thang Mạ chống đối việc dùng từ Hán Việt theo lối Hà Nội, đặc biệt từ Hán Việt của Hoa Lục (mà đôi khi ông gọi là Hán-Hán), những từ theo nhận xét của ông chỉ xuất hiện trong dụng ngữ của ngoài Bắc kể từ thập niên 50. Thái độ của ông có một căn bản chính trị, và, xét trên căn bản này, nó có một giá trị riêng của nó. Nhưng điều tôi muốn trình bày ở đây là ***ngôn ngữ rất nhiều khi đến với chúng ta không theo những con đường quan điểm. Nó đến theo thói quen. Và sự thâm nhập, thẩm thấu của nó, rất nhiều khi, đã được xảy ra ở dưới tầng hạ ý thức, tầng vô thức***. Bài viết của ông Thang Ma là một

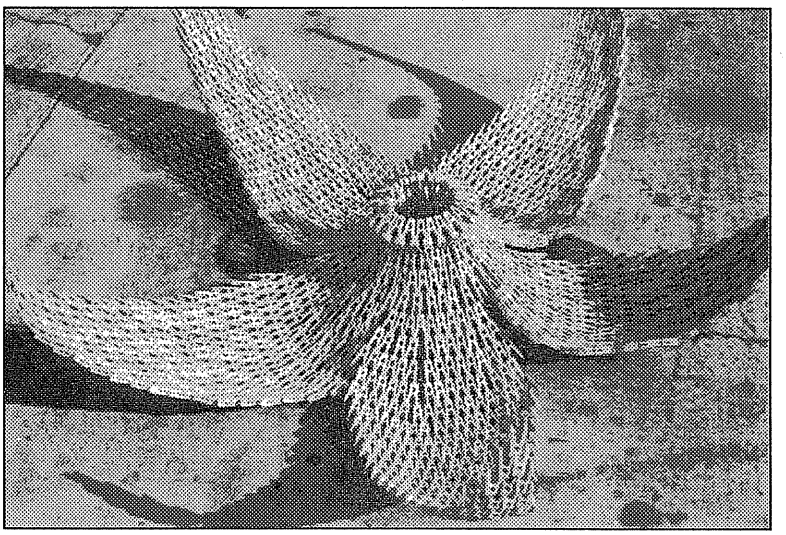

Hoàng Vũ triển lãm tác phẩm điêu khắc tại Griffin Linton, Costa Mesa

Những tác phẩm của Hoàng Vũ và Steve Roden sẽ được trưng bày từ ngày 9 tháng 12, 1995 đến ngày 29 tháng Giêng, 1996 tại Phòng triển Lãm Griffin Linton ở Costa Mesa. Ảnh trên là một trong những tác phẩm điêu khắc gần đây nhất của Hoàng Vũ được bày trong kỳ triển lãm này.

Buổi tiếp tân khai mạc được tổ chức vào ngày Thứ Bảy 9 tháng 12, từ 6:00 PM đến nửa đêm.

Giờ mở cửa của Phòng Triển Lãm là từ 12 giờ trưa đến 5:00 PM Thứ Bảy và Chủ Nhật, hoặc theo hẹn. Địa chỉ của Phòng Triển Lãm Griffin Linton: 1640, Pomona Ave., Costa Mesa, CA 92627. Điện thoại: (714) 646-5665.

chứng minh cho sự thẩm thấu và thâm nhập ấy.

Trong bài, ông Thang Ma dùng rất nhiều cụm từ có từ "tính". Người dân miền Nam trước 1975 và người dân ngoài Bắc trước 1954 không ai dùng như thế. Tôi xin phép liệt kê một số:

"Bàn về "bản thân, bản chất" của một vật hay việc, theo tôi trước hết phải định nghĩa tính độc lập và tính lệ thuộc. (...) Ngôn ngữ tự nhiên mang tính lệ thuộc vào con người, ta sao nó vậy."

"...mỗi lần nhìn thấy khẩu súng ta đều thấy tính giết toát ra."

"Đối với người học ngoại ngữ, "hiểu" và "cảm" là hai tính riêng biệt.(...) Vì cái tính "cảm" mà nhiều người đọc văn dịch ra tiếng mẹ đẻ thấy..."

"Ta hiểu một ngôn ngữ vì nó mang tính truyền thông (...) Ngôn ngữ con người mang tính truyền thông và tính cảm."

"Trong chế độ XHCN tính chính trị nổi bật hơn hết bởi vì..."

Tất cả những từ "tính", với cách sử dụng của ông Thang Ma, theo cách nói, cách viết của người Việt miền Nam trước 1975, có thể được đổi thành tính chất, đặc tính, bản tính, tính cách... tùy theo những ngữ cảnh riêng của chúng. Tất cả đều là những từ Hán-Việt. Ông Thang Ma gom vào thành một từ "tính". Sách vở miền Nam trước 1975 không có lối viết, lối dụng ngữ như thế. Cách ấy chỉ được dùng sau này, sau thời 54, ở ngoài Bắc. Ở miền Nam, chỉ có một, hai tác giả (mà tôi không cần kể tên vì những người nào đọc sách kỹ đều có thể biết, có thể đã chịu ảnh hưởng của Hà Nội) là dùng theo kiểu ấy. Chẳng hạn, thay vì viết theo lối miền Nam là *"có tính chất chiến đấu"* hay *"có chiến đấu tính"* (cấu trúc câu Hán Việt, "chiến đấu tính" là một từ), thì họ viết là *"có tính chiến đấu"* (cấu trúc câu thuần Việt, "tính chiến đấu" là một cụm từ). Các sách vở chính trị, và ngay cả văn học, của Hà Nội chỗ nào cũng đầy *tính đảng, tính nhân dân, tính dân tộc...* ở trong đó. Dù sao, nói như thế không có nghĩa là ông Thang Ma "có vấn đề" trong sự dụng ngữ hay trong quan điểm chính trị, hay trong tinh thần độc lập của ông. Có một giá trị trong cách dùng này. Tôi sẽ xin phép trình bày về những điều ấy sau khi tôi liệt kê một số từ dùng "theo lối Hà Nội", hoặc dùng "theo lối Hoa Lục", trong bài viết của ông Thang Ma.

Một từ khác. *Diện*. Cũng thế, miền Nam không sử dụng nó theo những cách mà ông Thang Ma dùng dưới đây:

"Trên diện ngữ âm viết như ông Hồ chẳng có gì gọi là tiến bộ..."

"...tiếng Hán ở Hoa Lục từ sau 1949 đến nay khác tiếng Hán hoa Lục trước 1949 khoảng 4% trên diện dụng ngữ..."

"Lô-gích chỉ ăn chắc khi nó hoạt động trên diện hình thức..."

"Bắc-Kinh rất tự hào khả năng Việt ngữ, trong quá khứ luôn tìm cách lèo lái tiếng Việt theo kiểu "Tàu", trên diện dùng từ Hán-Việt..."

"...còn từ "đăng ký" cũng có dùng nhưng chỉ hạn hẹp trên diện hành chánh..."

"Nhưng coi chừng ta biến thành người Trung Hoa trên diện ngôn ngữ hồi nào không hay."

"Trên diện chữ Hán hai tự này viết khác nhau."

Tất cả những từ "diện" mà tôi vừa thử liệt kê ở trên, trước 54 ở ngoài Bắc, và trước 75 ở trong Nam, không ai dùng như thế. Họ có ít nhất là hai từ khác, một thuần Việt và một Hán-Việt: *mặt*, và *phương diện*. Chẳng hạn, *"về mặt hình thức,..."* hay, *"trên phương diện hành chánh,..."* Bây giờ, ta thấy cách dùng trong bài của ông Thang Ma thu chúng vào "diện"

Nếu dùng "mặt" thì có khi lại sáng hơn. Hay là dùng "phương diện". Xã hội và văn học Việt Nam bây giờ có nhiều *diện* lắm. Diện này diện nọ. Từ "diện" bây giờ, được sử dụng trong ngôn ngữ Việt ở trong nước, rồi tràn ra, đổ xô lên tiếng nói, ngôn ngữ của mình ở ngoài này, lại được cấp thêm cho một ý nghĩa mới, như từ "status" trong tiếng Anh, có nghĩa tổng quát là *tình trạng, địa vị, thân thế, thân phận...* Chẳng hạn, *diện H.O., diện "con lai", diện "bảo lãnh"...*

Ngoài hai từ kể trên, bài viết của ông Thang Ma còn cho thấy nhiều từ theo kiểu Hoa Lục khác được ông Thang Ma sử dụng một cách rất thoải mái. Xin thử liệt kê một số ra đây:

"Nếu ngôn ngữ tồn tại độc lập với con người tôi sẽ chấp nhận các "phi tính" và sự "vô tư" của nó. (...) Vì súng không thể tồn tại độc lập. (...)Kim loại tồn tại độc lập với ta, súng thì không. (...) chúng không tồn tại độc lập với loài người."

Ngày xưa, ở miền Nam trước 1975, không ai dùng từ *"tồn tại"* theo cung cách và ý nghĩa trong phần trích dẫn vừa rồi. Họ dùng *"có mặt"* hoặc *"hiện hữu"*.

Câu sau đây trong bài *"Cà kê chữ nghĩa..."* có số lượng từ Hán-Việt trên 50% tính trên tổng số từ được dùng trong cả câu. Điều ấy không phải là một điểm có tính cách tiêu cực, vì khung cảnh của lời trình bày cho phép sự sử dụng ấy

(mặc dù, một người khác, cũng để diễn ý ấy, có thể dùng nhiều từ thuần Việt hơn. Đó chính là sự tự do của mỗi người viết mà chúng ta không nên xâm phạm). Tôi trích câu văn dưới đây chỉ để làm sáng một ý khác:

"Ngành ngữ học thuần lý khảo sát hiện tượng ngôn ngữ bằng cách tách rời các câu nói ra khỏi bối cảnh đàm thoại, xã hội, văn hóa, chính trị... để đơn giản hóa đối tượng ngôn ngữ cho dễ phát hiện quy luật khi nghiên cứu."

Một câu khác:

"Nhờ thế mà phát hiện một số âm Hán địa phương..."

Phát hiện. Ngày xưa, ta thường dùng *"tìm ra"*, *"khám phá"*, *"phát giác"*... Khi miền Nam đổi chủ, con người ta nhìn đâu cũng phải tìm cách "phát hiện" điều này, điều nọ. Có lẽ bởi người ta nghi ngờ nhau, người ta bị điều kiện hóa để nghi ngờ nhau, nên ngôn ngữ phát sinh ra cách dùng từ như thế chăng. Thật sự, tâm lý con người có bị điều kiện hóa như vậy thật; nhưng về mặt ngôn ngữ, đây chỉ là một cách dùng từ kiểu Hoa Lục được đưa vào xã hội miền Bắc rồi tràn vào miền Nam sau 1975 thôi.

Ngoài ra, còn một số từ kiểu này xuất hiện rải rác trên toàn bài:

"Trong Nam tiếp thu *ngôn từ của kẻ thắng trận,..."* (tiếp nhận)

"Hiện nay ngôn ngữ tại Việt Nam và Trung Quốc đã giảm yếu tố chính trị rất nhiều vì sự tư duy, *sinh hoạt xã hội đã đổi."* (sự suy nghĩ)

"Nhà thơ nổi tiếng kiêm sử gia Quách Mạt Nhược, từng nhiệm chức *viện trưởng Viện Khoa Học Trung Quốc..."* (giữ chức, gánh vác chức vụ)

"Bộ Giáo Dục Trung Quốc điều *tôi về Bắc Kinh..."*, *"Cả hai tốt nghiệp Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, ban văn học khoảng năm 73,* điều *sang Trung Quốc công tác"*, *"... bị* điều *trở lại trường cũ ở Đông bắc..."* (chuyển, đưa)

"...chuyên nghiên cứu phương pháp xử lý *và dịch thuật Hán ngữ bằng computer"* (trước 75 có lẽ chưa có từ tương đương có tính cách phổ biến, vì lãnh vực computer giai đoạn đó của ta chưa phát triển nhiều. "Xử lý", là từ của Hà Nội; nếu không lầm, trong lãnh vực computer, nó được dịch từ "processing". "Word processing" đã được dịch là "xử lý từ".)

"Tôi thực sự bắt đầu nghiên cứu văn học Việt Nam một cách nghiêm túc...", *"Có một vài từ điển Hoa-Anh, Hán-Hán soạn* thiếu nghiêm túc *trước 1950..."*, *"Nước ta cần phải lập một ủy ban điển chế văn tự THẬT NGHIÊM TÚC quyết định chuyện trên."*

"Giới ngữ học ta cần ghi nhận lại cho rõ. Đó mới là thái độ đàng hoàng, nghiêm túc." (nghiêm chỉnh, nghiêm trang, đứng đắn)

Tất cả những từ mang dáng vóc Hoa Lục mà tôi thử liệt kê trong bài viết của ông Thang Ma—một văn bản tiêu biểu của một người sống và lớn lên tại miền Nam Việt Nam, lưu lạc ra nước ngoài, có nghiên cứu về ngôn ngữ, và có một thái độ dứt khoát về tính chất tiêu cực của chính trị ảnh hưởng trên ngôn ngữ, có một ý thức sáng suốt và đầy cảnh giác về những ảnh hưởng, theo ông, đầy tính cách tiêu cực đó—trong cái nhìn của tôi, chứng tỏ được hai điều sau:

1/ ngôn ngữ có đặc tính thẩm thấu, thâm nhập rất cao trong đời sống văn hóa của con người. Nó có thể phá bỏ những biên giới văn hóa, những rào cản chủng tộc, hay những phân chia kinh tế... để đi vào cuộc sống của con người. Có khi nó đi vào đời sống chúng ta qua những tầng hạ ý thức và vô thức nữa, và,

2/ ông Thang Ma là một con người tự do.

Nói như vậy, tôi muốn trình bày ở đây cái nhìn của tôi về cách dùng từ trong bài của ông Thang Ma: cách dùng ấy không có gì là sai hay tiêu cực, hay "thời thượng". Có thể nó gọn, mạnh, sắc, và chỉ đúng vào những ý tưởng mà ông muốn diễn. Dù sao, có những người dị ứng với cách dùng những từ ấy. Tôi biết có những người cực đoan cho rằng hiện tượng dùng từ như vậy phản ánh một tình trạng "nô lệ về tư tưởng", giống như ông Thang Ma đã nhận định như thế về những người dùng "phản ánh" và "chính" trong bài viết của mình. Tôi thì không. Tôi cho rằng những nhận xét như vậy đối với cách dùng từ của ông Thang Ma là *không chính* và còn *có tính cách chụp mũ* và bất công đối với ông nữa. Cái nhìn của họ không nhạy cảm và đầy định kiến, thiếu độ mở trong viễn tượng quan sát ngôn ngữ, thiếu tính chất bao dung đối với sự khác biệt của người khác, và không có một nét dân chủ nào trong nó. Điều nguy hại là nó lại chứa đầy chất nổ. Vì có nhiều người khác cũng có thể có cách dùng từ giống như ông Thang Ma—chính tôi cũng có những lúc dùng chúng khi thấy chúng thích hợp và diễn được thật sát ý của mình—cũng như có những người ở đây vẫn dùng "phản ánh" hay "chính". Những nhận định có tính cách cực đoan và thiếu nhậy cảm như thế không làm cho con người gần nhau và đóng góp được gì cho nhau, với nhau. Mà chúng chỉ xé nát con người ra và dựng lên giữa họ những rào cản, những phân cách.

Tôi nghĩ ông Thang Ma có những lý do chính đáng khi dùng những từ ấy trong những câu văn của mình. Ông dùng nó theo ý của ông. Và ông là một con người tự do. Tôi tôn trọng sự tự do ấy. Sự tôn trọng ấy giúp cho tôi đến gần người khác (ở đây là ông Thang Ma), làm tôi hiểu và quý ông hơn trong cái nhìn vào toàn bài viết của ông, làm tôi biết rằng ông đã có những cố gắng như thế nào để đến gần và nắm bắt những chữ nghĩa của mình để, từ đó, chia sẻ những quan điểm của

mình với người chung quanh. Sự tôn trọng ấy cũng làm cho tôi trở nên một con người tự do, theo những nghĩa xã hội và triết lý của nó. Và làm cho tôi được tôn trọng. Trong cái nhìn của tôi, khi bạn tôn trọng ý kiến của người (mặc dù bạn vẫn có thể trao đổi, chia sẻ, thảo luận...), bạn tôn trọng chính mình. Và bạn làm cho người khác tôn trọng mình.

Về những ám ảnh & về những trái tim

Trong bài "*Cà kê chữ nghĩa...*", ông Thang Ma có viết ở một đoạn: "*...Tôi nhìn "đăng ký", "phản ánh" cứ thấy chúng rất tiêu biểu miền Bắc XHCN. Nay dân Việt đã dùng quen thì không cần sửa. Bàn ra là để hiểu rõ gốc gác chúng từ đâu, tại sao mà đến, không phải là phản đối. Giới ngữ học ta cần ghi nhận lại cho rõ. Đó mới là thái độ đàng hoàng, nghiêm túc.*" Nói thế, nhưng ở đoạn cuối bài viết dài này, ông cực lực "tố khổ" "phản ánh" (và "chính") đến độ ông cho rằng "*đa số giới có học, trí thức Việt Nam cả miền Nam lẫn miền Bắc, mang một "căn bệnh" tôn sùng từ Hán-Việt hoặc từ Hán nói chung (...) Cái máu dân "có học" ta "nể sợ" chữ Hán lắm, nhất là chữ Hán ở Trung Quốc*", và ông đem chuyện chính trị Mao-ít Bắc Kinh vào, rồi ông kết luận rằng dân ta nô lệ. "*Rõ khổ cho dân tôi! Nô lệ từ tư tưởng đến ngôn ngữ.*"

Thật sự, khách quan mà nói, bất cứ một người nào tinh ý và có sự nhạy cảm với ngôn ngữ, đọc bài "*Cà kê chữ nghĩa...*" của ông Thang Ma, đều thấy nổi bật lên một điều rất rõ: ông dùng rất nhiều từ Hán-Việt và, đặc biệt, Hán-Việt kiểu Hà Nội và Hán kiểu Hoa Lục nữa. Nếu có người rảnh rỗi ngồi đo đếm số từ Hán-Việt và Hán Hoa Lục được ông Thang Ma sử dụng rồi làm thống kê, phân thể loại... thì sẽ thấy là, so sánh với một bài viết điển hình của một trí thức Việt Nam ngoài nước khác, số phần trăm các từ Hán-Việt trong bài của ông Thang Ma sẽ không thua kém bất cứ bài viết của một trí thức Việt nào khác, nếu không nói là hơn. Còn xét về mặt các từ Hán-Hoa Lục thì tôi nghĩ là khó có bài viết nào có số lượng từ dùng theo kiểu này bằng, chưa nói đến chuyện vượt qua, số lượng từ được dùng như thế trong bài viết của ông Thang Ma.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là tôi cho rằng ông Thang Ma có "căn bệnh" mà ông đã chẩn đoán cho "*đa số giới có học, trí thức Việt Nam, cả miền Nam lẫn miền Bắc*". Tôi nghĩ ông Thang Ma có những lý do chính đáng của ông trong việc sử dụng những từ ngữ ấy. Mặc dù bài của ông Thang Ma không hoàn toàn mang tính cách nghị luận, rất nhiều chỗ nó đã được trình bày theo cung cách đó; bởi thế, nó cần một số lớn dụng ngữ Hán-Việt. Nếu ông Thang Ma kể chuyện cổ tích hay kể chuyện vui cho các em bé nghe, chắc chắn ông không cần dùng đến một số lượng từ Hán-Việt nhiều như thế. (Còn chuyện ông dùng nhiều từ Hán kiểu Hoa Lục thì có thể là do thói quen, mà cũng có thể là vì ông thấy trong những mạch văn mà chúng xuất hiện, chúng diễn tả được sát những điều ông muốn trình bày.) Thể loại của một bài văn quyết định phần lớn cách dụng ngữ của ta. Chính vì thế, tôi thấy ông Thang Ma rất hợp lý trong cách sử dụng ngôn ngữ của ông. Mà không những hợp lý, ông còn có tài nữa. Dụng ngữ của ông rất chính, rất xác, rất gọn, và diễn được ý của ông thật rõ. Tôi nghĩ, dù là một người nhuần nhuyễn với chữ nghĩa, ông cũng đã phải bỏ nhiều công sức để hoàn tất được bài viết công phu đó. Chúng ta quý ông ở chỗ ấy.

Tôi cũng mong là khi nhìn ra là bài viết của mình chứa đựng nhiều các thứ từ Hán như thế, ông Thang Ma sẽ thông cảm và bao dung hơn với những người khác trong cách dụng ngữ và trong các bài văn có nhiều từ Hán-Việt của họ. Tôi không nghĩ họ là những con người nô lệ. Họ là những con người tự do, tôi tin như thế. Và trong hầu hết các trường hợp, họ biết rõ những lý do thúc đẩy họ sử dụng những từ ấy. Đào Duy Anh và Nguyễn Văn Khôn, khi chọn "phản ánh" hay khi giải thích cụm từ "Chính kỷ chính nhân" là "*Trước phải chính mình, sau mới chính người*", trong cái nhìn của tôi, đều có những suy nghĩ cẩn trọng. Tôi không nghĩ hai học giả ấy là những con người "nô lệ tư tưởng".

Tôi và rất nhiều người khác cũng có một kinh nghiệm sống tương tự như ông Thang Ma. Tôi cũng lớn lên ở miền Nam, cũng có những kinh nghiệm hạnh phúc và khổ đau từ vật chất đến tinh thần như ông Thang Ma. Có thể thuở nhỏ tôi cũng đã từng chơi những trò mà ông Thang Ma đã chơi, từng bị đòn vì đã nghịch những trò mà ông Thang Ma đã nghịch, từng hạnh phúc với cả một khung cảnh văn hóa và con người bao quanh mình, cũng như từng đau lòng và xót xa vì những vò xé cắt chia của đất nước. Có thể chúng ta đã từng chia nhau một số những niềm đau chung về những mất mát cá nhân hay những thảm cảnh lớn hơn của dân tộc. Và từ những hạnh phúc và đớn đau của cuộc-lớn-lên kia, từ những giọt nước mắt khốn khổ, xót xa hay từ những tiếng cười chứa chan, tươi sáng kia, chúng ta đã mang theo trong mình những dấu ấn văn hóa, những hạnh phúc và những vết thương ẩn kín, những thiết tha, những ôm ấp và cả những uất hận, đắng cay. Tất cả, một cách nào đó, chúng trở nên những ám ảnh dịu dàng và thiêu đốt trong lòng mình. Chúng đổ xô lên đời sống ta. Những ám ảnh ấy biến thành những tiếng nói và những thái độ sống trong đời. Bạn ơi, chúng ta đã giống nhau biết bao. Tôi đã muốn nói với nhiều người câu nói đó. Vì quả thật, chúng ta đã cùng nhau cười

và khóc trong những biến động chung là toàn cảnh của cuộc lữ Việt Nam.

Tôi đã lớn lên ở đất nước, đã khổ đau và hạnh phúc với những buồn vui, sung sướng và bất hạnh của những con người trên đất nước ấy. Tôi không cách xa những rung động và cảm xúc của bạn lắm đâu, người bạn thân mến của tôi. Tôi chỉ thấy là cái vết thương của đất nước đã chảy máu lâu quá rồi, tôi không muốn cào cấu vào nữa. Bạn tưởng tôi không có những vết thương sao. Mỗi một người trong chúng ta đều có những vết thương lớn bé trong lòng. Vấn đề bây giờ, trong suy nghĩ của tôi, không phải là tiếp tục cào xé, mà là tìm cách băng bó lại. Cho mình và cho nhau. Những kẻ tiếp tục đè nén, bóp chết tự do và hạnh phúc của anh em, bạn bè, đồng bào ta, ta sẽ cương quyết chống lại chúng đến cùng. Nhưng ngoài ra, ta cũng phải tạo điều kiện để sự áp bức, đè nén kia phải chấm dứt sớm. Ta bắt tay nhau và chia sẻ những tâm tình, những suy nghĩ để tạo một sức mạnh tinh thần trước hết. Có được cái sức mạnh ấy, ta dễ tạo được những khả năng khác có lợi cho những mục đích chung của mình.

Thật sự, tôi còn nhiều điều muốn nói về bài viết của ông Thang Ma, những điểm mà tôi thấy thú vị cũng như những điểm mà tôi muốn đóng góp. Trước khi viết bài này, tôi đã làm một dàn bài cẩn thận và tôi muốn đã muốn chia sẻ, góp ý nhiều hơn nữa, nhiều gấp đôi bài hiện tại, nhưng đến đây, tôi thấy cái lòng nhiều khi cần hơn cái ý. ***Tất cả những kiến thức mà ta có trong đời có lẽ cũng không đáng quý hơn cái lòng mà chúng ta trao cho nhau, sự tôn trọng mà chúng ta gửi đến nhau; tất cả những sự chia sẻ mà ta muốn trình bày nhiều khi không bằng một bàn tay thiết tha chìa ra phía trước.*** Tất cả tự do cao quý mà chúng ta có trong đời cũng đến từ sự tôn trọng tự do của những người khác từ chính nơi lời ăn tiếng nói, chính nơi thái độ và cách ứng xử của mỗi một chúng ta. Tôi nghĩ một sự sống có ý nghĩa, phần lớn, bắt nguồn từ những điều vừa nói.

Tôi chấm dứt bài viết này—như một người đã có cơ hội học hỏi và tham dự trực tiếp vào cuộc thảo luận—bằng lời chân thành cám ơn các ông Đỗ Thông Minh (người đã có đóng góp đầu tiên và tạo nên cuộc thảo luận, trao đổi), ông Nguyễn Anh Tuấn (người chân thành và trang trọng một cách nhiệt huyết trong niềm tin và sự trao đổi của mình), ông Cam Vũ (người thiện chí và thiết tha trong lòng dạ với cái nhìn thẳng thắn và những đóng góp chân thật), và ông Thang Ma (người nhiệt tình và tha thiết với tiếng nói quê hương để công phu tìm kiếm và chia sẻ, đóng góp được những điểm đẹp và tốt trong kiến thức về ngôn ngữ của ông). Tôi cũng cám ơn những độc giả đã theo dõi cũng như đóng góp ý kiến để làm cho cuộc thảo luận được hữu ích và đi đúng hướng hơn. Hẳn là cái khối độc giả âm thầm đó đã luôn ở bên cạnh những người trực tiếp góp phần trong cuộc thảo luận và đã làm cho những người ấy (có cả tôi) thấy thiết tha, và hạnh phúc, và cẩn trọng trong những đóng góp của mình.

Trong mục "Sổ Tay" của *Thế Kỷ 21* số 78 (October 1995), Ban chủ biên của *Thế Kỷ 21*, trong bài ***Ái Ngữ***, có viết là "(...) *Người da đen và da trắng, hay bất cứ mầu da nào khác, phải tập sống chung và dùng ái ngữ để tỏ lòng kính trọng lẫn nhau.*" Tôi nghĩ đó là một nhận xét và một gợi nhắc thật tốt đẹp. Thật sự, nó còn có một ý nghĩa rộng lớn hơn để có thể áp dụng chung cho tất cả những mối giao tế của con người. Ngay cả khi nó lên tiếng phát biểu về một vấn đề mà nó quan tâm, hay bênh vực cho một quan điểm, một lý tưởng mà nó theo đuổi. Tôi muốn trích thêm những lời cuối của bài "***Ái Ngữ***" trên:

"*Trong tương giao giữa người với người, một lời nói hay một hành động từ ái sẽ khích lệ những lời nói hay hành động từ ái khác. Khi xã hội được gieo những hạt giống nhân ái thì tất cả mọi người đều được hưởng các thành quả nhân ái. Điều này thì đối với người Mỹ hay người nước nào cũng đúng.*"

Qua những bài thảo luận về *Chữ Và Nghĩa*, tôi mong là tất cả chúng ta đã làm được một chuyện tốt: trao đổi, chia sẻ, theo dõi, đóng góp và học hỏi nơi nhau cũng như học hỏi với nhau. Tôi mong là sự thảo luận và chia sẻ này sẽ để lại những ấn tượng tốt về chúng ta trong lòng nhau, và mong là nó sẽ giúp chúng ta tiếp tục đi lên trong việc xây dựng kiến thức, nhân cách cũng như hạnh phúc của mỗi người.■

7 tháng XI, 1995

Tìm đọc:

LỜI TRẦN TÌNH

Thơ XUÂN BÍCH

Hà thương Nhân đề tựa, với tranh bìa, phụ bản của Thái Văn Bá, thư họa của Vũ Hối, dày 140 trang.

Liên lạc:
Thế Kỷ
11022 Acacia Pky #A
Garden Grove CA 92640 USA

CHA MẸ "NHƯ THỰC NHƯ ẢO"

CHÂN VĂN

Một kỹ sư người Mỹ, ông Mark Vanderbilt, phải đi làm ở Nam Cực suốt mấy tháng. Trước khi đi, ông ta huấn luyện bà vợ và ba đứa con dùng *Internet*, hệ thống liên lạc giữa các máy diện toán qua đường dây điện thoại. Sau đó vợ con ông mỗi ngày có thể gửi những hình ảnh sinh hoạt của gia đình, quay vào video, từ Hoa Kỳ truyền xuống đến Nam Cực! Ngược lại, ông cho các con thấy mình đang làm việc giữa vùng băng giá đó như thế nào. Ông cũng gửi hình video qua *Internet*! Chúng ta đang sống với siêu xa lộ thông tin.

Hãng AT&T và một số khách sạn đang quảng cáo mời thân chủ mỗi khi đi xa nhà dùng đường dây điện thoại của khách sạn gửi cho gia đình hình ảnh động (*videotape*), thư nói (*voice mail*), điện thoại truyền hình (*videophone*), điện tử thư (*e-mail*).

Nhật báo *Wall Street Journal* kể chuyện một giáo sư về quản trị, Philip Mirvis, ở đại học Michigan gửi *e-mail* cho hai đứa con chín, mười tuổi mỗi khi ông phải làm vệc trễ trong trường. Bà Marianne Bradley-Kopec chuyển qua *Internet* hình ảnh bà đang hát ru con ngủ. Người giữ trẻ giúp bà chỉ cần bật máy lên, con bà sẽ được nghe điệu hát và giọng nói quen thuộc!

Ông bà chúng ta ngày xưa sống trong làng. Cha mẹ và con cái cùng làm việc ở ngoài cánh đồng, hàng ngày bàn chuyện với nhau. Thế hệ các con có thể làm việc trên cùng những thửa ruộng mà thế hệ cha ông đã làm. Thời đó không ai phải nêu lên vấn đề làm sao gia đình được thường xuyên trò truyện, làm sao cha mẹ và con cái gần gũi nhau hơn. Đời sống kinh tế hiện nay bắt chúng ta phải di chuyển, phải xa nhau, và kỹ thuật tân tiến sẽ giúp chúng ta bù đắp lại.

Nhưng kỹ thuật tân tiến không thay đổi được nhu cầu tình cảm của con người. Người mẹ có thể hát ru con bằng video gửi qua *Internet* nhưng đứa trẻ cần hơi ấm của mẹ, cần nghe nhịp tim của mẹ đập, như đã nghe suốt chín tháng nằm trong bụng mẹ. Không một thứ máy móc nào có thể giúp bà mẹ gần con theo nhu cầu tự nhiên của trẻ thơ đó. Đứa trẻ cần được cha ôm vào lòng khi dỗ dành hay khi khích lệ, điều đó cũng không máy móc nào thay thế được.

Kỹ thuật hiện đại có thể gây tác dụng tai hại như làm cho mọi người, như cha mẹ đối với con, không biết cách biểu lộ tình yêu một cách đích thực. Một nhà cố vấn về quản trị, ông Gil Gordon, ở New Jersey đã đặt ra chữ *virtual parenting* — cha mẹ biểu kiến, cha mẹ hờ, cha mẹ ảo.

Ông Gordon đã báo động rằng kỹ thuật tân tiến có thể làm cho người ta có khuynh hướng dùng máy móc thay thế cho những tiếp xúc thật sự của con người. Kỹ thuật sẽ tạo ra thói quen mới, thói quen xấu, là nô lệ vào hình thức. Chúng ta có thể trở nên máy móc quá, và quên mất nội dung đích thật của những gặp gỡ giữa người với người. Như khi ta nói đến cảm giác tay bắt mặt mừng, cảm tưởng đó khó truyền qua đường dây điện thoại.

Câu chuyện sử dụng kỹ thuật làm mối dây liên lạc gia đình nhắc chúng ta một nhu cầu rất nhân bản trong đời sống mọi gia đình.

Không phải chỉ khi phải đi làm xa xôi người ta mới sợ sẽ trở thành những cha mẹ hờ, cha mẹ biểu kiến. Ngay cả khi các phụ huynh hàng ngày đi làm rồi trở về nhà thì họ vẫn có thể sao lãng việc tiếp xúc, trao đổi với các con. Họ vẫn có thể đóng vai cha mẹ hờ mà không biết.

Nhiều khi chúng ta sống bên cạnh con cái mà không có tiếp xúc. Nói vậy nhiều người sẽ ngạc nhiên và phản đối, nhưng đó là một sự thật nếu chúng ta hiểu thế nào là tiếp xúc. Khi con cái mới một hai tuổi thì cha mẹ thường nâng niu bồng bế. Một em bé bốn năm tuổi cũng có nhu cầu được cha mẹ ôm ấp; nhưng theo phong tục Việt Nam thì ít khi cha mẹ bầy tỏ tình yêu như vậy. Những trẻ em đến tuổi lên mười nhiều khi không có dịp truyện trò với bố mẹ, vì cha mẹ chỉ có thói quen truyền lệnh, răn bảo chứ không có thói quen trò chuyện với con.

Từ khi các con vào tuổi dậy thì trở về sau thì sự xa cách càng trầm trọng hơn. Đời sống cha mẹ đi làm, các con đi học khiến cho gia đình ít có dịp gặp gỡ nhau. Nếu chúng ta không chú ý và tổ chức cuộc sống sao cho phù hợp thì sự cảm thông trong gia đình sẽ bị phai lạt. Trong hoàn cảnh đó khó lòng giáo dục các con.

Người ta đã phải sử dụng đến những kỹ thuật điện tử tân tiến để giữ gìn mối dây liên lạc giữa cha mẹ và các con, từ *e-mail* đến *videophone*. Nếu chúng ta có may mắn được ở gần con cái mỗi ngày chúng ta phải tận dụng các thời giờ gần gũi đó để tạo niềm thông cảm. Có sự thông cảm đầm ấm và thoải mái thì mới hy vọng giáo dục các con. ■

NỀN DÂN CHỦ Ở Á ĐÔNG

Trung Hoa Quốc Dân Đảng ở Đài Loan đã thắng phiếu trong cuộc bầu cử Viện Lập Pháp tháng vừa qua, một đa số rất mỏng manh, với 85 ghế dân biểu và 51,8% số phiếu. Có hai đảng đối lập, đảng Dân Tiến chiếm 54 ghế, và Tân đảng 21 ghế.

Đây là một dấu hiệu chứng tỏ nền dân chủ ở Đài Loan đã dần dần trưởng thành. Không còn cảnh một đảng cầm quyền độc chiếm diễn đàn chính trị như xưa nữa. Lãnh tụ Quốc Dân đảng thị bộ Đài Bắc từ chức để chịu trách nhiệm về sự thất bại của đảng ở thủ đô — họ chỉ bầu được bốn trong 10 ứng cử viên. Khi một chính trị gia nhận lỗi vì thất bại trong việc thu hút phiếu của dân, không đổ lỗi vì dân "bị các thế lực thù địch phá hoại," đó cũng là một dấu hiệu là người ta biết nể dân.

Trong lúc đó tại Đại Hàn, Tổng thống Kim Danh Tam (Kim Young Sam) đã truy tố cựu tổng thống Lỗ Thái Ngu (Roh Tae Woo) ra tòa. Cùng với ông còn bẩy viên chức cũ, trong đó có các bộ trưởng, và bẩy vị chủ tịch hay tổng giám đốc các công ty như Hanbo, Dong Ah, Samsung, Daewoo. Họ liên lụy trong việc lập ra quỹ mật cho đảng quân phiệt của ông Lỗ tổng cộng 654 triệu USD. Ông Lỗ làm tổng thống trong những năm 1988 - 1993.

Đại Hàn cũng tiến hành việc truy tố cựu Tổng Thống Toàn Đầu Hoán (Chun Doo Hwan) về trách nhiệm của ông trong vụ đảo chính 1979, và vụ thảm sát các sinh viên biểu tình đòi dân chủ tự do ở Quang Du (Kwangju) năm 1980. Vụ này không giản dị, vì luật pháp không cho truy tố về vụ đảo chính đã xẩy ra quá 15 năm. Nhưng vụ án này và những tranh tụng, đối chất, giữa hai bên cũng là một cuộc thực tập về nếp sống dân chủ cho người dân Đại Hàn, như vậy cũng là một bước tiến bộ.

Nhiều người muốn duy trì các chế độ độc tài ở Á châu, như các đảng Cộng Sản Trung Quốc và Việt Nam, thường nại cớ nền văn hóa ở các nước Á Đông không thích hợp với chế độ dân chủ Tây phương. Văn hóa quả thật là một yếu tố quan trọng quyết định thể chế một quốc gia. Nói theo lối thời thượng là "văn hóa là định mệnh!"

Nhưng từ ý nghĩ đó, nói rằng văn hóa Á Đông không có các hạt giống dân chủ thì lầm. Văn hóa Á đông có đủ hạt giống dân chủ, không khác gì văn hóa Tây Phương. Các hạt giống cần cơ duyên để nẩy mầm. Một nước không bắt đầu thiết lập các định chế xã hội dân chủ thì không bao giờ có dân chủ. Cũng như người không xuống nước thì không bao giờ biết bơi.

Các nước Á đông xây dựng chế độ dân chủ chậm hơn các nước Tây phương vì các cơ duyên lịch sử chưa đầy đủ. Hạt giống dân chủ cũng cần được tưới bón trong những điều kiện lịch sử để nẩy mầm, lớn lên và đơm hoa kết trái. Nhiều khi những hạt giống đó phải được tưới bằng máu, như máu của sinh viên Trung Quốc ở Thiên An Môn năm 1989, máu của sinh viên Đại Hàn ở Quang Du năm 1980. Đại Hàn đang củng cố nền tảng dân chủ của chế độ, mà biến cố Quang Du đã đóng góp một phần quan trọng.

Năm 1979, tướng Phác Chánh Hy (Park Chung Hee) bị ám sát sau 18 năm cầm quyền. Vị tổng thống kế nhiệm Thôi Khâu Hạ (Choy Kyu Ha) sau đó đã phóng thích các nhà chính trị đối lập. Đó là một bước tiến bộ trên đường dân chủ hóa. Nhưng dân chủ không thể chờ người ta ban phát cho. Nói cách khác, dân chủ không phải là một quả sung, cứ nằm chờ sẽ rụng xuống miệng. Điều này, Hà Sĩ Phu mới nhắc lại, có lần ông Nguyễn Hữu Thọ đã viết từ năm 1988, rồi chính ông sau đó im luôn.

Muốn dân chủ, phải đấu tranh. Dân chúng Đại Hàn liên tiếp đấu tranh: sinh viên đòi tự do ngôn luận; công nhân đòi chia phần phúc lợi của nền kinh tế đang phát triển; các giáo hội Thiên chúa giáo vận động cho nhân quyền. Các cuộc biểu tình liên tiếp đã buộc ông Thôi Khâu Hạ từ chức, tướng Toàn Đầu Hoán lên thay vào năm 1980. Nhưng sinh viên ở Quang Du tiếp tục biểu tình phản đối, Toàn Đầu Hoán đàn áp, mấy trăm sinh viên thiệt mạng, dân Đại Hàn để tang từ đó tới nay.

Trong thời ông Lỗ Thái Ngu làm tổng thống, có lần ông Toàn Đầu Hoán bị dân chúng phẫn uất đòi mang ra điều tra, ông đã phải xin vào chùa sống hai năm để tỏ lòng sám hối. Cử chỉ tượng trưng đó ngày nay chưa đủ.

Khi đưa hai cựu tổng thống ra tòa, ông Kim đã làm một việc bất đắc dĩ. Hai người đó đã ủng hộ ông, một ứng cử viên dân sự do một đảng của những tướng lãnh đề cử, vì họ phải chịu lùi bước trước đòi hỏi dân chủ của dân chúng.

Hành động của ông Kim đang đụng vào hai

thế lực vẫn cấu kết cai trị Đại Hàn: giới quân phiệt cũ và các đại công ty.

Cho nên hành động của ông Kim không phải là tự ý ông muốn, mà do áp lực của nhân dân đòi tự do dân chủ. Ông Kim khi nhậm chức đã làm luật không cho phép mở các trương mục ngân hàng vô danh, ông bắt đóng thuế trên các tiền lãi của các trương mục. Hai điều đó khiến các vụ tham nhũng cũ bị lộ ra dần dần vì báo chí và phe đối lập điều tra. Chính vì dân Đại Hàn đã tranh đấu đòi sinh hoạt chính trị công khai, chống tham nhũng, và trong sạch hóa guồng máy chính trị kinh tế. Đây là một thắng lợi của tự do thông tin và tự do lập đảng.

Đài Loan cũng trải qua một quá trình tranh đấu đòi dân chủ như vậy. Nhưng Đài Loan may mắn hơn vì việc cải cách chính trị diễn ra một cách ôn hòa. Người ta ghi nhận công lao của cố tổng thống Tưởng Kinh Quốc. Trong thời đại ông, gia đình họ Tưởng dần dần thoái vị một cách êm đẹp. Ông làm thủ tướng chính phủ sau khi thống chế Tưởng Giới Thạch mất, năm 1975. Tới năm 1978 ông làm tổng thống và bắt đầu các luật lệ dân chủ hóa xứ Đài Loan. Cuộc bầu cử ở Đài Loan tuần qua chứng tỏ người dân Á Đông sẵn sàng sống theo luật lệ, thủ tục của chế độ dân chủ. Người dân Đài Loan được chứng kiến các đại biểu quốc hội đấm đá nhau trong nghị trường. Nhưng cảnh đó coi lành mạnh hơn là các đại biểu chỉ gật đầu theo lệnh của đảng để ngoan ngoãn chia phần xôi thịt!

Trong hơn hai thập niên vừa qua dân Đại Hàn và Trung Hoa Dân Quốc đã thành công trong việc xây dựng kinh tế, nhưng họ không bao giờ chấp nhận chế độ độc tài. Các cuộc tranh đấu đòi tự do dân chủ đã không ngớt gây xáo trộn, nhất là ở Đại Hàn.

Liệu có cần phải trải qua hai chục năm người ta mới dần dần thiết lập được các thể chế và tập quán dân chủ hay không? Chắc chắn là không. Nền dân chủ ở hai nước trên đã thành hình chậm như vậy vì cả hai nước đều bị đe dọa về an ninh trong thời gian đó. Bắc Hàn và Trung Cộng lúc nào cũng tỏ rõ ý muốn thôn tính của họ. Chính mối đe dọa đó làm chậm bước các phong trào dân chủ ở hai nước Á Đông này.

NỖI KHÓ KHĂN CỦA NƯỚC PHÁP

Hội nghị *La Francophonie* sẽ họp ở Việt Nam kỳ tới. Chắc chính phủ Pháp cũng muốn Việt Nam liên lạc mật thiết hơn để có dịp học hỏi cách làm kinh tế thị trường kiểu Pháp — trước khi học Mỹ hay Nhật. Nhiều người lãnh đạo có tuổi ở Việt Nam biết tiếng Pháp hơn tiếng Anh.

Cuộc đình công ở nước Pháp vừa qua là một dịp nhắc nhở người Việt hãy coi lại về cách tổ chức bộ máy hành chánh, thuế khóa, an sinh xã hội và nền kinh tế Pháp có hữu hiệu hay không.

Cuộc đình công đã làm tê liệt nước Pháp nguyên do là để phản đối các cải tổ về hệ thống trợ cấp xã hội và hưu bổng của chính phủ Alain Juppé. Năm nay hệ thống an sinh xã hội Pháp thâm thủng 64 tỷ quan (francs), ước chừng 12,8 tỷ Mỹ kim. Chính phủ Juppé muốn trong vòng hai năm hệ thống đó hết thâm thủng. Thủ tướng Juppé cũng muốn giảm bớt thâm thủng ngân sách từ 322 tỷ quan (64,44 tỷ USD) còn một nửa, từ nay đến năm 1999.

Thời điểm 1999 là năm Liên Hiệp Âu Châu (EU) có thể đi tới thống nhất về tiền tệ: tất cả các nước trong EU xài chung đồng Euro. Một điều kiện cho việc thống nhất đó là các chính phủ phải giới hạn việc thâm thủng ngân sách. Nếu chính phủ Pháp không thực hiện được việc cắt giảm thâm thủng ngân sách vào năm đó thì cả khối Âu châu sẽ chịu ảnh hưởng, đồng Euro chưa thể ra đời.

Guồng máy hành chánh nước Pháp là một nguyên nhân của tình trạng rối ren hiện nay. Guồng máy trung ương tập quyền đó ra đời từ thời Hoàng đế Napoléon I. Tất cả các guồng máy hành chánh đều có khuynh hướng tự nhiên là tự bảo vệ và bành trướng về nhân số cũng như quyền hành. Trong dân số 58 triệu người Pháp có dưới 23 triệu người làm việc, mà trong 23 triệu đó 5 triệu làm công chức, dưới nhiều hình thức.

Luật lệ và thủ tục do một hệ thống hành chánh đẻ ra, dù ở Pháp hay Nhật, Mỹ, v.v... bao giờ cũng là để gia tăng quyền hạn của công chức, khiến cho cả nước lệ thuộc vào họ và họ sẽ hưởng những quyền lợi ưu tiên. Võ khí của các vị công chức là "giấy tờ" — *la paparasserie*!

Một quán trọ nhỏ, loại *mini hotel* ở Pháp cho ta một trường hợp điển hình. Bà chủ quán chỉ có một nhân viên, mỗi ba tháng bà phải làm tờ khai và đóng thuế xã hội về nhân viên đó cho bốn cơ quan chính phủ. Ngoài ra mỗi ba tháng bà phải khai và đóng thuế Trị giá gia tăng (TVA), mà thuế TVA về tiền trọ thì tính 5,5%, còn về bán thức ăn là 20,6%. Ở nước Pháp có 2 triệu nhà doanh nghiệp nhỏ như bà. Họ đều nghẹt thở vì giấy tờ.

Đó là chưa kể thuế má. Mướn một nhân viên, trả 7,000 quan mỗi tháng, bà chủ phải đóng thêm 5,000 quan khác về thuế xã hội và hưu bổng cho nhân viên. Thứ thuế đó mỗi ngày một cao hơn. Một nhà buôn nhỏ có chín nhân viên trước đây 15 năm, nay chỉ còn ba người, nhưng số thuế má và lương bổng cho nhân viên không đổi. Các xí nghiệp nhỏ là một nguồn cung cấp các công ăn việc làm mới, ở bất cứ nước nào. Ở

Pháp các xí nghiệp nhỏ chịu một hệ thống đánh thuế phiền phức, không khác các công ty liên quốc.

Tỷ lệ thất nghiệp ở Pháp hiện nay là 11,5%, chính phủ Pháp cũng nghĩ đến chuyện phải giúp các xí nghiệp nhỏ. Nhưng khi tính chuyện giúp các doanh nghiệp nhỏ là họ thường đánh vào các doanh nghiệp lớn để giảm bớt sự cạnh tranh. Trong khi ai cũng biết hiệu quả của nền kinh tế thị trường là do khuyến khích cạnh tranh để mọi người cùng cố gắng tăng năng suất!

Trong việc bảo vệ và bành trướng vai trò của guồng máy hành chánh, các công chức luôn luôn tạo ra đồng minh. Nhà kinh tế Milton Friedman bàn về liên minh đó, ở Mỹ, trong cuốn *Tyranny of the Status Quo* xuất bản năm 1983. Các chính phủ muốn cải tổ hành chánh đều nên đọc qua cuốn sách mỏng 182 trang này. Những nghiệp đoàn và những người thụ hưởng nhờ các chương trình xã hội là các đồng minh chính của bộ máy hành chánh. Cho nên tất cả những người đó đã làm áp lực với chính phủ Alain Juppé và tổng thống Jacques Chirac.

Năm nay kinh tế Pháp sẽ chỉ tăng trưởng ở mức 2,5% và sang năm sẽ có thể chỉ còn 1,7%. Riêng tam cá nguyệt cuối của năm 1995 này thì sẽ tụt xuống số không vì các vụ đình công. Không phải chỉ có bưu điện, đường hỏa xa, sở viễn thông, nhà máy đèn, bệnh viện, ngưng hoạt động vì nhân viên đình công. Hãng xe hơi Peugeot, nhà máy xay bột Les Grandes Minoteries Dijonnaises cũng ngưng làm việc vì hàng ứ đọng không đem bán được.

Cuối cùng các công nhân hỏa xa đã thỏa hiệp. Kể ra một nhân viên hỏa xa có thể nghỉ, lãnh lương hưu từ năm 50 tuổi thì cũng bất công và chướng quá! Cuộc biểu tình 600 ngàn người không đủ mạnh như hàng triệu người xuống đường năm 1968 để làm chính phủ phải nhượng bộ. Trong khi đó dân Pháp vẫn lo lắng cho số phận các con dế mèn sống dưới *métro* bị chết rét vì xe không chạy để sưởi ấm đường rầy.

Nước Pháp bây giờ không có lựa chọn nào khác là phải cải tổ toàn diện hệ thống xã hội và hưu bổng. Nếu không dần dần họ sẽ thua các nước Âu châu khác, và cản trở luôn việc thống nhất tiền tệ của Liên Hiệp Âu châu mà cả nước Pháp lẫn các nước khác đều thấy là điều cần thiết.

BẦU CỬ Ở NGA

Khi nói chuyện ở San Jose, bên Mỹ, thi sĩ Nguyễn Chí Thiện kể ngày 19 tháng Tám năm 1991, khi bên Liên xô có đảo chính chống Gorbachev, các nhà máy cơ khí ở Hà Nội cấp tốc sản xuất 50 ngàn cái khóa (còng) tay. Nếu phe bảo thủ trong đảng Cộng Sản Liên xô thắng thì 5 vạn cái khóa đó sẽ được đem dùng ngay. Năm nay bầu cử quốc hội Nga, đảng Cộng Sản chiếm nhiều phiếu nhất, nhưng chắc 5 vạn cái khóa tay trên vẫn không thể đem ra sử dụng! Vì chế độ ở Nga không thể quay ngược trở lại được.

Kết quả bầu cử ngày 17 tháng Mười Hai năm 1995 ở Nga, đảng Cộng Sản Nga chiếm nhiều

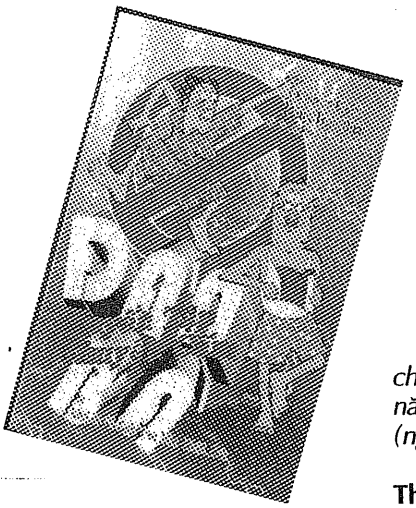

Hãy mua ngay tác phẩm mới nhất của
ĐẶNG TRẦN HUÂN:

Tuyển tập CHUYỆN CẤM ĐÀN BÀ

Dày 428 trang. 600 truyện cười đặc sắc nhất, tuyển chọn trong số những truyện cười tác giả viết trong 26 năm qua. Cùng những hí họa độc đáo. Giá 15 MK (ngoài Hoa Kỳ: 18 MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:
ĐẶNG TRẦN HUÂN
PO BOX 3022 INDUSTRY CA 91744

phiếu nhất. Họ được số phiếu gần gấp đôi số 12,4% trong lần bầu cử trước. Đảng Cộng Sản Nga đã thắng nhờ nước Nga có dân chủ. Có 65% trong số 105 triệu cử tri đi bầu, chứng tỏ dân Nga cũng thiết tha đến quyền lựa chọn của họ.

Năm 1991, tổng thống Yeltsin ra sắc lệnh đặt đảng Cộng Sản ra ngoài vòng pháp luật — ông Yeltsin từng là ủy viên trung ương hồi xưa. Năm 1993, Tòa Án Hiến Pháp Nga bác bỏ sắc lệnh của ông ta. Năm 1993, ông Yeltsin lại tính không cho đảng Cộng Sản tranh cử, nhưng cuối cùng cũng phải thua. Trong chế độ dân chủ, tổng thống cũng phải tuân theo pháp luật. Điều này dân Nga chắc cũng cho là tốt.

Lãnh tụ đảng Cộng Sản Nga, cựu giáo sư Gennady A. Zyuganov, 51 tuổi, huy động 500 ngàn đảng viên trong 20 ngàn tổ đảng đi từng nhà vận động cuộc bầu cử này. Tuy con số đó rất ít so với gần 20 triệu đảng viên hồi xưa, nhưng so với hơn 40 đảng khác thì đảng Cộng Sản là đảng duy nhất có tổ chức ở các làng xã.

Đảng Cộng Sản nhắm vào những cử tri lớn tuổi. Những cựu chiến binh hay cán bộ hồi hưu với lương tháng trị giá chừng 25 USD, bằng nửa mức lương được chính phủ Nga coi là tối thiểu, những người lớn tuổi này chiếm một phần ba số cử tri, và đa số họ bầu cho ứng cử viên đảng Cộng Sản. Họ là thành phần không được hưởng gì trong cuộc cải tổ kinh tế hiện nay. Đảng Cộng Sản Nga là đảng duy nhất còn mang tên cũ và dấu hiệu búa liềm, khác với đảng Dân Chủ X Hội ở Ba Lan. Họ cũng chủ trương bãi bỏ chương trình tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh, kiểm soát kinh tế chặt chẽ hơn. Nhưng nền kinh tế Nga hiện nay sẽ không chấp nhận sự trở về thời kỳ Cộng Sản cũ.

Đảng Dân chủ Tiến bộ, tức là đảng bảo thủ và đề cao chủng tộc Nga hơn cả, bị mất nửa số phiếu so với năm 1993, đứng hàng nhì. Đảng của thủ tướng Chernomyrdin đứng hàng ba, có thể liên kết với đảng của nhà cải tổ kinh tế Yavlinsky, cả hai chiếm hơn 20% số phiếu. Liên minh với Cộng Sản là đảng Nông Dân, trước chiếm một phần ba quốc hội, nay không còn đủ 5% số phiếu để đắc cử trong phần bầu theo danh sách.

Cuộc bầu cử có hai phần, ngoài số đại biểu bầu theo danh sách đảng còn đa số ghế dân biểu bầu từng cá nhân ứng cử viên, theo luật bầu cử hai lớp ở Nga. Như vậy trong số 450 đại biểu Duma (tức Hạ viện Nga) sẽ có nhiều người không Cộng Sản hơn là Cộng Sản.

Đảng Cộng Sản không hy vọng cản trở các cải cách hiện đang thực hiện ở Nga. Vì muốn bác bỏ các biện pháp của tổng thống Yeltsin thì phe đối lập phải có 2 phần ba số phiếu. Các đảng đang nhắm vào cuộc bầu cử tổng thống vào tháng Sáu. Ông Yeltsin bị bệnh nặng nhưng vẫn muốn tranh cử. Lãnh tụ Cộng Sản Zyuganov chắc chắn sẽ tranh cử. Nhà kinh tế Yavlinsky cũng như thủ tướng Chernomyrdin cũng vậy. Do đó hai người này đều không thể ủng hộ ông Yeltsin trước kỳ bầu cử, nhưng chắc chắn họ cũng không liên minh với đảng Cộng Sản Nga.

Trước ngày bầu cử ông Yeltsin đã nói với dân Nga qua truyền hình, từ giường bệnh, báo động họ là coi chừng chế độ cộng sản sẽ trở lại. Lời đe dọa đó không có hiệu quả, không phải vì dân Nga thích chế độ Cộng Sản, nhưng chính vì họ tin chế độ cũ không có cách nào quay trở về.

HỌ BẮT VÌ HỌ SỢ

Nhiều người đã nói, và càng đông người đã biết sự suy tàn của chủ nghĩa Mác. Nhưng Hà Sĩ Phu giống như giọt nước cuối cùng làm tràn ly, nên ông bị bắt. Mà có nhiều nhân duyên ở chung quanh đã tạo cho tiếng nói của Hà Sĩ Phu thành giọt nước tràn ly.

Thứ nhất là đại hội đảng Cộng Sản Việt Nam vào giữa năm 1996. Trước khi họ họp nhau, họ muốn tất cả phải im lặng và phục tùng, không ai được tạo ra chuyện bất ngờ, dù vô tình. Đảng đang kêu gọi đoàn kết, nghĩa là chia phần cho đều giữa hai, ba phe, giữa trung ương với địa phương. Họ rất ngại các vụ chống đối sẽ thành "cái sẩy nảy cái ung." Thủ tướng Võ Văn Kiệt viết một lá thư gửi Bộ Chính Trị, lá thư đó cũng được lưu truyền cả nước như các bài của Hà Sĩ Phu, sẽ tác động vào những người tham dự đại hội sắp tới. Liệu họ có im lặng và phục tùng không?

Thứ hai là nhiều vụ chống đối gần đây nên phải đàn áp nhiều quá, gây nhiều bất mãn cần phải dẹp. Sau Hoàng minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, đến lượt Nguyễn Trung Thành, Lê Hồng Hà, v.v...

Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện mới thuật chuyện ông ngồi nói chuyện với Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hữu Đang và Phùng Cung ở căn gác nhà Phùng Quán, nhân 100 ngày của nhà thi sĩ "yêu ai cứ bảo là yêu" này. Hoàng Minh Chính, 76 tuổi, Nguyễn Chí Thiện nói ông coi như một người anh cả, tâm sự với lớp đàn em rằng: "Các anh là may mắn đấy. Các anh nhìn ra cái chủ nghĩa Mác Lê nó là cái nguồn gốc của mọi tai họa của đất nước. Tại sao mà tôi nhìn ra chậm như vậy?" Tất nhiên đảng chỉ sợ những đảng viên khác cũng nghĩ như thế.

Khi những người trong đảng giải thích cho các đồng chí cũ của họ về lý do tại sao bây giờ họ bỏ đảng, không phải ai cũng nói chuyện lý thuyết như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang. Phần nhiều họ dựa vào các lý do tình tự. Thí dụ họ nói đảng vô ơn, bất công, tham nhũng, phản bội lý tưởng, v.v...

Nói chuyện tình cảm như vậy, dù họ đã từ bỏ

đảng, họ vẫn còn nghi nghi hoặc hoặc về chủ nghĩa. Có một cái chủ nghĩa Mác mầu sắc rực rỡ thật, ai biết đâu đấy.

Các giáo sư triết học "hàng thần lơ láo" ở miền Nam không ai dám đả động tới chủ nghĩa, đều im thít. Nhưng những người như Hà Sĩ Phu và Lữ Phương, gần đây tấn công vào các lý luận cơ bản, từ chủ thuyết đến vai trò xã hội của đảng Cộng sản. Lữ Phương vẫn viết theo ngôn ngữ một nhà văn Mác xít, nhưng Hà Sĩ Phu dùng lối nhìn của một nhà khoa học, và cách diễn tả của ông rất giản dị, cụ thể, người đọc nghe là bị thuyết phục.

Trong khi đó đảng vẫn ra công rao bán chủ nghĩa Mác Lênin, món hàng không thể bỏ. Tạp chí *Quốc Phòng Toàn Dân* tháng Mười 1995 có bài "Bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin." Trong số 11 bài, thì có bài của một trung tướng viết về "mục tiêu chiến đấu của quân đội ta" là bảo vệ độc lập "và chủ nghĩa xã hội."

Như vậy khi Hà Sĩ Phu và Lữ Phương viết phê bình chủ nghĩa Mác-Lênin, nếu để họ tiếp tục nói, người nọ truyền người kia, rồi đảng viên và dân ngoài phố sẽ náo động mất.

Điều mà đảng Cộng Sản Việt Nam sợ nhất bây giờ là trước, hay sau đại hội 8 có một nhóm đảng viên ly khai, kết hợp với những người ngoài đảng, lập ra một đảng mới. Họ có thể lấy tên đảng Dân chủ Xã hội, có thể mang tên cũ đảng Lao Động, v.v... Rồi họ dùng quyền ghi trong hiến pháp đứng ra đối lập. Khi đảng Cộng Sản chia hai thì nó sẽ có thể chia ba, chia bẩy, và những người chống cộng sẽ có cơ hội tập hợp lại với nhau.

Nhưng thời điểm của vụ bắt giam Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, v.v... còn liên quan đến việc ông Đỗ Mười vừa qua thăm Trung Quốc một tuần. Ông ta sang Bắc Kinh sau khi họ vừa bắt giam Trần Trí Dân và Ngụy Kinh Sinh trở lại. Ngụy Kinh Sinh sau bị kết án 14 năm tù. Vương Đan và 12 nhà trí thức phản kháng khác cũng còn bị giam.

Chủ tịch Trung Cộng Giang Trạch Dân cũng có nhu cầu đàn áp thẳng tay và tức thời các nhóm đối lập, giống như Hà Nội. Giang Trạch Dân cần phải tỏ ra mình đủ cứng rắn, lấy lòng phe bảo thủ, trước khi Đặng Tiểu Bình qua đời. Có như vậy ông ta mới chứng tỏ xứng đáng kế vị. Cái chết đang chờ đợi Đặng Tiểu Bình không sao tránh được, cũng giống như biến cố đại hội 8 sắp đến ở Việt Nam. Nó thúc đẩy các lãnh tụ đàn áp mạnh và gấp hơn.

Khi Đỗ Mười đi học kinh nghiệm ở Bắc Kinh, ông ta học được một điều trong vụ Ngụy Kinh Sinh. Là cứ đàn áp thẳng tay, tư bản thế giới không quan tâm, họ vẫn tiếp tục đầu tư. Đó là nhận xét của Mike Jendrzejczyk, giám đốc tổ chức tranh đấu cho nhân quyền Human Rights Watch/Asia ở New York.

Nhưng nước Trung Hoa khác nước Việt Nam. Thị trường Trung Hoa lớn gấp 15 lần Việt Nam. Tư bản quốc tế nếu bỏ rơi các vụ đầu tư ở Việt Nam để lấy tiếng tranh đấu cho nhân quyền thì họ không sợ bị mất mối lớn như ở Trung Quốc. Chính Hà Sĩ Phu đã kêu gọi người Việt ở hải ngoại phải làm áp lực các nhà tư bản quốc tế để họ đừng đầu tư vào Việt Nam, áp lực chính phủ Mỹ đừng cho quy chế tối huệ quốc, "tiếp tay với cái xấu, cái cũ."

Có lẽ đó cũng là một giọt nước làm tràn ly. Ông chắc hẳn biết trước nói thế là sẽ bị công an bắt. ■

VAALA

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

DỰ ÁN
THÁI TUẤN 1996

Triển lãm tranh, họp mặt văn nghệ,
và phát hành album tranh Thái Tuấn

Washington DC - Paris - Los Angeles - Montréal

Liên lạc: VAALA (714) 537-8352

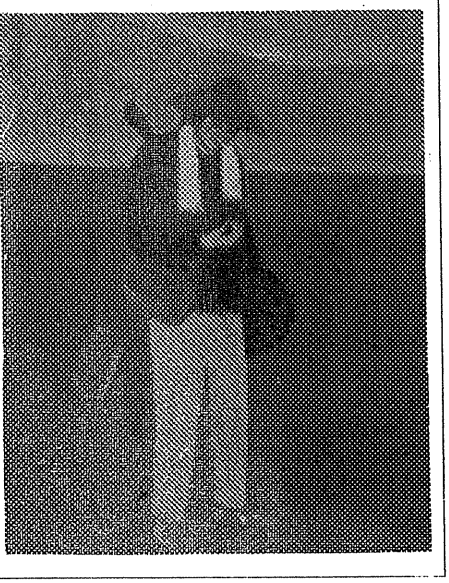

NHÂN ĐỌC QUYỂN THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG CỦA ĐÀO THÁI TÔN

NGUYỄN HỮU THÀNH

Đây là một cuốn sách của nhà xuất bản Giáo Dục trong nước ấn hành. Sách in đẹp, làm rất công phu, nhưng không có phần chụp in chữ Hán và chữ Nôm của tập **Lưu Hương Ký** như tôi trông đợi. Tiếc là sách *tái bản* mà còn nhiều chỗ sai!

a) **Thơ nôm truyền tụng** thì sai bao nhiêu cũng không sao, vì đã được in đi in lại rồi.

Ví dụ bài Đi Chơi Chùa Thầy (tr 202): Bán *lợn* (lợi) mua danh nào những kẻ, nếu có in lầm ra *Bán lợn mua dê* đi nữa thì người đọc cũng rất dễ sửa lại cho đúng.

b) **Thơ chữ nôm chữ Hán**, đã không có chữ Nôm chữ Hán mà phiên âm sai thì rất có hại, có khi cái sai còn được truyền mãi mãi về sau, nhất là những bài mới được công bố lần đầu và người đọc không được tiếp cận với **Lưu Hương Ký.**

Vì không có văn bản Hán Nôm nên tôi không biết có bao nhiêu chữ sai. Nhưng chỉ so sánh *mấy bài* của giáo sư Hoàng Xuân Hãn (có chữ Hán) đăng trên Tập san *Khoa Học Xã Hội* ở Pháp tháng Mười Hai 1983 với những bài đó in trong quyển này thì cũng đã thấy được ít nhiều (những chữ tôi cho là đúng để trong ngoặc đơn là chép trong bài của ông Hoàng Xuân Hãn):

Trang 137, câu 5: Thùy *tục* (*thục* 贖) *già thanh quy Hán khuyết.*

Bài này còn ba chữ nữa nhưng không quan trọng lắm nên xin miễn chép.

Tr 149, bài II: Tri âm đắp nửa *chân* (*chăn*) còn ngắn,

Bức vách nghe *xa* (*thầm*) tiếng đã *thừa* (*thưa*).

Tr 159, câu 2: Mãn mục sơn quang *thiếp*

(*tiếp* 接) *thủy quang.*

Tr 159, câu 5: Loa ngân tịch lễ lân *tần*

(*tuân* 峋) xuất.

Tr 161, câu 8: *Cử* (*cửa*) lèn len lỏi kiếm non Bồng.

Tr 162, câu 5: Bằng Di *diệp* (*điệp* 疊) *tác kình thiên trụ.*

Tr 162, câu 8: Cố lưu Nam *diện* (*điện* 甸) *củng kim âu.*

Tr 194, câu 7: Trùng phùng thử hậu *tư*

(*tri* 知) hà nhật.

Tr 194, câu 8: Thác đắc tình si *tổng* (*nhạ* 讶) mộng hồn.

Tr 194, câu 5: Lân ngã bất tài hư bạch *phát*

(*tuyết* 雪),

Điều khó hiểu là ông Đào lấy bài dịch thơ theo nghĩa *bạch tuyết* của ông Hoàng in vào sách (tr 195) thế nhưng ông cứ chép *bạch phát* và dịch nghĩa là *mái tóc luống bạc* (tr 194), mà ông cũng không giải thích tại sao! Theo ngu ý thì *bạch tuyết* đúng. *Bạch tuyết dương xuân* thường hay gặp trong thi ca.

Vì không có **Lưu Hương Ký** nên có những chữ nghi sai mà không dám nói. Ví dụ:

Tr 199, câu 6: Phạn đài thùy hoán *sở* (*sổ* 数) thanh chung.

Những bài *Nghiên cứu phê bình* được chọn in vào sách thật hay. Nhưng khi đọc bài của ông Nguyễn Đức Bính đến đoạn cuối, trang 232: *"Nếu anh chỉ là một người quen nhấp những chén trà nhỏ trong sương sớm để bới những điển cố xương xẩu trong truyện Kiều như gà què nhặt thóc,..."* thì tôi phải dừng lại rất lâu và nhìn lên quyển **Chữ Nghĩa Truyện Kiều** của học giả Nguyễn Quảng Tuân làm thật công phu mà tôi rất trân trọng tác phẩm và kính phục tác giả. Không hiểu nổi tại sao ông Nguyễn Đức Bính lại ví những người tìm điển cố trong truyện Kiều *"như gà què nhặt thóc"*. Phải đọc đến đoạn: *"Trước khi bước chân vào cái thế giới sáng sủa của cách mạng, ..."* (tr 248) tôi mới vỡ lẽ!■

Chú thích của Tòa soạn: *Ông Nguyễn Quảng Tuân, hiện vẫn theo đuổi công việc khảo cứu văn học ở trong nước, trước 1975 là giáo sư trung học ở Miền Nam.*

Santa Claus

"Tối qua thấy anh gặp một cô trong bữa tiệc tất niên. Có đi tới đâu không?"

"Chẳng tới đâu cả. Cô ấy hỏi tôi có phải là ông già Noel hay không. Tôi nói không, thế là cô ấy nói 'Đừng có chạm tới đôi vớ.'"

HỨA VĂN BÂN, NGƯỜI ẢNH CỦA SINH ĐỘNG VÀ NHỊP NHÀNG

LÊ VĂN KHOA

Tiểu sử

Nhiếp ảnh gia Hứa Văn Bân chào đời ngày 4 tháng Hai năm 1914, tại Hội An (Faifoo), tỉnh Quảng Nam, miền Trung Việt Nam. Lòng say mê nghệ thuật của ông phát lộ rất sớm. Lúc lên bốn, năm tuổi, ông đã ngồi hằng giờ ngắm xem những tranh vẽ treo trên tường nhà, vừa thích thú, vừa thán phục. Đến tuổi đi học, sẵn có giấy bút trong tay, ông vẽ tất cả những hình ảnh sinh động chung quanh mà ông nhìn thấy mỗi ngày: nhà cửa, sông nước, xe cộ, cá, chim, người ta, v.v... Không có điều kiện theo học các trường mỹ thuật, ông ghi tên học hội họa hàm thụ với trường hội họa ABC ở Paris, Pháp Quốc, năm 1934. Khóa trình có mười lớp. Ông học được năm lớp thì bị gián đoạn vì Thế Chiến 2 bùng nổ, đường giao thông với nước Pháp bị cắt đứt.

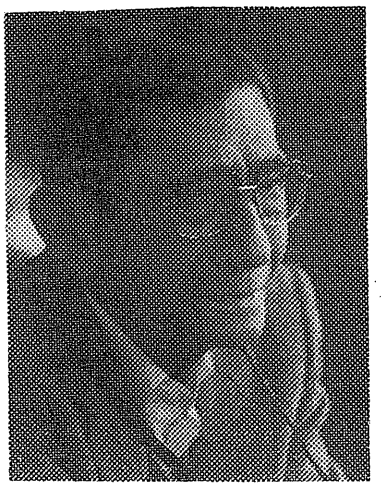

Hứa Văn Bân

Năm 1935, Hứa Văn Bân có mua một máy ảnh hộp (*box camera*) hiệu Tengor, do Đức chế tạo, chụp ảnh khổ 6X9. Thoạt đầu ông chỉ có ý định dùng nó để ghi lại hình ảnh gia đình, vì ngành nghệ thuật ông say mê và đang theo học là hội họa. Những nguyên tắc thẩm mỹ, căn bản bố cục và chiều hướng ánh sáng ông học được bên ngành hoạ, giúp ông có được những hình ảnh trội hơn rất nhiều người chụp hình đương thời. Khi không còn tiếp tục với trường vẽ ABC, máy ảnh trở thành phương tiện đi vào nghệ thuật. Ông tìm xem ảnh đẹp trong các báo *L'Illustration* (trước thế chiến), *Vue* và *Paris Match* của Pháp, *Look* và *Life* của Mỹ, cùng các sách báo về nhiếp ảnh để nghiên cứu thêm.

Ông cũng kết hợp với các tay ảnh ở Hội An, trau dồi kiến thức về kỹ thuật nhiếp ảnh. Ông thấy máy ảnh hộp không thể làm được những điều ông muốn và học hỏi được, nên bỏ máy ảnh hộp, mua máy Rolleiflex. Ông lập phòng tối để phóng ảnh. Những ngày nghỉ, Hứa Văn Bân và các bạn ảnh rủ nhau đi tới các vùng lân cận để chụp ảnh. Ông bắt đầu gửi ảnh đi dự thi quốc tế năm 1961. Từ 1962 đến 1974, năm nào ông cũng chiếm được vài giải thưởng, nhưng vì ở xa nơi thị tứ, ông ít được nhắc đến.

Ngoài những giải thưởng nhiếp ảnh, ông còn mang các tước hiệu nhiếp ảnh như sau: Artist, của Hội Nhiếp Ảnh Tinh Võ, A.TVPA, Chợ Lớn (1970); Artist, Hiệp Hội Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật Thế Giới, A.FIAP, Berne, Thụy Sĩ (1971); Trung Đẳng Hội Viên của Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam, A.APA, Sài Gòn (1972). Ông định cư tại Canada từ năm 1985. Sau đó ông qua Mỹ.

Lòng yêu nhiếp ảnh vẫn còn dù tuổi tác có cản trở ông nhiều trong lãnh vực "tranh tài" với các "cao thủ ảnh lâm" năm châu. Hứa Văn Bân chuyển sang du lịch Canada, Hoa Kỳ, Âu Châu và Hoa lục. Ông chụp ảnh màu, và viết bài đăng trên nguyệt san *Photo Pictorial*, Hong Kong. Trung bình mỗi năm họ dành cho ông một bài đặc biệt. Hiện tại ông đang sống trong một viện dưỡng lão ở San Gabriel, California.

Xem ảnh

Nhân có cuộc triển lãm ảnh của ông Hứa Văn Bân tại phòng sinh hoạt Người Việt ở Little Saigon từ 16 đến 31 tháng 12, 1995 do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ và Hội Ảnh Nghệ Thuật đồng tổ chức, xin mời quý vị cùng xem ảnh của ông. Kỹ thuật phóng ảnh đen trắng của ông Hứa Văn Bân rất cao. Ông kiểm soát, chủ động, chăm sóc từng chi tiết nhỏ để ảnh nói lên được điều ông muốn nói. Nhưng với ảnh màu, ông hoàn toàn lệ thuộc vào phòng phóng ảnh thương mại theo lối sản xuất hằng loạt, ông không thành công.

Theo tôi, Hứa Văn Bân thành công trong ảnh ông ghi lại, hoặc tạo nét động, nhưng kém xuất sắc trong loại ảnh sắp sếp, ảnh có đạo diễn. Mỗi nghệ sĩ tạo hình đều có một ý thích, một khuynh

hướng, một trường phái, mà họ ý thức, hoặc vô thức, truyền qua tác phẩm của mình. Xem ảnh của Hứa Văn Bân, tôi tìm thấy hai điểm: Tiết nhịp, loại nhịp nhàng của thơ, của nhạc, và con số 3 kỳ bí. Mời quý vị thử xem qua những tiết nhịp trong ảnh của Hứa Văn Bân. Ta cảm thấy cái linh động của nhịp nhàng tỏa ra dù ảnh bắt đứng mọi chuyển động.

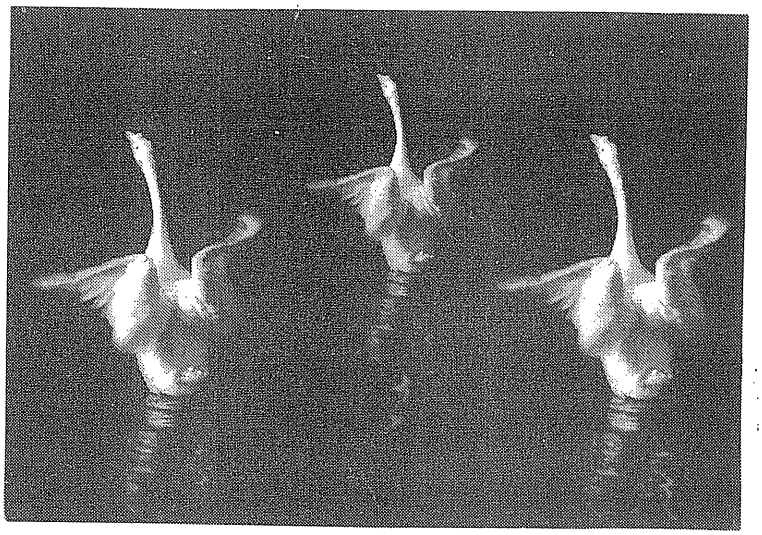

Điệu vũ dưới trăng

Trong ảnh "Tung Chài" (số 3) ta thấy thân mình của người tung chài uốn nhịp nhàng với tư thế của tay, chân, chuyển qua chiếc chài tung tròn thật đẹp. Người nào đã có dịp thử tung chài đều biết nếu thiếu cái nhịp nhàng cần thiết kia, chiếc chài khó thể xòe tròn ra được. Nhiếp ảnh gia Hứa Văn Bân đã bắt đứng đúng tư thế đẹp kia trong một ánh sáng chan hòa của một ngày đầy hy vọng.

Nét nhịp nhàng tự nhiên đó còn thấy nơi cô gái chống thuyền trong ảnh số 32 mang tên là "Chống Sào Nhịp Ba." Cô gái bị nhìn từ phía sau, động tác của cô được ghi vào vĩnh cửu bởi ống kính cố tình soi mói, nhìn thấy hết mọi chuyển động của thân mình, những động tác của tay, chân, những cái xoáy nhẹ của đôi mông. Tất cả diễn ra với sự phối hợp tiết nhịp đều đặn. Tác giả còn cố tình nhấn mạnh cái tiết nhịp ấy bằng cách gắn ba ảnh vào nhau để tạo thành một tác phẩm chung. Với tựa đề "Chống Sào Nhịp Ba" tác giả đã chuyển ảnh sang nhạc, một nhịp ba linh động và thoải mái. Chống thuyền cho nhiếp ảnh gia đi chụp hình thì đâu cần phải ra sức vất vả. Nhờ đó những nét uyển chuyển của thân mình cô gái chèo đò càng trêu ghẹo hấp dẫn người ảnh hơn. Những nhịp nhàng đối chiếu của đường nét và hình thể vốn có tự nhiên trong sinh hoạt của miền quê Việt Nam, người ảnh chỉ cần ghi nhận vào phim nhựa, nếu nhìn ra.

Ảnh "Phơi Bánh Tráng" minh chứng điều này. Những vỉ nan tre sắp dọc sắp ngang, bên trên là những chiếc bánh tráng còn ướt. Có vỉ nằm vào vị trí ánh sáng phản chiếu, cái khác ở vào điểm ánh sáng xuyên thật bắt mắt. Tất cả hòa chung nhịp nhàng như những vế của bài thơ. Những hình thức nhịp nhàng ta có thể tìm thấy trong các ảnh khác như: "Những Tà Áo Trắng," "Điệu Vũ Dưới Trăng," "Tiết Nhịp," "Nhịp Nhàng," "Kinh Hoàng," v.v... Khi ngoài đời không có đủ vế để thành nhịp, Hứa Văn Bân phải tạo ra theo bản năng ngầm ẩn trong tâm thức của ông.

Kỹ thuật phòng tối

Quý vị vốn biết kỹ thuật phòng tối rất quan trọng trong ảnh nghệ thuật, để tạo một ảnh với sắc độ đúng mức. Với nhiếp ảnh gia Hứa Văn Bân, phòng tối càng quan trọng hơn. Hình thẳng mặt một người chèo đò, có vẻ hay hay, nhưng trơ quá. Để thành tác phẩm, ông phải thêm vào đó những bối hoặc tiền cảnh thích hợp thông thường như chim bay, mây, ngọn dừa, cành liễu v.v... Nhưng vì bản năng nhịp nhàng vốn ngấm ngầm trong ông đã kéo sự sáng tạo của ông về lối... nhịp nhàng. Ông dùng hai âm bản có hình tương tự, để người xem thấy sự lập lại, tạo thành sự rập ràng tự nhiên. Ông phóng ảnh hai lần trên một mặt giấy. Một lần lấy hình bà chèo đò lớn làm phần chính, rồi phóng một hình khác nhỏ hơn từ một âm bản tương tự, đặt vào dưới nách của hình lớn để tạo tiết nhịp khuôn rập và thêm chiều sâu do sự đối chiếu của (hai) người chèo đò. Điều khéo léo là làm sao để không lộ mí phim của việc phóng hai lần trên một mặt giấy. Ở đây tương đối không khó lắm vì giấy và phim đều tương phản mạnh. Rồi để che phần sáng của bầu trời vô duyên, ông ghép mây vào từ âm bản thứ ba.

Tác phẩm "Điệu Vũ Dưới Trăng" bắt mắt tôi ngay. Tôi rất thán phục kỹ thuật bấm máy của ông Bân vì ông bắt đứng được ba con ngỗng đang tung cánh... chạy đi. Mà làm sao ba con cùng tung cánh như nhau, cùng lướt trên mặt nước đi về một hướng nếu chúng vì sợ hãi mà chạy đi, hay vì thích nô đùa mà chạy bay cũng thế thôi. Cái nhịp nhàng và linh động, hòa hợp này, các vũ công của sân khấu kịch nghệ New York, hay của đoàn vũ Bolsoi khó sánh được. Con người muốn khuôn rập thiên nhiên. Nhưng khi thiên nhiên quá toàn hảo (theo con mắt của người) thì phải có bàn tay của con người nhúng

vào. Cái nhịp nhàng toàn hảo của "Điệu Vũ Dưới Trăng" làm tôi nghi ngờ. Nhận xét kỹ và nhờ một nét thật nhỏ trong vùng sáng của bóng trắng phản chiếu mấy con ngỗng trên mặt nước, tôi biết ba con ngỗng đang "khiêu vũ trên sân khấu" chỉ là một con thôi. Ông Hứa Văn Bân dùng kỹ thuật như đã áp dụng cho tác phẩm "Nhịp Nhàng" để tạo ra "Điệu Vũ Dưới Trăng." Lần này ông đi ngược lại, cho ảnh trắng lên nền đen. Dù là nền đen dễ che đậy một vài sơ hở, nhưng đen đều trên mặt ảnh là điều không dễ thực hiện, vì đen cũng có nhiều sắc độ khác nhau. Ba con ngỗng tạo nét linh động, vui mắt, sôi nổi hơn hai con. Nhưng tại sao ba con mà không phải bốn, năm con ngỗng? Hay nhiều hơn nữa?

Cũng trong chiều hướng tạo nhịp nhàng, làm thành hình những gì không có nơi thiên nhiên và áp dụng kỹ thuật phòng tối khéo léo của người ảnh Hứa Văn Bân, mời quý vị cùng xem tác phẩm "Tiết nhịp."

"Tiết Nhịp" hay ở ý tưởng. Nó là kết tinh của sự sáng tạo chứ không thuần trông cậy nơi cảnh xuất hiện trước ống kính máy ảnh. Nhìn vào ta thấy ngay đó là ảnh, là thực, nhưng đồng lúc nó gợi sự thắc mắc, bất định. Trong ảnh chứa đầy mâu thuẫn. Cái đáng mềm thì cứng. Cái đáng cứng lại mềm. Quý vị thử trở lại tác phẩm "Tiết Nhịp" một lần nữa và xem kỹ hơn. Cánh chim bay phải mềm mại, nhẹ nhàng, tương tự như những con bồ câu trong tác phẩm "Kinh Hoàng" mới hay. Ở đây chim cứng quá. Ngược lại, những nan đăng để bắt cá, đáng lý ra phải cứng mới đứng vững để chận cá lại, không cho cá chui qua. Ở đây đăng lại quá mềm, quá ẻo lả. Với khối lượng và màu sắc, phần này ngự trị toàn ảnh, còn chim và mây chỉ là phần thứ yếu dù tác giả cố tình đặt nó vào điểm mạnh cho đúng bố cục.

"Tiết Nhịp" là sự kết thành của việc phóng ảnh từ hai âm bản khác nhau. Sự hòa nhịp của chiếc đăng là bóng đổ trên mặt nước của chiếc đăng bằng nan tre cứng và đứng. Hứa Văn Bân lật ngược đầu âm bản để phần ảnh nằm dưới nước trổ lên trời. Phần trời trắng ở bên trên ảnh, được ông ghép vào bằng âm bản chụp chim và mây. Bóng trên mặt nước lung linh tạo nhịp nhàng hấp dẫn, và dường như cố tình xua đuổi chim bay đi, không cho chim đậu xuống. Thật-giả-giả-thật làm cho người xem ảnh bối rối, hoang mang, bắt người xem phải dừng lại tìm hiểu, đó là sự thành công của tác giả.

Ông Hứa Văn Bân dùng kỹ thuật phòng tối để phóng ảnh đúng sắc độ mong muốn hơn là dùng kỹ thuật để hoán đảo hình ảnh. Do đó loại kỹ thuật đặc biệt mà ông dùng, chỉ tìm thấy nơi ảnh "Phơi Nắng." Trong ảnh này ông chuyển âm bản qua phim kỹ nghệ ấn loát để loại tất cả các độ xám, rồi phóng ảnh trên giấy số cao, thật gắt. Bây giờ ông chỉ còn màu trắng và đen trên ảnh, để nói lên loại nắng cháy trưa hè.

Một kỹ thuật khác cũng có liên hệ đến phòng tối không ít, là sửa phim và ảnh. Trên phần đầu của bài này ta đã biết ông từng học vẽ nơi trường ABC bên Pháp. Trong kỳ thi vẽ với đề tài "Người Pháp năm 1940," một tờ báo Pháp có in bức thoát hoạ truyền thần của ông với lời khen kỹ thuật dùng bút lông của ông. Tôi nhắc đến việc này vì kỹ thuật của ông học nơi hoạ, được ông dùng qua ảnh. Lần này ông dùng với *cyanure* (thạch tín) chứ không dùng mực tàu. Ông đã nhấn mạnh, làm rõ hơn những tia nước bắn ra từ chú bé "Tắm Mát." Làm những giọt mưa nặng hột hơn trong ảnh "Lụt II," v.v... Nhờ đó ảnh tạo cảm giác mạnh mà không nhất thiết gần với mắt người hơn, hoặc đúng theo khả năng ghi nhận của phim ảnh lúc bấy giờ. Đó là chưa kể những nét sửa thật tinh vi mà ông đã áp dụng trên âm bản trước khi phóng hình.

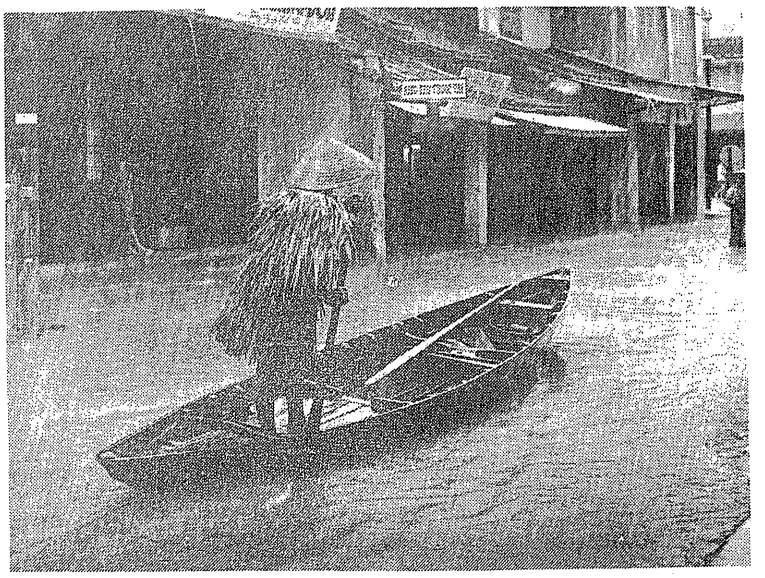

Lụt II

Con số 3 kỳ quái

Người ta hay tin dị đoan vào những con số hên và xui, và tìm mọi chứng cớ mơ hồ nào đó do sự ngẫu nhiên xảy ra để bênh vực điều mình

tin. Con số 13 là số xui, nhưng Hoa Kỳ chưa chắc phú cường như ngày nay nếu không lập quốc trên số 13. Con số 3 là số kiêng cữ khi người ta chụp, hoặc bị chụp hình. Trong ảnh của Hứa Văn Bân tôi tìm thấy có con số 3, không phải trong một, hai ảnh, mà đến một phần ba của 32 tác phẩm đen trắng triển lãm của ông. Do đó tôi thấy ông không kiêng kỵ con số 3, mà có thể nói ông cố ý áp dụng con số 3 này.

Ta thử duyệt qua những tác phẩm có con số 3 của Hứa Văn Bân: "Những Tà Áo Trắng," "Lụt III," "Điệu Vũ Dưới Trăng," "Mái Tóc Vàng," "Cười," "Chống Sào Nhịp Ba." Trong tác phẩm "Cạo Đầu" con số 3 nhẹ đi, vì ông thợ hớt tóc chỉ đóng góp đôi bàn tay thôi, nhưng ta biết có người thứ ba dự cuộc. Ngược lại trong "Lụt I" ta đếm thấy sáu người đàn bà. Họ ở trên hai thuyền, mỗi thuyền có ba người. Trong "Vượt Sông" có một chú bé và năm con trâu. Số người và thú này tách ra làm hai khối, bên trái có ba con trâu, bên mặt có chú bé và hai con trâu, tức ba đơn vị. Hai khối được nối liền bằng cánh tay chú bé. Nhìn vào "Kinh Hoàng" ta thấy có tám con chim bồ câu đang chớp cánh bay, nhưng có ba vệt hơi nước tụ lại sau khi ba chiếc phản lục cơ bay ngang qua. Trong "Lụt IV" ta thấy ba chú bé đẩy một chiếc nôi gỗ, trên mặt nước lụt trong thị xã, bên trong một hài nhi nằm trơ trọi.

Sự cố ý sắp xếp thành số 3 rõ rệt hơn hết nằm trong ảnh ba cô nữ sinh trong "Những Tà Áo Trắng," trong hai mái tóc đen kẹp một phụ nữ "Mái Tóc Vàng" vào giữa. Và không chối cãi được nơi ba con ngỗng của "Điệu Vũ Dưới Trăng."

Tạo một tác phẩm không phải dễ dù ở bộ môn nghệ thuật nào. Sau một chuyến đi chụp ảnh ở biển về trong đầu thập niên 70, tôi ghé thăm ông Hứa Văn Bân tại nhà ông ở Hội An. Ông hỏi: "Chuyến đi có kết quả không?" Tôi đáp: "Cũng chụp được vài ảnh." Ông nói: "Như vậy là hay lắm. Tôi có khi đi mấy ngày, về chỉ dùng được một phần phim lớn bằng móng tay cái!"

Dù có một vài ảnh để lộ việc định hình (*fixed*) chưa đúng, có thể do thuốc định hình bị yếu, không làm tan hết muối bạc, và có ảnh còn để sót thuốc hiện hình, nhưng khi xem ảnh của Hứa Văn Bân, tôi đề nghị chúng ta nên xem với tinh thần thông cảm, đón nhận sự chia sẻ của ông. Phần lớn những ảnh này là ảnh mà ông đã từng gửi đi dự thi quốc tế từ mấy mươi năm qua. Sau nhiều lần gửi đi, trả lại, ảnh bị hư hao khá nhiều. Ta nên hiểu những dấu vết hằn ghi trên mặt ảnh là những chiến thương chứ đừng bắt lỗi như là sự cẩu thả của tác giả. Với tuổi cao, mắt yếu và phương tiện không có, ông không thể nào phóng lại ảnh khác được.

Những tác phẩm nhiếp ảnh của ông Hứa Văn Bân là những chứng tích một đời hoạt động của ông. ■

VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY

IM LẶNG HỐ THẲM TRÊN NHỮNG CHẶN ĐƯỜNG ĐỜI

của

THIỆN HỶ

* Đọc VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY để thấy rõ cái phi lý, bi đát của chiến tranh Việt Nam 1946-1975

* Tác giả VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY và Phạm Công Thiện chưa hề gặp và quen biết nhau, "nhưng hai người đã nhìn nhận ra nhau trong một thế giới bí mật nào đó của Uyên Mặc ở giữa lòng sụp đổ tâm linh của nhân loại" (Viện Triết Lý VN và Triết Học Thế Giới)

* VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY và IM LẶNG HỐ THẲM là chỗ gặp nhau của những con người ưu tư, mang ước vọng lý giải những bất hạnh lớn lao của Việt Nam bằng và trên bình diện tư tưởng. (Phạm Xuân Đài)

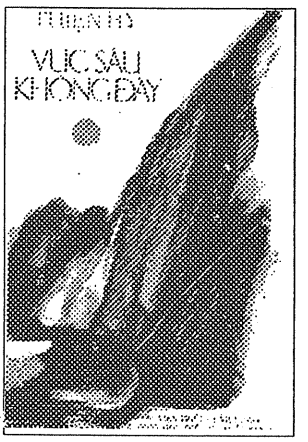

VIỆN TRIẾT LÝ VIỆT NAM VÀ TRIẾT HỌC THẾ GIỚI
Xuất bản

Giá 15 USD

SONGKHLA BLUES

CAO XUAN TU

Captain Somchai debated with himself whether to sleep off the sticky Sunday afternoon or cruise the town for a bit of fun. All was quiet around the bungalow. The maid was out. His wife had packed the kids off to her parents after he'd slapped her for challenging his coming home late, drunk and reeking of cheap perfume from the bar girls. He didn't really care. It had happened often enough before.

Too hot for siesta, he decided, and tore off the batik sarong, standing in front of the full-length mirror. A deep-bronze face grinned back. He didn't like the bulbous nose that had been smashed in a brawl with his classmates at the Police Academy years ago, before he was assigned to keep an eye on the boat refugees in this fly-blown town. A film of sweat covered his body, gleaming like waxed teak. His eyes rested at the middle parts he was most proud of. The thick curly bush, the balls firm, like ping-pong balls - no, that'd be too soft, breakable. Golf balls, rock-like, that's more like it. And the dear, dearest jewel of them all: the gun of all guns! A cannon, to give it full credit!

The phone rang, jolting Somchai out of his day-dreaming trip. He grabbed the receiver irritably, spat into it a few harsh syllables, then froze, checking himself. Colonel Smith of the American embassy, whose job was to screen States-bound refugees, was at the other end.

"Sawaddi kap... sure thing, colonel," mumbled Somchai. "Speak only English? No big thing. Your friend, my big brother, ha, ha!"

Colonel Smith cut his short with a mention of some financial reward for the little favor, which lifted his heart. Anything for an extra baht in this dog-eat-dog life. Somchai hurriedly donned on his off-duty outfit: Hawaiian shirt, light trousers, slippers, sunglasses. Then he hopped into his battered Corolla en route to the Samila, Songkhla's prestigious one-star hotel.

It was a hot day of a very hot year. On the terrace a dozen guests, all male, languished. Heart-struck and half dazed, their thirst the worse from the prodigious flows of beer they'd been knocking back as their glance shifted resentfully between the strip of sand and the white sea, both of which refused to send a relieving breeze. When a breeze finally stirred, it fanned over waves of steam that was salty and suffocating, mingled with the smell of fast-decaying fish.

Colonel Smith had told him to expect a tall, thin professor from America searching for someone among teeming horde of refugees. Professor of what, Smith didn't say. Somchai spotted his man without difficulty. A tea-sipping sheep among the beer-drinking wolves. A bony face grafted to a thin body by way of a crane-like

neck.

"Colonel Smith say you look someone?" Somchai asked, softening his rapid-fire speech.

"Indeed, captain. I'm looking for a woman."

"Refugee from boat? I check refugee list. Name, what name?"

The man sipped his tea, shaking his head slowly. "Trouble is, captain, I don't know her name."

Somchai's eyes squinted through tiny cracks. "No name woman? Very funny. No can do. Must have name to find."

He'd received some sort of coded message, the professor said. The woman had boarded a boat at a Vietnamese fishing port. Bought her passage out under a false name with false papers. He was supposed to look for her under a new name, but she'd forgotten to mention which.

Somchai wanted to laugh but his professionalism as a cop prevailed. He grinned and asked, "What make you think she here in Songkhla?"

"The boat arrived two days ago, colonel Smith confirmed it. Maybe you'd care to check the list of passengers, er, refugees on a particular boat. Number VN T657."

"You fly Thailand from America?"

"Directly after I got the news."

"Woman girlfriend? Maybe wife?"

The professor hesitated then said, "We met in Saigon while I taught at the university there. She used to be my assistant. And there's a kid with her as well. I want to see them as soon as possible."

Somchai thought of Bangkok tabloids running headlines such as YANKEE PROF REUNITED WITH VIET SWEETHEART ON SONGKHLA BEACH. Another East-West romance with a flesh-and-blood by-product by the look of it. He chuckled softly to himself, then grimaced, the way he always did when suffering bouts of constipation after nights of heavy boozing. "Very difficult. Take time, professor." Somchai said, jotting down the details in an ant-like scrawl. He breathed long sighs.

The professor nodded knowingly. "Well, it's Sunday and all that, I thought about it. And for your inconvenience..." He slipped a copy of time Magazine across the flowered table-cloth.

Somchai casually leafed through the pages until he saw the face of Benjamin Franklin fresh and crisp from five American bank notes. Good Lord Buddha! Five hundred bucks in all!

Somchai looked around the terrace. The half-drunk clientele could doze off for all he care. He picked up Time, rolled it tight and tucked it under his huge belt. "Sure can do. Lot paper work before can find woman and child." He grinned at the professor and promised to bring some good news. Tonight, tomorrow maybe, who knows.

To celebrate his good fortune Somchai visited his favorite hangout. He devoured a double order of king-prawn/fried rice and a bottle of Mekhong, Thailand's answer to the Johnny Walkers of the world. The stereo was running the latest hit called Songkhla Blues played to slow-rock beat. It moaned about unrequited love, bent hopes and spent youth. He asked the cafe-owner to play it again and again. The guy also ran a stable of waitresses who served the tables downstairs and the beds upstairs. Mellowed by drinks and melodies Somch jabbered away with the locals, slapped the waitress' buttocks and finally climbed up the wooden stairs, a girl under each arm — one fat, one thin. Professors, refugees, women and children could wait another day.

Somchai woke up with his face down in his own bed. His head throbbed terribly. The liter of pineapple juice he'd swallowed before hitting the floor saved him a total knockout, but only just. A cock crowed in some neighboring yard. Still no signs of wife and kids, the maid welcomed him to another hot day with a cheerful "sawaddi ka" which he ignored and a breakfast of rice and fish which he didn't touch.

Somchai called lieutenant Ut, his deputy at the station, announcing that he'd be late for work. Stomach trouble, something nasty he'd eaten the night before. He slept some more. When his brains reasonably cleared it was well past lunchtime.

At the station he ignored the heap of paper on the desk. He looked up the log-book of incoming refugee boats. No new arrivals over the weekend. Then remembering the professor and the five hundred bucks, Somchai searched the log-book again, compared notes and found the entry he wanted. Yeah, just as the professor had said: Boat VN T657 arrived last Friday. Sixty two lucky escapees. A sizable number. There'd been boats landing with only the pilot and a couple of skeletal cadavers, barely walking. The odds were decidedly in the professor's favor.

As he drove the professor to the refugees' encampment, Somchai stole an occasional glance at his companion. Somehow he felt a little sympathy for this quiet man with an emaciated face and too long neck which seemed about to snap. They had something in common: family woes.

"What you teach, professor?" Somchai asked out of the blue.

"Nuclear physics," the professor said listlessly.

"New... nuke what?"

"Nuclear science. Smashing atoms... That

sort of things."

"Aha, atom bombs! Hiroshima, Oklahoma!" Somchai exclaimed in sheer admiration, despite the professor's protestations that he had nothing to do with bombs and such things. This nice, quiet Yank really had a funny way with words. Somchai had only seen noses smashed, his own included, at drinking parties and, yeah, his wife also smashed tons of garlic into his food. He loved garlic. Suddenly he felt sick with hunger.

CAO XUAN TU

MONGOL LOVE SONG

Light a smile on your autumn-moon face
And I'll bring you a goblet of sun-lit weather
Mop the tears from your ruddy cheeks
And I'll cover your breasts with a corset of stars
Cast a stone beyond the steppes where dinosaurs tread
And I'll take you to a shooting war
Tonight we feast on the bones of your forefathers' sheep
Tomorrow we'll pitch our tent in the palace of the Czar
But before the fire goes out let's lie down and sleep
It's a long ride from the gates of China

At the camp the security guard bowed to Somchai through the barb-wire. Leaving the professor in the car, Somchai walked across the makeshift gate toward Ut, his deputy. The two cops conferred briefly. Somchai exuded authority, doing all the talking while Ut kept saying "kap, kap", nodding obeisance. When he had the chance to speak properly, Ut made his report: sixty two occupants of boat VN T657 were being assembled at the infirmary for the Catain's inspection.

Somchai glared at his deputy, wanting to know how many women and children had landed from the boat. Ut lowered his head, pleading ignorance. The bastard obviously didn't do his homework. The son of a bitch goofed off again, Somchai swore loudly. Now he had to do the dirty work himself to earn the professor's five hundred bucks!

Somchai told Ut to keep the professor's company and headed towards the prefab that housed the infirmary. The captain held a brisk pace, kicking up a cloud of dust. The infirmary was packed but he could see the camp doctor, a Frenchman huge and hairy like a gorilla towering over the ragged group of refugees. Somchai glanced at the hollow faces, the matchstick arms, the wasted bodies. The scene was all to familiar; he felt nothing. Just another day's routine, statistics to be compiled, records kept, reports filed. And a new bucks to make for service rendered.

The French doc caught his eyes. "Hi, cap'n," he said brightly. "Heard you were heading this way. Anything I can be of help?"

"Nothing special. Just routine check, doc." Somchai suddenly realized that the adults were all males. A few children squatted on the floor, the hand-me-down clothes looked several zises too big on them. "No women? Where boat women?" A trace of surprise crept into his voice.

The doctor shook his head. The only woman coming from the boat was the seventy two year old lady lying on that cot in the corner. He'd seen the report, the doctor said. The rest of the women and young girls, twenty nine in all, had been taken away by pirates near Kra island. They were as good as gone. Several men had been thrown overboard when they attempted to resist the pirates.

"No more children from boat? See half-half boy?"

Ah, there's a metisse kid all right. A 'gamin' of nine or ten. Half French, I should think. I let him sleep in my room."

"Yeah, half-half boy!" Somchai shouted with joy. "Son my friend nuke professor. Half-half American, doc!"

When the doctor returned with the boy, Somchai looked him over with the trained eyes of a cop. All was not lost. A little flesh-and-blood was indeed salvaged from the maelstrom of human misery with which Somchai the cop had nothing to do. Nice looking kid, though. East and West did meet somewhere on that young face. He didn't like the kid's eyes that looked a shade too wild — a vacant, faraway gaze that reached nowhere and communicated precious little.

"He's in shock, cap'n," the doctor pronounced somberly. "Go easy on him. He'd seen her mother raped on the damn boat."

Somchai had the script worked out by the time he took the boy to the father-son-reunion. No women arrived on boat VN T657, he re-

ported truthfully, but then he lied, assuring the professor not to worry. They were somewhere on Kra island. "I find you woman, I go Kra island."

"Can I come along?" the professor asked eagerly.

"Kra island off limit 'farang'. No can go, but me police no problem. Must have boat. Pilot. Cost money. Thousand dollar."

But money was no problem for the professor, who fished out the thousand bucks to cover the captain's expenses.

As they parted company Somchai said: "You take boy from camp tonight. No problem. Me captain Somchai fix night pass. Your boy is like my son, okay?"

"I'll repay you this debt someday, in a real way." The professor expressed a profusion of thanks, bowing deeply as if his own life had just been saved.

The pink dusk fled like a thief, pulling down the damp black-ink sheet of another night of sweating loins and sticky armpits. Somchai drove leisurely, feeling triumphant and light-hearted. The road lay dark and bare. Warm lights flickered from the houses that stood on stilts behind the palm grove. He thrust his face out of the car window and caught a blast of hot air. Where's that blessed rain that normally drenches the town this time of year? His mouth was parched and smelled like rotten shrimp sauce. Time for refreshment at long last. At the cafe he ordered a bottle of mekhong with plenty of ice. A waitress swung her broad hip at him. Somchai never felt so good like this. Another day and a thousand bucks fatter — and incredible feat. He eyed the girls. There was a new face among the seasoned pros. Quite young, fourteen, fifteen maybe. Pale skin, minimal makeup, legs slightly bowed, but so what? On the shy side perhaps, but surely he could teach the sweet young thing a trick or two on the mattress upstairs. He was getting tired of the barracudas with their loud mouths and frantic screwing. Style, youth, that's what he needs to complement the new-found wealth. Now the booze, the girls, but where's that fucking music? He banged his fists on the table.

The cafe owner went behind the counter and slid a cassette into the multi-deck machine. A cascade of strings and trumpets filled Somchai's ears. It was a cool rendering of the hit 'Songkhla Blues' he'd heard the night before. He liked it even more without the wailing vocals.

Somchai felt at peace with himself, in love with the world. I must do something good tonight, he thought aloud. Suddenly he remembered the deal he'd struck with the professor. Through the alcoholic haze he saw the wild eyes of the metisse boy staring at him from the bottom of his glass. Somchai jumped out of his chair, shouted to the cafe owner to keep an eye on his almost empty bottle of Mekhong and dashed for the battered Corolla. He drove like a mad man. The refugee camp was dead quiet as a graveyard. Here comes Somchai King of the Camp. Lights turned on. Doors swung open. Orders barked. Papers shuffled. As the boy was still wiping sleep off his eyes, Somchai picked him up like a prized trophy. Sorry about your mother, half-half kid, but the nuke professor with long neck will take care of you from now on. Tonight you sleep at Songkhla's air cooled palace. Ha, ha!

But the boy didn't once looked at him and kept making strange noises in his throat on the short ride to the hotel.

Somchai spent the night with the young girl. A few days later he developed a terrible sore and went to the French doc for a cure. The doc squeezed the captain's shrunken cannon and announced he just had a heavy dose of the clap.■

Amsterdam, October 1995

TRIỂN LÃM
Tranh
NGUYÊN KHAI

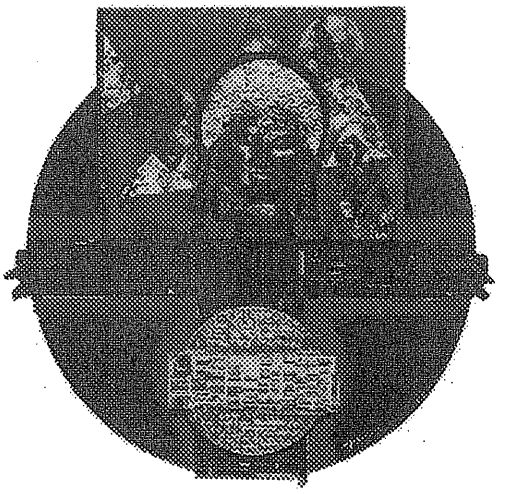

Từ 1 tháng Mười Hai 1995
đến 30 tháng Giêng 1996
tại TUSTIN RENAISSANCE
số 300 El Camino Real, Tustin, California
(714) 838-6140
Mở cửa: từ thứ Ba tới thứ Bẩy.

THƠM NHƯ MÚI MÍT

NGUYỄN VĂN BA

Nhân dịp viếng thủ đô Paris, Pháp quốc, cuối năm 1992, tôi được anh Khai kể cho nghe một câu chuyện khá lý thú.

Anh Khai là một kỹ sư canh nông, đã từng được Bộ Nông nghiệp nước Pháp cử đi công tác tại các quốc gia Phi Châu một thời có ít nhiều liên hệ với Pháp như Congo, Morocco, Mali, Senegal, Chad, Algeria, Cameroon, Tunisia, Nigeria... Anh không thấy, đúng hơn là không để ý đến cây mít. Người Phi Châu không trồng mít, cũng không ăn mít, dù vùng đất này khí hậu nóng, có thể trồng nhiều loại cây ăn trái nhiệt đới. Thời kỳ thuộc địa, giới chủ nhân ông của các nước này đã cho du nhập nhiều thảo mộc xứ nóng có giá trị kinh tế như cam, quít, bông vải... nhưng trong số đó không có cây mít.

Cho tới lúc công tác ở thủ đô Libreville, nước Gabon, anh Khai mới thấy mít. Một hôm, tại nhà hàng Việt Nam độc nhất ở đây, sau bữa ăn, người chủ tiệm mang ra bàn một đĩa mít ráo làm món tráng miệng, với lời phụ đề:

"Của hiếm là của quý. Mời anh tự nhiên xơi."

Anh Khai chưa vội ăn, anh chậm rãi quan sát những múi mít vàng óng ả, mọng nước, ráo hoảnh, một đầu múi còn mang dấu vết dao mới cắt để loại bỏ hột. Anh hỏi người chủ nhà hàng:

"Thật vô cùng quý hóa. Mít này ở đâu anh có?"

"Anh Bảnh đem cho hồi sáng."

Anh Khai từ từ thưởng thức những múi mít vừa thơm vừa ngọt, lại được ướp lạnh, một cách ngon lành, khoái trá. Ngon quá là ngon! Chưa bao giờ anh được ăn một bữa mít ngon như vậy. Sau mười lăm năm xa xứ, đây là lần đầu tiên anh gặp lại mít, như một người bạn cố tri. Sau bữa ăn ở nhà hàng, anh Khai tìm đến nhà anh Bảnh, một đồng hương từ Pháp đến đây làm việc trong lãnh vực ngân hàng, để viếng thăm, nhân tiện tìm hỏi về cây mít. Rồi mải mê nghe kể về công việc chuyên môn, về tài chánh, ngân hàng, anh Khai quên bẵng đi chuyện cây mít.

Trở về nhiệm sở mới là một trung tâm khảo cứu nông nghiệp, anh Khai để ý tìm cây mít trong vườn ươm cây của trung tâm cũng như ở hơn mười vườn ươm cây rải rác khắp nơi trong nước, nhưng không thấy.

Tọa lạc tại thủ đô, vì thế trung tâm khảo cứu có dịp tiếp đón các phái đoàn quốc tế đến thăm. Chương trình đón tiếp thường xuyên gồm có trang trí cổng vào trung tâm bằng lá dừa nước, tập dượt các bản nhạc, các vũ điệu dân tộc, trưng bày những loại cây ăn trái được trồng thí nghiệm tại trung tâm... Phần trình bày các loại cây ăn trái bằng mẫu vật sống và hình ảnh được sắp xếp dưới sự hướng dẫn của một khoa học gia người Pháp làm việc tại trung tâm. Anh Khai lưu ý phần trình bày này nhiều lần, nhưng tuyệt nhiên không thấy cây và trái mít. Mỗi lần có phái đoàn ngoại quốc đến viếng là trung tâm được một ngày vui. Nhưng ngày vui thường qua mau, nó báo hiệu bằng những tràng vỗ tay kéo dài và chấm dứt khi người nữ nhạc trưởng chìa tay nhận phong bì lì xì của khách.

Khoảng ba tháng sau ngày anh Khai tới làm việc tại trung tâm khảo cứu, vị khoa học gia người Pháp làm anh ngạc nhiên:

"Này ông bạn người Việt Nam, tôi có hai trái mít cho bạn."

"Cám ơn ông. Sao cả ba tháng nay tôi không thấy trái này?"

"Mới đầu mùa."

"Trồng nơi nào?"

"Trong vườn ươm cây của trung tâm, ngay sau lưng văn phòng của bạn."

Anh Khai ngạc nhiên lắm. Ông bạn Pháp kiều dẫn anh ra sau vườn, chỉ cây mít tơ thật xanh tốt, cây mít duy nhất của trung tâm.

"Cây mít trồng từ bao giờ?"

"Khoảng bảy năm. Người Gabon không biết ăn mít. Người Pháp ở đây cũng không thích. Tôi biết người Việt Nam ưa mít nên mang đến cho ông bạn. Từ đây trở về sau, khi cây mít này có trái chín thì bạn cứ tự tiện."

"Không ai ăn thì trồng để làm gì?"

"Để sưu tập và sau này nếu như có thị trường tiêu thụ thì vô hộp xuất cảng."

Anh Khai đem hai trái mít về nhà. Trái thứ nhứt xẻ làm hai, một nửa lấy từng múi ra, rửa với nước muối rồi cất trong tủ lạnh, anh vô ý liệng bỏ hết hột. Một nửa đem cho anh chị Lợi, một đồng hương làm việc tại địa phương, ngành công nghiệp biến chế nông phẩm. Trái thứ hai anh biếu ông bà chủ nhà hàng. Chủ nhà hàng cám ơn rối rít:

"Anh mới tới mà đã tìm ra mít, thật tài quá! Chúng tôi ở đây mười một năm mà chưa tìm thấy cây nào. Anh Bảnh nói kiếm được cây mít đầu

tiên và duy nhất ở ven quốc lộ, cách đây tới hai chục cây số. Chiều hôm ấy anh Khai mang dĩa mít trong tủ lạnh ra thưởng thức, ngon miệng quá nên anh bội thực, bị nặng bụng, phải nhờ thuốc Alka Seltzer trợ lực cái dạ dày."

Một ngày cuối tuần, anh Khai tới nhà anh chị Lợi, được cho ăn hột mít luộc và hột mít lùi trong than hồng, ngon đáo để. Anh Lợi đề nghị một chuyến du lịch bằng xe cách Libreville khoảng hai trăm cây số, với nhiều đồng hương trong vùng như các anh chị Bảnh, anh chị Bân làm việc ở trường đại học Luật khoa, anh chị Kiên ở Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Trong chuyến đi, mọi người đã tìm được hai cây mít, chừng mười tuổi, thật xanh tốt trồng cạnh bên nhau. Mọi người đã hái hết những trái non lẫn già mang về Libreville, trái non để nấu canh, trái già đóng cọc phơi nắng chờ chín, đồng thời dặn dò dân địa phương cẩn thận chăm sóc hai cây mít.

Khi trái mít thứ nhất của chuyến du lịch tỏa mùi thơm báo hiệu đã chín, mọi người được anh chị Lợi báo tin để tới thưởng thức. Trong bữa ăn, anh Khai để dành ít hột, đem về trồng ở sau nhà. Căn nhà anh Khai nằm ở trong cư xá, tài sản của trung tâm nghiên cứu, trên sườn một ngọn đồi, đất khô cằn, đầy sỏi đá. Mất nhiều công phu đào lỗ và xin đất phân từ vườn ương cây, anh Khai mới hoàn thành việc trồng mười lăm cây mít chung quanh nhà. Được nhân viên phục vụ trung tâm săn sóc kỹ lưỡng, mười lăm cây mít tươi tốt ngó thấy, ngoại trừ hai cây trồng trước nhà xe, mà anh Khai phát hiện có triệu chứng vàng lùn vì anh gác dan ban đêm làm biếng đi xa, đã tè ngay trên chúng. Anh Khai phải nhờ người thông dịch bảo anh gác dan đừng tè vô gốc hai cây mít con nữa bởi anh ta không biết tiếng Pháp. Từ đó tất cả mười lăm cây mít phát triển bình thường và mỗi buổi sáng anh Khai lấy làm vui khi quan sát chúng.

Mấy năm sau, những đồng hương ở Libreville lần lượt mãn khế ước làm việc, anh Khai đi Morocco, anh chị Lợi sang Cameroon, những người khác về Pháp, chỉ còn lại ông bà chủ nhà hàng. Trước ngày rời Gabon, anh Khai dặn ông bà chủ nhà hàng, ba bốn năm sau hãy đến nơi anh ở, mang mít về ăn.

Để kết thúc câu chuyện, anh Khai ứng khẩu một bài thơ, thơ rằng:

Nơi xứ lạ Ga-bon
Ngày tháng qua thật buồn
Được mời dĩa mít ráo
Như thấy lại cố hương.

*

Tôi tạm cư ở Gia Nã Đại đã hơn mười sáu năm, quốc gia này thuộc vùng hàn đới, không trồng được mít, nhưng tôi đã thấy một cây mít tơ không trái trong nhà kiếng của vườn thực vật (*Botanical Garden - Jardin Botanique*) tại thành phố Montréal, chung với cây khế, cây chuối... Tôi thấy trái xoài, trái vải, ổi xá lị, dừa xiêm, long nhãn, sầu riêng... cùng nhiều loại trái cây nhiệt đới khác được bày bán ngoài siêu thị, nhưng tuyệt nhiên không thấy trái mít. Tôi chưa du lịch Hạ Uy Di hay làm việc ở các quốc gia Phi Châu như hai anh Cửu và Khai nên chưa có cơ hội thưởng thức những múi mít tươi, dòn, thơm ngon mà hồi ở quê nhà tôi ưa thích. Không biết đến bao giờ mới du lịch Phi Châu hay Hạ Uy Di, thôi thì có cái gì, tạm dùng cái ấy. Tôi ra tiệm chạp phô trong vùng tìm mua mít đóng hộp, mít đông lạnh... ăn cho đỡ thèm, đỡ nhớ. Có khá nhiều loại. Và tôi đã bắt chước cụ Vương Hồng Sển, làm công việc của một nhà sưu tập, mỗi lần ăn, ghi ra chi tiết của mỗi thứ, xong tôi sắp xếp chúng thành các loại như sau:

— Mixed Preserves hay Sweet Mixed Fruit & Bean, gồm đậu đỏ, cái dừa nạo, mít, đậu trắng, cái lấy từ hột của một loại trái cây palm, nước đường...

Sản phẩm nói trên là món tráng miệng cổ truyền của người Phi Luật Tân. Đậu đỏ, đậu trắng để nguyên hột, múi mít chín vàng, cái dừa và palm (có thể là thốt lốt) trong suốt, sắp thành lớp, chồng chất lên nhau. Người Phi Luật Tân dùng món này ướp lạnh, hay ăn với nước đá bào có thêm sữa đặc, như ta ăn chè thạch hay nước đá đậu đỏ bánh lọt với nước cốt dừa. Mùi mít không còn đậm đà.

— Jelly Dessert With Jack Fruit, gồm có nước đường, mít để nguyên múi nằm trong chất sánh đặc gelatin, loại này tương tợ món Sweet Mixed Fruit & Bean vừa kể, hương vị mít có phần đậm đà hơn.

— Jack Fruit in syrup hay Jackfruit gồm các múi mít chín vàng ngâm nước đường. Hai loại vừa kể cũng là món ăn tráng miệng, món ăn chơi, chúng tôi dùng riêng hay chung với icecream, pudding, trái dâu tây, chuối... để nguyên hay ướp lạnh.

— Young Green Jackfruit hay Green Jackfruit Export ở Bangkok, Thái Lan, gồm có múi, xơ và cùi mít non xắt lát, bỏ lớp vỏ màu lục, bỏ hột, ngâm với dung dịch nước muối.

Các loại mít non vừa kể, nhà tôi đã làm các món mặn như nấu canh thịt heo, xào và kho với thịt gà, tôm, mực... Các bà, các chị ở Hội Phật giáo thì làm các món chay như xào sả ớt, nấu canh, xào với đậu hủ, kho tương, hầm dừa, chiên dòn, deep fry...

Một người láng giềng của tôi, dân Philippines, kho, xào, nấu canh mít non với các loại cá biển như cá thu, cá mòi... rất thành thạo. Tôi có thử các món ăn này, nhưng tanh quá, nuốt không trôi. Người Philippines sống giữa đại dương nên ăn đồ biển rất giỏi, tôi đã chứng kiến họ ăn rong

biển sống thay cho cải xà lách của ta, tôi chịu thua họ, cố gắng thử, nhưng không tài nào nuốt được.

Quê tôi thuộc tỉnh Sa Đéc, một địa vực nhỏ trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi cây mít được trồng khắp cùng, rải rác chung quanh nhà, dựa bờ nước hay trong vườn cây ăn trái, xen kẽ với các thảo mộc khác. Hai loại thường thấy là mít nghệ và mít ướt. Sau này, khi có dịp đi về miền Đông Nam phần tôi gặp thêm nhiều loại nữa, trồng hay mọc hoang, như mít rừng, mít Tố nữ... nhất là ở đoạn ngã ba Dầu Giây, trên đường từ Sài Gòn ra miền Trung.

Thuở nhỏ tôi thường đi chơi chung với anh Sáu Bành, con người cô thứ năm. Anh Bành có tiếng rắn mắt trong làng. Gọi là anh theo vai vế, chớ thật ra về tuổi tác chúng tôi ngang nhau, cùng học một lớp ở trường tiểu học địa phương. Nhà anh Sáu Bành có nuôi mấy con trâu, nên sau giờ học, ngày cuối tuần hay ngày lễ anh thường phụ cô dượng Năm thả trâu ra đồng, cho chúng ăn cỏ.

Anh Sáu Bành rất thương mến tôi, có món gì, dù ngon, lạ, hay tầm thường, anh cũng kêu tôi ăn chung cho có bạn, cho vui. Một hôm cùng cỡi trâu ra ruộng, anh dẫn tôi tới một đống rơm, mùi mít chín tỏa ra thoang thoảng. Anh moi ra một trái mít nghệ chín vàng. Hôm ấy, hai đứa ăn hết đâu chừng một góc tư trái, phần còn lại cho vào đống rơm, hôm sau ăn tiếp tục. Ăn tới trái mít thứ ba cùng với hai buồng chuối cau, trong bụng tôi nảy sinh một nghi vấn, nếu mít của vườn nhà cô dượng Năm thì tại sao anh Sáu Bành lại giú ngoài đống rơm và ăn một cách lén lút như vậy. Tôi hỏi, anh Sáu Bành trả lời:

"Giú trái cây trong đống rơm ngoài ruộng tiện lợi hơn, đã không choán chỗ, lại nhờ sức nóng tự nhiên của ánh nắng mặt trời, không cần phải dùng than đước hay khí đá như khi giú trong lu, trong khạp."

Anh trả lời câu hỏi không trọn vẹn, có vẻ như né tránh phần còn lại. Tôi hỏi thêm cho rõ ràng:

"Ba trái mít và hai buồng chuối cau ở đâu anh có?"

Anh cười, lấp lửng:

"Ở đâu thì có ăn thôi, mầy thắc mắc làm gì!"

Mãi gần hai tháng sau, thắc mắc của tôi mới được giải đáp thỏa đáng. Trong làng có ngôi vườn của ông Xã Bảy, cựu hương hào thời Pháp thuộc. Vườn rộng hơn sáu mẫu tây, trồng đủ thứ trái cây. Bởi vườn rộng và đã nhiều lần mất cắp trái cây trong quá khứ, ông Xã Bảy loan truyền, một lần bắt được chín mười lần không, hễ ông bắt được kẻ trộm, dù người lớn hay con nít, trộm ít hay nhiều, đều phải cúng một con heo.

Hôm ấy, có lẽ nhằm ngày hạn, giờ xui của anh Sáu Bành, anh bị thằng Lư, con ông Xã Bảy bắt tại trận khi đang ôm trái mít từ vườn ông lội ngang qua mương, trên đường ra ruộng. Nghe kể lại, anh Sáu rất ranh mãnh, thả trâu ăn chỗ này, làm kế dương đông kích tây, bẻ mít chỗ khác, lại nhằm giờ cơm chiều, chắc mẻm không có ai ngoài vườn. Nhưng con người tính toán không qua được số trời, thằng Lư chột bụng, ra vườn kiếm chỗ trút bầu tâm sự, nên mới tình cờ bắt gặp anh.

Cô dượng Năm phải đem một con heo trắng đến vườn ông Xã Bảy cúng tế theo đúng lễ nghi thời đó. Cúng xong thì đem heo về ăn, không mất mát miếng thịt nào cho ông Xã Bảy, nhưng cái tiếng con mình ăn trộm trái cây vườn người là sự nhục nhã lâu dài với xóm làng. Dĩ nhiên anh Sáu Bành bị một trận đòn nên thân, phần tôi, cũng bị ba má hạch hỏi, răn đe đủ điều, nào là gần mực thì đen gần đèn thì sáng, đi chơi chung thì cũng có ngày ảnh hưởng, nào là vườn nhà không thiếu trái cây, đâu đến đỗi phải ăn cắp của người, nào chắc đã biết mà bao che, không nói, từ nay không được tùng tam tụ ngũ đi phá làng, phá xóm, tụ tập đi làm bậy...

Tôi và anh Sáu Bành học cùng lớp nhì trường làng với thầy Hên. Thầy Hên trừng phạt học trò bằng nhiều phương cách khác nhau, trong đó có màn khá ngoạn mục là quỳ xơ mít. Vỏ trái mít thầy bắt học trò đem vô trường, phơi nắng mấy ngày cho khô, gai trở nên nhọn và cứng, quỳ mới đau, mới rát và thấm thía. Đứa nào không thuộc bài, làm toán trật, viết chánh tả nhiều lỗi... thầy bắt xăn quần lên khỏi đầu gối, để da trần quỳ xơ mít. Thời gian quỳ trung bình là nửa giờ, nhưng có hôm thầy say rượu hoặc quên lửng đến giờ ra chơi hay giờ tan học, báo hại đầu gối mấy đứa học trò bị phạt ngày hôm đó bị gai mít đâm đến rướm máu, chân thì tê đến mấy giờ đồng hồ sau mới hết. Ban đầu thầy Hên bắt trò quỳ bên ngoài cửa lớp để xấu hổ với người qua kẻ lại, nhưng một hôm thầy Hên bắt gặp anh Bành lén rút xơ mít ra khỏi đầu gối lúc thầy bận việc trong lớp, thầy nổi giận, nện anh Bành mấy roi mây và từ đó về sau học trò bị phạt quỳ gối bên trong lớp học, ngay cạnh bàn viết của thầy.

Trong lớp nhì năm ấy có trò Liêm rất mau nước mắt, lại khóc dai, khóc nhề nhệ như trời đổ mưa dầm. Ai đụng tới mình một chút là khóc ngay, bởi lẽ ấy trò Liêm thường bị bạn bè trêu ghẹo bằng hỗn danh "Liêm mít ướt" hay "mít ướt xước cùi." Cho tới hôm nay tôi vẫn chưa hiểu nghĩa chữ "mít ướt xước cùi," đúng ra phải là "mít ướt sút cùi."

Ngay sau lưng nhà tôi, cách một cái mương nhỏ, là nhà bác Tám Hoài. Sân trước nhà bác Tám Hoài có trồng một cây mít ướt đã trên mười lăm tuổi. Bác Tám nhiều lần kêu gọi học trò chúng tôi đến ăn mít ướt, đó là vào những hôm có mít chín, sút cùi rụng xuống, làm thành một đống chèm nhẹp trên mặt đất, ngó lên cành còn

thấy trơ ra cuống và cùi. Mít ướt chín cây như vậy rất thơm, nhưng nhão nhẹt, ăn không ngon bởi đã mất tính dòn. Để ngăn ngừa mít ướt sút cùi, rụng xuống đất, bác Tám nhân dịp đó nhờ lũ trẻ leo lên cây hái xuống những trái mít già. Bác dùng dao dạt mặt trái mít, đợi hồi lâu cho chất mủ màu trắng đục, dính như nhựa, chảy bớt phần nào rồi đóng một cây cọc (nõ) sâu vào cùi mít. Mít đóng cọc được phơi nắng, một thời gian ngắn sau sẽ tỏa mùi thơm, lúc ấy mít đã chín, có thể ăn được.

Xin nói thêm, chỉ có mít ướt bị sút cùi, còn mít nghệ vẫn giữ nguyên cùi khi chín.

Trong bài Quả Mít, bà Hồ Xuân Hương đã ví von trái mít như thân phận người phụ nữ. Ở đây tôi không đề cập đến sự điêu luyện, dí dỏm, thanh mà tục, tục mà thanh trong thơ Hồ Xuân Hương mà mọi người Việt Nam đều biết, tôi chỉ muốn nói bài "Quả Mít" có nội dung rất xác thật, phù hợp với những điều tôi đã quan sát được.

Quả Mít

Thân em như quả mít trên cây,
Da nó xù xì, múi nó dầy.
Quân tử có yêu thì đóng cọc,
Xin đừng mân mó nhựa ra tay.

Tôi hỏi một người bạn thân, anh Lương Văn Khải, với cương vị một y khoa bác sĩ, chuyên khoa phụ nữ (sản phụ khoa), anh nghĩ thế nào về bài thơ Quả Mít của bà Hồ Xuân Hương.

Khải nói rằng bà Hồ Xuân Hương so sánh người phụ nữ như trái mít rất chí lý, đó là những phụ nữ trẻ tuổi và khỏe mạnh. Phụ nữ bước vào tuổi trung niên, gần tắt kinh hoặc vì lý do ngừa thai cai đẻ hay sức khỏe phải cột hoặc cắt buồng trứng thì không còn "nhựa ra tay" hay "múi nó dầy" nữa. Lý do thiếu "nhựa ra tay" vì kích thích tố của phái nữ là estrogen không còn được buồng trứng tiết ra đầy đủ, đưa đến tình trạng tính tình trở nên gắt gỏng, không còn đáng yêu nữa. Các phụ nữ này cần phải uống thêm estrogen với liều lượng nhỏ.

Chuyện thơ văn làm sống dậy trong tôi một hồi ức. Một hôm ba tôi lấy phấn trắng viết lên tấm vách bổ kho bên hông nhà, bằng cây dầu, mấy câu sau:

Râu tôm nấu với cuống bầu
Vợ chan, chồng húp, gật đầu khen ngon.

Ba ưng ý hai câu này lắm lắm. Khoe với vợ con, rồi khoe với bạn bè. Cách giải thích của ba được nhiều ông bạn biểu đồng tình, hưởng ứng khen hay, bởi vợ chồng thuận thảo thì thức ăn dở mấy cũng thành ngon, ngay cả như râu tôm và cuống bầu là thứ bỏ đi. Có ông bạn đề nghị ba sửa lại câu thứ hai cho rõ nghĩa hơn *"Vợ chồng hòa thuận, gật đầu khen ngon."* Nhưng ba không muốn sửa, một trong những lý do là vách cây dầu, không sơn, ăn nhiều phấn, ba lại viết quá đậm, khó chùi cho sạch.

Hai câu này nằm hiển hiện trên vách nhà trong nhiều năm liền, khiến tôi nhập tâm. Năm 1991, tôi đi Vancouver chơi, nhân dịp ghé thăm vợ chồng một người bạn làm chủ một nhà hàng, thấy quán lúc nào cũng đông khách, anh chị bận rộn không hở tay, tiền vô nườm nượp, tôi tức cảnh, bèn ứng khẩu mấy câu tương tợ để tặng họ:

Phở tái với lại chả giò
Chồng bưng, vợ nấu, tiền vô bầy bầy.

Hai câu thơ của ba tôi, tạm gọi là thơ, thơ con cóc, trở thành tài sản chung của phe mấy ông trong xóm. Nó vô tai má tôi rồi chuyển đến tai mấy bà trong vùng. Có hôm tôi nghe mấy bà xầm xì, bàn bạc với nhau, đại ý họ nói "mấy ông bày đặt làm thơ để tuyên truyền vợ chồng hòa thuận, gia đình đầm ấm, thực tế mấy ông chủ trương chồng chúa vợ tôi, lại rượu chè, cờ bạc, đèo bồng phòng nhì, phòng ba... Đọc kỹ hai câu thơ trên là thấy ngay sự bất công, người vợ nấu canh râu tôm chớ ai, rồi cũng chính người vợ phục vụ chồng, chạn canh cho chồng húp, tại sao không là chồng chan, vợ húp?" Rồi mấy bà bảo nhau tìm cho được những câu hay hơn, ác liệt hơn, thâm trầm hơn... để đối chọi với các ông. Thế là mấy ngày sau, tôi thấy xuất hiện ngay bên trên bốn câu khác:

Còn duyên bán bưởi bán bồng
Hết duyên bán mít cho chồng cạp xơ
Cạp xơ rồi lại gậm cùi
Còn ba hột mít đem lùi cho con.

Bốn câu này dĩ nhiên là hay, là đậm đà, ý nghĩa, ác liệt... hơn hai câu trước đó. Mấy ông phải chào thua, bởi nó mô tả sự đầm ấm trong gia đình cao hơn một cấp. Người đàn bà nay không còn xinh đẹp, duyên dáng như xưa vì đã có chồng, có con, phải bán buôn tần tảo, đi chợ sớm, ngồi chợ trưa để lo cho chồng con.

Những múi mít thơm ngon thì bán cho khách hàng, chồng phải cạp xơ, xơ không đủ no nên phải gậm thêm cùi, còn con thì ăn hột mít lùi trong đống than. Vậy mà vợ, chồng, con cái họ đã vui vẻ hú hí với nhau, tự bằng lòng với cuộc sống thanh bần. Thật cảm động và tội nghiệp! Cái đau và tủi nhục của mấy ông là người chồng trong câu chuyện không làm ra tiền, vô dụng, ngày ngày chờ gậm xơ mít của vợ.

Xơ mít là các múi mít không trương nở, phù mập nên không ngọt, không ngon, nhưng đói quá thì ăn cũng đỡ thèm, đỡ ngặt. Thế nên người bình dân có câu nói lái *"Quýt xơ măng giống sứa, lạ rôi, ót măn bông sên* — Quăng xơ mít giữa sông, lội ra, ăn mót bên sông" để nói có người đã liệng bỏ xơ mít, rồi tiếc của, lội theo ăn mót.

Ngoài các công dụng thông thường, bác Sáu tôi còn dùng múi mít để làm một thứ rượu khá đặc biệt. Bác nướng những múi mít chín vàng

trên than hồng đến vừa cháy xém, để nguội, rồi ngâm với rượu nếp tinh chất. Cần nhậu, có thể mang rượu ra uống trong thời gian từ một tuần lễ đến mười ngày. Nhưng uống như vậy không thưởng thức được cái cay nồng, cái dịu ngọt của hỗn hợp hài hòa mít-rượu nếp. Đợi ba tháng sau hãy đem rượu ra uống, màu rượu vàng tươi, đặc kẹo nước mật mít, lại trong vắt, mùi rượu thơm tho, hương vị đậm đà vô tả. Rượu Hennessy cổ đen, búa đồng không thể so bì, bởi trái nho miền ôn đới đâu thể sánh với trái mít của vùng nhiệt đới chói chang nắng ấm. Phải để rượu Hennessy VSOP đến hai mươi, ba mươi năm sau, khi nút chai mục nát, thì mới có được cái hương vị độc đáo ấy.

Đã nói chuyện múi và xơ, nay xin nói chuyện cái hột mít. Hột mít luộc và hột mít lùi tro là hai món ăn bình dân của trẻ con nông thôn, tôi đã thưởng thức nhiều lần, một cách say sưa, thích thú, bởi hai món này chẳng những thơm mà còn bùi và béo, kích thích vị giác, đã ăn một lần thì muốn ăn mãi như bị ghiền. Còn nhớ hôm đó ngoài trời mưa to gió lớn, trong cái không khí lành lạnh ấy, tôi và người anh bà con chú bác ngồi cạnh bếp lửa, lùi từng hột mít vào đống tro. Khi có tiếng nổ "bốc" là biết hột mít đã chín tới, có thể gắp ra khỏi đống tro để ăn. Chúng tôi ăn liên tục, hột này rồi hột khác, ăn quên thôi, mưa vẫn tiếp tục đổ như cầm chỉnh bên ngoài, một lúc sau người anh đánh rấm liên tiếp mấy cái và anh buộc miệng nói:

"Hột mít lùi tro, ăn no té đ..."

Cái hột mít đi vào tuổi thơ của chúng tôi một cách ngẫu nhiên từ đó. Sau này tôi có nghe người ta đố nhau về hai loại mít tên đặc và đọt, có lẽ cũng từ việc ăn hột mít mà ra. Hồi ấy, tôi tưởng ăn hột mít lùi tro khi trời lạnh mới bị sình bụng, về sau tôi biết ra dù trời lạnh hoặc nóng, hột mít lùi tro hay luộc đều có tác dụng giống nhau. Căn nguyên là trong hột mít, ngoài 70% tinh bột, 5.2% chất đạm, 0.62% chất béo, 1.4% muối khoáng... còn có một lượng rất nhỏ chất men ức chế hoạt động của dịch tiêu hóa trong ruột, gây đầy hơi, sình bụng.

Không mấy người miền Nam biết ăn cùi mít, dù là rất lớn như của mít nghệ hay nhỏ như mít Tố nữ. Nhân dịp tới nhà một bằng hữu người Bắc, gia đình anh thiên di vào Nam từ trước năm 1954, tôi thấy chị đang kho cá đối với cùi mít,

NGUYÊN PHƯƠNG

VÔ NGHĨA

Gọi cho em,
giả vờ nói những lời đầy ý nghĩa
của ngày và đêm
trò chơi nhân thế.

Gọi cho em,
nói về nắng mưa
của trời.
Nói về ngày xưa
nước sông lên
hắt gợn vàng
run trên bãi.

Ta,
kẻ chưa hề chiến bại.
Tập thua cuộc từ đầu,
tập nghẹn ngào
chờ gió.

Ta,
hồn cho cả nhân gian ở trọ.
Muốn tặng em mái tây,
Xấu hổ,
bởi lòng ích kỷ.

Tưởng không còn đau nữa những nốt thứ ngày xưa,
Tưởng thơ không còn lửa bờ môi những ngày mưa.

Em là cơn điên lạ,
đến đùa chơi.
Một đường mây xanh trời,
mùa hạ.

Ta nhốt em vào kinh đêm buồn tiếng niệm,
Giọt nước mắt đen đan hương
trầm
cổ kính.

Kiếp này không gặp nhau
ngàn sau không hề gặp.
Nói những lời Vô Thường.
Nói những lời Không Nghĩa.

6/95

hỏi ra, chị cho biết đã từng kho cá linh với khóm, cá mè vinh với mía... nhưng cá kho với cùi mít là tuyệt cú mèo, là vô địch. Hôm đó, tôi được mời ở lại dùng bữa, và thấy anh chị bạn đã rất có lý. Theo thực vật học, cây mít, tiếng Anh Jack-tree, tiếng Pháp Jacquier, thuộc họ dâu tằm *(Moraceae)* cùng giống *Artocarpus* với cây sa kê và chay. Sách Cây Cỏ Việt Nam của giáo sư Phạm Hoàng Hộ liệt kê khoảng một tá loại mít như mít Tố nữ, mít rừng, mít nài, mít chay, mít lá an tức... trùng hợp với câu ca dao *"Mít mật, mít gai, mười hai thứ mít."* Thân là đại mộc, có thể cao đến 50 mét như mít rừng, thấp khoảng năm mét ở trường hợp mít Tố nữ, có mủ trắng.

Phát hoa là những dái tròn, dái đực tương đối dài hơn dái cái. Dái là một gié lớn mang nhiều hoa có đài, không vành. Sau khi thụ tinh, mỗi tâm bì cho ra một hột mít và bao mỏng chung quanh, đó mới thật là một trái mít, loại bế quả. Mỗi múi mít mà ta ăn là do đài hoa phình to ra, hay một giả quả. "Trái mít" mà ta thường gọi, có khi lớn một người ôm không giáp, gồm nhiều múi mít, là một giả quả kép. Về cấu tạo, giả quả kép này giống như trái cây phi lao (thông biển). Gỗ mít là loại gỗ quý, màu vàng, ít bị mối, mọt, đắc dụng để làm vật dụng trong nhà. Đông y dạy lấy gỗ mít làm thuốc an thần, trị bệnh cao áp suất máu, chữa chứng co quắp. Lấy gỗ mít mài lên những chỗ nhám như khu chén, khu tô, có thêm ít nước. Nước sẽ vẩn đục do chất gỗ và chất nhựa từ thân cây mít. Uống thứ nước đục này mỗi ngày từ 10g gỗ mài ra.

Giới nông dân hay dùng dái mít đực mài ra lấy nước uống để trị các chứng bệnh về đường tiêu hóa.

Từ đầu bài viết đến giờ, tôi chưa đề cập đến công dụng của lá mít. Là loại lá đơn, không lông, rộng bản, mặt trên trơn láng. Dùng lá mít nấu nước uống làm thuốc lợi sữa cho sản phụ, mỗi ngày từ 30 đến 40g lá tươi. Đối với trâu, bò, heo, dê... cái, chỉ cần cho lá mít trực tiếp vào thức ăn sẽ thấy tăng sữa ngay. Lá mít còn chứa dược chất cho bộ phận tiêu hóa, giúp trị bệnh tiêu chảy, táo bón, sình bụng. Hồi tôi còn nhỏ, má tôi thỉnh thoảng có làm bánh lá mít, việc làm rất đơn giản và tôi đã tham gia một cách tích cực. Lá mít rửa sạch. Bột gạo pha một ít bột nếp cho dẻo, nhồi với nước, rồi nắn lên mặt trên, trơn láng của lá mít. Má và chị tôi nắn rất khéo, lớp bột trải đều và mỏng, lại vừa vặn với kích thước lá, không thiếu cũng không thừa. Trái lại, cái bánh do tôi làm thì chỗ dầy, chỗ mỏng, không ra hình thù gì cả. Ngồi nhồi bột, nắn bánh, chốc chốc tôi đưa tay sờ mó mặt mũi, áo quần, chỉ một lát sau bột dính khắp người, không ai còn nhận ra tôi nữa, má phải dẫn tôi đi rửa tay, thay quần áo. Vậy mà má không giận tôi phá phách, làm cho tôi vui, má khen bánh của tôi ngon "hết ý." Bánh không nhưn, hoặc nhưn đậu xanh trộn xác dừa khô, nhưn tôm, để trong hai lá mít xếp lại, hấp chừng vài chục phút, tới khi thấy bột trong là có thể đem ra ăn nóng với nước cốt dừa khô thắng lên trong chảo. Bánh nhưn tôm, nếu chấm với nước mắm chanh, tỏi, ớt... sẽ gia tăng khẩu vị rất nhiều. Liếm những cái lá mít dính nước cốt dừa beo béo cũng là một thú vị ở lớp tuổi ấu thơ!

Người dân nông thôn thời ấy hay nói "Thằng đó chữ viết không đầy lá mít mà làm tàng," hoặc "Con đó chữ nghĩa không đầy lá mít mà bày đặt lên mặt dạy đời." Rõ ràng là họ dùng kích thước của cái lá mít để nói về trình độ học vấn của một người. Đôi khi tôi thắc mắc vì lý do nào, bởi lá mít thuộc loại lá rộng, dù nó có hẹp hơn lá môn, sen, súng, bàng... nhưng còn rộng hơn nhiều thảo mộc khác như lá tre, lá liễu. Thắc mắc này tới nay tôi vẫn chưa tự giải đáp được, cũng như từ "mít ướt xước cùi" mà tôi đã nói đến bên trên.

*

Một trong những lý do thúc đẩy tôi viết về cây mít, trái mít là vì gần đây nhiều báo chí, báo khoa học lẫn báo phổ thông, đăng tải tin mít chữa trị được một chứng bệnh hiểm nghèo của nhân loại vào cuối thế kỷ 20: bệnh liệt kháng (AIDS, SIDA). Bệnh liệt kháng lần đầu tiên được phúc trình ở Hoa Kỳ vào năm 1981. Ngày nay nó hiện diện trên khắp thế giới, đặc biệt nguy cơ lan rộng tại Việt Nam do nạn mãi dâm được coi như là trầm trọng hơn các quốc gia khác.

Bệnh liệt kháng gây ra bởi cực vi khuẩn hay siêu khuẩn (dịch từ chữ virus, để phân biệt với bacteria là vi trùng) HIV (human immunodeficiency virus), làm suy nhược trầm trọng hệ thống miễn nhiễm của cơ thể con người. Khi xâm nhập cơ thể, HIV phá hủy các bạch huyết bào T (T lymphocytes), bức tường miễn nhiễm của cơ thể, và monocytes (bạch huyết bào đơn hạch dạng amib), có thể biến đổi hình dạng để bao lấy và tiêu hóa các vật lạ xuất hiện trong máu. Trung bình trong mỗi mili lít máu chứa khoảng 1,000 bạch huyết bào T và monocytes. Hai loại bạch huyết bào này có chung một đặc tính là mặt ngoài cấu tạo bởi những phân tử protein ký hiệu CD4 bị phá hủy bởi HIV đến mức trong mỗi mili lít máu chỉ còn 200, lúc ấy cơ thể bệnh nhân hoàn toàn yếu ớt, không còn khả năng chống cự các mầm bệnh, ngay cả đối với những vi trùng, vi khuẩn, cực vi khuẩn gây ra những bệnh rất tầm thường như cảm cúm, tiêu chảy... Nhiều bệnh nhân mắc chứng liệt kháng không còn ngay cả một số lượng nhỏ bạch huyết bào CD4 trong máu.

Để chống lại bệnh liệt kháng, các chuyên y, dược khoa đang tìm cách vô hiệu hóa hoạt động

của HIV.

Cách thứ nhất là ngăn trở sự xâm nhập của HIV. HIV cần có một môi trường thuận lợi để xâm nhập, đó là các bạch huyết bào CD4. Chất glycoprotein trên vỏ bọc HIV, ký hiệu gp120, sẽ dính vào những phân tử protein CD4 ngoài mặt bạch huyết bào. Dùng hóa chất biến đổi protein CD4 thành dạng dễ hòa tan, biến nó trở thành "trơ," để HIV không có chỗ bám vào. Nhóm hóa chất này thành công trong phòng thí nghiệm, nhưng khi đem áp dụng thì gặp nhiều khó khăn vì những tác động phụ.

Cách thứ hai là dùng các dược chất polycarboxylat, polysulfat để ngăn chận sự sinh trưởng của HIV ngay khi nó vừa mới xâm nhập bề mặt của bạch huyết bào CD4. Rất tiếc, các dược chất này lại có tác động nhiễu loạn sự đông máu và khó xác định liều lượng.

Cách thứ ba là dùng dược chất để ngăn cản sự sinh trưởng của HIV bên trong bạch huyết bào CD4. Cơ chế của phương cách này dựa cơ cấu của HIV, giống như các cực vi khuẩn khác, là một ribonucleic (RNA), nó cần được biến đổi ra dạng desoxyribonucleic acid (DNA) bởi tác nhân của một phân hóa tố (enzyme) tên ITE (inverse transcitase enzyme). Từ dạng DNA, HIV mới sinh trưởng (sinh sản phát triển và trưởng thành) ra HIV khác được. Những dược chất thuộc cách thứ ba có mục đích tác động trên những phân hóa tố làm biến đổi HIV từ dạng RNA sang DNA, ngăn cản sự sinh sôi nẩy nở của loại cực vi khuẩn này. Đó là những dược phẩm thường dùng hiện nay như AZT, DDI, DDC... để làm chậm tiến trình của bịnh liệt kháng. Nhược điểm của các dược phẩm này là rất độc, nó ngăn trở sự tổng hợp các DNA của HIV đồng thời ngăn trở sự tổng hợp các DNA có lợi cho cơ thể con người, ngoài ra HIV còn có khả năng quen thuốc, lờn thuốc.

Hóa chất ly trích từ hột trái mít có tên jacalin (phát xuất từ chữ jackfruit hay jacque), là một loại lectin (protein phức tạp), có tính liên kết với chất đường phân tử lớn (polysaccharid) và dính với các tế bào động vật. Từ hơn một thập niên gần đây, jacalin được ngành miễn dịch học chú ý vì ảnh hưởng của nó trên sự phân chia tế bào. Khoa học đã chứng minh jacalin có khả năng kích thích sự sinh sản các bạch huyết bào, nhất là loại T. Những khám phá mới đây cho thấy nó dính vào màng tế bào cũng như chất protein CD4 trên mặt các bạch huyết bào một cách dễ dàng. Như đã đề cập bên trên, chất glycoprotein của vỏ bọc HIV, ký hiệu gp120, dính chặt vào protein CD4 trên mặt bạch huyết bào T và monocytes, mở đường cho HIV xâm nhập vào bên trong để phá hoại các bạch huyết bào. Bây giờ nếu dùng chất jacalin, cùng đặc tính dính kết với CD4, lại dễ dàng hơn, thì có thể giành lấy ảnh hưởng của chất gp120, không cho HIV xâm nhập bạch huyết bào. Từ nguyên tắc trên, nhiều cuộc thí nghiệm đã tiến hành với jacalin, chất protein ly trích từ hột mít. Những kết quả khả quan đã dẫn tới kết luận là jacalin đình chỉ sự xâm nhập của HIV vào các bạch huyết bào. Tuy nhiên, về cơ cấu thì nguyên tắc trên không đứng vững, nghĩa là không có đủ bằng chứng rõ ràng, phải chờ thêm những nghiên cứu tỉ mỉ, tinh tường hơn. Trong phạm vi một bài viết phổ thông, tôi giới hạn phần tri thức khoa học ở đây.

Cho tới khi tôi bắt đầu viết bài này, tháng Ba, 1995, bệnh liệt kháng vẫn chưa có thuốc chữa dứt khoát. Những khảo cứu về chất jacalin trích từ nhiều loại hột mít khác nhau như mít thường, mít Tố nữ, mít rừng, chay... chỉ mới có kết quả trong phòng thí nghiệm, còn phải qua giai đoạn ứng dụng mới biết giá trị đích thực của nó. Dù sao đó cũng là một tin đáng mừng cho nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng, bởi đã có sẵn nguồn nguyên liệu — cây mít — dồi dào khi cần đến.

*

Khi viết bài này tôi hơi phân vân về cái tựa. Nên đặt cái tựa là gì. *Hột mít chữa được bệnh AIDS?* Khoa học và cập nhật hóa. *Mít ướt xước cùi? Quỳ xơ mít?* Để nhớ lại thuở học trò ở trường làng. *Trái mít nghệ trong đống rơm?* Một kỷ niệm với anh Sáu Bành con cô dượng Năm. Cuối cùng tôi chọn *"Thơm như múi mít"* để nhớ về một người bạn. Anh tên Hùng, một Trung úy Biệt Động Quân. Ngày Hùng còn mang cấp bực Thiếu úy, anh và Lệ, một học sinh lớp 12 trường Nữ Trung học Đoàn Thị Điểm, yêu nhau rất tha thiết. Lần nào nghỉ phép anh cũng đến trường đón nàng, sau đó đưa nhau dạo chơi khắp Tây Đô. Đó là một cuộc tình rất đẹp mà tôi có dịp chứng kiến. Cuộc tình nào cũng có hồi kết thúc. Hùng đưa gia đình đến nhà Lệ, xin cưới nàng. Ba má Lệ thách cưới một đôi bông hột xoàn bảy ly cùng nhiều nữ trang đắt tiền khác. Hùng than với tôi: Đại bác bảy mươi ly thì tao có chớ hột xoàn bảy ly thì tao đào đâu ra, tiền lính, tính liền, mầy biết rồi! Như đã có chủ đích trước, không đợi gia đình Hùng trả lời, ba má Lệ bắt nàng lên Sài Gòn học ngay sau đó, và chừng nửa năm sau gả nàng cho một dược sĩ.

Tình chỉ đẹp khi còn dang dở? Đối với Hùng không phải vậy! Từ đó anh thề không nghĩ đến chuyện hôn nhân. Mỗi lần đơn vị về hậu cứ anh không còn bỏ thì giờ theo đuổi con gái nhà lành. Tôi nhớ mãi câu nói của anh sau một chuyến tìm hoa: *"Em thơm như múi mít."* Bà Hồ Xuân Hương đã so sánh phụ nữ với "Quả Mít," Hùng ví von phụ nữ như múi mít, tôi nghe hay và thú vị lắm!■

tháng Chín, 95

EA SOLA với HẠN HÁN VÀ CƠN MƯA

MIÊNG

Mở màn có phông, cảnh núi mờ trong mây. Dưới chân núi hiện rõ một chiếc nón, như ma, bởi không có hình người, chỉ thấy lờ mờ một cái gì trăng trắng di động. Phản ứng của người xem là nổi da gà, vì cảm xúc chớ không phải vì sợ - cái xúc cảm tự nhiên của người nhận ra cái nón Việt Nam chớ không phải nón Thái Lan, Tàu hay Miến Điện.

Rồi cái nón lơ lửng ấy chầm chậm đi vô, âm thầm có ánh sáng đi kèm. Im lặng một phút rồi tiếng trống cái dìu dặt nổi lên, khi mạnh khi lơi. Hai bên cánh gà rất đông người từ từ tiến ra, cứ một vài bước lại dừng. Trong số đám đông lố nhố ấy, có những người mặc quần áo nhà quan. Khi đoàn người tiến hết ra giữa sân khấu thì khán giả mới nhìn rõ là có hai mươi sáu người bằng hình nộm do mười ba cụ mang ra (cụ thứ mười bốn thường xuất hiện đơn lẻ). Cho nên cũng trong đám đông lố nhố ấy, thật xúc động làm sao khi nhìn mười ba khuôn mặt chơn chất không phấn son, da sạm nắng, mắt long lanh điềm nhiên nhìn một cách vô tư xuống khán giả phần đông là ngoại quốc. Bây giờ thì ánh sáng sau núi rực lên màu vàng ngát của mặt trời xứ nóng. Tiếng hát từ hậu trường văng vẳng: ... !*Tổ tiên tôi mở cõi từ xưa* , thì các cụ nâng cao hình nộm lên, làm người xem nghe lành lạnh ở xương sống và hai mắt nặng trĩu cay cay.

Sau khúc hát sử khoảng vài chục câu thì đèn tắt, vũ công đi vào và phông núi cũng được kéo lên. Từ đây sân khấu do hai màu đen trắng ngự trị. Phông trong cùng màu trắng, tấm thản dưới chân loại đặc biệt để có thể tạo tiếng động cho các điệu múa, cũng màu trắng. Hai bên cánh gà màu đen. Màu sắc của sân khấu Nhật Bổn. Sân khấu trống vắng khô khan nhưng không gây cho người xem cảm giác khó chịu. Hai người hát chèo và ngâm thơ là Phạm Văn Mởn (diễn viên đoàn chèo Thái Bình, đóng vai Mặt trời) trong áo thụng gấm đen, và Thanh Hoài (diễn viên Nhà hát chèo trung ương, đóng vai Bà Mưa) trong áo thụng nhung đen và khăn vành đen (khăn vành đen! chưa bao giờ thấy, trừ khăn đóng của các ông). Tất cả tạo ra một vẻ trân trọng, nghiêm trang và giản dị đặc biệt.

Vũ công tiến ra, nón che úp không thấy mặt, áo bà ba trắng quần đen, chân đất, trên người khoác tấm ny lông trong.

Tiếng ngâm vọng ra :

Bà cúi lom khom tìm gì trong đất ?

Đất soi bà vạn vết chân chim...

Bà tìm gì? Chắc chắn không phải tìm những gì sót lại của nền văn minh vật chất trong những đống rác khổng lồ.

Chắc chắn cũng không phải bà tìm kiếm kho tàng của Công tước Monte-Cristo để một ngày nào đó phục thù. Vậy thì bà tìm gì, một nắm xương chồng hay con trai vùi thân nơi nào đó? Hay bà tìm gì, một củ khoai còn sót vùi trong đất hay hột gạo nằm sót trên đồng đem về nuôi cháu? Bà ơi, dẫu bà tìm gì, hình ảnh đầu cúi thấp, hai tay xới đất tìm kiếm âm thầm nhẫn nhục của bà cũng gây vô vàn xúc cảm.

Sau màn này, vũ công trở ra sân khấu không còn nón và áo mưa, tóc quấn khăn vành dây nhung đen. Đến đoạn ngâm Kiều :

Nghìn năm trên đất nước này

Quên sao được cánh cò bay la đà...

Thông thường khi nghe ngâm thơ, khán giả chỉ mong cho người ngâm dài hơi, càng ngân nga càng thích. Ấy thế mà người xem lần này chỉ mong sao người ngâm ngắn hơi đi một chút, bớt ngân nga đi một chút. Bởi lẽ giản dị là cứ hai câu thì các cụ mới đổi thế đứng một lần, mà có phải đứng bình thường đâu: các cụ chống một chân ra sau và ngửa hẳn người lên trời. Người xem chỉ lo, lỡ có cụ nào mỏi chân sụm xuống thì sao? Rồi có đoạn các cụ lại phải gục mặt chúc đầu xuống đất, hai tay buông thõng. Cái thế này ai mà bị bịnh chóng mặt áp huyết thấp thì chết! Ấy thế mà cụ nào cũng bình chân như vại!

Rồi sau bao nhiêu lần hết nắng tới mưa, hết mưa lại nắng, con người vì lẽ này lẽ khác chia ly xa cách nhau, người ta sống trong chờ đợi mỏi mòn rồi đi tìm nhau:

Phận người điêu đứng

Vẫn tấm thân sắt son đi tìm

Cái bóng hình...

Các cụ rút trong túi áo bà ba ra mỗi người một tấm hình chìa ra phía khán giả. Các cụ hỏi người đối diện với cái nhìn khẩn trương, van nài, tha thiết. Tôi muốn tìm người này này, hình nó đây, bà con có biết nó ở đâu không? Nếu biết thì làm ơn mách dùm. Tôi tìm nó muốn hụt hơi. Các

cụ nhắc đi nhắc lại động tác này nhiều lần, lúc nào cũng bức xúc như lúc nào.

Rồi (tìm mãi không ra), từ góc trái sân khấu, ánh đèn chiếu vào một cụ, cụ cười. Nụ cười trông mới hồn nhiên và giản dị làm sao! Tiếp theo là các cụ khác quay mặt lại phía khán giả, trên môi đã sắp sẵn nụ cười. Cái cười mà tổ tiên các cụ đã có trên môi từ bao thế kỷ, cái cười triết nhân, cái cười chấp nhận, cái cười mà thi sĩ thường gọi là "tiếng khóc khô." Người ta thấy những hàm răng đen giữa đôi môi không son, người ta thấy những cơ mặt giãn ra trên làn da không phấn. Một nụ cười kéo dài như vô tận, một nụ cười chất phác, đằm thắm, hiền lành, không đâu. Nụ cười không có bắt đầu và cũng không có hồi kết thúc. Các cụ cười, trong im lặng, thế thôi.

Rồi trong cuộc kiếm tìm gian truân vô vọng ấy, các cụ trở nên mù loà hay nhìn đời bằng đôi mắt khác. Khi các cụ quay lại phía khán giả lần nữa thì trên mắt mỗi người đã mang đôi kiếng đen. Các động tác được phô diễn một cách gãy gọn chính xác không thừa không thiếu. Người ta thấy từ sau lưng những cánh tay co lên và hạ xuống một cách kín đáo nhẹ nhàng, tuyệt không một cánh tay nào tách ra khỏi sườn.

Cuối cùng, mọi người cùng nằm xuống và ai cũng chú mắt vào một người còn múa. Khi tiếng trống dào dạt nổi lên thì các cụ khác đứng dậy với mái tóc đã xổ tung, gây một ngạc nhiên thích thú. Tóc ai cũng dài khỏi mông và có mái đầu đã bạc...

Đại khái vở múa là thế. Cái làm nổi bật ở đây là phải nhìn thấy tận mắt trên sân khấu ngoại quốc, những người đàn bà nông dân diễn tả kiếp sống của mình. Lần đầu tiên người ta thấy những vũ công là những bà già, trẻ nhất là 55 và già nhất là 76 tuổi. Những người mà ngoài giờ tập múa ra là về đi cấy. Vậy mà không phải là điệu múa bông, múa bóng, lên đồng, lại là điệu múa tân thời, nhạc kịch cơ! Cũng là lần đầu tiên người ta thấy những vũ công không bước đi bằng những đôi chân uốn éo hay những bờ vai làm duyên làm dáng. Ở đây là những đôi vai vô tư vẫn thường bắt gặp trên con đường làng và những đôi chân tất bật vẫn thường bước trên đê trên ruộng. Các cụ múa với hai bàn tay trần, không được phụ giúp bởi cánh quạt xoè hay cái mùi xoa hay cái nón. Không một nữ trang hay xiêm y hoá trang giúp sức, ở đây người múa chỉ có một tấm lòng chân thành được diễn ra trên thân hình quê mùa với đôi tay đồng áng. Lần đầu tiên người xem không thấy những đôi hài thêu hay những đôi giày cao gót, chỉ với những ngón chân Giao Chỉ bấm bước trên sình lầy và chắc suốt đời chưa hề biết mùi da thuộc. Cũng là lần đầu tiên người ta không nghe những cái tên rất kêu như Uyển Uyển, Diễm Diễm, Ngà Ngà, Ngọc Ngọc, mà là những cái tên rất "dân gian" của vùng châu thổ Sông Hồng như Trình Thị Ngăm, Ngô Thị Nhum, Ngô Thị Thớp, Bùi Thị Rược,...

Toàn thể điệu múa chỉ bằng những động tác đơn giản mộc mạc như các sinh hoạt hằng ngày đã diễn tả tất cả cái lặng lẽ, nhẫn nhục, tảo tần và hy sinh của người đàn bà. Chính trong điệu múa đã làm toát ra được những điều cao khiết ấy. Chính trong điệu múa đã dẫn ta về bờ ao góc ruộng, về với thiên nhiên. Chính điệu múa đã thể hiện lên cái gọi là bao nhiêu ngàn năm văn hiến của một dân tộc cần cù chịu đựng, chịu đựng từ cái khó khăn của cuộc sống hằng ngày, từ những khó khăn do tranh chấp giữa người với người, đến những khó khăn do thất thường của thiên nhiên đem lại. Chính điệu múa đã nhắc nhở ta những cái mà với tiến bộ kỹ thuật bây

HUỲNH LIỄU NGẠN

THƠ CUỐI NĂM

bến sông

em chở nắng về qua bến sông
mùa thu gió sớm thổi ngang lòng
chèo em khua nước cười róc rách
Huế trộn vào em cả má hồng

buổi chiều

cũng chiều rồi em nhỉ
mà nắng rớt qua song
em nghiêng vai giữn bóng
cho nhật nguyệt xoay vòng.

cuối năm

Chiều nay cuối tháng chạp rồi
mà mưa năm ngoái còn rơi trước nhà
em về nghiêng mái tóc qua
để tôi với giọt mưa sa ngút hồn.

giờ, con người có khuynh hướng quên đi: đó là sự gần gũi, sự giao cảm, sự tương thông cần thiết giữa con người với đất trời và vạn vật. Vào cái thời mà chương trình dự báo thời tiết là cái gì chưa thành thai, những kết hợp khoa học dù rất giản dị như giáo khoa thư rằng "nước từ sông ngòi ao hồ bốc lên thành mây, mây gặp lạnh đông lại thành mưa" cũng còn xa lạ, thì con người chỉ quen thuộc có ông trời. Nắng mãi không mưa cho mùa màng tươi tốt ư, thì ta cầu lạy xin trời tưới xuống cho ít nước!

Ea Sola đã đưa tiếng động lên sân khấu múa Việt Nam. Tiếng động đây tạo ra bằng những bàn chân cố ý bước ồn ào xao xát hơn để diễn tả một khoảnh khắc hỗn mang của trời đất, tiếng côn trùng, tiếng mưa, tiếng gió... và cả tiếng lòng!

Cũng trong phần âm thanh, khi trời mưa, ta nghe rõ ban đầu mưa thánh thót rơi từng hạt, rồi tuôn xối xả. Có cái, có thể là người viết bài này không nghe rõ lắm thì xin lỗi trước, nhưng tiếng mưa lúc mạnh thì hình như là rơi từ máng xối bằng tôn ? Mà cả khung cảnh và chủ đề bài múa là thôn dã ?

Ngoài ra, phần bộ gõ với tiếng trống đại, trống chầu, chập chõa, mõ... đã đóng vai trò chính và tuyệt vời trong âm thanh của Hạn Hán Và Cơn Mưa. Tiếng gió vuốt ve hay giận dữ, tiếng côn trùng nỉ non hay táo tác, phô diễn lòng người nông dân quyết cấy cày trong cơn hạn hán... đã được diễn tả một cách điêu luyện qua sinh tiền, phách, tang trống... tất cả đều truyền đạt đến khán giả một cảm giác sống động và hoà nhập vào khung cảnh.

Cuối cùng, sau một giờ mười lăm phút diễn, cả đoàn từ đạo diễn đến vũ công, người hát và ban nhạc... nhận hơn năm phút vỗ tay nồng nhiệt của khán thính giả. Lúc đó thì mới nhận ra người ba lần xuất hiện từ góc trái sân khấu, hai tay hứng mưa, đi chầm chậm vào góc phải bên trong, với vẻ cô đơn trong chiếc áo tứ thân màu dưa cải muối, áo lót màu rượu chát (đó là những màu sắc duy nhất) là Ea Sola — một nữ đạo diễn trẻ đẹp đã làm xúc động khán giả Âu Châu và làm rạng danh cho nền nghệ thuật Việt Nam nói riêng và cho dân Việt nói chung.

Nhưng Ea Sola là ai ?

Tên đầy đủ của người con gái ấy là Nguyễn Thủy Ea Sola. Ea, tiếng Ê-đê là dòng nước; chị sinh ra và lớn lên ở Lâm Đồng. Tôi không rõ Sola ngữ nguyên là gì, ta có thể đọc trong đó cái ý mặt trời, ánh nắng. Cái tên tiền định cho chủ đề Nước và Mặt trời của vở múa. Cha (người Việt) và mẹ (gốc Hung, Ba Lan và Do Thái) gặp nhau ở Pháp khi cha du học. Theo mẹ sang Pháp, Ea sống tự lập, theo nghĩa bóng và cả nghĩa đen: trên hè đường Paris, có lần Ea Sola đã đứng một mình, đứng im suốt bảy giờ đồng hồ. *Đứng im như để gào thét bằng thân thể của mình. (...) Chị không biểu diễn, nhưng người qua đường coi là chị biểu diễn, và ném tiền tán thưởng! Cuối thập niên 70 là nhà kịch múa Forge Royale, là trường phái múa* buto *của nghệ sĩ Nhật Tanaka Min, rồi khoá đào tạo ở Trung tâm Mỹ (Paris), rồi với Grotowski ở Ý.*

Mấy dòng sơ lược về con đường nghệ thuật của Ea Sola là cần thiết, để bạn đọc biết rằng Hạn Hán Và Cơn Mưa là một vở múa hiện đại, chứ không phải là một chương trình múa dân tộc cải biên! *của một đoàn Bông Sen.(...)*[trích Kiến Văn, báo *Diễn Đàn*, số 45 tháng 10-1995]

Hạn Hán Và Cơn Mưa do thi sĩ Nguyễn Duy sắp đặt lời thơ và bậc thầy về đánh trống chèo cổ Đỗ Tùng phụ trách chính về phần nhạc cụ.

Hạn Hán Và Cơn Mưa đã được trình diễn tại Bỉ ba ngày 25, 26, và 27 tháng Năm; tại Đức hai ngày 30 và 31 tháng Năm; và tại Paris trong sáu ngày, từ ngày 8 đến ngày 13 tháng Mười Một 1995 trong chương trình Nghệ thuật mùa thu tại trung tâm văn hoá Georges Pompidou.

Trong khuôn khổ bài báo, xin được phép miễn trích những lời ca tụng của báo chí ba nước này cũng như báo chí Việt Nam.■

Paris, 18 Nov. 1995.

HOÀNG XUÂN SƠN

BÓNG

Nhắm mắt điện, nến tắt
ngầm
lạc em mười sáu
đi nhầm hướng quê
buổi thì
quần áo rách toe
gió tươm tướp bổ
hai bè nhũ
thâm
thuyền trôi
một lá khô bầm
ngất ngơ bọ mạ
từ trăm năm hài
cháy vèo
nhang khói
tuổi mai
đèn tắt nến lụi
lay hoài bóng
âm.

NHÌN NGƯỜI, NHÌN HOA, NÚI NHÌN

PHAN ĐỖ QUYÊN

Nhìn người

Anh ơi, hôm nay em viết cho anh nghe về cái nhìn: nhìn người, nhìn hoa và núi nhìn. Nhìn người, em học từ Michael White. Nhìn hoa, em học từ Tô Thùy Yên. Núi nhìn, em học từ cuốn Chứng Đạo Ca của thiền sư Nhật Bản Yoka Daishi.

Có những cái nhìn biến con người thành tượng đá, thành đồ vật. Có những cái nhìn tôn kính con người và có sức mạnh cứu rỗi. Em còn nhớ khoảng năm 1981, em đưa con gái, lúc ấy bốn tuổi, đi một bệnh viện công ở Paris chữa bệnh dị ứng về da gọi là eczéma. Sau khi ngồi chờ hai giờ đồng hồ thì được vào gặp bác sĩ với ba người sinh viên y khoa đang học thực tập. Trời mùa đông rất lạnh, cháu bị bắt cởi áo quần, đứng co ro, run lập cập, tuy căn phòng cũng có sưởi. Không một lời đả động tới hai mẹ con, ông bác sĩ già chỉ trỏ các vết mụn trên da cháu, giảng nghĩa dài dòng bằng những từ chuyên môn mà em không hiểu, có lúc còn hứng chí đọc thơ và cười giễu với đám học trò. Rồi bọn sinh viên bắt cháu quay phía này, quay phía kia, nhìn, sờ, phê bình, đặt câu hỏi. Em có cảm tưởng như cháu là một con vật thí nghiệm dưới con mắt lạnh lùng của khoa học và đám bác sĩ sinh viên kia coi mẹ con em như con số không. Sau khi khám xong, họ tiếp tục bàn thảo dông dài về các chứng bệnh da và vẫn không có một lời đả động đến mẹ con em. Em phải hỏi ông bác sĩ già: "Ông khám xong chưa, cho tôi biết. Tôi mặc áo lại cho cháu kẻo cháu lạnh." Cuối buổi, ông quay ra nói vắn tắt với em: "Bệnh này không có thuốc chữa khỏi hẳn đâu. Cứ đợi nó lớn lên, tự khắc sẽ khỏi."

Thái độ thiếu tôn trọng của bác sĩ và giới y khoa đối với bệnh nhân như vậy, ông thầy Tâm lý Michael White của em gọi đó là "cái nhìn vật cách hóa" (the objectifying gaze), cái nhìn biến con người thành đồ vật. Có bao giờ anh chứng kiến cái cảnh "ward round" khi mà toán bác sĩ trưởng, bác sĩ trẻ, sinh viên y khoa, y tá trưởng v.v... nguyên một toán đi thăm hết các bệnh nhân trong khu chữa trị của bệnh viện công ở Paris chưa? Giống như một phái đoàn vua quan đi thanh tra vậy. *Chào ông, chào bà, ông bà có khỏe không?* Quay qua hỏi y tá: *nhiệt độ hôm qua bao nhiêu?* Y tá trả lời: *Thưa bác sĩ, vẫn còn 39 độ 7. Ói mửa chẳng chịu ăn gì cả.* Làm như người bệnh nhân đang không có mặt ở đó. Mọi người cứ tiếp tục bàn tán về nó. Nó nằm đó nhưng nó không có tiếng nói. Hỏi thăm nó ăn có ngon miệng không, cũng không thèm hỏi thẳng nó, hỏi y tá đáng tin hơn. Cho thuốc uống mới cũng không thèm báo cho nó biết, y tá biết là đủ. Cần giải phẫu thì bảo nó ký một tờ giấy ưng thuận trong đó có câu: *"Tôi đã được bác sĩ giảng cho tôi nghe về cuộc giải phẫu này. Tôi hiểu rõ những hiểm nguy có thể xảy ra với cuộc giải phẫu này và tôi chấp nhận tiến hành cuộc giải phẫu."* Ký xong nó vẫn không hiểu rõ những hiểm nguy ấy là gì. Và sau đó là một tràng ngôn ngữ y khoa, bí hiểm, họ nói với nhau. Nó lắng tai nghe họ định đoạt sức khỏe nó, nhiều khi là tính mạng nó mà không hiểu mô tê. Thôi trăm ơn nghìn lạy, nó giao tính mạng nó vào tay các vị, những nhà đại diện của khoa học thần bí!

Michael White là người chống đối kịch liệt lối nhìn vật cách hóa bệnh nhân đó của giới y sĩ, tâm lý gia, cố vấn (counsellors). Michael là một người cố vấn tâm lý (counsellor) thuộc trường phái Family Therapy, trị liệu gia đình. Ông cùng với David Epston ở bên Tân Tây Lan lập ra một trường phái trị liệu mới gọi là Narrative Therapy đang rất được thế giới chú ý đến. Michael hiện sống tại Adelaide, Nam Úc. Nửa năm ông đi ngoại quốc truyền dạy phương pháp của ông, nửa năm còn lại, ông dạy và làm việc tại Adelaide. Ở đây Michael nổi tiếng là người làm phép lạ, chữa được rất nhiều bệnh tâm lý nan y. Một trong những lãnh vực Michael say mê nhất là chữa cho những người bị bệnh tâm thần lâu năm như các căn bệnh schizophrenia (người bệnh thường nghe có tiếng nói trong tai sai khiến mình và ảnh hưởng mình), anorexia nervosa (thiếu nữ nhịn ăn cho đến chết vì nghĩ mình mập) v.v...

Khi em được dịp đi học Michael, em thắc mắc yếu tố nào khiến Michael thành công đến như thế. Chưa bao giờ, môn học nào thay đổi con người em đến như vậy. Học xong lớp của Michael, em hiểu rằng phương pháp của Michael không chỉ giản dị là một kỹ thuật. Phải có một cái tâm nào đó, một cách nhìn đời và nhìn người nào đó mới áp dụng được phương pháp của Michael. Chính Michael là một con người rất đặc biệt. Em chưa thấy ai tôn trọng người khác và

bình đẳng như Michael. Khi chữa cho trẻ con, Michael luôn hỏi ý của trẻ và dùng ngôn từ, cách suy nghĩ thần thánh và nhiều tưởng tượng của trẻ để nói chuyện. Khi chữa bệnh cho người thổ dân Aboriginee thì Michael tìm hiểu văn hóa, tập tục của họ để dùng đúng lề lối suy nghĩ, hình ảnh và biểu tượng của họ. Em còn nhớ, hôm đầu gặp Michael, em đang ngồi ở bàn ăn thì Michael bước vào. Em đứng dậy cúi đầu chào theo kiểu Á Đông mình. Một năm sau gặp lại Michael, khi em bước vào phòng học, Michael đang ngồi cũng đứng dậy cúi đầu chào em theo lối người Việt mình. Em bàng hoàng trước trí nhớ và nhất là sự tế nhị của Michael.

Ngược lại với cái nhìn vật cách hóa của giới y khoa, cái nhìn của Michael đối với bệnh nhân là một cái nhìn TÔN KÍNH và TIN TƯỞNG con người. Cái nhìn ấy có sức cứu rỗi. Nó vớt bệnh nhân từ vực thẳm của sự yếu đuối, mất tự tin lên đỉnh cao của một con người tự trọng, tự tin. Michael cho rằng bất cứ ai đều có cái hiểu biết và sức mạnh để tự cứu mình. Kể cả trẻ nhỏ, kể cả người bị bệnh tâm thần "yếu đuối, bất lực" nhất. Trong cách chữa bệnh của Michael, mười câu thì đến bảy, tám câu là câu hỏi. Michael khơi mào cho người bệnh tự tìm ra giải pháp cho chính mình, tự tìm ra ý chí phấn đấu của chính mình.

Anh hãy tưởng tượng anh X., một người mang chứng bệnh schizophrenia gần mười năm. Dáng đi của anh ta chậm, không vững. Đôi mắt có sắc nhìn rất lạ, cái sắc ngây dại của người mang bệnh tâm thần. Cách phát âm chậm chạp, chữ mất chữ còn, lè nhè giống như người say rượu. Gặp một người như vậy, em sẽ nghĩ: "Trời ơi! Tôi làm được gì với một người bệnh nặng như thế này?" Đồng thời, em cũng sẽ nghi ngờ khả năng suy nghĩ và nghị lực tinh thần của anh ta.

Nhưng Michael thì khác. Michael sẽ nói:

"Anh vừa kể cho tôi nghe là thứ bảy vừa qua, anh chơi bi-da. Trong lúc anh chơi, anh vui thú lắm và anh không còn nghe thấy mấy giọng nói vô hình trong tai anh nữa. Tôi hiểu kỳ vô cùng về biến cố này! Làm sao mà anh đã xô đuổi được những giọng nói đó trong nửa tiếng? Bằng cách nào anh đã lấy lại sự tự chủ của đời anh, không để cho những giọng nói đó thống trị đời anh? Sức mạnh nào, đặc tính nào trong anh đã giúp anh thắng chúng? Anh có vui hay anh buồn khi anh thắng chúng? Anh giảng cho tôi rõ, anh đã dùng chiến thuật nào khiến chúng phải im bặt? Chuyện gì đã khiến cho biến cố trọng đại này xảy ra được? Anh đã chuẩn bị như thế nào để cho phép đó xảy ra? Anh tự khuyên anh điều gì? Anh nhận xét thấy anh đã làm điều gì như là bước đầu tiên để nó có thể xảy ra? Bây giờ, nếu anh nhìn lại tất cả những khả năng anh có để giải quyết vấn đề, anh sẽ cần khả năng nào để dùng cho tương lai? Anh có nghĩ là nó tốt cho anh để anh giữ những khả năng này sống động và luôn có bên cạnh không? Với khả năng vượt thắng mà anh vừa chứng minh là anh có, anh toan tính gì cho tương lai của anh?..."

Michael đã không áp đặt giải pháp và sự khôn ngoan của ông lên bệnh nhân. Những câu hỏi của ông đã khéo léo khơi lên và làm rõ nét chính sự khôn ngoan của người bệnh, chính những chiến thuật tự cứu của anh ta. Michael cũng hoàn toàn tin tưởng vào ý chí và nghị lực của người bệnh.

Nếu dân chủ là quyền làm chủ của người dân và đòi hỏi chính quyền luôn lắng nghe, hỏi ý người dân thì phương pháp trị liệu của Michael rất dân chủ. Ông đã không ngừng hỏi ý kiến bệnh nhân về giải pháp, về chiến thuật cần dùng, về những quyết định cần có.

*

Trong mối quan hệ giữa người và người, cái nhìn của ta về người khác có thể định nghĩa người ấy, có thể nhào nắn người ấy. Khi ta nhìn người là ta đóng góp cùng với người ấy vào sự dựng xây tính tình, cuộc đời và hạnh phúc của người ấy. Michael tôn kính bệnh nhân thì bệnh nhân tự tin và tự trọng. Michael tin tưởng vào sự khôn ngoan của bệnh nhân thì bệnh nhân tự tìm ra lối thoát cho chính mình. Nhưng nói như vậy vẫn chưa đúng hẳn. Michael không bao giờ định nghĩa, nhào nắn bệnh nhân theo ý mình. Michael là một người đi tìm vàng. Trong cát đá, đất thô, Michael lọc ra và nhận diện ra vàng ròng. Michael nhìn thấy trong bệnh nhân chính sự can đảm, sức phấn đấu, sự khôn ngoan của bệnh nhân. Michael nhận diện ra chất vàng ròng này. Rồi ông nâng niu nó, nuôi cho nó sống dậy, cho nó mạnh lên, cho nó hóa thân thành phép lạ chữa khỏi căn bệnh.

*

Em học được gì từ cái nhìn người tôn kính của Michael? Tôn kính người đáng tôn kính thì dễ. Nhưng câu hỏi được đặt ra là có nên tôn kính trẻ em, người bị bệnh tâm thần mà ta kỳ thị gọi là *điên, dở người* hay những người mà trong ngoặc kép ta gọi là *ngu, dốt, xấu, ác?* Em còn nhớ, có một lần em sững sờ đọc một câu được dán trên tường phòng giáo chức của một trường tiểu học ở Nam Úc: *"Mỗi trẻ thơ đều xứng đáng được tôn trọng và thương yêu chỉ vì em là người."*

*

Nhìn hoa: Cám ơn hoa đã vì ta nở

Một người bạn gửi cho em bài thơ *Ta Về* của Tô Thùy Yên. Bài thơ tuyệt vời, tỏa ra một khí lạ. Em đọc nhiều lần mà hồn thơ cứ mênh mang, vuột ra khỏi tầm tay mình. Mênh mang như bầu trời mây ảm đạm, đè xuống một nỗi u ẩn thiên

thu.

Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai
Sao bỗng nghe đâu mềm phế phủ
Mười năm đá cũng ngậm ngùi thay

*

Vĩnh biệt ta mười năm chết dấp
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu Mười năm mặt sạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ.

Nỗi buồn. U ẩn. Nghe như một tiếng thở dài mà làn hơi xâu chuỗi cái đớn đau của cả một thế hệ con người trên chiều dài ba mươi năm chinh chiến. Xâu chuỗi thành một vòng đầu lâu sọ người đeo lủng lẳng trên ngực những tên phù thủy ngôn từ man dại, dối trá.

Thế mà giữa bầu trời sầu thảm ấy, nở ra một bông hoa quý Anh ơi. Em đọc lại, Anh nghe nhé:

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cám ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi.

Cám ơn hoa đã vì ta nở!

Câu thơ làm em sửng sốt. Em thấy nó hay kỳ lạ mà vẫn không hiểu tại sao. Em lại làm công việc của thiền sinh. Ôm ấp câu thơ trong lòng như một viên ngọc quý. Yêu nó, thấm nó và thưởng thức nó.

Chưa bao giờ có ai nhìn hoa như thế Anh nhỉ? Ơ kìa, hoa nở vì hoa nở. Hoa có vì nhà thơ mà nở đâu? Thoạt nghe, tưởng rằng nhà thơ tự tôn lắm. Hoa vì nhà thơ mà nở. Đất trời vì nhà thơ mà hiện hữu, cây cỏ hoa trái vì nhà thơ mà phô thắm, tươi vui. Nhưng chữ Cám Ơn đã hóa giải tất cả. Cám ơn hoa đã vì ta nở. Thi sĩ phải thưởng thức hoa tràn đầy lắm, tôn kính lắm và yêu thương lắm mới thốt lên một lời tạ ân lãng mạn như vậy. Khác nào người yêu nói với nhau: *"Cám ơn Anh đã hiện diện trong cõi đời này. Cám ơn Anh đã đến với cuộc đời em. Cám ơn Em đã nở hoa cho anh say đắm. Cám ơn nhau vì những tình cảm nồng nàn, vì nét đẹp của tâm hồn chói rạng trong nhau."* Mà những người yêu nhau họ độc tôn lắm, họ riêng tư lắm. *"Cái chói rạng của Anh chỉ mình em thấy, mình em thưởng thức và chỉ dành cho riêng em thôi. Cái trong sáng của Em chỉ mình anh hiểu, mình anh cảm và dành riêng cho anh thôi."*

Cho nên câu thơ *Cám ơn hoa đã vì ta nở* là một câu của người yêu nói với người yêu. Tô Thùy Yên đã yêu thiên nhiên với cái tình tràn đầy nhất, đằm thắm nhất, nồng nàn nhất: tình yêu của lứa đôi. Chữ Vì Ta không còn mang ý nghĩa tự tôn, kiêu căng nữa. Nó chỉ vỏn vẹn là thế giới riêng tư, độc tôn của hai kẻ đang yêu nhau: *Em nở hoa chỉ vì ta. Ta sống chỉ vì em. Và cảm ơn nhau ân nghĩa sâu đậm này.*

Những kẻ yêu nhau là những kẻ Tiên Tri đi giữa cuộc đời. Tiên Tri về bản chất của nhau, về Ánh Sáng của nhau và Hạnh Phúc của nhau. Cuộc đời chỉ có hai loại người: người biết và người không biết. Anh cứ tưởng tượng đi. Giữa đám đông, ta đang đi. Ta bỗng nhận diện ra người yêu. Ta bỗng ngộ ra ngội mặt trời rạng chói trong tâm ta. Giữa trăm ngàn âm thanh, ta chỉ thổn thức với một giọng nói. Ta trở thành kẻ Tiên Tri nhìn thấy Sự Thật, nhìn thấy nét đẹp trong tâm hồn người yêu.

Jean Paul Sartre đã viết rất sâu sắc về tình yêu như thế:

"Regarde-moi, ne cesses pas un instant de me regarder; le monde est devenu aveugle; si tu détournais la tête, j'aurais peur de m'anéantir."

Hãy nhìn em, đừng ngừng nhìn em Anh ơi, thế gian này mù lòa, nếu Anh ngoảnh mặt đi, em sợ rằng em sẽ tan biến vào hư vô.

Còn định nghĩa nào tuyệt đối hơn tình yêu? Cái nhìn của Anh làm cho em hiển hiện trong cuộc đời này. Cả thế gian này mù lòa. Họ nhìn mà không thấy em. Anh ngoảnh mặt đi thì em tan biến vào hư vô. Cái nhìn của Anh đã khai sinh ra em thì sự thờ ơ của Anh cũng khai tử em.

*

Anh ơi. Đã từ lâu lắm rồi, em cũng yêu thiên nhiên như Tô Thùy Yên đã yêu thiên nhiên. Cám ơn hoa đã vì ta nở. Khu vườn gần nhà em có một cây khuynh diệp cổ thụ uy nghi lắm. Em đã dẫn anh Quang đến đây một lần để chia sẻ với anh ấy niềm hạnh phúc em hưởng được từ thiên nhiên. Cây khuynh diệp to lớn, bệ vệ, uy nghi như một vì vua, tỏa sự hiện diện bao trùm cả một góc vườn. Nhưng sự hiện diện này lại thoáng lắm, nhẹ nhàng lắm. Những cành lá thon trắng như những ngón tay của người thiếu nữ dạo trên phím đàn, tàn lá thưa không rậm rạp như vài nốt nhạc lưa thưa điểm trên bài nhạc nhiều dấu nghỉ, đã tạo cho cây cái phong thái thoáng nhẹ này. Hình như cây muốn bước những bước nhẹ nhàng, kín đáo vào lòng em. Cây không muốn áp đặt sự hiện diện của mình như một khối đặc nặng. Cây để nhiều khoảng trống cho mặt trời chiếu qua, cho gió thổi đùa. Và cho hồn em lang thang, dạo chơi và mộng mơ trong những khoảng trống không đó. Em yêu cây như yêu một bức tranh thủy mạc của thiền sư Trung Hoa. Em yêu khoảng trống của cây như em yêu những khoảng trống mênh mông trong tranh. Ôi những khoảng trống đầy ắp, những khoảng trống tự do mời gọi em lắng nghe, mời gọi em thưởng thức sự im lặng và thả hồn sáng tạo chung với người nghệ sĩ.

Mỗi lần đi bộ ra vườn gặp cây, em đều đứng lại và nói: *Cám ơn cây đã vì ta hiện diện. Cám ơn cây đã vì ta thoáng nhẹ.*

Cám ơn Tô Thùy Yên đã dẫn bước em vào thế giới văn thơ, *thế giới của tình người cho*

không - như lời của Trần Đạo viết.

Nhìn núi, núi nhìn

Một lần, đọc cuốn Chứng Đạo Ca của thiền sư Nhật Bản Yoka Daishi, câu viết sau làm em sửng sốt:

Ta nhìn hoa. Hoa nhìn ta. Ta nhìn núi. Núi nhìn ta.

Cái nhìn thiền này quả thực là quái dị. Bỗng dưng chủ thể biến thành khách thể. Ta đang nhìn hoa thì hoa bỗng lại nhìn ta. Phải chăng ta nhập vào hoa và từ trong hoa, ta nhìn trở ngược lại ta? Và một cái nhìn như thế có ý nghĩa gì, hệ quả gì trên quan niệm sống và lề lối cư xử của ta trong đời sống hàng ngày?

Nếu tôi nhìn chị, nhìn anh, nhìn em và cái nhìn sâu thẳm đến độ tôi hiểu được anh, chị, em nhìn ngược lại tôi như thế nào thì sự cảm thông giữa đôi bên sẽ tuyệt vời lắm.

Nhưng hình như ở đây, cái nhìn *Nhìn Núi, Núi Nhìn* này còn có ngụ ý khác. Một khi ta đã vượt được biên giới của khách thể/chủ thể, vượt được lằn ranh ta/vật, ta/người thì còn lại gì? Còn lại một tâm thức Nhất Thể bao gồm mọi sự sống.

Mà nói cho cùng, tất cả những vấn đề của đời sống cũng chỉ xoay quanh lằn ranh Ta/Người này. Một khi đã sống với lằn ranh ấy thì vô số câu hỏi, vấn đề hiện ra. Ta Người ai quan trọng hơn? Ta có nên đặt quyền lợi và hạnh phúc của ta lên trên quyền lợi và hạnh phúc của người hay ngược lại? Đâu là giới hạn cho quyền lợi của ta, bổn phận đối với người? Cái đau của người có phải là cái đau của ta không? Nếu ai ai cũng đặt quyền lợi và hạnh phúc của cái ta lên trên hết thì xã hội sẽ ra sao? v.v...

Một lối nhìn đứng lên trên sự phân biệt khách thể/chủ thể là cái nhìn Liên Đới.

Đôi khi sự liên đới ấy hiểu hiện bất ngờ trong đời sống hàng ngày mà ta không để ý. Cách đây vài năm, báo *Time* cảnh cáo về nguy cơ tái phát của bệnh lao. Một loại vi trùng lao quen thuốc đã chống lại được các loại thuốc cũ và trong một số trường hợp, bệnh lao nay không còn chữa được nữa. Lý do là có nhiều người nghèo ở Mỹ - vì thiếu ý thức hay vì đời sống lông bông nay đây mai đó - nên đã không có kiên nhẫn và điều kiện trị bệnh lao của họ cho tới cùng. Vi trùng lao họ mang trong phổi dần dà quen thuốc, lan truyền sang người khác và không chữa trị được. Khi xã hội nói chung không chu toàn được cho sức khỏe của người cùng đỉnh thì toàn thể xã hội phải mang hậu họa. Vi trùng lao không biết phân biệt người giàu nghèo khi nó tấn công con bệnh. Đó là một bài học về sự liên đới.

Lằn ranh cô lập Người/Ta, Giàu/Nghèo đôi khi cũng thể hiện trong những khu phố. Có những khu phố tập trung người thượng lưu, trung lưu. Có những khu ổ rác, ổ chuột tập trung người nghèo đói, nghiện ngập, tội phạm. Sau biến cố nổi loạn dân sự ở Los Angeles, các nhà xã hội học và kiến trúc sư cho rằng sự phân chia nơi cư ngụ theo mức giàu/nghèo là nguy hại. Sự cô lập người nghèo vào các khu ổ chuột không có tiện nghi, không có phương tiện tiêu khiển lành mạnh càng làm cho đời sống họ tuyệt vọng và thúc đẩy họ nổi loạn, đi cướp phá các khu giàu. Giải pháp các nhà xã hội học và kiến trúc sư đưa ra là giảm thiểu sự cô lập phân chia ấy bằng cách xây những căn nhà rẻ tiền giữa khu trung lưu để các thành phần trong xã hội có thể hòa hợp, sống chung, học hỏi và chia sẻ tiện nghi với nhau.

Trong thiên nhiên không có sự cô lập, Quân bình, điều hòa và thông thương có vẻ là một quy luật của thiên nhiên. Khi áp lực không khí của hai vùng cạnh nhau có sự khác biệt thì sẽ có sự chuyển động để tái tạo quân bình. Theo quy luật Thẩm thấu, khi bên này của vách mô mặn quá thì áp lực thẩm thấu sẽ hút nước từ ngoài vào để tái tạo quân bình. Hai ống thủy tinh thông nhau luôn luôn có mức nước bằng nhau.

Trong khi đó giữa những con người có sự chênh lệch giàu nghèo rất cách xa nhưng không có áp lực thẩm thấu nào để tái tạo quân bình!

Chúng ta sống trong ảo tưởng là chúng ta có thể khoanh một vòng tròn kiên cố chung quanh ta và thụ hưởng thiên đàng riêng một mình. Cái đau khổ của người khác có vẻ không liên hệ gì đến ta, không ảnh hưởng được ta. Chúng ta cố tình nhắm mắt không nhìn vào sự thật. Martin Luther King Jr. viết:

"Injustice anywhere is a threat to justice everywhere. We are caught in an inescapable network of mutuality, tied in a single garment of destiny. Injustice anywhere is a threat to justice everywhere. What affects one directly, affects all indirectly."

"Bất công ở bất cứ nơi đâu cũng đe dọa sự công bình ở khắp mọi nơi. Chúng ta đều vướng mắc vào một màng lưới liên đới không cách chi thoát khỏi, chúng ta ràng buộc với nhau trong cùng một tấm áo định mệnh. Bất công ở bất cứ nơi đâu cũng đe dọa nền công bình ở khắp mọi nơi. Điều gì ảnh hưởng trực tiếp đến một người cũng ảnh hưởng gián tiếp đến tất cả mọi người."

Nói về sự Liên Đới giữa con người và thiên nhiên, cách đây hơn một thế kỷ, vị tù trưởng Seattle của bộ tộc da đỏ Suquamish ở vùng Hoa Thịnh Đốn cũng đã nhận xét:

"Mọi sự đều liên kết với nhau... Điều này chúng tôi biết. Đất không thuộc về con người (Ta nhìn Núi); *mà con người thuộc về đất* (Núi nhìn Ta). *Điều này chúng tôi biết. Mọi sự đều liên đới với nhau như giòng máu kết hợp một gia đình. Chúng ta là một phần của đất và đất là một phần của chúng ta. Bông hoa thơm là chị chúng ta, con hươu, con ngựa, con đại bàng là anh em của chúng ta. Mặt đá, mật ngọt đồng nội, hơi nồng ấm của thân ngựa và con người - tất cả cùng thuộc chung một gia đình. Do đó, cái gì xảy ra cho đất cũng xảy ra cho người con của đất. Con người không phải là kẻ dệt màng tơ của đời sống, con người chỉ là một sợi tơ trong ấy. Khi con người phạm đến màng tơ là phạm đến chính mình."*

*

Từ chuyện Ta nhìn Núi, Núi nhìn Ta mà chúng ta đã bàn lan man tới sự cô lập và liên đới. Khi nào ranh giới giữa Ta và Người bị xóa bỏ, khi nào Khách thể/Chủ thể chỉ mang một ý nghĩa tương đối, lúc ấy ta sẽ nhận thức được về sự Liên Đới. Chỉ khi ấy xã hội mới thật sự an hòa. Sự an hòa đến từ cách Sống Liên Đới, một thái độ sống hai chiều, vừa biết Ta Nhìn Núi, vừa biết Núi Nhìn Ta.■

TRUYỆN CÔ BÔNG TỨC BONNIE

KIM BỒNG

Cũng người một hội một thuyền đâu xa
Kiều

Bông đi học và phụ má bán sương sâm đến năm mười bảy tuổi thì bỏ nhà đi bụi đời. Đó là điều không ai ngờ tới; khi cô biến mất, gia đình chòm xóm ai cũng cho là cô bị mẹ mìn bắt. Mãi nửa năm sau người ta mới vỡ lẽ ra, khi cô từ Đà Nẵng trở về, tóc uốn kiểu *lolo* và trên cánh tay xâm hai chữ *bụi đời*. Tôi không hề được nhìn tận mắt hai chữ xâm đó mà chỉ thấy vết sẹo còn lại trên lưng cánh tay nõn nà của cô sau khi cô đốt hai chữ đó đi, nhưng mấy đứa em tôi, khách hàng trung thành ăn sương sâm, nước đá nhận, đậu đỏ bánh lọc của bà Năm, má cô — kể cả Hải, đứa em lớn nhất có sổ mua chịu thuốc lá lẻ của má con cô, cậu em không quân hào hoa phong nhã của tôi sau này chở cô vi vút trên sa lộ bằng cái xe vespa cà tàng của nó — thì đứa nào cũng quả quyết là đã chính *mắt thấy* hai chữ *bụi đời* đó. Chúng cũng quả quyết là đã *tai nghe* bà Năm chửi cô:

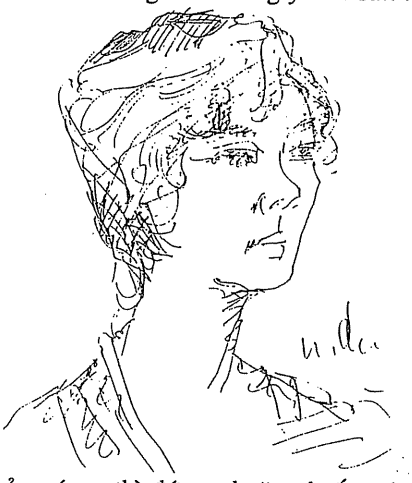

"Đồ đĩ chó, đĩ ngựa. Ba mày còn sống thì ổng giết mày."

Theo lời chúng kể thì bà Năm *đập cô một trận tơi bời hoa lá,* xởn tóc cô, bắt cô đi đốt cho mất hai chữ *bụi đời.* Theo nhận xét của anh Giang, anh hai chúng tôi, giáo sư quốc văn, về *nội dung hình thức* lời chửi của bà, thì bà *ca cải lương* không hay, có *nhiều đó lập đi lập lại hoài,* không được phong phú, không *có bài bản, có vần có điệu như mấy bà Bắc kỳ trong họ nhà mình làm văn tế.*

Sau đó bà giữ cô ở nhà bán hàng, không cho đi học nữa.

Đấy là vào khoảng 1965, tôi đã ra trường và đi dạy học ở tỉnh, nên không được chứng kiến những biến cố đó xảy ra trong căn nhà nhỏ xíu của má con cô, căn nhà vách cây mái tôn ở ngang bên kia hẻm đối diện với nhà tôi, bề ngang chỉ vừa bằng hai lần chiều dài cái xe nước đá, toàn bộ mặt trước là cửa lùa, ban ngày lúc nào cũng mở tanh banh từ vách phải sang tới vách trái, *miêu tả* theo lời anh Giang thì lúc nào cũng *y như sân khấu ban tuyên truyền Công dân vụ.* Tuy rằng, theo lời anh, *không được xem và nghe kịch xã hội Lệ Liễu là điều đáng tiếc,* mỗi khi về Saigon nghỉ phép tôi vẫn gặp cô hàng ngày. Buổi sáng nếu phải đi chợ cho mẹ tôi hay khi có việc phải xuống phố, hoặc buổi chiều ra trước cửa hóng mát, tôi đều thấy cô. Tôi cũng đã nhiều lần mua sương sâm của cô. Bây giờ nhớ lại tôi vẫn còn hình dung ra được điệu bộ cô, vừa thoăn thoắt xúc đậu, múc bánh lọt, chế nước đường, vừa chăm chú nghe người khách hàng kế kêu đồ uống, rồi, trao ly đậu cho người khách trước vừa xong, cô ngước nhìn lên người khách sau mỉm cười gật đầu, ngụ ý khách cứ yên tâm, cô đã nghe rõ; hoặc vừa thối tiền cho khách trước vừa chào mời khách sau, dù đó chỉ là một cô khách tí hon: "Ăn gì đó cưng?" Cô săn đón vui vẻ, ân cần. Trông cô làm việc gọn gàng nhanh nhẹn mà luôn luôn tươi cười, thật là thích mắt.

Tuy vậy không thể nói là chúng tôi quen biết nhau. Cô thua tôi cả chục tuổi và khoảng cách kinh tế xã hội giữa chúng tôi lớn quá. Ngoài những giao thiệp có tính cách thuần túy thương mại như kể trên, nếu có khi nào tình cờ gặp nhau trong khúc hẻm dẫn ra đường phố chính, chúng tôi cũng chỉ gật đầu chào nhau lấy lệ. Mối quan hệ giữa chúng tôi chỉ có thế, cho nên giá như có ai lúc đó nói trước cho tôi biết sau này chúng tôi

sẽ thân nhau đấy, chắc là tôi đã không thể nào tin nổi. Làm sao tôi có thể tưởng tượng được là một cô giáo như tôi lại giao thiệp — chứ đừng nói là kết thân với — với một cô gái bán ba?

Là vì chưa đầy một năm sau Bông đi bán ba.

Vụ tai tiếng thứ nhì ấy thế mà lại không ồn ào bằng vụ thứ nhất. Nhất là lần này cô trở về không có *ca cải lương,* không có xởn tóc cho lũ em tôi bàn tán xôn xao. Thế nhưng người lớn trong gia đình tôi thì lại quan tâm đến nó nhiều hơn. Mợ tôi chép miệng:

"Ai ngờ cái con Bông mà lại hư đốn đến thế nhỉ. Hết bụi đời lại làm me Mỹ."

Cậu tôi bỏ tờ báo xuống:

"Đèn nhà ai ấy rạng, mình bàn tán làm gì."

Nói vậy nhưng tôi đoán ông cũng bận tâm chẳng kém, vì chưa đầy một phút sau ông thở dài:

"Thời với buổi! Làm sao giữ được kỷ cương giường mối đây. Đến nhà cụ Lương mà cũng phải dựng rào, ngăn riêng nhà trên ra để cho Mỹ thuê. Chỉ công chức lương ba cọc ba đồng là khổ thôi."

Khi ông đã ra phòng khách ngồi xem ti vi, thằng Ti hỏi mợ tôi:

"Tại sao lại gọi là me Mỹ, hở mợ?"

Con Diễm lườm em:

"Con nít biết gì mà nói leo."

Ti cáu:

"Bộ chị người lớn chắc."

Anh Giang ra vẻ giáo sư quốc văn:

"Thời Pháp thuộc người lấy Tây gọi là me Tây, bây giờ ai lấy Mỹ gọi là me Mỹ, hiểu không."

Con Diễn phát biểu, quên mất là nó vừa mắng em về tội nói leo:

"Vậy thì chỉ chút xíu nữa là chị Liễu con bác Kính thành me Mỹ đấy nhỉ."

Mợ tôi mắng át:

"Chúng mày trẻ con không được nói láo. Đi chỗ khác chơi."

Chị Liễu là chị con chú con bác của chúng tôi, là người muốn cướp công đầu trong chiến dịch lấy Mỹ của thế hệ chúng tôi nhưng thất bại — ấn tiên phong trong đạo nữ binh lấy chồng ngoại chủng của chúng tôi sau này về tay cô Ngọc, em con cô con cậu. Sở dĩ phải nâng cấp phạm trù Mỹ thành phạm trù ngoại chủng là để bao gồm cả Ăng Lê, Pháp, Ý, Thụy Sĩ, và Úc Đại Lợi, vì sau chiến dịch đầu tiên ấy, vốn chỉ tiến hành ở Việt Nam, đạo nữ binh chúng tôi tiến công lan tràn khắp thế giới. Trở lại chuyện chị Liễu, không được gia đình chấp thuận, chị dọa tự tử. Bác Kính gái khóc: Con muốn bôi gio trát chấu lên mặt bố mẹ, làm nhơ nhuốc cả họ, thì con cứ ý con, con làm. Bác Kính trai thì lẳng lặng vác ba toong rượt chị chạy có cờ. Chị đành nhượng bộ, nhưng khóc sưng cả mắt. Dù sau này chị được chúng tôi xưng tụng là *không thành công thì thành nhân,* vào cái thời điểm mà mẩu hội thoại kể trên xảy ra thì chị là *đầu têu,* nêu gương xấu cho đàn em bắt chước, là *con sâu làm rầu nồi canh.* Nhưng tất nhiên không thể gọi chị là me Mỹ hụt được!

Con Diễm thằng Ti lảng ra phòng khách vừa đi vừa chí chóe cãi nhau. Chúng còn nhỏ quá, chưa hiểu nổi cái hàm ngụ có tính miệt thị rất nặng của hai tiếng me Mỹ, cũng như ý nghĩa rất hàm hồ của hai tiếng đó. Hải thì chắc dư sức hiểu, song anh chàng cũng có ý tứ, không *phụ đề Việt ngữ* mà lẳng lặng bỏ lên gác.

Như trên đã nói, lần ra đi và trở về thứ hai này của Bông không gây sóng gió. Tại thời thế đã đổi thay, phong hóa suy đồi, hay chỉ vì lý do giản dị là má cô thấy cô đã lớn còn bà thì một tuổi một già, mệt mỏi quá rồi? Tôi nhớ dạo đó, đi nua lá sương sâm về, bà đã không còn tự mình bưng lấy mấy cái cần xé đựng lá mà phải nhờ người phu xích lô mang giùm vào trong nhà. Bà đứng ngó chừng; chỉ chỗ sắp xếp, trông vẫn còn uy nghi, tiếng nói vẫn còn dõng dạc lắm, nhưng cử chỉ đã chậm chạp, và một hôm có dịp đứng gần, tôi thấy mái tóc bà đã điểm bạc. Còn lối xóm xem chừng cũng dửng dưng. Chiến cuộc tới hồi ác liệt, hầu như nhà nào cũng có người đi lính hay lo cho con cái được hoãn, miễn dịch, lại còn phải bương chải kiếm cơm, nào ai còn hơi sức đâu mà ngạc nhiên nữa. Mặt hồ phẳng lặng thì một hòn đá nhỏ ném xuống cũng đủ làm gợn sóng, đằng này là cả đại dương đang nổi phong ba! Có ném đến cả trái núi chắc cũng chẳng mùi mẫn gì huống chi đây lại chỉ là Bông, cho dù là một cô Bông đẹp lộng lẫy, ăn bận như tài tử màn bạc đi nữa.

Cô bận đồ đầm, đẹp lộng lẫy như tài tử màn bạc thật. Cô vốn xinh xắn nay lại có tiền đi mỹ viện sửa soạn, hỏi sao không đẹp. Người thấy cô đầu tiên là nhạc sĩ Huỳnh Bảo, thầy dạy đờn ghi-ta của Hải. Lúc đó hai thầy trò đang nhâm nhi cữ cà phê chiều ở quán Di Linh đầu hẻm. Hải vừa qua được kỳ khám sức khỏe tuyển hoa tiêu không quân, đang chờ ngày đi trình diện, nên tự cho mình cái quyền được bê tha đàn đúm, mặc tình đi sớm về khuya; mợ tôi cũng thương — nó là đứa con đầu tiên đi lính — nên không hề cho nó nghe *văn tế.* Nếu biết được nó bê tha đến cỡ nào chắc bà đã chẳng tha đâu! Vậy thì hôm đó thầy Huỳnh Bảo ngó lên lúc xe tắc xi chở cô trờ tới đậu ngay đầu hẻm. Thầy ngó lom lom khi cô mở cửa xe thò cặp chân trắng bước xuống:

"Con nhỏ nào ngộ quá, chú em!"

Hải nhìn lên, thấy ngờ ngợ như quen, nhưng thím Hai chủ quán mới là người nhận ra cô. Thím la:

"Úy trời đất quỉ thần ơi. Đứa nào như con Bông con bà Năm. Phải mày đó không, Bông?"

"Thím Hai! Dạ, con là Bông đây thím."

Cô vẫn nhanh mồm nhanh miệng, và tươi như con rói.

"Dữ thần hôn. Chồng con gì chưa mậy?"

"Dạ, con có chồng rồi."

Từ đó "chồng" cô khuân đồ PX về cho má cô qua trung gian là cô, tất nhiên — đủ thứ tiện nghi văn minh: nồi cơm điện, tủ lạnh, ti-vi, máy xay trái cây — do đó trên mái tôn bà Năm cũng mọc lên cái ăng ten ti-vi, và tiệm nước của bà nghiễm nhiên có thêm món sinh tố.

Trên đây là diễn tiến cuộc gặp gỡ đầu tiên có ý nghĩa giữa Hải và Bông. Gọi là gặp gỡ đầu tiên có ý nghĩa vì trước đó chừng nửa năm chàng và nàng gặp nhau hà rầm: một ngày chàng phải ghé xe nước đá của nàng ít nhất ba bốn lần để mua chịu thuốc lá lẻ, nhưng *hồi đó không có gì đâu chị ạ,* Hải cam đoan với tôi như thế. Cuộc gặp gỡ này mãi bốn năm sau tôi mới được Hải thuật cho nghe khi tôi về Saigon chấm thi vào đúng dịp cậu ta đi phép. Lúc này tôi đã có gia đình, cháu Trung, con đầu lòng của tôi, đã lên ba, còn Hải đã mang cấp bậc đại úy. Và Bông thì đã mang về cho bà Năm nuôi hai cháu ngoại, một lai trắng, một lai đen. Tôi hỏi:

"Vậy Hải... bồ bịch với... nó hồi nào? Chị cũng chẳng nhớ năm nào là năm mấy đứa bạn gặp Hải đi chơi với nó ở xa lộ."

"Thì chuyện tình *Lan và Điệp* bắt đầu ngay sau đó, ngay bữa em với ông Huỳnh Bảo gặp nó đó."

"Rồi bây giờ? Còn đeo nhau nữa thôi?"

"Hết rồi chị. Khi có chồng, Bông nó cũng chính chuyên lắm."

"Chính chuyên sao nó giăng dện ngay với cậu? Nó chẳng nói nó có chồng đấy ư?"

"Hồi đó ấy hả, nó xạo đấy. Cô ả sĩ diện với bà con lối xóm. Mới vô nghề, còn khờ trân ấy mà."

"Thật tôi cũng chịu cậu. Dám dính vào mấy cái của nợ ấy, nó đổ bệnh teo, bệnh tình cho thì khốn."

Xem vậy thì khoảng cách giữa Bông và tôi ngày càng xa thêm, dù thời thế có đổi thay. Đây là vào khoảng 70-71, thời thế đổi thay thật: bảo thủ và bài ngoại đến như các cụ trong hai họ nội ngoại tôi mà cũng phải nhượng bộ.

Anh Giang bàn:

"Vụ chị Liễu, các cụ gác phe ta 1-0. Vụ cô Ngọc, ta gỡ huề 1-1. Bọn cynique sẽ nói là thành trì bài ngoại của các cụ bị những món vật chất tầm thường như xà bông *Dove, Camay* nó xói mòn. Cứ xem vụ cô Ngọc con cậu Long thì biết. Dữ như cậu Long mà còn chịu thua. Phải công nhận con nhỏ Ngọc lì, mỗ gia bái phục sát đất. Thật xứng danh nữ tướng tiền phong. Hôm đó anh có mặt; anh chở mợ vào nhà cậu Long mà. Cả họ xúm vào khuyên nhủ nó, ông bố thường ngày hét ra lửa mửa ra khói, hôm đó rút súng côn, lên đạn, rồi mủi lòng chùn tay, xuống nước năn nỉ nó; còn mợ Long thì khỏi nói, *vật mình vẫy gió tuôn mưa* như Kim Trọng khóc Kiều. Vậy mà nó vẫn trơ trơ. Khóc thì nó có khóc, sụt sịt tí ti, nhưng cậy răng nó cũng nhất định không hứa, không chịu cam kết từ bỏ thằng bồ Mỹ... Thế mà, các cô thấy không, cưới nhau rồi, nó khuân đồ PX về cho, cậu mợ Long có chê đâu.

Hải phụ họa:

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

VÀO ĐÊM

Gửi Trần Hồng Châu

Nửa khuya trang giấy
Hiu hắt ánh đèn
Bên kia trang giấy
Bên kia ánh đèn
Dằng dặc bóng đêm

Tôi bước vào đêm
Bước vào trang giấy
Hồn hoang thảo dã
Mênh mông mênh mang
Những mảnh tình tan

Tôi đi vào tôi
Vào ánh mắt em
Vùng trời xa lạ
"Je est un autre" *
Un autre tu est *

Vài nét mực mờ
Gói vội hồn tôi
Gọi vội tình em
Đêm đêm giấy trắng
Thao thức ánh đèn.

San Diego - Mùa Thu 95

* Arthur Rimbaud - Tạm dịch: Tôi chủ thể là kẻ xa lạ.
** Phỏng ý Rimbaud - Ý nói: Đối thể cũng là kẻ xa lạ.

PHAN NHẬT NAM

LẬP XUÂN Ở MỸ

Nồng gió biếc rung thầm thì hơi thở
Sấm ngoài xa rền động sắc cỏ hoa
Chợt muốn khóc giữa sáng xuân cảnh lạ
Chưa hề vui giây khắc cõi trong ta

TIÊN TRI

Rồi hiện thực mất vầng trăng cảnh thế
Phải vất bỏ những tiếng lời lừa dối
Người sẽ đứng lên
Người rõ trần truồng
Dưới mặt trời đỏ máu đầm đìa tuôn

KHI XEM TI-VI MỸ

Trận la hét không nghe ra âm sắc
Gào mê đắm bày trái tim hư nát
Thứ khôn ngoan lầy đê tiện im ghim
Những tha thiết nghe ra điều nhạt thếch
Chỗ ở tạm lấy đâu niềm tha thiết
Thật mất rồi nơi hiện sống tình yêu
Bên này phương Tây
Đang buồn rũ buổi chiều

"Lời bàn *Mao Tôn Cương* của anh Quán con bác Thượng mới độc: 'Hồi nó mới đòi lấy Mỹ thì ông ôm mặt khóc đằng ông, bà vật mình vật mẩy đằng bà. Bây giờ ông nhậu bia lon, bà xài máy giặt với bột giặt *Tide,* sướng quá quên cả khóc'."

Tôi cãi:

"Biết đâu bia lon với bột giặt không phải là nguyên nhân, biết đâu các cụ bớt bài ngoại, bớt kỳ thị Mỹ rồi nên mới không chê sản phẩm của Mỹ nữa. Chứ không phải là vì các cụ thích đồ Mỹ mà bớt ghét Mỹ."

"Thế nên ta phải dè dặt, chỉ giả thuyết thôi."

"Tại sao các cụ chê người ngoại quốc?"

Diễm reo lên như khám phá chân lý:

"Tại các cụ không mê xi-nê như bọn mình. Có cụ nào mơ lấy tài tử xi-nê như anh Giang đâu."

"Anh mơ lấy tài tử xi-nê bao giờ. Chỉ bố lếu bố láo."

"Anh chả nói anh muốn lấy vợ như Grace Kelly là gì."

"Đó, cái chữ *như* quan trọng thế mà cô quẳng nó đi. Anh bảo mợ: 'Mợ hỏi cho con cô nào đẹp như Grace Kelly, con lấy liền.' Anh nói thế cơ mà. Cô là chúa xuyên tạc."

Tôi chọc:

"Tha cho anh ấy đi, Diễm. Anh ấy cũng biết mình biết ta đấy. Con sâu đâu dám mơ ngôi sao trên trời."

"Thôi đi cô. Đứa nào trong cặp đầy những hình Robert Taylor với Montgomery Clift, ngay từ hồi còn ở Hà Nội?"

"Ai cho anh lục cặp em?"

"Cô chứ ai. Đi học về, tôi hỏi có thư cho tôi không, cô bảo có, trong cặp ấy, lên mà lấy; cô còn vội xuống bếp ăn quà, sợ hết phần."

Rồi, như mọi lần, sợ cãi không lại mấy *con giặc cái,* để được là phe sau cùng có tiếng nói, anh đổi giọng nghiêm trang:

"Anh nghĩ thái độ khinh ghét người lấy chồng ngoại quốc bắt nguồn từ nhu cầu duy trì nòi giống mình, từ ý muốn bảo tồn căn cước dân tộc mình. Tại mình bị đô hộ quá mà. Ngày xưa các cụ chê người lấy khách trú: *Đêm ba mươi Tết, Tết lại ba mươi, Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú khách...* Kế đến bêu riếu me Tây. Nay thì dè bỉu me Mỹ."

Hồi đó Diễm cũng như tôi đều chưa nghe nói đến *male chauvinism,* nên tuyệt nhiên không có ý kiến, chỉ *biết mười rằm cũng ư, mười tư cũng gật,* thôi. Diễm thì chưa hết trẻ con, còn tôi thì chưa đủ kiến thức, chưa đủ trưởng thành để thắc mắc, hỏi xem trong cái ý muốn bảo tồn nòi giống, dân tộc mà anh Giang nêu ra đó có mấy chục phần trăm là ý của các ông muốn duy trì cái quyền độc chiếm các bà các cô để hưởng thụ, và có phải khi cái độc quyền đó bị vi phạm, khi một số những vưu vật ấy bị ngoại nhân cướp lấy thì hăm he đòi *trả thù dân tộc,* như cậu Hải đã tuyên bố với bạn bè trước ngày lên máy bay sang Mỹ du học?

Trở lại chuyện cô Bông, như đã nói, chúng tôi vẫn đường ai nấy đi. Thật không thể có nguyên nhân nào khác xui khiến chúng tôi gặp gỡ, quen biết nhau, nếu như không có cái biến cố lịch sử năm 75 nó đảo lộn cuộc đời của bao nhiêu người miền Nam Việt Nam. Nhưng cuộc đổi đời ấy mãi năm năm sau mới xảy ra; trong bằng ấy năm trời hẳn có nhiều chuyện xảy đến

cho Bông ngoài chuyện sinh hạ hai đứa con lai, song tôi chỉ được biết có hai sự kiện đáng ghi nhớ mà thôi.

Thứ nhất là chuyện cô đi nhờ xe của một sĩ quan trong xóm: trung tá Công làm việc tận Biên Hòa, hàng ngày vẫn sáng đi tối về. Nói đi nhờ thực ra không đúng vì cô trả tiền. Lúc ấy Mỹ rút gần hết, thời vàng son đã qua, Bông về ở với má, địa bàn hoạt động của những cô gái cùng nghề với Bông thu hẹp về gần Biên Hòa: Tam Hiệp, ngã ba Vũng Tàu, quanh căn cứ Long Bình. Chị Công kể:

"Hồi đó Bông nó làm ở Long Bình — ai biết nó làm ma làm quỷ gì. Thấy ảnh nhà tôi đi làm bằng xe *jeep,* nó nhờ tôi nói với ảnh cho nó quá giang, nó đưa một tháng sáu ngàn. Được một tháng nó không đi nữa, biểu: 'Đi với ảnh, qua mấy trạm kiểm soát, mấy cha Quân Cảnh cứ ngó lom lom, em thấy kỳ quá.' Thiệt nghe nó nói mà mắc cỡ. Sáu ngàn chưa được sáu ngày tiền chợ..."

Sự kiện thứ hai là Bông cho cả hai đứa con đi Mỹ trong những ngày Sài Gòn lên cơn sốt di tản.

Tháng Năm 75, sau khi nhà tôi đi cải tạo, tôi cùng hai cháu về Sài Gòn ở với cậu mợ tôi. Bông làm quen với bé Nga, con út của tôi, rồi lân la qua nhà tôi chơi. Dù đang lúc ruột gan như lửa đốt, tôi cũng phải vui vẻ nói chuyện với cô — lúc đó mình đâu muốn làm mất lòng ai. Tuy vậy, vì chả hiểu bụng dạ cô thế nào, tôi rất dè dặt, giữ gìn lời ăn tiếng nói theo đúng lời căn dặn của mợ tôi — bà truyền kinh nghiệm sống dưới chế độ Việt Minh ở ngoài Bắc trước 54 cho chúng tôi: *"Ấy, có mồm thì cắp có nắp thì đậy,* đừng tưởng cứ nói văng tứ linh như chúng mày vẫn nói rồi là *khẩu thiệt vô bằng...* chúng nó không làm gì được mình đâu. Có mà tù rục xương." Thấy cô bạo mồm chê *mấy thằng bộ đội cù lần* tôi lại càng hoảng, chỉ sợ cô làm tình báo nhân dân đi thả bong bóng dò xét, nên cứ ù ù cạc cạc, nói xuôi đỡ đòn cho xong. Cô phá ra cười, chỉ vào cánh tay mình:

"Chị đừng sợ, em không phải *cách mạng 30 tháng Tư* mang băng đỏ đâu."

Cô thích chơi với cháu Nga, ngày nào cũng gọi cháu sang cho ăn quà, có khi đến hai ba lần. Riết rồi, chuyện xảy đến lúc nào không hay, tôi kiếm cô để chuyện trò cũng nhiều bằng cô tìm tôi. Tất nhiên chúng tôi nói về hai đứa con của cô.

"Cô cho hai cháu đi là phải. Thiếu gì người sẵn sàng bỏ bạc triệu ra để lo cho con đi mà không được. Có người thảy con lên xe buýt, đứa nhỏ rớt xuống đường, xe cán... nghe kể mà ghê."

Bông rầu rĩ:

"Bởi con lai nên người ta nhận cái một. Mà cũng vì chúng nó lai nên em mới cho đi."

Cô đưa hình hai đứa nhỏ cho tôi xem.

"Thằng đen, má em đặt tên Nghiệp, má biểu nó là cái nghiệp em phải chịu vậy mà. Đứa em, má em kêu là Lụa. Má biểu nghiệp cũng như cái *số phần* người ta vậy. Số kiếp gì, em hổng tin. Mình làm mình chịu, phải không chị. Bởi em không tin dị đoan nên coi cái *phịn* có con nhỏ tên Bonnie đi cướp ngân hàng với thằng bồ nó, sau bị bắn chết cả đôi đó, em mới lấy tên Bonnie xem có chết thằng Tây nào không. Hồi đó mấy con nhỏ bạn em, nó la em quá trời."

Hỏi tại sao cô không đi, cô nói không đành lòng. Má cô đã già, lũ em thì còn đang ăn bám má, lại thêm người em trai kế đi lính nhảy dù chẳng biết sống chết thế nào — cho mãi đến lúc đó vẫn chẳng có tin tức gì, gia đình ông bà Năm kể như cậu mất tích, cũng như nhà cậu mợ tôi tưởng là đã mất Hải.

Chúng tôi không nói nhiều về Hải dù cô luôn luôn hỏi thăm tin tức cậu — mãi hai năm sau, nhận được thư của Hải, gia đình mới biết Hải bị bắt, đang cải tạo ở ngoài Bắc, chứ không phải là đã chết mất xác ở Phan Rang như nhà vẫn lo. Cô và tôi dường như thỏa thuận ngầm với nhau rằng chuyện giữa cô và Hải là đề tài tế nhị nên tránh.

Hết hè năm đó tôi gửi các cháu cho mợ tôi, xuống tỉnh dạy lại, bởi chẳng biết làm ăm gì. Những lúc mợ tôi bận, Diễm và Trung đi học, bà không ngần ngại mang cháu Nga gửi cô. Hai nhà thành ra mỗi ngày thân cận hơn, thân đến độ rủ nhau đi vượt biên nhiều lần, như sau này sẽ kể.

Được hai năm tôi nghỉ dạy. Về ở hẳn nhà, tôi được mợ tôi giao cho việc đi họp tổ dân phố mỗi tối thứ bảy ở cà phê Di Linh. Tôi thường chỉ gặp Bông trong những buổi họp tổ như thế vì ban ngày cô vắng nhà.

Lần đầu tiên tôi đi họp, người ta chỉ định tôi đọc báo thế cho một cô giáo bữa đó vắng mặt. Tôi đọc bài "Đưa màu vào cơ cấu bữa ăn". Dạo đó nhà cầm quyền đang phát động phong trào *nhà nhà trồng màu, người người trồng màu.* Bà Hai xích lô yêu cầu tôi đọc lại tựa dề, thắc mắc:

"Màu với *câu* cấu là gì? Cô giáo giảng cho tụi tôi nghe."

Công an khu vực cướp lời:

"Màu là khoai lang, ngô, sắn. Cơ cấu là... là... tức là không nên chỉ ăn có cơm thôi, phải ăn thêm khoai sắn."

Bông phát biểu:

"Cái đó trong này kêu là ăn độn, phải không bà Hai? Má tôi biểu vậy, chớ nhỏ như tụi tôi hồi nào tới giờ có ăn độn đâu mà biết."

Hẳn Bông thừa hiểu rằng chế độ mới, theo đúng chủ trương thêm bạn bớt thù, đang muốn lấy lòng những người như bà Hai và cô, những nạn nhân bị chế độ cũ *bóc lột đến tận xương tủy,* nên cô được thể châm chọc cho sướng miệng. Năm trước báo *Sài Gòn Giải Phóng* đăng bài

phóng sự bầu cử kèm theo một lô hình in dúm dụm vào một chỗ, hình tổng thống ngụy Dương Văn Minh đi bầu sau khi đã được phục hồi quyền công dân xếp ngay dưới hình các chị trường phục hồi nhân phẩm; những bức hình đó cả miền Nam, hay ít nhất cả Sài Gòn Chợ Lớn đều thấy, các chị em ta tất nhiên hiểu ý nhà cầm quyền cộng sản.

Bông không bao giờ phải học trường phục hồi nhân phẩm trong mấy năm đầu vì cô đã tạm hoàn lương; còn từ 1978, khi cô bỏ chợ trời về nghề cũ thì phải nói là cô hên. Những nơi cô lui tới, kể cả những phòng tắm hơi trá hình dưới nhãn hiệu vật lý trị liệu, không nơi nào bị bố ráp cả.

Lối xóm vốn dửng dưng thời cô làm me Mỹ, nay lại ngứa miệng dèm pha:

"Ngựa quen đường cũ!"

"Không chừng bà Năm lại có cháu ngoại khác."

"Liệu rồi có Liên Sô, Cu Ba con không đây, hay là chỉ có hàng nội hóa, nón cối dép râu thôi."

Ai nói sao mặc lòng, mấy người vợ sĩ quan Cộng Hòa trong xóm đều không thể coi thường coi rẻ Bông. Mấy chị nghèo túng, sa sút đều có lúc thiếu nợ cô. Thường là cô tự động mang tiền đến cho mượn, còn dặn kỹ là bao giờ có trả cũng được. Có người nể cô, thương cô thiệt tình.

Chị Công kể chuyện cô nhờ chị đưa tiền, giúp vợ một ông thiếu tá. Cô nói với chị:

"Em biết chị Hường chỉ nhảy dù. Ở đây là chị lớn hơn hết thảy, chị khuyên chỉ đi. Làm vậy coi sao được; bề gì cũng là bà thiếu tá."

Chị Công nói:

"Thiệt nghe nó nói mà mặt tôi sượng trân."

Nghe chuyện tôi cũng bàng hoàng. Việc Hường lăng nhăng tôi có nghe, khuyên Hường là điều chưa bao giờ tôi nghĩ tới. Tôi vẫn cho rằng đèn nhà ai nấy rạng.

Cái hên trong nghề không giúp Bông vượt biên: đi đã không thoát cô còn bị bắt nhiều lần. Có điều chỉ vài ba ngày sau là cô đã được thả. Ngồi bán giấy số ở đầu hẻm, trước quán cà phê Di Linh, tôi nghe đám đàn ông con trai thường quần tam tụ ngũ ở đó tán gẫu:

"Con nhỏ chơi toàn nón cối thứ dữ; xe giép xuống tận địa phương lãnh ra, chẳng thua gì ca sĩ thập thành Thèo Lèo. Đâu có như bọn mình trầy da tróc vẩy."

"Cổ có vốn trời cho."

"Đừng đổ thừa đàn bà con gái nghe mày. Thiếu chi thằng xì thẩu vô tù vẫn nhâm nhi cà phê sữa, phì phèo thuốc ba số. Sao mày không như nó, cứ dại hoài rồi than."

"Mấy thằng đó cây nhiều ông ơi."

Lần vượt biên cuối cùng cô rủ Diễm. Trước đó Diễm đã theo cô thử thời vận ba bốn lần rồi... tất nhiên đấy là chưa kể những lần đi theo những mối khác, trước sau Diễm đi không dưới hai chục lần, mà đều xôi hỏng bỏng không. Kỳ đó Bông tin tưởng lắm.

Cô đặt gói đậu phụng luộc trên bàn học của cháu Nga rồi theo tôi xuống bếp. Mợ tôi đang san mỏng nắm gạo trên cái khay nhôm. Bà nhìn ngược lên qua gờ trên cặp kính lão:

"Cái Bông đấy à cháu?"

Ở trong Nam đã hai chục năm bà vẫn chưa bỏ lối dùng mạo từ *cái* trước tên con gái để chỉ sự thân mật. Bông chào:

"Thưa cụ Hai. Cụ nhặt sạn?"

"Ờ, gạo tổ kỳ này nhiều sạn lắm."

Vừa mói bà vừa đưa tay tháo mục kính, ngó chúng tôi chằm chằm, biết là có chuyện quan trọng. Tôi nói:

"Có mối vượt biên Bông quen. Mợ cho em Diễm đi không. Có bốn cây thôi."

"Nhà hết sạch rồi, còn cây cối nữa đâu mà đi."

"Qua bển mới trả cũng được mà cụ."

"Vậy thì để coi; mà phải hỏi con Diễm nữa chứ."

"Con thấy cô ấy chán học lắm rồi. Cô ấy than chuyên khoa gì mà học chính trị nhiều hơn chuyên khoa, mai mốt ra trường lấy chính trị mà chữa bệnh à."

"Cổ nói với con cổ muốn đi, còn nhờ con kiếm thuốc ngừa thai nữa."

Tôi bỗng nhớ ra: năm ngoái Diễm tuyên bố đoạn tuyệt với giấc mộng vượt biên để an tâm học hành. Lục tìm trong hộc tủ quần áo, thấy được mớ thuốc ngừa thai, cô ngần ngừ tính bỏ nó vào thùng rác rồi lại chép miệng giữ lại: "Chắc là quá *đát* lâu rồi, nhưng bây giờ thuốc cũ còn lại, thuốc nào chả quá *đát;* vứt đi phí của giời, để nhờ chị Bông bán giùm."

Thế là Diễm lại đổi ý, đòi vượt biên nữa; và được mợ tôi thuận cho, cô đi với Bông.

Hai chị em đi thoát, nhưng phải trả giá đắt, nhất là đối với Diễm: tàu gặp nạn hải tặc Thái Lan; thuốc ngừa thai mang theo để đề phòng, các cô phải dùng thật sự. Sau này Diễm kể cho tôi nghe, nếu không có Bông an ủi chăm sóc trên chuyến vượt biển kinh hoàng cũng như những ngày lê lết ở đảo, chắc cô đã không sống nổi. Nhưng đấy lại là chuyện khác, chuyện của Diễm.

Còn chuyện của Bông thì đến đây chấm dứt được rồi. Quãng đời sau của Bông, Diễm biết nhiều và kỹ hơn tôi. Theo Diễm, đó là một chuỗi dài những ngày tháng đầy hạnh phúc. Bông lấy một ông chồng Mỹ giàu và tử tế, tìm gặp được cả hai đứa con trước, đều đã nên người. Cô thật xứng đáng được hưởng hạnh phúc như thế.■

06-24-1995

NGƯỜI MẸ BỊ TỪ CHỐI

VÕ TÀI

Người Bác sĩ mà ông tin cẩn nhất và cũng là một người thân cận từ lâu của gia đình đã quả quyết chắc chắn với ông rằng bệnh của cô giáo Quỳnh không còn cách nào chữa trị được. Các bác sĩ khác khi nghe ông trình bày họ cũng bó tay, lắc đầu chịu thua. Tài sản kếch sù của ông dù có đem bán sạch cũng không thể nào mua lại được cái mạng cho cô Quỳnh. Bệnh của cô là bệnh nan y. Mười người mắc phải bệnh này đều chết hết mười người. Bên Mỹ người ta chưa tìm ra được phương pháp nào để chữa trị, và bên Liên Sô cũng thế. Các nước tân tiến còn chịu thua, Việt Nam làm sao chữa nổi! Người bác sĩ còn nói thêm rằng "cô ta chỉ còn có thể sống thêm, giỏi lắm thì từ ba đến bốn tháng nữa là đi."

Từ khi biết được cái tin sét đánh đó, ông Sĩ suốt ngày ủ rũ như một người chán sống. Ông không còn hứng thú khi đến huyện làm cũng như khi ở nhà. Nếu có một người nào đó để ông nói ra hoặc chia sẻ những u uẩn trong lòng thì có lẽ ông sẽ đỡ khổ, và giảm bớt căng thẳng hơn. Chỉ một mình ông biết và cũng chỉ có một mình ông duy nhất đau khổ. Không ai hiểu. Không ai muốn hiểu. Không ai muốn thông cảm. Công việc bù đầu ở huyện làm ông mệt nhọc suốt ngày. Về tới nhà, có chút thời giờ rảnh rỗi để khuây khỏa thì căn bệnh ác độc của cô Quỳnh lại bám lấy ông. Cô mắc bệnh mà giống như là ông bị mắc bệnh. Lúc nào ông cũng thở dài, và đôi mắt thường gục nhìn xuống đất như sợ người khác đọc được nỗi âu lo và tâm trạng ngổn ngang đang hiện ra trong mắt mình.

Vợ ông không mấy quan tâm hay nói đúng hơn bà chẳng bao giờ muốn biết một điều gì có liên quan đến cô giáo Quỳnh. Đối với bà, cô giáo Quỳnh còn hơn là một kẻ thù. Tin cô giáo Quỳnh bị chứng bệnh bất trị này, biết được chắc bà Sĩ sẽ mừng lắm. Vì thế ông Sĩ lại càng muốn giấu kín đi.

Tuy sống chung nhà gần mười lăm năm trời, bà Sĩ chỉ thật sự tâm sự hay nói chuyện với cô Quỳnh trong một hai năm đầu. Còn lại là những chuỗi thời gian lạnh lùng, đay nghiến. Bà thật sự chẳng thấy có điều gì "đáng" để nói hay trao đổi qua lại giữa bà và cô Quỳnh, và cô Quỳnh cũng chẳng phải là người "đáng" để bà trao đổi hoặc nói chuyện. Dưới mắt bà, cô giáo Quỳnh không hơn gì một con đĩ. Một thứ phụ nữ lẳng lơ, lăng loàn, mất nết. Một thứ phụ nữ... thúi đi giựt chồng người khác. Còn cô Quỳnh thì bản tính cô vốn ít nói và hiền hậu. Ai hỏi thì đáp, còn không thì im lặng và thim thỉm suốt ngày với bếp núc và kèm cho Cu Đen học bài. Tự bản thân cô cũng thấy chẳng có gì để trò chuyện hay thủ thỉ với bà Sĩ. Hai người đi về lạnh lùng như hai kẻ không đội trời chung nhưng bị nhốt chung một tù.

Hai đứa con lớn của ông Sĩ thì thời gian một năm ở nhà chưa đếm đủ mười đầu ngón tay. Chúng ở ngoài đường nhiều hơn ở nhà. Chuyện thiên hạ, thời sự quốc gia quốc tế này nọ thì rất rành nhưng chẳng bao giờ muốn chú tâm đến bất cứ một tin tức nào có liên quan đến gia đình. Lâu lâu chúng tạt về như một bóng ma, xin được một ít tiền là dông, nay đây mai đó không ai biết được mảnh đất nào là nơi thường trú của chúng. Cha con ít khi gặp mặt như vậy cho nên dù có tin tức gì quan trọng và đáng nói của gia đình ông Sĩ cũng không muốn tâm sự. Để làm gì? Chúng nó có bao giờ lưu tâm đến căn nhà này đâu, ngoại trừ túi tiền của ông. Nhiều lúc ông buồn vì không biết trong ngày chết của mình hai thằng con "phá trời" của mình có về để để tang ông không.

Hai năm trước ông bị bệnh sốt rét tưởng như không qua khỏi, nhưng hai đứa con của ông không có một thằng nào bén mảng về thăm ông trong thời gian nằm dưỡng ở bệnh viện. Người nhà muốn báo tin cho chúng biết cũng không biết chúng ở đâu để mà báo. Ông một mình gánh chịu hết tất cả những điều không hay không tốt xảy ra cho gia đình. Tin vui cũng có nhưng rất hiếm. Nhưng khốn kiếp là khi có một tin gì vui vui là ai cũng biết. Ông ngạc nhiên hết sức là hai thằng con nay đây mai đó của ông sao mà tài tình thiệt, mỗi lần ông bán bãi vô mánh được vài cây vàng là tụi nó biết ngay và về nhà xin xỏ, chia chác và rồi lại dông.

Chỉ còn một mình Cu Đen, đứa con út, là ông cảm thấy nó còn gần gũi ông. Còn nhỏ, nó không đọc được những lo âu trong mắt của ông, nhưng sự quấn quít của nó cũng làm cho ông vơi bớt đi những phiền muộn cứ chồng chất tăng theo tuổi đời. Sự ngây thơ trong trắng và hồn nhiên của nó ít ra tạo cho ngôi nhà ông có một sinh khí. Không có nó ông không biết căn nhà này sẽ lạnh lùng ra sao. Vợ ông thì suốt ngày

NGUYỄN XUÂN THIỆP

ĐỐT LỬA NGHE SƯ ĐÀN

Đốt lửa. chừng như người qua khe
mùa đông tím những nương mưa
đốt lửa bên trong lán suối
mưa. mưa trên con đường núi
có ai tìm vầng trăng mọc khuya
rét. đói. sầu miên. đất. đá. gỗ
đầm sấu hoang lau thắp bến chờ
Lửa đã cháy. cháy trên củi ướt
tù ngồi hơ tay nghe cổ tích
chuyện Đường Huyền Trang đi thỉnh kinh
bỗng trong đêm rộ tiếng ai đàn
lửa củi soi nhà sư mặt ốm
kể từ sư rũ áo đi đày
cái tâm thiền đạo theo mây nổi
cuồn cuộn trường giang sóng lục đầu
đầm cỏ nước in thân cò vạc
bắt cua vồ nhái ngày qua ngày
đêm đêm ôm đàn trong xó tối
năm ngón tay gầy tiếng thổ cầm
sư ngồi đàn như cây trăm năm
lửa cháy xèo xèo mùi nhựa ngái
khói tỏa mù khe màu cỏ rối
dạo đàn mưa thu rơi trong trăng
tiếng mau chim bay qua mùa đông
đàn ánh thép xanh gươm phạt trúc
gỗ nổi. đá lăn. trâu bứt gốc
hồn u. mả tối. đây là đây
rạng tiếng Ngư Dương thơ quỷ đọc
lán sâu. bếp ảo. lửa đào lay
cây đàn gỗ xưa như mặt trăng
năm ngón tay gầy như chim ưng
bật dây. rỏ máu hoàng hôn rừng
gọi những mùa đi không trở lại
đàn qua tiếng buồn trong lau sậy
gió thu đưa võng ai chờ ai
đêm Cẩm Khê đàn trong u độc
người nghe đàn khơi lửa đỏ khuya
tóc râu tiền kiếp đầm hơi mưa
bỗng thấy sân nhà cây sứ gẫy
năm cửa ô xưa ngấn lệ mờ
những nẻo chiều sương người rách rưới
những mái nhà mưa soi nắng rọi
lọ rơi. sành vỡ. lục cục âm
khuya rồi ai đẽo gỗ huỳnh đàn
ửng sắc hoa gầy trên áo quan
sư bỗng ngừng đàn nhìn đống lửa
gốc cây cháy như đầu thiên cổ
huyễn huyễn củi tàn màu kinh xưa
mặt đất chừng qua cơn mộng dữ
nên ngón tay gầy như ngó sen
hơi đàn trôi trong hương lá xanh
đàn ngân cánh chim soi trên đầm
mùa hoa mơ nở trắng non ngàn
từ trong đông ấy giờ trăng mọc
ánh trăng chảy vàng trăm cửa sông
bếp rụi. lửa riu. âm đàn dứt
trăng lên rồi. hổ xuống Cẩm Khê

1988

suốt đêm chỉ biết đánh bài tứ sắc với mấy bà bạn. Từ ngày cô giáo Quỳnh về đây thì bà cũng giao hẳn mọi việc trong nhà từ bếp núc, chợ búa, cho đến việc giặt giũ quần áo của ông Sĩ... cho cô Quỳnh luôn. Bà chẳng còn một trách nhiệm nào trong nhà và vì thế sự vắng mặt thường xuyên của bà ở nhà càng thêm dễ hiểu. Hai thằng con "trời đánh" của ông thì chẳng còn gì để nói.

Nhà ông Sĩ tuy ở giữa xóm, nhưng kỳ thay nó giống như là ở một nơi hẻo lánh, biệt lập khỏi xóm làng. Ngôi nhà ngói đỏ to như một dinh thự được bao bọc bởi một khu vườn rộng gần hai mẫu ruộng, đầy những hoa thơm cỏ lạ và các loại cây ăn trái quý giá. Mít, xoài, ổi xá-lị, xum-ba-chê,... bốn mùa xanh um, trái lúc nào cũng có. Bao nhiêu hoa quả đó mà mỗi ngày đem ra chợ bán cũng đủ nuôi một gia đình mười người sống thong thả. Nhưng gia đình ông chẳng bao giờ đụng tới. Không có người để làm công việc đó và vả lại so với ông nó chẳng thấm vào đâu. Bận tâm làm gì cho nó mệt. Trái cây ra rồi rụng thối xuống trên mặt đất, nằm ngổn ngang làm mồi cho chim chóc và những con sóc mập tròn như những ổ bánh mì. Con nít của các gia đình lối xóm đi ngang qua nhà ông không khỏi thèm nhỏ giãi. Nhưng những thằng lì lợm nhất cũng không dám chui vào hái trộm hoặc lượm vì mấy con chó bẹc-rê của ông to béo như voi, lông nó xù lên dữ dằn như lúc nào cũng chờ người bước

HOÀNG CHÍNH

HƯƠNG

quẩn quanh trí nhớ mỏng teo
chút hương ngai ngái
leo trèo dốc thơ
ngạt ngào sợi gió đong đưa
dấu xe thổ mộ cuối bờ cheo leo
mùi quen lá mục
trăm chiều
thương ai,
tôi ngủ giấc liều trăm năm

vào để cắn xé. Các cậu con nít nhỏ nhìn thấy thế cậu nào cũng ớn lắm. Thèm thì chịu đứng ở ngoài rào nhìn chứ không dám liều. May mắn lắm thì được Cu Đen lao đảo trong vườn hoặc đang đùa giỡn với mấy con thỏ, mở miệng xin thì được nó bố thí cho ăn.

Có lúc Cu Đen cũng lấy ổi và xum-ba-chê bỏ vào cặp đến trường tặng các bạn ăn chơi. Tụi con nít trong xóm đứa nào cũng khoái Cu Đen vì nó hiền, rất tốt với bạn bè và thảo ăn. Xin gì Cu Đen cũng cho. Gia đình cấm nó chơi với mấy đứa con nít khác. Đi học xong là dọt thẳng về nhà. Cho nên cơ hội để chơi với mấy đứa bạn chỉ có ở trường. Cu Đen ở nhà cô đơn lắm. Ngoài mấy con chó, thỏ, hai con sáo sậu, một chậu cá màu trị giá gần bằng một chỉ vàng, và một con cưỡng biết huýt sáo ra, Cu Đen không còn ai là bạn. Hay nói đúng hơn là ba nó chẳng bao giờ cho nó có bạn. Ông không muốn cho Cu Đen làm quen thân với những đứa bé khác trong xóm.

Mới có mười bốn tuổi đầu mà Cu Đen muốn mất hết những gì mà tuổi thơ có. Nó rất ít nói, bộ mặt có lúc rất trầm tư và hay lang thang chung quanh khu vườn của căn nhà như một ông đạo sĩ, mải mê suy niệm về lẽ sống chết của cuộc đời. Ít khi thấy nó cười. Nó có tất cả mọi thứ đồ chơi trên đời mà dù tụi con nít khác trong xóm có nằm mơ cũng không bao giờ tưởng tượng được, nhưng Cu Đen không vui. Đồ chơi của nó chất gần cả một phòng. Năm ngoái ông Sĩ nhờ một người bạn quen làm việc chung ở huyện, nhân dịp đi Đông Âu công tác, gởi mua cho Cu Đen một chiếc xe nhựa chạy bằng bin trị giá bằng mười gia lúa. Nhưng nó chơi đâu được vài hôm thì lại chán phèo và vứt đi vào "cơ quan lưu trữ" của nó. Chiếc xe nhựa và bao nhiêu thứ đồ chơi khác khi bị vất vào đó là vĩnh viễn không còn được Cu Đen dùng tới nữa. Ngoại trừ khi nhà có lễ lạc hay cúng kiến, bà con giòng họ tụ về mang theo cả con cái họ thì các thứ đồ cũ này mới được móc ra. Tụi con nít của những nhà quen này thấy đồ chơi của Cu Đen thì ham lắm, xông vào mân mê say sưa. Đứa nào đứa nấy cũng thèm đứt ruột khi thấy đồ chơi của Cu Đen. Tiệc tan ra về chúng nó khóc la inh hỏi vì luyến tiếc và vì bố mẹ chúng nó không cho phép được xin.

Ngồi một mình bên ấm trà dưới gốc cây khế, ông Sĩ đưa mắt mơ hồ nhìn bầy gà đang cãi cọ về mấy con giun. Miếng ăn từ lâu đời đã là nguyên nhân của không biết bao nhiêu chuyện trên đời. Con người sống ở đời không được bao nhiêu năm nhưng số thời gian bỏ ra để tìm kiếm, tranh giành miếng ăn đã chiếm hơn quá nửa. Các con thú cũng thế. Chúng nó cũng bị miếng ăn mà cãi cọ, có khi còn dùng đến bạo lực nếu cần thiết. Con người có thật sự hơn con thú không? Biết đâu những điều mọi rợ, dã man mà con người gán cho chúng nó cũng chính là những điều mà chúng cũng đang nghĩ về lũ người hung hăng và tàn bạo, đang cai trị chúng nó một cách sắt máu?

"Con người có hơn con thú không?" Ông Sĩ cứ lẩm bẩm trong đầu câu hỏi đó nhưng không trả lời được. Nói đúng hơn ông không muốn trả lời. Bất ngờ tiếng Cu Đen đứng ở cửa nhà bếp vọng ra, làm ông tỉnh hẳn:

"Ba."

Ông nhìn Cu Đen rồi đưa tay vẫy nó ra và nói:

"Có gì không? Ra biểu nè con."

Cu Đen lững thững bước ra, tựa lưng vào vai ông và nũng nịu:

"Buồn quá! Cô Quỳnh chừng nào hết bịnh hả ba?"

Cô Quỳnh sẽ không bao giờ hết bệnh. Cô Quỳnh sẽ chết nay mai. Cô Quỳnh sẽ bỏ hai bố con để ra đi. Từ đây sẽ chỉ còn lại hai bố con của mình. Ông Sĩ muốn hét to lên cho mọi người cùng biết. Nỗi đau khổ này ông không còn muốn giấu kín trong lòng nữa. Mọi người trong nhà ai cũng lạnh lùng, hững hờ với ông. Ông không thể chịu đựng cái không khí địa ngục này thêm. Nhưng ông sẽ mất hết tất cả nếu mọi người ở ngoài ai cũng biết. Ông sẽ chẳng còn gì nữa. ông có thể sẽ mất luôn Cu Đen. Nó sẽ hận ông và xa lánh ông. Ông sẽ mất hết. Ông sẽ không thể nào sống nổi.

"Ba ơi..."

Cu Đen muốn nói điều gì nhưng rồi lại im đi. Nó đưa tay vân vê cái lai áo rồi đưa mắt nhìn ba nó. Nó phát giác ra đôi mắt ông đỏ hoe, và đổi giọng lo lắng:

"Ba sao vậy? Ba khóc hả?"

Câu hỏi của Cu Đen làm ông tỉnh lại. Ông đưa tay bế Cu Đen ngồi lên đùi của ông và trấn an nó:

"Ba đâu có khóc. Bụi nó bay vô trong mắt."

"Đưa con thổi cho."

"Thôi khỏi. Ba hết rồi."

Cu Đen ngước mắt nhìn vào mặt ông lần nữa rồi ngập ngừng nói:

"Ba ơi..."

"Sao con?"

"... hay là mình mướn cô giáo khác về nhà dạy đi."

Ông giật nảy người lên vì lời đề nghị thật tình của Cu Đen. Mặt ông tối sầm lại. Lòng ông đau như có ai đó đang đánh. Không được. Ông đưa tay vuốt đầu Cu Đen như để nắn nỉ nó:

"Cô Quỳnh sẽ hết bịnh và chơi với con."

"Chừng nào cô hết?"

"Vài... tuần nữa."

"Nhưng..."

Cu Đen bỏ lửng câu nói nửa chừng rồi nhảy xuống khỏi đùi ông. Nó biết không thể nào thuyết phục được ba nó để mướn người khác về thay cô Quỳnh. Thất vọng quá. Cu Đen nhô miệng huýt gió để gọi mấy con chó, rồi dắt chúng ra vườn sau chơi, bỏ lại ông Sĩ một mình dưới gốc cây khế.

Bầy gà sau một hồi kình cãi kịch liệt về mấy con giun cũng đã giải quyết xong, kéo nhau đi chơi chỗ khác. Ông Sĩ ngồi một mình bên ấm trà, trông ông cô đơn như một người về hưu trí không còn biết phải làm gì cho hết thời gian. Lòng ông như manh chiếu rách nhưng phải chứa không biết bao nhiêu thứ nặng nề. Cái đà này mà cứ tiếp tục thì ông sẽ ngã lăn ra chết với cô Quỳnh. Từ ngày Cu Đen ra đời, vợ ông không còn ngồi trò chuyện với ông. Bà cố tình tránh xa hẳn. Ngày trước, mỗi lần thấy ông thở dài một chút là bà hỏi han đủ điều. Bây giờ, dù thấy ông có bị cái gì đi nữa, bà cũng lẳng lặng như không hề hay biết. Xa lạ. Những người trong căn nhà này lần lần xa lạ với nhau. Căn nhà không còn có những sáng điểm tâm chung với nhau. Buổi cơm chiều cũng lạnh nhạt, vội vàng.

Cu Đen còn nhỏ, nó không hiểu ất giáp ra sao nhưng tình cảnh gia đình làm cho nó khổ. Nó thiếu hẳn tình thương của một bà mẹ. Mẹ nó có đó, nhưng xa lạ quá. Bà chưa bao giờ tắm cho nó, thay quần áo cho nó, hay nói một câu ngọt ngào với nó. Tất cả mọi việc đều do cô Quỳnh đảm đang. Nhưng cô Quỳnh không thể nào thay thế được. Trong lòng Cu Đen, cô Quỳnh chỉ là một người ở mướn. Dù có cố gắng tốt với nó bao nhiêu, cô Quỳnh vẫn không thể nào tiến xa hơn địa vị của một người làm mướn đã in sâu trong lòng nó từ lâu.

Cuộc đời của cô Quỳnh có nhiều trắc trở tựa như một nhân vật trong tiểu thuyết. Cô là con một. Cha cô là trung úy Biệt động quân. Năm 1975, ông bị đưa ra Bắc, rồi chết bỏ xác trong một lao tù nào đó mà cho đến bây giờ cô cũng chưa rõ. Liền sau khi cha cô bị bắt, cô và mẹ cũng bị đồng số phận như bao nhiêu gia đình bị chính quyền đương thời ép phải lên kinh tế mới. Sống ở đó được hai năm thì mẹ cô chịu không nổi, qua đời.

Đời sống ở kinh tế mới gian khổ hơn nhiều người tưởng. Tất cả mọi phương tiện đều thiếu thốn. Những ai bị đưa lên đây đều phải bắt đầu đời sống lại từ đầu. Nơi đây là những giải rừng hoang chưa khai phá. Cây cối mọc um tùm. Người dân bị đưa lên đây ai cũng phải ra sức chặt cây, phá rừng, xây nhà cửa và làm rẫy để trồng khoai, bắp... Họ không khác gì những người tù khổ sai bị nhốt ở những hoang đảo. Đất ở đây khô cằn, trồng cái

NGUYỆT VIÊN

IM LẶNG

Trong im lặng - em nghe thịnh nộ
trong tim
Ôi những con sóng hung tợn ùa vang
tận đáy lòng
Những con sóng ngập tràn
xóa tan tình yêu - xóa nhòa hạnh phúc.
Trong im lặng, em nghe mình than khóc
cùng cô đơn, cùng nỗi giận hờn
bao nhiêu năm em đi kiếm tìm
sự thông hiểu giữa hai tâm hồn
giữa hai con tim
giữa hai khối óc
bao nhiêu năm gần nhau trong gang tấc
mà thực ra xa cách ngàn khơi!
Trong im lặng
em nghe nỗi đau chất ngất
lan dần dà trên mỗi phân thịt da
nỗi đau cũng ngang bằng hạnh phúc đã qua
nỗi đau cùng an vui có chung gương mặt.
Trong im lặng, em nghe...
tiếng vang quá khứ
tiếng vang dập dồn, giận dữ
gõ cửa tương lai
Em không thấy gì, trong im lặng,
về ngày mai
cơn thịnh nộ đang kéo màn lấp che
Ôi sự thinh lặng
mênh mang - dìm em vào tuyệt vọng.

Melbourne, 15/5/95

gì cũng khó sống nổi. Nước nôi bởi vậy rất hiếm. Thường mọi người phải dùng nước suối, đun sôi rồi uống để khỏi bị bệnh sốt rét. Tuy nhiên muỗi mồng không cách nào tránh khỏi, người nào bị chích vài lần là bị ngã bệnh ngay. Phương tiện y khoa ở đây thì gần như không có. Ai bị bệnh sơ sơ rồi cũng thành ra bệnh nặng vì không có thuốc uống. Bệnh cứ rề rề mãi, riết rồi trở thành nan y. Người lớn tuổi và con nít là bị bệnh chết nhiều nhất.

Bao lần quyết định trốn để trở về làng cũ sống, nhưng Quỳnh cứ rụt rè vì không có hộ khẩu ở đó. Người thân cũng không có ai biết nhờ đâu để tá túc lúc bây giờ. Nhưng đời sống kinh tế mới càng ngày càng thêm thậm tệ. Người trốn đi cũng nhiều. Những yếu tố đó thúc đẩy Quỳnh liều một phen. Chẳng thà thử một phen, biết đâu sẽ gặp may mắn còn hơn là cứ phải chịu chôn đời ở chốn rừng sâu nước độc này.

Trở về làng cũ mọi việc thay đổi nhanh chóng và khác xưa quá làm Quỳnh ngạc nhiên đến kinh hãi. Mới có sáu năm mà thay đổi giống như mấy trăm năm. Con đường cái quan của làng được đắp to và dài thêm để vừa cho xe bò chạy, chuyên chở lúa của hợp tác xã. Nhiều ngôi nhà ngày xưa bị giở đi để lấy đất làm đường. Cô không còn nhận biết được những thửa ruộng bây giờ là ruộng của ai vì bờ ruộng xưa đã bị san bằng hết. Ruộng bây giờ cái nào cũng đắp bờ mới theo hình vuông. Cái nào cái nấy đều giống nhau, chỉ khác ở diện tích. Nàng càng ngạc nhiên hơn vì có nhiều gia đình dù không có dính líu gì đến chính quyền trước 75 cũng bị bắt đưa đi kinh tế mới. Những gia đình này bị liệt vào hạng "địa chủ và tư bản bóc lột." Tư bản và địa chủ đồng nghĩa với "Mỹ-ngụy." Căn nhà to lớn của ông Trương bây giờ bị một cán bộ tập kết về chiếm cứ, tên là Sĩ. Nhiều căn nhà khác cũng vậy, chủ cũ không thấy đâu nhưng chỉ thấy những người có giọng nói lạ hoắc lạ hươ đang sống huênh hoang như những ông quan thời phong kiến.

Quỳnh có sắc đẹp, tuy không rực rỡ lắm nhưng cộng thêm khuôn mặt có duyên làm người đối diện khó kềm lòng. Vả lại nàng cũng có một chút trình độ. Tốt nghiệp tú tài một trước bảy lăm. Những điều kiện bình thường này không ngờ giúp nàng tìm được một việc làm trong nhà ông Sĩ, một cán bộ tập kết từ Bắc về và đang làm chủ tịch huyện.

Quỳnh được ông Sĩ che chở cho ở trong nhà, không lấy tiền lấy bạc gì nhưng còn cho tiền cô mỗi tháng để sắm sửa. Nhiệm vụ của cô thật sự chẳng có gì nặng nhọc. Hàng ngày thức dậy pha trà cho ông Sĩ uống, nấu điểm tâm cho ông, quét nhà rửa chén này nọ và phụ giúp bà Sĩ đi chợ, nấu nướng vân vân. Đại khái thì nhiệm vụ của cô giống như một con ở.

Công việc này dĩ nhiên Quỳnh chưa bao giờ làm qua. Nhưng dù gì thì nó cũng không đến nỗi. Khá hơn đời sống ở kinh tế mới nhiều. Nàng ngoan ngoãn bằng lòng, với hy vọng vì thế mà tương lai có thể xây sở được.

Ở nhà ông Sĩ được gần một năm thì cô Quỳnh mang thai. Xóm làng bốn bên không ai biết được chuyện này vì ông Sĩ cố tình giấu nhẹm đi. Người ngoài mà biết được thì danh tiếng của ông còn gì nữa. Quỳnh cũng không dám la lối hay thưa kiện gì, vì với quyền lực của một ông chủ tịch huyện thì chuyện gì ông cũng có thể giải quyết được. Đi thưa kiện không những không làm được gì ông mà cô còn bị rước họa vào thân nữa. Ông Sĩ sẽ đuổi cô ra khỏi nhà. Cô sẽ bị công an bắt về tội cư ngụ không có hộ khẩu. Cô sẽ bị bắt trở về vùng kinh tế mới. Con của cô sẽ sống ra sao? Không còn cách nào hơn là phải chịu nhục tá túc ở nhà ông Sĩ. Hàng ngày phải chịu bao nhiêu lời mắng nhiếc nặng nhẹ của bà Sĩ.

Thế là chín tháng sau Cu Đen ra đời. Quỳnh không chồng mà lại có con. Cô săn sóc nuôi cho nó lớn, như một bà mẹ. Khi Cu Đen khóc, Quỳnh phải dỗ nó ngủ. Khi Cu Đen bị bệnh cô phải thức suốt đêm để chăm sóc. Từ miếng ăn, giấc ngủ, chùi rửa cho Cu Đen, Quỳnh làm hết. Chuyện đó tất nhiên vì Quỳnh là mẹ. Nhưng vì "thanh danh" của một ông huyện, vợ chồng ông Sĩ cấm cô không được xưng mẹ với nó. Quỳnh phải đóng vai một "cô giáo" và một người làm mướn. Cu Đen từ biết nói bập bẹ cho đến bây giờ vẫn gọi Quỳnh là cô giáo và bà Sĩ là mẹ, dù Quỳnh là người luôn luôn gần gũi và thương yêu nó. Người hàng xóm cũng không tài nào biết được Quỳnh đã sinh ra Cu Đen. Có nỗi đau nào bằng nỗi đau của một bà mẹ không được xưng mẹ với con mình và còn đau hơn khi con mình chỉ coi mình như một người làm mướn. Nhưng cô nghĩ chẳng thà chịu đựng như thế này để còn được gần con còn hơn là nói toáng ra. Cô sẽ mất hết tất cả, và chưa chắc gì Cu Đen đã tin.

Đám tang của "cô giáo Quỳnh" âm thầm lặng lẽ như cái chết của một con chó của ông Sĩ. Quỳnh không có thân nhân. Cô chết đi lạnh lẽo giữa những con người đã không còn tình người. Không có ai đeo cho cô một chiếc khăn tang. Không có giọt nước mắt nào nhỏ xuống khóc thương cô. Người ta quăng cô xuống đất như vất xác một con vật. Cu Đen chỉ hơi buồn buồn vì thấy thiếu vắng đi một người ở trong nhà. Nó không khóc. Khuôn mặt nó vẫn tỉnh bơ, chẳng có gì xúc động. Ông Sĩ hơi trầm ngâm. Mắt ông đỏ hoe, chăm chú nhìn vào xác chết và lâu lâu lại ngước mắt nhìn Cu Đen. Ông như định nói một điều gì đó nhưng rồi lại im đi.■

Umass/Boston, tháng Bảy, 1995

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

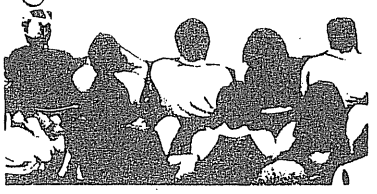

SAN JOSE

Tuyển Tập Thơ Tô Thùy Yên ra mắt

Khoảng 100 người yêu thơ, trong đó một số lớn là các văn nghệ sĩ, đã đến dự buổi ra mắt "Tuyển Tập Thơ Tô Thùy Yên" được tổ chức vào chiều ngày Chủ Nhật 19 tháng Mười Một 1995 tại Les Amis Café, San Jose.

Thi sĩ Hoàng Anh Tuấn đã trang trọng giới thiệu Tô Thùy Yên, ông "cám ơn Thượng Đế đã ban cho Tô Thùy Yên sự đau khổ để ông có chất liệu làm thơ hay." Nhà thơ Hà Thượng Nhân đã xác quyết "Trong làng thơ Việt Nam ít người

Hà Thượng Nhân và Tô Thùy Yên

nắm vững kỹ thuật thơ như Tô Thùy Yên, ông là phù thủy của chữ nghĩa, cách viết, chấm câu." Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm đã nhắc lại những kỷ niệm trong tù và xác nhận nhân cách Tô Thùy Yên rất đáng trọng, thơ Tô Thùy Yên bay bổng như phượng hoàng! Nhà văn Diệu Tần đã cho rằng Quân Lực VNCH hãnh diện có một sĩ quan có nhân cách và làm thơ hay như Tô Thùy Yên.

Nhà thơ Tô Thùy Yên đã cám ơn các thân hữu đã đến với ông, ông nói lời cám ơn này cũng đã bàng bạc trong thơ ông. (BDT)

Ca nhạc chủ đề tưởng niệm Dương Thiệu Tước và Văn Cao

Trên 300 khán thính giả đã tham dự chương trình nhạc chủ đề tưởng niệm hai nhạc sĩ Dương Thiệu Tước và Văn Cao được tổ chức chiều Chủ nhật 10 tháng Mười Hai 1995 tại Holiday Inn, San Jose.

Các ca sĩ Mai Hương, Lệ Thu, Quỳnh Giao, Thái Hiền, Diệu Hoàng, Thanh Vân, Lệ Thủy, Vũ Anh và Từ Công Phụng đã lần lượt trình bày 11 nhạc phẩm chọn lọc của mỗi nhạc sĩ quá cố. Với 22 bản nhạc hầu như đã thành cổ điển trong âm nhạc Việt Nam, buổi trình diễn đã làm sống lại hình ảnh thơ mộng của sông Hương núi Ngự, của những *áng mây chiều* hoặc của những người

phi công *đi không ai tìm xác rơi*, của *sông Lô*, của *Thăng Long Thành*... Người nghe vừa tưởng niệm hai nhạc sĩ tài hoa, vừa sống lại những cảm xúc đầy tính cách văn hóa Việt Nam, và cảm thấy thấm thía câu Kiều: *Thác là thể phách, còn là tinh anh.*(BDT, San Jose)

OKLAHOMA CITY

Ra mắt thi phẩm "Lời Trần Tình" của Xuân Bích

Chi Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) mới được thành lập tại Oklahoma đã mở đầu các sinh hoạt của mình bằng buổi ra mắt thi phẩm "Lời Trần Tình" của Xuân Bích được tổ chức vào ngày 18 tháng Mười Một 1995, tại nhà hàng China Town, thành phố Oklahoma.

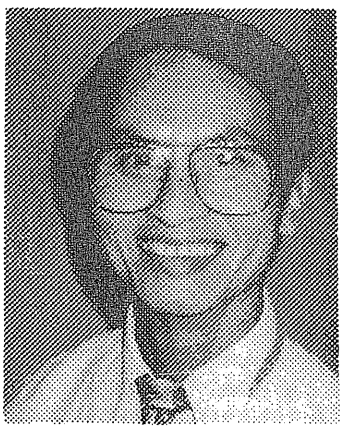

Xuân Bích

Trước khi vào phần giới thiệu tác phẩm, anh Nguyễn Văn Cường, chủ tịch Chi Hội VAALA tại đây đã thông báo việc thành lập Chi Hội với cử tọa và kêu gọi mọi người nhiệt tình tham gia các sinh hoạt sắp tới của VAALA. Sau phần giới thiệu tác phẩm của anh Nguyễn Văn Cường, một số thân hữu đã

phát biểu cảm tưởng về tập thơ, như nhà thơ Chiêu Đăng, ký giả Nguyễn Trọng, nhà thơ Nguyên Nhi. Phần văn nghệ do ban nhạc của anh Nguyễn Văn Lộc đảm trách với các bài dân ca đầy tình tự Việt Nam và đặc biệt giọng ca của em bé Ngô Thế Thùy Trang, thế hệ thứ hai của người Việt tị nạn mà có thể hát những bài hát Việt Nam một cách hoàn hảo.

WASHINGTON DC

Buổi sinh hoạt thơ nhạc Nguyễn Chí Thiện

Gần 500 người yêu nhạc và thơ đã có mặt tại hội trường của trường Luật George Mason University, chiều ngày Chủ Nhật 26 tháng Mười Một 1995 để tham dự buổi sinh hoạt thơ nhạc Nguyễn Chí Thiện.

Sau khi nhà văn Trương Anh Thụy đại diện Ban Tổ Chức chào mừng quan khách, nhà báo Ngô Vương Toại giới thiệu thân thế của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, với những chi tiết chính xác về giòng dõi và cuộc đời tù đày của người làm thơ bất khuất. Tiếp theo là phần trình bày nhạc phổ thơ Nguyễn Chí Thiện của Trần Lãng Minh, do chính nhạc sĩ trình bày.

"Tiếng thơ Nguyễn Chí Thiện" đã được phân tích cặn kẽ bởi ông Nguyễn Ngọc Bích. Ông Bích đã nói lên thái độ "dấn thân vì người khi làm thơ" của Nguyễn Chí Thiện, người đã đi con đường đầy máu và nước mắt, trả giá bằng tù đày để giữ được nhân phẩm và những giá trị Việt Nam. Thơ Nguyễn Chí Thiện đã được dịch sang các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Nhật, Tàu, Tiệp; đã được nhiều giải thưởng quốc tế về thơ (của Hòa Lan và của Hoa Kỳ); đã được các nhạc sĩ Việt Nam và nước ngoài phổ nhạc.

Trong phần phát biểu của mình, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện cho biết bài thơ nào của ông "cũng có lý lịch của nó", ví dụ bài Anh Gặp Em làm trong dịp gặp gỡ giữa ông và một cô gái miền Nam tập kết ra Bắc, bị ở tù và chết trong tù. Ông cũng kể rằng lần ông vào tòa Đại Sứ Anh ở Hà Nội năm 1979 để trao tập thơ Hoa Địa Ngục, ông cũng trao cho họ ba bức ảnh của ông, trong đó có một bức chụp năm 1958. Hành động như vậy có lẽ ông đã tiên liệu có thể ông sẽ bị Cộng Sản tiêu diệt, và muốn để lại dấu tích cho người đời biết tác giả thật của Hoa Địa Ngục là ai.

QUẬN CAM

50 năm văn nghệ Hoàng Thi Thơ

Đại Nhạc Hội vinh danh 50 năm văn nghệ Hoàng Thi Thơ đã được tổ chức vào chiều chủ nhật 3 tháng Mười Hai 1995 tại hí viện Don Wash Auditorium, thành phố Garden Grove, Nam California.

Khoảng 80 nghệ sĩ Việt Mỹ đã đóng góp trong Đại Nhạc Hội kỷ niệm này, trong đó có Ái Vân, Ý Lan, Thanh Lan, Hương Lan, Thanh Thúy, Thanh Hà, Ý Nhi, Mai Lệ Huyền, Elvis Phương, Thái Châu, Bùi Thiện, Quốc Biên Phượng Lan, vũ sư Lưu Hồng, đoàn vũ Maxim, đoàn vũ Hollywood của người Mỹ...

Toàn bộ chương trình kéo dài ba tiếng đồng hồ được dàn dựng với 25 sáng tác phẩm tiêu biểu nhất (trong khoảng 400 tác phẩm) của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ. Trong một cuộc phỏng vấn, nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ cho biết, ông đã được một số thân hữu đứng ra tổ chức Đại Nhạc Hội vinh danh 50 năm hoạt động văn nghệ, lấy mốc từ năm 1945, năm nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ bắt đầu các hoạt động nghệ thuật của mình.

Đêm kịch Lôi Vũ

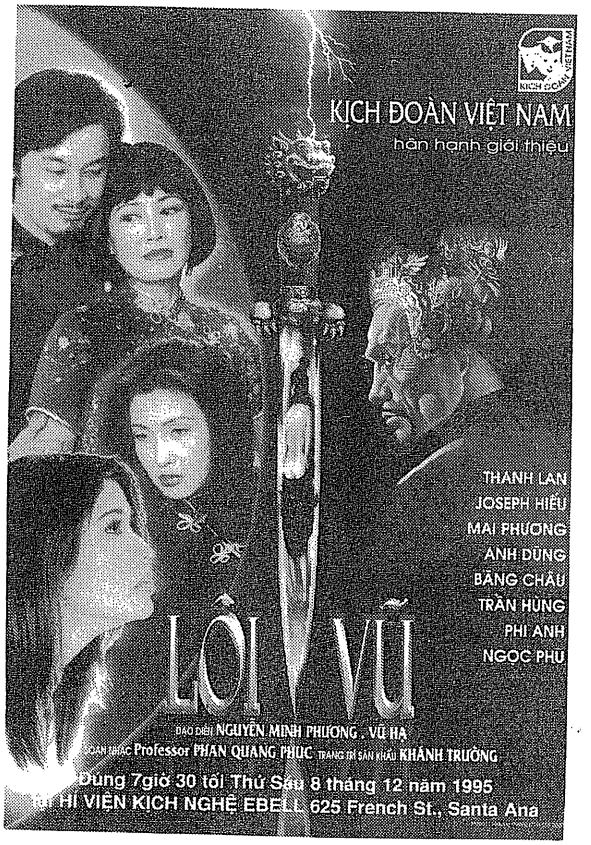

Lần đầu tiên ở hải ngoại, một đêm kịch được tổ chức do một nhóm người yêu kịch dàn dựng và trình diễn, vào tối ngày 8 tháng Mười Hai 1995. Nhóm có tên là kịch đoàn Việt Nam. Vở Lôi Vũ của kịch tác gia Trung Hoa Tào Ngu, do Hoàng Xuyên chuyển sang Việt ngữ, và hai đạo diễn Nguyễn Minh Phương, Vũ Hạ biên soạn cho thích hợp với diễn viên và sân khấu.

Sân khấu là thính đường Ebell thuộc thành phố Santa Ana. Hơn 500 chỗ ngồi đã không đủ cho số khán giả muốn coi kịch nói, một ngành nghệ thuật chưa có chỗ đứng trong cộng đồng hải ngoại, nếu so sánh với các bộ môn khác như ca nhạc, video, sách, báo...

Các diễn viên, có người đã từng diễn kịch từ hồi còn ở trong nước, như Thanh Lan, Băng Châu, Ngọc Phu, cũng có người học kịch nghệ ở Mỹ hoặc mới diễn trong ít năm gần đây, như Anh Dũng, Mai Phương, Joseph Hiếu...

Vở kịch đã lôi cuốn khán giả vào không khí kịch, tuy về mặt tổ chức còn có vài lúng túng nho nhỏ, nhưng chắc chắn sẽ tốt hơn trong những lần diễn tới. Hai đạo diễn Nguyễn Minh Phương và Vũ Hạ cho biết kịch đoàn Việt Nam sẽ diễn lại vở này vào đầu năm 1996, và sẽ có những vở mới trong năm tới.

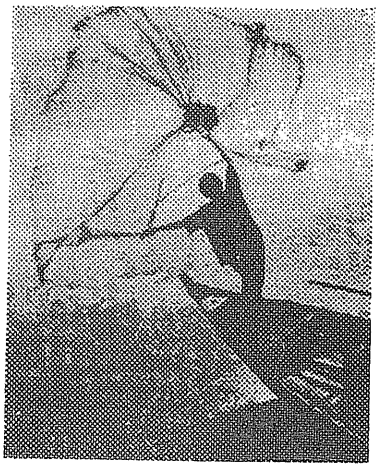

Ảnh "Tung Chài" của Hứa Văn Bân

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức dạ tiệc cuối năm

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đã tổ chức thành công một buổi sinh hoạt cuối năm, vào hồi 7 giờ tối thứ Sáu, mùng Tám tháng Mười Hai 1995 tại nhà hàng Grand Garden, có nói chuyện về văn hóa, ăn tối, xổ số và trình diễn văn nghệ.

Giáo sư Nguyễn Sỹ Tế là diễn giả của phần nói chuyện về văn hóa. Ông đã đưa ra những nhận định về văn hóa nói chung, sau đó phân tích một số nét đặc trưng của văn hóa Việt trong thời đại mới. Ông cho rằng nước Mỹ có một nền văn hóa mạnh nhưng cũng có những nhược điểm mà người Việt muốn hội nhập cũng nên chọn lọc.

Ái Vân tại đài phát thanh VNCR

Sau phần dùng tiệc và xổ số lấy tặng phẩm là phần văn nghệ, dưới sự điều hợp của nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu, với sự góp mặt của nhạc sĩ Quốc Toản, các ca sĩ Bích Liên, Thiên Thanh, Vũ Anh, Bích Ngọc. Vào cuối chương trình nữ ca sĩ Ái Vân, từ San Jose về dự với tư cách thân hữu của hội VAALA, đã xuất hiện trên sân khấu, gây một không khí sôi nổi vui nhộn nhờ lối trình diễn mới lạ và dí dỏm của cô.

Triển lãm ảnh nghệ thuật Hứa Văn Bân

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ và Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam đồng thực hiện cuộc triển lãm ảnh nghệ thuật của nhiếp ảnh gia Hứa Văn Bân tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, thành phố Westminster, Nam California, khai mạc vào sáng ngày 16 tháng Mười Hai 1995. Cuộc triển lãm sẽ tiếp tục vào những ngày cuối tuần cho đến hết tháng Mười Hai.

Hứa Văn Bân là một nhiếp ảnh gia lão thành (sinh năm 1914) gốc người ở thành phố cổ Hội An, bắt đầu đến với nghệ thuật chụp ảnh từ năm 1935. Ông bắt đầu gửi ảnh dự thi quốc tế từ năm 1961, và từ năm 1962 đến 1974, năm nào ông cũng đem danh dự về cho Việt Nam qua nhiều giải thưởng lớn mà ông chiếm được.

Trong cuộc triển lãm này, đa số tác phẩm được trưng bày là ảnh đen trắng do ông tự đảm trách kỹ thuật phòng tối. Ảnh của ông mang đặc tính Việt Nam, bố cục chặt chẽ, sắc độ chính xác, tiết tấu nhịp nhàng. Trong buổi lễ khai mạc, ông Hứa Văn Bân đã nói rằng ông hy vọng những hình ảnh trưng bày của ông sẽ đem lại một nguồn cảm hứng sáng tác cho những người cầm máy trẻ tuổi hôm nay..

Ra mắt "Quê Nhà 40 Năm Trở Lại" của nhà văn Phan Lạc Tiếp

Tại phòng Sinh Hoạt của nhật báo Người Việt chiều ngày Chủ Nhật 17 tháng Mười Hai 1995, khoảng 100 thân hữu đã đến tham dự buổi ra mắt cuốn sách "Quê Nhà 40 Năm Trở Lại" của nhà văn Phan Lạc Tiếp.

Sau lời mở đầu của ông Đỗ Ngọc Yến, Chủ nhiệm nhật báo Người Việt, nhà văn Hà Thúc Sinh, với tư cách vừa là một bạn văn, vừa là người bạn trước kia cùng binh chủng Hải Quân với tác giả, đã giới thiệu nhà văn Phan Lạc Tiếp qua những câu chuyện dí dỏm liên quan đến kỷ

niệm của hai người.

Trong phần giới thiệu tác phẩm, giáo sư Nguyễn Sỹ Tế đã trình bày những phân tích rất giáo khoa xoay quanh chủ đề "trở về quê cũ", cho thấy khi viết cuốn bút ký này, tác giả Phan Lạc Tiếp mang trọn vẹn tâm hồn ấu thơ, đã làm một cuộc trở về với chỉ tình yêu quê, mặc dầu đã phải trải qua một *đối đầu tâm lý* (confrontation psychologique).

Nhà văn nữ Trần Diệu Hằng đã diễn ngâm bài thơ Đôi Mắt Người Sơn Tây của Quang Dũng, người đã được nhắc đến với rất nhiều ưu ái trong tác phẩm "Quê Nhà 40 Năm Trở Lại."

Nữ tài tử Kiều Chinh và nhà văn Phạm Xuân Đài phát biểu cảm tưởng về cuốn sách với tính cách là những thân hữu của tác giả, một người ngày trước đã từng đóng phim về chiến tranh trên chiếc chiến hạm của hạm trưởng Phan Lạc Tiếp, một người thì mới đây cũng viết về Hà Nội, qua cuốn "Hà Nội Trong Mắt Tôi".

Trong phần cảm tạ, nhà văn Phan Lạc Tiếp đã đặc biệt nhấn mạnh vai trò của người thầy cũ là giáo sư Nguyễn Sỹ Tế trong quá trình thành hình cuộc đời cầm bút của mình.

Đêm Thơ Nhạc Nguyễn Chí Thiện tại Valley High

Một ngàn năm trăm người đã ngồi chật Hội trường của Valley Highschool, thành phố Santa Ana, California lúc bảy giờ tối Chủ Nhật, 17 tháng Mười Hai 1995, để vừa đón tiếp nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, vừa tham dự đêm thơ nhạc về nhà thơ bất khuất này.

Sau khi ông Nguyễn Thanh Hà thuộc Ban Tổ Chức giới thiệu tiểu sử chi tiết của Nguyễn Chí Thiện, cả hội trường đã đứng dậy vỗ tay vang dội khi nhà thơ bước lên sân khấu. Tác giả Hoa Địa Ngục khẳng định ngay như một điều tiên quyết cho buổi nói chuyện của mình rằng *không thể có hòa giải hòa hợp với cộng sản,* rằng chỗ đứng của cộng sản là chỗ đứng của một kẻ tội phạm đối với dân tộc chứ không phải một kẻ có thể đối thoại. Ông đã đưa ra vô số những điều cụ thể trong cái thế giới mà ông đã sống mấy mươi năm qua, trong tù và ngoài tù, để chứng minh cho lời của ông. Về thơ, Nguyễn Chí Thiện nói rằng có thể gọi thơ của ông là những Hạt Máu Thơ, vì chiết xuất từ sự bị chà đạp tột cùng của một con người phản kháng. Nàng thơ của ông không thướt tha thơ mộng mà chính là hiện thực đau khổ của dân tộc trong bàn tay của cộng sản.

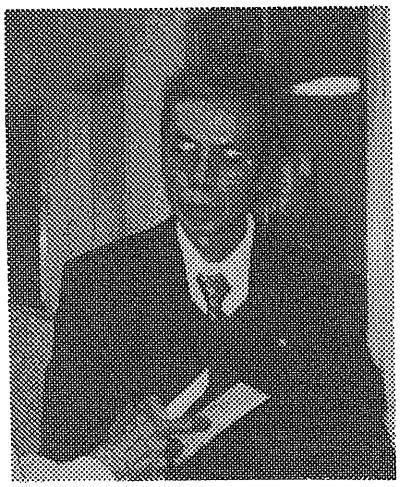

Nguyễn Chí Thiện

Sau một số màn trình diễn thơ và nhạc, chương trình tạm ngưng để Nguyễn Chí Thiện trả lời các câu hỏi của khán giả. Với các câu hỏi liên quan đến đảng cộng sản Việt Nam, ông khẳng định rằng cái ác không thể nào tồn tại mãi được, và ngày tàn của nó không xa. Về thái độ của nhóm Vạn Thắng khư khư nói rằng tác phẩm Hoa Địa Ngục phải là của Lý Đông A chứ không thể của một Nguyễn Chí Thiện nào cả, ông nói rằng ông tôn trọng những nghiên cứu văn học, và ông mong nhóm ấy sẽ tiếp tục nghiên cứu nữa để tiếp tục chứng minh điều mà họ muốn. (Ông cho biết ông sắp xuất bản tập thơ thứ nhì).

Các màn văn nghệ tiếp diễn và chấm dứt lúc mười giờ.

QUỐC TẾ

Babra Streisand làm phim về thủ tướng Rabin và chủ tịch Arafat

Ca sĩ kiêm diễn viên điện ảnh Barbra Streisand hiện đang thực hiện một bộ phim về cố thủ tướng Do Thái Yitzhak Rabin và Yasser Arafat, chủ tịch Tổ chức Giải phóng Palestine.

Barbra Streisand cho hay hãng phim của cô - Barwood Films abd Jazbo Productions - sẽ trình chiếu bộ phim trong năm tới với tựa đề "Two Hands That Shook The World" nói về những nỗ lực của hai nguyên thủ quốc gia rrong tiến trình tìm kiếm hòa bình cho khu vực Trung Đông.

Đạo diễn Pháp Louis Malle đã qua đời

Đạo diễn nổi tiếng của Pháp, Louis Malle, được coi là một trong những đạo diễn tiêu biểu của "Đợt Sóng Mới" vào các năm 1960, đã qua đời tối 23 tháng Mười Một 1995, tại nhà riêng của ông ở Beverly Hills, Los Angeles, thọ 63 tuổi. Ngày hôm sau thi hài của ông đã được chuyển về Pháp để an táng.

Louis Malle từng nổi tiếng với các cuốn phim như *Souffle au Coeur, Atlantic City, Le Monde du Silence, Au Revoir les Enfants...* Ông chào đời năm 1932 tại miền Bắc nước Pháp, đã theo học đại học Sorbonne, Paris, nhưng sau vì "mê" điện ảnh, ông đã chuyển qua học trường Điện Ảnh và sau đó thành công trong môi trường này.■

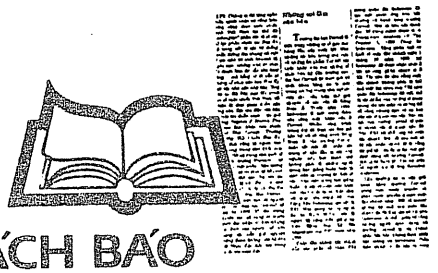

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Dấu Binh Lửa

bút ký của **Phan Nhật Nam**, tác giả tái bản tại Hoa Kỳ 1995, có hiệu đính và sửa chữa, 294 trang, giá US$12.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

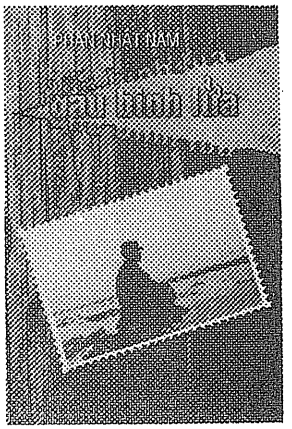

Dấu Binh Lửa được in lần đầu năm 1969 tại Sài Gòn, gồm những bài bút ký của một sĩ quan trẻ của QLVNCH bắt đầu bước vào chiến trường từ năm 1963. Trong lần tái bản này tại Hoa Kỳ, sách có thêm một số bài viết năm 1972 - 73, và cả những lời "nói thêm" viết vào 1994 - 95, trong đó có một bài thơ.

Để biết về cuộc chiến Việt Nam theo cái nhìn của một người trực tiếp tham dự vào, không có gì hơn là đọc Dấu Binh Lửa của Phan Nhật Nam. Lời văn bão táp cuồn cuộn, chuyện kể thành thật tự tim óc, tác giả đã trình bày cho người đọc những gì là cuộc đời "nhà binh", những gì là chiến trận, với tất cả nỗi vui nỗi buồn và nhất là nỗi đau, nỗi đau chất ngất, của cuộc chiến tranh ấy. Hai mươi năm sau khi cuộc chiến chấm dứt có nhiều người Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước, thắc mắc sao mãi vẫn chưa thấy tác phẩm "lớn" nào viết về chiến tranh Việt Nam, thì đọc lại Dấu Binh Lửa người ta sẽ thấy sự lớn lao rất Việt Nam trong ấy, nghĩa là gồm những mảnh lớn lao nho nhỏ họp lại, diễn tả đến tận cùng sâu thẳm cái khổ. Sau mười mấy năm bị vùi dập trong những điều kiện tệ hại nhất của nhà tù cộng sản, khi đọc lại những gì chính mình viết trong Dấu Binh Lửa, hình như Phan Nhật Nam vẫn cảm thấy kinh hoàng, có lẽ vì không ngờ nỗi oan nghiệt của cuộc chiến mà mình đã trải qua lại lớn đến thế. Tác giả kết thúc bài thơ dài *Nhân đọc lại Dấu Binh Lửa ở Mỹ* như sau:

Với trí nhớ đậm vết thương không hề khô máu
Nuốt chén đắng từ mạch nước mắt chưa lần cạn ráo
Xót xa tầng tầng
Lửa hằng mãi lên cao
Quê hương ôi...
Tiếng thét ngất xé cào!!

Miền Bảy Núi

tập truyện của **Nhật Giải**, Nắng Mới xuất bản 1995, bìa của Ái Trần, dày 126 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Nắng Mới, P.O. Box 4075, Santa Clara, CA 95056, USA.

Tựa đề của cuốn sách đã nói lên phần nào nội dung của nó. Nhiều truyện trong sách đề cập đến không khí tín ngưỡng của "Thất Sơn huyền bí", bắt đầu từ thời Phật Thầy Tây An thế kỷ 19 đến giáo chủ Huỳnh Phú Sổ của Phật Giáo Hòa Hảo ngày nay. Mỗi truyện là một câu chuyện kể giản dị để chuyên chở một nội dung đạo lý, chứ không cần cốt truyện với những thắt mở rắc rối. Văn cũng là giọng kể chuyện của vùng quê Nam Phần, đơn sơ, không vụ hình thức văn vẻ, nhưng không phải là không có cái duyên dáng của nó. Một số truyện nói về tình cảnh người miền Nam sau 1975, trong đó truyện Chú Tửng, một nhân vật hoạt động cho Phật Giáo Hòa Hảo trong vòng o ép của Cộng sản, là một truyện cảm động.

Red File, 50 years of violations of Human Rights in Communist Vietnam 1945 - 1995

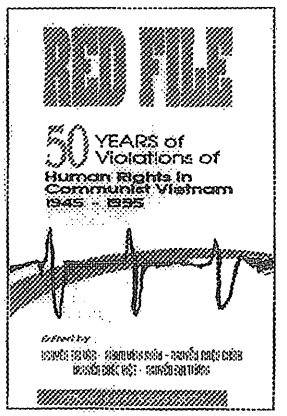

(Hồ Sơ Đỏ, 50 năm vi phạm Nhân Quyền của Cộng sản Việt Nam 1945 - 1995) do **Nguyễn Tri Văn, Phạm Vĩnh Xuân, Nguyễn Thiệu Chính, Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Đại Tường** biên soạn, Vietnam Human Rights Watch xuất bản, 697 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: P.O. Box 2185, Montclair, CA 91763,USA.

Sách viết bằng

tiếng Anh, chia làm chín chương, dựng lại tất cả những khía cạnh vi phạm quyền làm người của Cộng sản Việt Nam từ khi đảng này nắm được chính quyền năm 1945 cho đến ngày nay. Những vụ vi phạm bắt đầu từ việc tiêu diệt đảng phái quốc gia, rồi cải cách ruộng đất, đến đánh tư sản, khủng bố trí thức và tôn giáo, tính vô nhân đạo của trại giam và sự đe dọa thường trực trên đời sống người dân... Các tác giả đã dày công sưu tập, biên soạn, sắp xếp có hệ thống để giúp người đọc có một cái nhìn cụ thể chính xác và khá đầy đủ về các tội ác mà đảng Cộng sản đã phạm đối với dân tộc Việt Nam.

Tàn bạo, dối trá, bưng bít là các đặc tính của một đảng theo kiểu xít-ta-lin, nhưng đến một lúc tất cả sự thật phải được phơi bày. Cuốn **Red File** là một cố gắng trình bày lại sự thật ấy, không nặng về cảm tính, mà một cách khách quan và khoa học, để người Việt Nam và thế giới biết rõ hơn các thảm cảnh mà dân tộc Việt Nam đã chịu đựng suốt 50 năm qua.

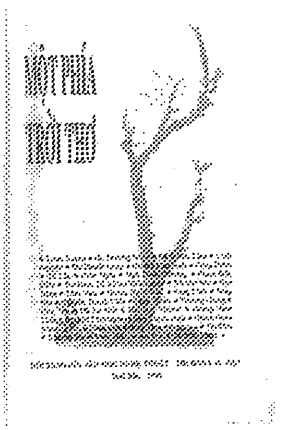

Một Phía Trời Thơ

một tập họp thi phẩm của 37 tác giả do Hội Trao Đổi Văn Học Nghệ Thuật - Thi Đàn Lạc Việt xuất bản, 538 trang, giá tại Hoa Kỳ 20 mỹ kim, tại Canada 25 MK, các nơi khác 30 MK. Liên lạc: 1923 Pleasant Mount Rd. San Jose CA 95148, USA.

Một tập họp 37 tác giả khác nhau về tuổi tác, tính phái, quê quán, quá trình sống... để cùng in chung thơ trong một tuyển tập thật không phải là chuyện dễ. Mỗi người làm thơ có một thế giới và bầu trời riêng, và hầu như ai cũng muốn diễn đạt cái riêng ấy như là một điều duy nhất nói lên bản sắc của mình. Cùng xuất hiện trong một tuyển tập tức là đã tìm thấy một mẫu số chung, và kể tạo được mẫu số chung ấy không ai khác hơn là Hội Trao Đổi Văn Học Nghệ Thuật - Thi Đàn Lạc Việt.

Đọc Một Phía Trời Thơ, người ta gặp những tác giả lão thành tuổi đã ngoài bảy, tám mươi như Trình Xuyên, Hà Thượng Nhân, những "trung niên thi sĩ" như Cung Diễm, Diên Nghị, Bùi Duy Thuyết, và cũng có nhiều nhà thơ sinh trong khoảng thập niên 50 và 60. Cả một "trời thơ" với biết bao thi hứng, ý tình, kỹ thuật khác nhau, làm thành một vườn thơ hương và sắc vô cùng phong phú.

Bốn Biển Thơ Chung Nối Nhịp Cầu

tuyển tập cuộc Thi Thơ 1994 - 95 do Hội Trao Đổi Văn Học Nghệ Thuật - Thi Đàn Lạc Việt tại San Jose đề xướng vào cuối năm 1994. Sách dày 204 trang, giá 12 mỹ kim. Liên lạc: như cuốn trên.

Hơn 70 tác giả đã gửi bài tham dự cuộc thi thơ, sau khi trao các giải thưởng, Thi Đàn Lạc Việt đã chọn các bài thơ hay của 64 người tham dự cuộc thi in thành tuyển tập này. Các tác giả không phải chỉ ở vùng California, mà từ nhiều nơi khác trên nước Mỹ và ngoài nước Mỹ như Úc, Pháp, Na Uy, Phần Lan, Đan Mạch, cả trại tị nạn Hồng Kông. Theo Ban Tổ Chức Cuộc Thi Thơ, *đây là những vần thơ được cân nhắc kỹ càng, nói chung, phản ánh đặc tính cũng như thi tài của mỗi tác giả.*

Chị Lụa

tập truyện ngắn của **Trương Ái Minh**, Phạm Lệ Minh xuất bản, 310 trang, giá 15 mỹ kim (ngoài Hoa Kỳ cộng thêm cước phí). Liên lạc: 804 E. Julian St Suite C, San Jose, CA 95112, USA. Tel: (408) 295-6111.

Trương Ái Minh là bút hiệu của Phạm Thế Trường, một bác sĩ y khoa đã có nhiều bài viết, truyện ngắn, thơ... đăng trên các tập san, báo chí Việt ngữ hải ngoại trong nhiều năm qua. Nhưng giữa khi tài năng chuyên môn cũng như nghệ thuật đang độ chín mùi thì ông đột ngột qua đời, vào tháng Tư, 1995. Gia đình và bạn bè đã tập họp các truyện ngắn và thơ của ông xuất bản thành tập truyện Chị Lụa và Tuyển Tập Thơ Phạm Thế Trường.

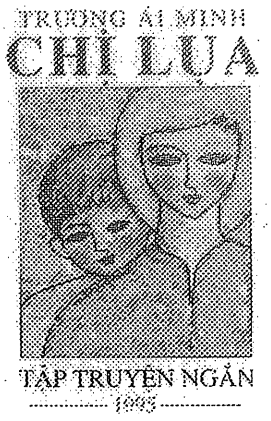

Chị Lụa gồm 21 truyện, viết về những đề tài gần gũi với đời sống của người Miền Nam trước và sau 1975, tại Việt Nam và tại hải ngoại. Trương Ái Minh viết truyện ngắn chắc tay, các truyện đem đến cho người đọc một số hình ảnh khá sâu sắc về những tình, những cảnh mà một người Việt Nam trung bình của miền Nam đã trải qua trong giai đoạn lịch sử vô cùng phức tạp mấy chục năm qua.

Tuyển Tập Thơ Phạm Thế Trường (Trương Ái Minh)

do Phạm Lệ Minh xuất bản, 218 trang, giá 10 mỹ kim (ngoài Hoa Kỳ thêm cước phí). Liên lạc: như cuốn trên.

Nhìn chung thơ của Phạm Thế Trường rất chân phương. Tác giả ít dùng ý lạ, chữ lạ. Cả cái tình trong thơ cũng rất quen: tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương, yêu mẹ già. Cho nên không lạ là tác giả không đẩy chúng ta đến chỗ say đắm ngất ngây trong vần điệu của ông. Thân Trọng An đã nhận xét đúng: "Đọc thơ anh, tôi nghe quen quen, thấy nhẹ nhàng như ca dao và giản dị như thơ Nguyễn Bính."

Nhưng về một mặt khác, thơ ấy lại giàu nhạc, chính nhạc tính chuyên chở được nhiều tình cảm của ông, nên các nhạc sĩ thấy gần gũi lắm. Phạm Anh Dũng, người đã phổ nhạc hai bài thơ Xóm Cũ và Hong Tóc, đã viết: "Lời thơ nhẹ nhàng nhưng đậm ý. Và thật đặc biệt, đọc xong câu thơ nào cũng tràn đầy tiếng nhạc." Nhật Bằng và Mã Đình Sơn cũng chia sẻ nhận xét ấy khi cùng phổ bài Nếu Em Có Về Thăm Quê Cũ.

Mái Ấm Gia Đình

nguyệt san, số ra mắt tháng Mười Một 1995, 80 trang, giá US$5.00. Liên lạc: 3300 S. Gesner, Suite 150, Houston, Texas 77063, USA.

Có thể đọc tôn chỉ của tờ báo ở Lá Thư Tòa Soạn: *Ban chủ trương Nguyệt san Mái Ấm Gia Đình quyết định hình thành một tập san cho mọi gia đình, lấy gia đình làm nòng cốt cho cuộc sống hiện tại và tìm mọi cách nâng cao giá trị gia đình, củng cố đời sống gia đình trên căn bản vợ chồng đồng thuận, bình đẳng, chung lưng đấu cật xây dựng một tổ ấm trong đó con cái là cứu cánh duy nhất để đạt tới lợi ích tối hảo của các con.*

Báo được in trên giấy trắng tốt, khổ rộng, nội dung có nhiều bài hay. Nếu được trình bày mỹ thuật hơn và bài vở tập trung vào chủ đề hơn, *Mái Ấm Gia Đình* trong tương lai có thể đóng vai trò tích cực trong việc góp phần xây dựng sự vững mạnh của gia đình người Việt hải ngoại.■

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
☑ *nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ*
☑ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

BOLSANET

Đảng ta không mặc quần!

Có lúc Hà Sĩ Phu đã ví đảng Cộng sản Việt Nam cai trị dân sướng hơn vua. Nếu đảng là vua thì Hà Sĩ Phu giống đứa trẻ trong chuyện cổ tích "Ông vua không mặc quần."

Ngày xưa có ông vua bị một anh thợ may lừa bịp. Anh ta khoe có thứ vải đẹp tuyệt vời, nhưng những người không lương thiện thì không trông thấy. Nhà vua muốn may bộ quần áo mới bằng thứ vải quý đó. Bộ quần áo sẽ trở thành một dụng cụ dò xét coi ai nói dối, ai lương thiện, ai là người trung với vua, hiếu với hoàng hậu, ai là tay sai đế quốc. Khi anh thợ may giả bộ mang tới cho nhà vua coi tấm vải, rồi đo, cắt, may, thử, nhà vua không trông thấy gì cả. Nhưng ông tự biết mình không lương thiện, nhưng không dám nói ra, sợ chính mình tỏ ra mất lập trường giai cấp thì dân không còn ai tin mình nữa.

Khi "bộ quần áo" may xong, anh thợ may mời nhà mua mặc vào, rồi đi ra ngoài thăm dân. Vì các quan và dân chúng ai cũng nghe nói về đặc tính của loại vải này rồi, nên dù không ai trông thấy vua mặc cái áo nào cả, ai cũng nín thinh, giả bộ khen ngợi cái áo vua đẹp, sang, khoa học, đúng quy luật lịch sử. Các nịnh thần còn làm thơ tả cái áo như là đỉnh cao trí tuệ của loài người.

Thế là từ vua đến quan và cán bộ, nhân dân, thông đồng với nhau trong một trò bịp bợm tập thể. Cho đến khi một đứa bé ngây thơ không biết đồng lõa với sự lừa bịp. Nó thấy vua chỉ mặc quần áo lót ra đường thì chỉ tay, cười lớn: "Nhà vua cởi truồng!" Lúc đó thì ai cũng phải thú nhận là lâu nay mình đã lừa bịp người khác, và chính mình cũng bị bịp.

Hà Sĩ Phu đã đóng vai đứa bé đó. Trong cuốn sách mới nhất của ông, cuốn *Chia Tay Ý Thức Hệ* (đã đăng hai đoạn trên *Thế Kỷ 21*, và nhà xuất bản Thế Kỷ đang in thành sách), ông nói về chủ nghĩa Mác, về chế độ cộng sản theo lối nói thẳng thắn "Nhà vua không mặc quần!"

Hà Sĩ Phu là người văn nhã nên ông ví chủ nghĩa Mác như cái bình phong che đậy cho chế độ vua quan phong kiến hiện nay. Cậu Tám Bolsa không có học thức lắm nên chỉ thấy chủ nghĩa đó giống như cái quần. Một cái quần thì nó không che đậy cho cả chế độ được, mà chỉ che đậy cho một cái gì nho nhỏ thôi. Thí dụ như... cái nồi chè! Trong cổ tích Việt Nam có chuyện ở nhà một chị bưng nồi chè ra ăn vụng, chồng đi về bắt gặp, chị bèn úp cả cái quần lên che cái nồi chè để dấu chồng. Thế là anh chồng bỏ qua không để ý đến nồi chè nữa. Tất nhiên anh có những mục tiêu cụ thể hơn, cứ tiến thẳng tới. Có thể nói, giống như trong tạp chí *Quốc Phòng Toàn Dân* số 10-95 trang 46, anh theo con đường của Bác. Tờ tạp chí đó viết: "chúng ta vẫn hoàn toàn đủ điều kiện để đi theo con đường đứng đắn mà Bác Hồ đã lựa chọn — con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa."

Của bác, do bác và vì bác

Ông Hà Huy Thông, nhân vật số hai tòa đại sứ Việt Nam ở Hoa Thịnh Đốn tới thuyết trình trong một buổi hội thảo do đại học San Diego tổ chức. Ông Thông nói "Chúng tôi đang xây dựng một chính phủ của dân, do dân và vì dân!"

Sau buổi họp, trong lúc truyện trò với nhà báo, phóng viên hỏi có phải ông ta dẫn lời của tổng thống Abraham Lincoln hay chăng. Nhà ngoại giao Hà nội "ngẩn mặt ra," theo lời tường thuật của báo *Los Angeles Times*, rồi trả lời rằng ông ta không dẫn lời của Lincoln mà dẫn lời của một người ở Việt Nam ai cũng biết, đó là Hồ Chí Minh!

Không phải bất cứ nhà ngoại giao nào cũng phải học thuộc bài diễn văn ở Gettysburg của Lincoln. Nhưng một nhà ngoại giao nước nào đến làm việc ở nước Pháp thì phải biết qua rượu nho Pháp, văn chương Pháp; đến nước Anh phải biết qua kịch nghệ Anh. Đến Đức thì cũng nên phân biệt được nhạc Beethoven với nhạc Beatles! Những khẩu hiệu như "của dân, do dân và vì dân" là điều mà người Mỹ nào đi học cũng phải biết, và họ nghĩ nhà ngoại giao có học nào cũng biết. Để lộ cái dốt của mình ra như vậy là làm nhục quốc thể. Hơn 73 triệu người dân Việt Nam xấu hổ lây. Quốc hữu hóa cái gì cũng được chứ đến một khẩu hiệu của người ta cũng chiếm sao?

Ở trong nước, người Việt Nam đã cười thầm mãi về việc nhận vơ câu nói của Lão Tử "Bách niên chi kế mạc như thụ nhân" làm một lời khuyên của bác Hồ.

Đầu tháng Mười Một vừa qua, ông Đỗ Mười đã tiếp bộ trưởng giao thông Hoa Kỳ ở Hà Nội. Sau khi thúc dục bộ trưởng Federico Pena hãy kêu gọi các công ty Mỹ bỏ vốn đầu tư vào Việt Nam, ông Đỗ Mười đã sang nói chuyện ở học

viện Mác-Lênin. Theo tuần báo *The Economist* thuật lại thì buổi tối đó, Đỗ Mười đã báo động cử tọa âm mưu của đế quốc Mỹ muốn lật đổ chế độ! Tờ báo Ăng Lê bình luận rằng dưới con mắt người Tây phương thì hai hành động trên mâu thuẫn với nhau, nhưng có lẽ đối với người Việt Nam thì cái đó gọi là "biện chứng!"

Không phải người Việt Nam nào cũng có lối ăn nói "biện chứng" như vậy. Người Việt Nam xưa vẫn học "Nặc oán nhi hữu kỳ nhân,(...) Khâu diệc sỉ chi." (Giấu lòng oán hận để giả thân thiện với người,(...) Khâu này coi đó là điều xấu hổ." Và câu này là của Khổng Tử (Luận Ngữ, Công Dã Tràng), không phải là lời cụ Hồ. Phải ghi rõ để ông Thông khỏi nhầm, nếu ông được sang nhiệm sở mới ở Đài Loan!

SAIGONNET

Đọc trên tờ *Thanh Niên* xuất bản ở Việt Nam, có bài của một trùm cộng sản là Trần Bạch Đằng, như sau:

Đưa chống tham nhũng vào hành động

Cho đến nay, nếu làm một bản thống kê, chúng ta sẽ thấy lời hô hào chống tham nhũng, nghị quyết, chỉ thị chống tham nhũng... bị "lạm phát" trong khi tham nhũng chẳng những không giảm mà còn gia tăng.

Tại sao? Nguyên nhân dễ thấy: Trên trái đất này không có một bộ máy quan liêu nào chống nổi tham nhũng, chủ trương dù rất kiên quyết, chống tham nhũng không thành phong trào quần chúng thì không có sức mạnh.

Việc lớn nhất vẫn là xác định ai chống tham nhũng.

Chống tham nhũng tích cực tất nhiên phải là nạn nhân của tham nhũng, những người căm ghét tham nhũng và những người không có khả năng tham nhũng. Lực lượng này chiếm tỷ lệ đông tuyệt đối trong xã hội — lao động, hưu trí, cựu chiến binh, hội viên đoàn thể, đảng viên có phẩm chất...

Tuy đông song họ không được tập hợp, không có tổ chức, không được hướng dẫn hành động. Đồng thời, mục tiêu đôi khi trừu tượng, chưa tập trung vào địa bàn, cơ quan, ngành mà họ biết rõ.

Tại sao quốc hội không ban hành một sắc lệnh chống tham nhũng, với phương pháp và lực lượng hành động cụ thể, đưa tận cơ sở và bắt đầu từ cơ sở.

Cấm pháo được, đảng vận động chống hút thuốc lá, lập lại trật tự giao thông được, thế thì chống tham nhũng, tại sao không?

Cậu Tám đọc tin nầy bèn suy nghĩ lung lắm, lên bàn ăn mà mặt mày cứ trầm tư như vưa bị ngựa đá . Cậu là người trí tuệ, vốn rất phục ông Trần Bạch Đằng, nên điều gì ông nói cậu cũng suy nghĩ cặn kẽ.

Thấy cậu trầm tư, mợ Tám bèn hỏi để an ủi chồng. Cậu Tám kính cẩn đưa mẩu tin *Internet* cho mợ đọc. Đọc xong, mợ Tám vỗ đùi (đùi trong) một cái bốp, cười hi hi. "U tối dễ sợ! Chánh phủ là cánh tay mặt của tham nhũng. Quốc hội là cánh tay trái của tham nhũng. Tay trái mài dao đưa cho tay mặt đâm lủng ruột tham nhũng à? Vậy mà cũng suy với nghĩ."■

Xin mời đọc Tuyển truyện vừa in xong

Ra Biển Gọi Thầm

Tuyển tập 21 truyện ngắn của Trần Hoài Thư

Đó là một bản phác thảo toàn bộ bản chất của chiến tranh Việt Nam. Đó là một pho tượng vô hình khổng lồ mà mắt tôi không thể thấy hết. Đó là một bản cáo trạng, mà trong đó có hình ảnh của tôi như một thứ thủ phạm, dấu gián tiếp, mơ hồ. Đó là một tấm gương soi thấy suốt từ dĩ vãng tới tương lai [...] Trong ý nghĩ đó, Trần Hoài Thư còn có sứ mệnh của nhà chép sử thoát ra từ vị trí chứng nhân, bằng máu của chính mình, qua ngòi bút, vẽ lên những trang sách bi tráng, từ đau buồn hiện tại, báo hiệu niềm lạc quan yêu đời cho tương lai, từ cúi mặt nhận chịu hiện tại tới ngẩng cao đầu kiêu hãnh mai sau [...].

Lê Mai Lĩnh *(Trích Trần Hoài Thư tên Cowboy 2 súng)*

Liên lạc:Trần Quí Sách
719 Coolidge St., Plainfield NJ 07062 USA. (908) 769-8459
Giá $12.00 (ngoài Hoa Kỳ thêm $2.00 bưu phí)

Hi-Tech Telephone
COMMUNICATIONS

GẮN — SỬA — BÁN
tất cả các dịch vụ về ĐIỆN THOẠI

* Đã từng gắn các cơ sở báo chí, truyền thanh, truyền hình...

* Bán tất cả *PAYPHONE* gửi đi khắp các tiểu bang.

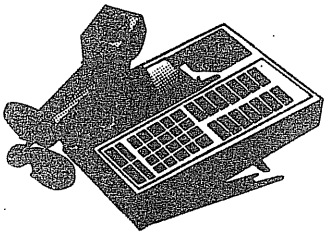

Liên lạc:
(714) 531-2621

Nhà xuất bản
VĂN NGHỆ
trân trọng giới thiệu

VIẾT CHO MẸ & QUỐC HỘI

của NGUYỄN VĂN TRẤN

● Một cuốn sách làm nổ tung những huyền thoại về các khuôn mặt chính trị VNCS hiện nay
● Tâm huyết của một cán bộ cao cấp CSVN trả lời cho câu hỏi: Ai Đã Làm Tan Nát Quê Hương?
● Nguyễn Văn Trấn: Một Bùi Tín thứ hai sẽ tiết lộ những sự thật Thâm Cung Bí Sử của CSVN.
● Cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách hiếm, quý và thời sự trong thời điểm chính trị nóng bỏng nhất hiện nay.

Giá 20 Mỹ Kim. Ngoài Mỹ thêm 3 Mỹ Kim

&

THƯ GỬI BẠN TA

của BÙI BẢO TRÚC

Mỗi trang sẽ đem lại ít nhất một nụ cười cho người đọc. Để có 360 nụ cười, giúp các bắp thịt mặt hoạt động chăm chỉ, làm đầy các vết nhăn, đem lại nét trẻ đẹp cho người đọc mà không cần phải căng da mặt, hãy đọc THƯ GỬI BẠN tập I. Nguyễn Xuân Hoàng giới thiệu, Khánh Trường vẽ bìa.
Dày 360 trang. Giá 16MK, ngoài Hoa Kỳ thêm 3MK.

●

Đã có bán tại các nhà sách trên thế giới, hoặc liên lạc với:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301.
Westminster, CA 92683. USA.
Phone: (714) 527-5761

ĐÃ PHÁT HÀNH

NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI

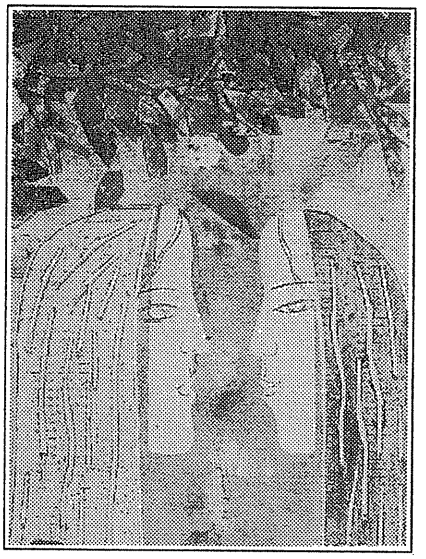

Tập thơ thứ nhì của

TRẦN HỒNG CHÂU

- Một tập thơ đầy chất trữ tình phóng khoáng và mới lạ
- Một tổng hợp của sức sáng tạo với kiến thức uyên bác về các nền văn nghệ Đông Tây

Bìa và phụ bản của họa sĩ

Nguyên Khai

160 trang - Giá $10

Nhà Xuất Bản Thế Kỷ

11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove

CA 92640 - USA Tel: (714) 638-9510

KHU VƯỜN MÙA MƯA — THẾ UYÊN

KHU VƯỜN MÙA MƯA là một truyện dài viết theo ngôi thứ nhất, theothời gian tuyến rất cổ điển. Cổ điển, như thể thơ lục bát hay nguyên tắc ba thống nhất trong kịch, khó, nhưng có cái mạnh của nó mà muốn khai thác phải lão luyện. Lão luyện đến mức giản dị như trong văn Thế Uyên thường làm cho người đọc bị lôi cuốn vàotình ý, sự kiện, mà quên văn... Lịch sử, xã hội, tâm lý, sinh lý, quan hệ người với người được đan kết tế nhị, được mô tả nhiều khi táo bạo và luôn luôn hấp dẫn. Một vài chuyện người điểm sách này hơi khó tin, chẳng hạn tại sao nhân vật nữ chính quá ngây thơ.Nhưng không sao, "sự thực" của một tác phẩm vănhọc nhiều khi cóthể chưa bao giờ xẩy ra, mà vẫn thực hơn là sự thực...HÀN THỦY (DIỄN ĐÀN FORUM, Paris)

KHU VƯỜN MÙA MƯA là một quyển truyện mới nhất của nhà văn ThếUyên. Truyện dựa trên những nhân vật có thật cũng như những nhân vật không có thật, trong một bối cảnh chính trị mù mờ của những ngày tiền "đảo chính 63". Nhà văn Thế Uyên là một khuôn mặt quen thuộc của văn học Việt Nam cả trong nước cũng như ngoài nước,trước hay sau 75. Ông có bút pháp táo bạo, và là một trong vài nhà văn tiền phong dám đưa ngòi bút mình vào lãnh vực tình dục,một lãnh vực đại kỵ trong sinh hoạt văn học của chúng ta. Tuy đề cập tới chuyện chính trị, cách mạng, đảo chánh nhưng không phảivì thế tình dục không có chỗ chenchân vào. Mười một chương sách chương nào cũng có những trang viết về, viết tới vấn đề này. Khi thì làm tình thật, khi thì nói tới một vụ làm tình nào đó... VĂNHỌC số 93-94 (California)

CUỐN SÁCH GẦN ĐÂY NHẤT CỦA THẾ UYÊN in tại hải ngoại là tiểuthuyết "Khu vườn mùa mưa". Đây là cuốn sách hay, văn phong tươimát, giàu chất thơ và rất Thế uyên. CÁNH ÉN (số 48, Germany)

KHU VƯỜN MÙA MƯA, 372 trang, Giá **$15.00**

Đặt mua tại nhà Xuất bản XUÂN THU P.O. Box 97 Los Alamitos, CA 90720, USA * Tel: **(714) 828-9222**

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa **Hoa Kỳ và Canada:**
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

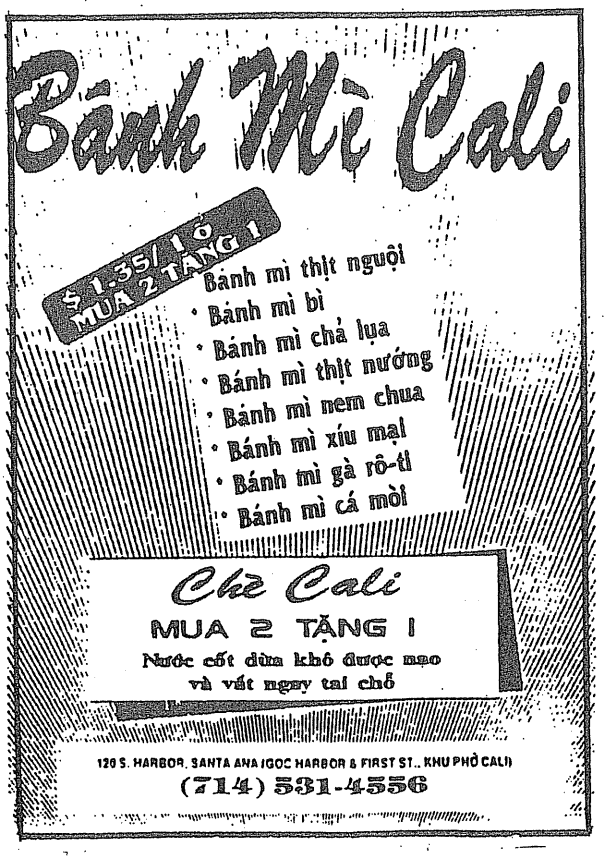

Tìm mua:

ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ
của NGUYỄN ĐỨC AN

(tập nhạc và băng nhạc, giá US$12.00)

Liên lạc:
NGUYỄN ĐỨC AN
PO BOX 1219
Newberry FL 32669
Tel: (904) 463-7381
Fax: (904) 463-7273

Hân hạnh giới thiệu những tác phẩm giá trị
đã phát hành khắp nơi

3 băng thơ
KIÊM THÊM

— *Thơ Về Huế*
— *Gửi Trả Tình Nhân*
— *Trăng Nước Hương Giang*

. Với những giọng ngâm tuyệt vời
. Thực hiện công phu
. CD & Cassette

Xin liên lạc với các nhà sách, băng nhạc.
SỐNG
PO BOX 421253

MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * 1-800-565-3637 (NGOÀI ORANGE COUNTY)
FAX: 714-544-5677

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: *Giá trị căn nhà thấp hơn nợ cũ *Tiền trả hàng tháng cao quá *Bệnh nặng hoặc chết chóc *Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA, VA, Conv** (trên toàn Hoa kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

*** Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down***

"Leads" provided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

Kha John (Pager: 714-571-6885)

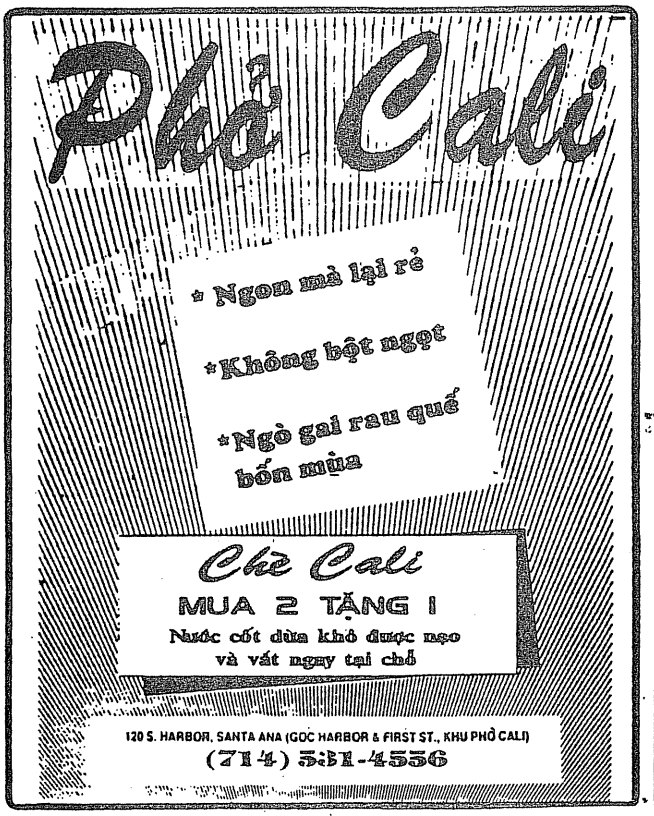

Thuh ★
BEAUTY INSTITUTE
8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9949
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

LISE DIEU TRANG VO
Agent
New York Life Insurance Company
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**
NEW YORK LIFE
The Company You Keep

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HƯNG, M.D.

CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM

NHẬN

MEDI-CAL - MEDICARE
&BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM
Chủ Nhật: Đóng cửa

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM

1995

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin quí vị vui lòng liên lạc:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643
Phone (714) 537-4877 · Fax (714) 379-1216
California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

TOGETHER
WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

BÍ MẬT của Phan Thiên Ân

Bạn đã ngạc nhiên khoái trá khi đọc trên các báo về cuộc phiêu lưu kỳ thú của anh T., nguyên Thiếu Úy Hải Quân, vượt biển đến Mỹ vào năm 1977. Bắt đầu từ chân lao công cho một hãng sửa tàu biển ở Washington, anh đã trở thành chủ nhân của hãng này sau tám năm.Dù vẫn không thạo ngôn ngữ, Anh đã điều khiển hơn 200 nhân viên bản xứ. Ngày nay, thương vụ của công ty Anh lên đến 86 triệu Mỹkim và tài sản cá nhân của Anh phải hơn 50 triệu.

Rồi chuyện của anh L., năm nay mới 35 tuổi, qua Mỹ lúc còn là học sinh. Sau khi ra trường, Anh đi làm cho một hãng điện tử ở San Jose. Bốn năm sau, anh mở hãng cung cấp phụ tùng máy vi tính cho nhiều hãng lớn danh tiếng của Mỹ. Ngày nay, thương vụ của công ty Anh vượt quá 100 triệu Mỹ kim và tài sản cá nhân của Anh phải hơn 45 triệu Mỹ kim.

Đã hãnh diện và vui sướng với những thành quả vẻ vang của đồng hương trên chốn thương trường, bạn sẽ thích thú hơn nữa khi chiêm nghiệm cuộc đời thăng trầm của Phan Thiên Ân. Từ một chân tài xế xe vận tải ở Việt Nam, ông đã trở thành một trong những người giàu nhất thế giới. Ông sẽ chia xẻ cái bí mật làm giàu của ông ở cuốn sách này.

BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN

Anh H.N.T.: *Cám ơn bạn hiền đã gửi tặng cuốn sách. Không dấu gì bạn, tôi đang gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống. Từ tiền bạc đến gia đình bà con. Tôi gần như tuyệt vọng. Cuốn sách của bạn giúp tôi tìm thấy mọi giải đáp cho những bài toán nan giải. Cám ơn cái món quà lớn nhứt cho đời tôi.*

Ông T.X.N.: *Cuốn sách của ông là một bản hòa tấu tuyệt diệu như "Giòng Sông Xanh" của Strauss. Một ngợi ca bất hủ về thiên nhiên, tình yêu, con người, sự sống và Thượng Đế. Nếu cuộc đời là một nhiệm màu, Bí Mật Của Phan Thiên Ân sẽ là đôi cánh đưa ta bay đến Thiên Đường đó.*

Chị N.T.V.: *Tôi đã đọc rất nhiều cuốn sách về bí quyết làm giàu, từ nhanh đến chậm. Sau cùng, tôi đã tìm thấy. Tôi không ngờ nó giản dị như vậy. Cám ơn, Mr Phan Thiên Ân.*

Phiếu Mua Sách

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____

Đính kèm $ _____ để trả cho _____ cuốn sách

(Giá $5.00 một cuốn kể cả cước phí)

Thư và chi phiếu xin đề:

T.A. PHAN P.O.Box 915, Los Alamitos, CA 90720

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

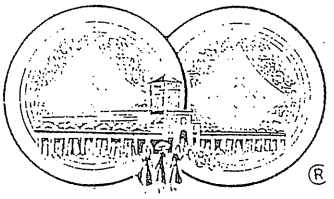

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢海鮮市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chon
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén diã tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
VISA
ATM

California Lottery
LOTTO
DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGON

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

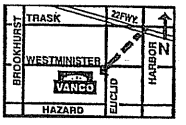

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

CÔNG TY THỰC PHẨM TÂY HỒ

Được Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ cho sản xuất từ năm 1986 các loại Giò lụa, Giò bì, Chả chiên đúng hương vị Việt Nam, và Bò viên cho các hiệu phở danh tiếng từ Hawaii đến New York. Ngoài ra còn sản xuất Paté, Jambon, Giò thủ, Thịt dồi heo, Dồi giò heo cho hơn 100 Chợ, Nhà hàng và Food To Go, Dồi sả chiên cho các hiệu thịt quay khắp Hoa Kỳ.

Điện thoại liên lạc: **714-750-3331 * 714-839-1389**
Fax: **714-971-9420**

CÔNG TY BÁNH CUỐN TÂY HỒ RESTAURANT

Sản xuất các loại Bánh cuốn nhân thịt, Thanh Trì Tôm chấy, Bánh cuốn thịt nướng, Bánh cống, Bánh tôm Cổ Ngư, Bánh bèo, Bánh xèo, Bánh canh tôm cua. Ngoài ra còn có Bún ốc, Bún riêu, Bún tôm thịt nướng, Nem nướng, Bún Chả giò và các loại Cơm Tấm hấp dẫn.

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 2
9242 Bolsa #F
(bên hong Phước Lộc Thọ)
Điện thoại: **714-895-4796**

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 4
15566 Brookhurst St.
(Ngã tư MC Fadden Ave.)
Điện thoại: **714-839-1389**